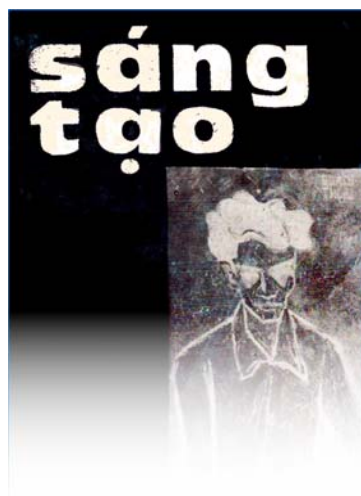


THƯ QUÁN BẢN THẢO

SỐ ĐẶC BIỆT TẠP CHÍ SÁNG TẠO

Cao Thoại Châu • Lữ Quỳnh •
Thái Kim Lan • Trần Hoài Thư •
Nguyễn Vy Khanh • Trần thị
Nguyệt Mai • Nguyễn Mộng
Giác • Nguyễn Lê Uyên • Đinh
Cường



LÁ DAFFODIL THẮT BÍM



Nguyễn thị Hải Hà • Khuất Đầu
•, Nguyễn Âu Hồng • Nguyễn
Dương Quang • Mai Quang •
Viêm Tịnh • Hoàng Ngọc Hiền

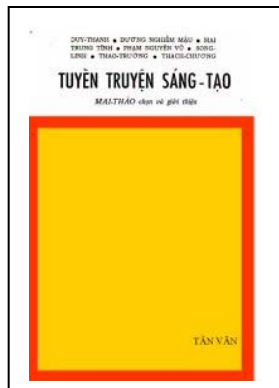
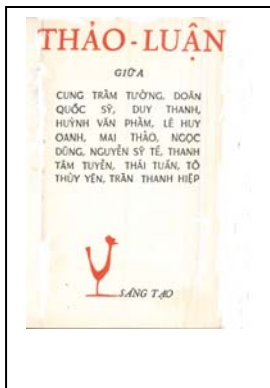
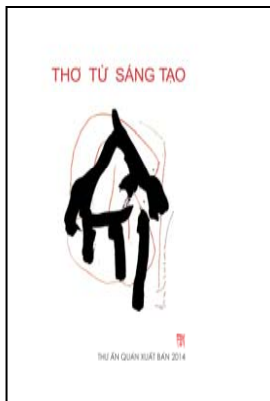
Số **60** THÁNG 7– 2014



BIA

SAU

Cùng một chủ đề Sáng Tạo :



- **Thơ từ Sáng Tạo**, gồm thơ của hầu hết tác giả từ số đầu đến số cuối cùng
- **Thảo Luận Sáng tạo**, ghi lại bốn cuộc thảo luận của nhóm ST. (chụp từ bản gốc)
- **Tuyên truyền Sáng Tạo**, do Mai Thảo chọn, và giới thiệu. Chụp lại từ bản gốc.

Sách chỉ in theo yêu cầu,

Địa chỉ liên lạc

Trần Hoài Thư
719 Coolidge Street
Plainfield, NJ 07062

Email: tranhoaithu@verizon.net
ĐT: (908)9308743

Thư Quán Bản Thảo - Tạp chí văn học nghệ thuật
TẬP 60, THÁNG 7, NĂM 2014

Chủ đề: Tạp chí Sáng Tạo

MỤC LỤC

Thư Tòa Soạn / 3

Sống và Viết / 5

● Cao Thoại Châu (5) ● Thái Kim Lan (16) ● Lữ Quỳnh (23) ● Trần Hoài Thư (26) ● Nguyễn Mộng Giác (32) ● Phay Van (39) ● Trần Thị Nguyệt Mai (41)

Chủ đề:

THT : Hành trình của Sáng Tạo / 47

Sáng Tạo, nhìn lại.../ 58

Trần Thanh Hiệp: Ngày ấy... Sáng Tạo (58)

Mai Thảo: Hai lần lên đường (68)

Đoãn Quốc Sỹ: Nhìn lại một thời (72)

Nguyễn Sỹ Tế: Nhìn lại tạp chí Sáng Tạo (78)

Tô Thùy Yên: Nói về Sáng Tạo (92)

Mai Thảo: Sáng Tạo và tuyển tập truyện ngắn (96)

Trần Hoài Thư: Cái chết của một tạp chí (104)

Nguyễn Vy Khanh: Tổng quan về nhóm Sáng Tạo (111)

Đình Cường: Với tôi, nhớ Sáng Tạo lại nhớ... (125)

Văn liệu Sáng Tạo / 129

Mai Thảo: Sài Gòn thủ đô văn hóa Việt Nam (130)

Mai Thảo: Con đường trở thành và tiến tới của nghệ thuật hôm nay (137)

Phỏng vấn: Ảnh hưởng của tạp chí ST trong văn học miền Nam / 158

● Nguyễn Lệ Uyên ● Nguyễn Vy Khanh ● Trần Hoài Thư ●

Di sản văn chương miền Nam / 168

Trích thơ từ Sáng Tạo - nhiều tác giả

Sáng tác mới / 197

Văn

Nguyễn Âu Hồng: *Hoa trâm trâm* (197)

Trần Hoài Thư : *Viết về một người bạn cũ* (218)

Nguyễn thị Hải Hà: *Cửa không chịu mở* (221)

Khuất Đầu: *Không còn gì để nhớ!* (232)

Độc sách

Hoàng Ngọc Hiến : *Độc « Tháng Tư Đen » /241*

Thơ

• **Đinh Cường** (217) • **Nguyễn Dương Quang** (235) •

Mai Quang (236) • **Viêm Tịnh** (237) • **Lương Trọng**

Tưởng (239)

Giữa thân hữu và tòa soạn / 261

Bìa :

Hình : THT

Tranh : ĐC

Trang trí bìa: Trần Hoài Thư

Tòa soạn:

719 Coolidge Street

Plainfield, NJ 07062 USA

Email: thuquanbanthao@yahoo.com

THƯ TÒA SOẠN

Số báo này đến với quý bạn mang theo nỗ lực của chúng tôi nhằm sưu tập những tài liệu, bài vở liên quan đến tạp chí Sáng Tạo.

Có thể nói, từ trước tới nay, Sáng tạo là một tạp chí được khen cũng nhiều và bị phê bình chỉ trích thì cũng lắm. Tuy nhiên có một điều không thể phủ nhận là nó đã đóng góp rất lớn cho nền văn học miền Nam tự do nói riêng, và cả nước nói chung. Không thể nào không phủ nhận những tên tuổi như Thanh Tâm Tuyền, Tô Thùy Yên, Mai Thảo, Doãn Quốc Sỹ, Nguyễn Sỹ Tế, Duy Thanh, Trần Thanh Hiệp, Vũ Khắc Khoan, Nguyên Sa, Thái Tuấn, Ngọc Dũng...

*Đặc biệt trong kỳ phát hành này, chúng tôi cũng cho ra đời cùng một lúc ba tác phẩm khác liên quan đến chủ đề. Đó là **Thơ Từ Sáng Tạo** sưu tầm hầu hết thơ trên hai bộ Sáng Tạo cũ và mới, **Tuyển truyện Sáng Tạo** chụp lại từ bản gốc, do nhà văn Mai Thảo chọn và giới thiệu, và **Thảo luận Sáng Tạo**, chụp lại từ bản gốc về bốn cuộc thảo luận của nhóm Sáng Tạo.*

Mục đích của kỳ báo này là giúp đỡ quý vị muốn tìm hiểu văn học miền Nam nói chung và Sáng Tạo nói riêng những tài liệu cần thiết nhưng rất khó tìm, về thơ, văn, và về những cuộc thảo luận từng gây sóng gió.

Vì số sách in rất giới hạn và chỉ in theo nhu cầu, nếu quý bạn nào thấy cần vui lòng cho chúng tôi biết, chúng tôi sẽ in thêm. Nếu quý bạn cảm thấy áy náy thì tùy tâm hầu giúp chúng tôi có phương tiện để thực hiện những dự án khác.

Riêng về phần thưởng lệ, có sự đóng góp về văn thơ của

những tác giả quen thuộc hiện nay: Khuất Đầu, Nguyễn thị Hải Hà, Nguyễn Âu Hồng, Nguyễn Dương Quang, Mai Quang... Về phần điểm sách có bài đọc rất công phu của nhà văn Hoàng Ngọc Hiến.

Về phần sách mới xuất bản, cơ sở Thư Án Quán đã hoàn tất những tác phẩm sau đây trong thời gian qua:

*Lá Daffodil thất bím, tập truyện Nguyễn Âu Hồng
Đọc 12 tác phẩm văn chương Việt Nam của Hoàng Ngọc Hiến*

Kẻ Lạ ở Thiên đường của Simone Weil, Phùng Thăng dịch, An tiem xuất bản 1973, chụp lại từ bản gốc

Những Ruồi của J, Paul Sartre, Phùng Thăng dịch, chụp lại từ bản gốc

Thơ từ Sáng Tạo, gồm hầu hết những bài thơ trên Sáng Tạo từ số đầu tiên đến số cuối cùng.

Cuối cùng, chúng tôi xin được gửi đến quý bạn những lời chúc tốt đẹp nhất của chúng tôi.

Trân trọng,
Trần Hoài Thư

Chủ trương Tạp chí TQBT

SỐNG VÀ VIẾT

SÁNG TẠO - NHIỀU NGƯỜI
VIẾT



hình Internet

*** Cao Thoại Châu**

**SÁNG TẠO, TRONG KÝ ỨC RỤNG RƠI
CỦA MỘT NGƯỜI ĐỌC**

Năm 1956 tôi vừa 17 và đã vào Sài Gòn sống được hơn một năm, đang đi học, đang làm quen với một thế giới khác qua giọng nói đầy tính phương ngữ, qua những món ăn, cách sống... Và, nhất là qua một bối cảnh lịch sử đang dường như thiếu thời gian để đòi hỏi một vận động triệt để: cuộc chiến tranh chống Pháp đang loay hoay một cách lý giải mới tại miền Nam. Với một đứa bé có chút máu mê văn chương thì đó còn là bắt đầu một quá trình làm quen

với những “luồng cây” văn học mà người cây không ai khác hơn là nhóm Tạp chí *Sáng Tạo*.

Trên nửa thế kỷ đã đi qua, những biến thiên lịch sử, xã hội mà tôi bị cuốn vào đó đã san lấp ký ức tôi, có thể nói đã phá hủy tôi khi mà sách báo gom góp bao nhiêu năm (trong đó có *Sáng Tạo*) đã phải nộp đề đốt theo lệnh nhà chức trách trong năm 1975. Bây giờ còn gì chẳng chỉ là ký ức có phần mòn mỏi nhưng tôi nhất quyết níu lấy nó khi viết bài này thay vì có thể tìm trong một thư viện nào đó...

Ở miền Nam, tháng 10 - 1956, Tạp chí *Sáng Tạo* ra đời tại Sài Gòn như một sự "nổi loạn", một "chất nổ phá đổ cái cũ, tạo dựng cái mới" mà ngay cả hình thức trình bày, ấn loát cũng vậy. Trên *Sáng Tạo* xuất hiện những tên tuổi chưa một thời xuất hiện như nhà văn tên tuổi: Mai Thảo, Thanh Tâm Tuyền, Doãn Quốc Sỹ, Nguyễn Sỹ Tế, Trần Thanh Hiệp, Duy Thanh, Ngọc Dũng, Thái Tuấn, Quách Thoại, đáng nhớ là Thanh Tâm Tuyền, Doãn Quốc Sỹ, Nguyễn Sa... Họ tạo dựng cái mới như thế nào? Mai Thảo bảo: *"Những trào lưu cạn dòng phải nhường bộ rút thoát cho những ngọn triều lớn dậy thay thế. [...] Cái vấn đề lớn nhất của chúng ta bây giờ, trước sau vẫn là phải làm sao đoạn tuyệt được hoàn toàn với những ám ảnh và những tàn tích của quá khứ [...]. Công tác chặt đứt với những trói buộc cũ phải được đặt lên hàng đầu ... và thơ bây giờ là thơ tự do"(1).* Ở bình diện khác, Thanh Tâm Tuyền định nghĩa nổi loạn: *"Nổi loạn là một hành động đòi được gia nhập đời sống: Kẻ nô lệ đòi quyền sống như những người tự do. Như thế nổi loạn là điều kiện sáng tạo."*

Trên thực tế, *Sáng Tạo* đặt vấn đề một cách rất ráo hơn so với Tự Lực Văn Đoàn những năm 39 – 45. Văn chương không phải **công cụ** xã hội của Âu hóa, đánh vào những phong tục của một xã hội VN cũ kỹ, mà văn chương là **cứu cánh**. Lỗi viết kể chuyện, có cốt truyện, và cả lỗi viết hiện thực, tả chân kiểu Nguyễn Công Hoan, Vũ Trọng Phụng... đã lỗi thời vì không đạt tới tận cùng tính cách chính xác và xác thực. *Bếp Lửa* của Thanh Tâm Tuyền là một ví dụ về

cách viết, cách đặt lại vấn đề viết.

Thời nguồn gió mới vào thời đại của họ, thay đổi bộ mặt văn học nghệ thuật. *Sáng Tạo* đã thành công trong việc hiện đại hóa văn học, đem hai dòng mạch lớn của thế kỷ XX vào văn học Việt: Dòng hiện sinh và dòng siêu thực, với những tính chất nền tảng: *Hoài nghi và Mơ mộng tưởng*.

Lớp người đọc 16, 17 chúng tôi đến đó bắt đầu biết đến Sartre, Camus, đến dần thân, đến biện chứng của Sartre... Tôi không quên khi *Sáng Tạo* đang “vỡ đất” thì Nhất Linh xuống núi và tờ Phong Hóa Ngày Nay của ông tại Sài Gòn nhanh chóng thành tạp chí của... ngày xưa mà không một dòng điệu văn nào cả!



Sáng Tạo đặt lại vấn đề một cách kinh ngạc cho bọn chúng tôi khi ấy. Tác phẩm văn học có phải chỉ là công cụ, phương tiện như trước kia? Hay nó chính là cứu cánh? Có thể có một cuốn tiểu thuyết, một kịch bản, một bài thơ được không? Chữ nghĩa có giá trị gì? Đặt lại vấn đề viết. Viết như thế nào? Tác phẩm không cần kết luận, mà tác phẩm trình bày một biện chứng, một thẩm mỹ của sự dang dở, mở cửa cho những suy nghĩ khác và sẵn sàng chờ đón những nối tiếp về sau (Bếp Lửa của Thanh Tâm Tuyền, Tháng Giêng Cỏ Non, Bản Chúc Thư Trên Ngọn Đỉnh

Trời của Mai Thảo...).

Tác phẩm không còn nhiệm vụ khơi gợi cảm xúc và làm mùi lòng theo nghĩa lãng mạn, mà tác phẩm gây nổi đau, gây khó chịu bằng nhận thức.

Sáng Tạo là một khúc quanh văn chương lớn lao và cũng là khúc quanh gấp. Trước nó, văn chương tại chỗ (tôi nghĩ Hồ Biểu Chánh là đại diện) loay hoay những mối tình éo le, mùi mẫn, nhân vật có tâm lý hời hợt mà không có bi kịch. Và dòng văn chương Tự Lực văn đoàn thì đến khi đất nước chia đôi dọn vào miền Nam cũng chỉ còn biết tá túc trong những ngày tàn của một thứ văn chương luận đề mà vào hoàn cảnh mới đã không còn “chính nghĩa” nữa. Có một nửa nước với một chế độ chính trị xã hội mới thì cũng đòi hỏi tự do sáng tác và đổi mới tư duy văn học trở lại phù hợp. Có vẻ như đã có khuynh hướng quên đi văn chương 9 năm chống Pháp, tôi nghĩ động cơ không phải chính trị mà là do khao khát cái mới mà nhóm Sáng Tạo là thành phần chủ công tuy có “xa rời quần chúng” nhưng lại được chính quần chúng đón nhận, ít ra cũng là thành phần “ưu tú” của quần chúng văn học thời đó.

Ngày ấy và đến bây giờ nhân vật đình đám của *Sáng Tạo* - như một nhân vật tiểu thuyết – không ai khác hơn Thanh Tâm Tuyền, cái đáng nhớ là ở chỗ ông vừa đột phá về tiểu thuyết vừa khai sinh ra thơ tự do.

Thơ tự do của Thanh Tâm Tuyền hoàn toàn phá bỏ những cấu trúc như lối thơ cũ và quan niệm nghệ thuật theo tinh thần Dionysus nổi loạn chống lại sự hài hòa theo tinh thần Apollon (*Người làm thơ không tạo những hình dáng cho cuộc đời vốn đã là một hình dáng, họ muốn nhìn thực tế bằng con mắt trợn tròn, căng thẳng phá vỡ hết mọi hình dáng để sự vật hiện ra với cái thực chất hỗn loạn không che đậy.*) Đó là những câu trích từ bài tiểu luận Nỗi Buồn Trong Thơ Hôm Nay ông viết năm 19 tuổi (1955), mà các nhà phê bình xem như là tuyên ngôn về thơ tự do. Thanh Tâm Tuyền quan niệm rằng: *"Thơ tự do không gieo vần lối đồng âm, đồng thanh, vần của nó là vần ẩn giấu cách xa*

(có thể đi tới khác âm, nghịch thanh), nhịp điệu của nó là sự phối hợp của một toàn thể không khuôn trong một số câu nhất định khiến cho hơi thơ tự do dễ kéo dài hơn các hơi thơ khác". Ngoài ra ông còn đề cập đến loại nhịp điệu của hình ảnh và ý tưởng, nói chung đó là *nhịp điệu của ý thức*.

Trong Thơ ông còn dùng kỹ thuật tạo hình lập thể và siêu thực: coi đời sống là những mảng đứt đoạn, thực tại là một chuỗi liên tục những mảng đứt đoạn ấy và tiềm thức là nguồn sáng tạo vô biên.

Gần đây tôi đọc được nhận định của một người rằng Thơ Thanh Tâm Tuyền thường không phải là tiếng nói hay lối suy tưởng thông dụng và những hình ảnh quá khác biệt đặt cạnh nhau trong thơ ông theo kỹ thuật tạo hình siêu thực khiến người đọc khó thấy hết ý nghĩa ẩn dụ chứa trong đó:

*Đêm giao thừa thế kỷ mưa rơi sao
mái sáng đường nằm chiêm bao biển giận dỗi
bàn tay mây mắt trắng môi nhiệt đới*

Đó là những hình ảnh khác lạ chưa bao giờ thấy trong thi ca Việt Nam: Đêm giao thừa thế kỷ, mưa rơi sao,... , bàn tay mây, mắt trắng, môi nhiệt đới.

Và những hình ảnh thật đẹp, ta đã quá quen thuộc cũng xuất phát từ thơ ông: đêm màu hồng, lệ đá xanh, nắng thủy tinh... : "*Hai mươi tuổi, Thanh Tâm Tuyền là người dẫn đường, người tiên phong đem siêu thực vào Việt Nam một cách có hệ thống và đã tạo ra những câu thơ mới nhất, giàu hình ảnh nhất trong thơ Việt*". Nhà thơ Thanh Tâm Tuyền đã phẫn nộ, đau đớn, mong được khóc la, được run giật, ... bằng chính thể xác của những cặp uyên ương trong thành phố Budapest để thông cảm đến tận cùng những nỗi thống khổ vô biên của họ:

*Hãy cho anh khóc bằng mắt em
Những cuộc tình duyên Budapest
Anh một trái tim em một trái tim
Chúng kéo dài đường chiến xa đại bác*

....

*Hãy cho anh la bằng cổ em
 Trời mai bay rục rờ
 Chúng nó say giết người như gạch ngói
 Như lòng chúng ta thèm khát tương lai*

....
*Hãy cho anh chết bằng da em
 Trong dây xích chiến xa tội nghiệp
 Anh sẽ sống bằng hơi thở em
 Hỡi những người kẻ tiếp*

Lời thơ giản dị nhưng cách diễn tả mới lạ, vần điệu biến mất chỉ còn là hình ảnh, những câu thơ dài ngắn khác nhau hầu như được sắp xếp theo những ảnh tượng và cảm xúc trào dâng trong tâm hồn tác giả mà tác giả cho đó là loại nhịp điệu của ý tưởng, của hình ảnh. Đây là bài thơ tự do thật hay, gây xúc động mạnh và được nhiều người yêu thơ thời đó truyền tụng, đọc thuộc.

Thơ Thanh Tâm Tuyền đầy tình nhân ái. Thơ ông là tiếng nói cảm thông và thương xót cho những kẻ lẻ loi, cô độc, trong bóng đêm chảy mãi giọt lệ sầu. Người thiếu phụ thuở xưa, ôm con chờ chồng, chờ mãi, chờ mãi trong tuyệt vọng đến hóa thành đá vọng phu. Giọt lệ sầu thấm của những kẻ cô đơn cứ chảy mãi, chảy mãi trong đớn đau đến hóa thành những viên đá xanh và tim của những viên đá ấy cũng phải rũ rụi! Đó là những ảnh tượng đẹp trong thơ văn:

*Tôi biết những người khóc lẻ loi
 không nguôi một phút
 những người khóc lệ không rơi ngoài tim mình
 em biết không
 lệ là những viên đá xanh
 tim rũ rụi*

....
 Tổ quốc, trời xanh nín lặng; cuộc sống không lối thoát bủa vây và bóp chết mọi hy vọng, tuổi trẻ thì quá buồn; những kẻ yêu nhau đôi lúc phải tìm cách trốn thoát thực tại, trốn thoát những dày vò khổ đau sẽ đến trong những ngày sắp tới:

Anh sợ những cột đèn đổ xuống

Rồi giấy điện cuốn lấy chúng ta
 Bóp chết mọi hy vọng
 Nên anh dịu em đi xa
 Đi đi chúng ta đến công viên
 Nơi anh sẽ hôn em đắm đuối
 Ôi môi em như mật đắng
 Như móng sắc thương đau
 Đi đi anh đưa em vào quán rượu
 Có một chút Paris
 Để anh được làm thi sĩ
 Hay nửa đêm Hà Nội
 Anh là thằng điên khùng
 ôm em trong tay mà đã nhớ em ngày sắp tới.
 Chiếc kèn hát mãi than van
 Điệu nhạc gầy náu nhau tuyệt vọng
 Sao tuổi trẻ quá buồn
 như con mắt giận dữ
 Sao tuổi trẻ quá buồn
 như bàn ghế không bày
 Thôi em hãy đứng dậy
 Người bán hàng đã ngủ sau quầy
 Anh đưa em đi trốn
 Những giày vò ngày mai.

Đọc thơ Thanh Tâm Tuyền, ta đi vào những thiên đường của dĩ vãng, của hoài niệm và ký ức. Thơ ông có lúc là tiếng gọi của nhịp tim yêu thương gõ vào ký ức đã qua. Ông quả thật là mang tâm hồn thi sĩ đa tình, mẫn cảm. Dòng thơ của ông đem đến cho ta muôn vàn cảm xúc giản dị và gần gũi. Xét cho cùng nhà thơ Thanh Tâm Tuyền đã cống hiến cho nền văn học Việt Nam những dòng thơ tràn ắp thi vị thi ảnh, được viết lên từ những khát vọng của tự do, từ những cái nhìn linh cảm về những chặng đường của cuộc đời mà ông đã đi qua.

Về nội dung chính yếu, chất liệu trong thơ văn Thanh Tâm Tuyền là ý thức thất bại. Thất bại của con người trước định mệnh nói chung, cụ thể là sự bất lực của giai cấp trí thức tiểu tư sản Việt Nam trước thời cuộc. Viết văn, làm thơ,

làm nghệ thuật nói chung, là cố gắng vượt qua sự thất bại đó, biến nó thành nghệ thuật.

*

Bếp lửa là một truyện vừa đầu tay của Thanh Tâm Tuyền. Truyện được viết từ ngôi thứ nhất “tôi”. Người kể, “tôi” tên Tâm, cùng tên với tác giả, đi dạy học tại một trường Công giáo tại Bắc Ninh, còn tác giả dạy tư thực ở Hà Đông, khoảng 1952. Không phải là tự truyện, nhưng *Bếp lửa* phản ánh tâm trạng tác giả, và một số thanh niên đồng lứa vào thời điểm trước hiệp định Genève, 1954, tại Hà Nội, và vùng phụ cận dưới sự kiểm soát của Pháp. Chủ yếu là những nét chấm phá nhẹ nhàng, nhưng rất sắc về tâm thức chính trị của con người lúc đó qua những nhân vật: ông Chính, đảng viên Quốc Dân Đảng, còn hoạt động; Bảo có tham dự phong trào Ngũ xã nhưng nay đã tuyệt vọng; Đại say đắm chủ nghĩa Mác-xít và chuẩn bị ra khu; Hòa nhân viên Phòng nhì; Ngọc hoàn toàn hư vô và chối từ tổ quốc... Giữa họ là những nhân vật nữ, hiền lành, vô tội, như chị em Thanh và Minh, em họ Tâm; Hạnh; Thịnh vào ra giữa hai vùng... Còn Tâm? Anh xê dịch giữa đám người đó, không thân không sợ, và nói như Meursault, nhân vật *Kẻ dưng*: *không biết rõ mình muốn gì, nhưng biết rõ những điều mình không muốn*. Khi Tâm bị ông hiệu trưởng cho thôi việc, “ngạc nhiên một chút rồi rùng rùng ngay. Tôi không hỏi vì có gì ông muốn tôi nghỉ việc cũng như ông đã quên không nói cho tôi biết... Tôi cũng chẳng buồn quan tâm. Tôi nhẹ nhõm vô cùng và ngủ một giấc rất say.”. Trong thế giới ấy, quan hệ tình cảm cũng mong manh, sắc sắc không không, như giữa Tâm và Thanh, một cô em họ, cũng mồ côi cha mẹ. “Đôi khi tôi nghĩ tôi có thể yêu Thanh và che chở cho Thanh, giây thân thích giữa chúng tôi không đáng kể (...) nhưng chưa bao giờ tôi nói ý nghĩ của tôi cả.”

Quan hệ tình dục cũng nhẹ nhàng thôi. Tâm gặp lại Hạnh, một cô bạn học cũ, đi cùng một chuyến xe chở hàng từ Bắc Ninh về Hà Nội. “Đến Hà nội, mưa lớn hơn, chúng tôi cùng đi ăn cơm với nhau. Và đêm ấy tôi ngủ với Hạnh ở

khách sạn” (tr. 72). Chấm dứt chương 4. Bước sang chương 5: “Tôi có cùng về Hà Nội với Hạnh một vài lần. Gần nhau, tôi nhận thấy chiến tranh – hay chỉ cần sự đe dọa của chiến tranh, tổng quát là sự khủng bố tinh thần – đã thổi vào máu Hạnh sự say đắm nhiệt tình trong yêu đương (...). Sau mỗi lần như thế, khi lấy lại bình thường, Hạnh có vẻ ngượng ngùng. Có một lần nằm cạnh tôi, Hạnh nắm tay tôi để lên ngực nàng nói: Anh có khinh em không?”

Vào năm 1965 khi truyện ngắn **“Dọc Đường”** của nhà văn Thanh Tâm Tuyền ra đời thì thời điểm này cũng là khi các thành thị lớn nhỏ của Sài Gòn bị lọt thỏm trong chiến cuộc mà ngày và đêm trở thành ranh giới cho không ít những phận người. Lúc ấy tôi 26 tuổi, và đọc **“Dọc Đường”** với một cảm giác rung mình nổi da gà, 49 năm qua đi nhưng đến nay cảm giác ấy vẫn còn rất sắc sảo.

Không gian và cảnh tượng chỉ là một buổi chiều chạng vạng ở một dãy phố chợ tạm bợ nằm dọc quốc lộ chạy qua một khu rừng cao su. Và cũng như cái không gian không tên riêng, những nhân vật của **“Dọc Đường”** cũng chỉ được gọi theo giới tính, độ tuổi... hoặc một nét nhận dạng bất kỳ nào đó. *“Người đàn ông ngồi ngoài cùng kế cây cột chống, mặc áo lá quần xà lỏn, một chân co lên ghế, tay bưng ly cà phê uống từ hóp nhỏ. Người đàn ông liền bên vận quần áo kaki sờn rách, đầu đội nón bẻ vành, chân đi giày không vớ, cầm chiếc muỗng nhỏ xiu gỗ nhíp lên bàn. Người ngồi tách riêng một phía già hơn hết, tóc tiêu muối, vận quần lãnh đen bám bụi đỏ, áo túi trắng ngả màu.”*

Sống ở cái nơi như thế, trong bối cảnh cuộc chiến tranh đã tới hồi gay gắt, điều quan tâm của nhóm người này là một... con đường có những chuyến xe đủ loại chạy qua biểu hiện của sự thông suốt liên lạc mà bất cứ lúc nào cũng có thể không còn như thế. Vào thời buổi ấy, trời càng về chiều xe càng chạy bán sống bán chết cho kịp tránh bóng đêm khi đường, rừng được “bàn giao”. Không khí chiến tranh được dẫn vào truyện đơn giản như một thói quen chờ

đội như vậy. Nghệ thuật hiển thị sự việc của Thanh Tâm Tuyền là rất điêu luyện, chúng cứ lộ diện từ từ từng chút một, từ câu nói vu vơ “*Tối nay thế nào cũng có hành quân*” đến “*Đậu cái này rồi về tía*”, “*Tụi bay tuyệt dù hết rồi. Máy bay trực thăng đó.*” Toàn là những lời vô tư ngắn gọn phục vụ đánh bài như thế. Vài phút sau, tiếng động cơ nổi rõ hơn, tới gần... Chiếc trực thăng bay sà thấp ngang qua quán. Hai người dân vệ từ trong lối xóm trở ra, chân mang giày bó túm ống quần bám sinh vì bụi đất: một người đeo súng hai tay bung trên miệng huýt vào chiếc lá tre non kêu chít chít từng hồi như tiếng chim, một người quàng hai tay trên hai đầu súng đặt nằm ngang cần cổ ngó phía trước, cả hai mặc đồ đen đội những chiếc nón vải đen có lưỡi. Lính chuẩn bị co rút vào đồn vì đã tới giờ bóng đêm không là của họ, còn một số người dân thì sửa soạn về ngủ tạm tại một thành phố gần đó, như loài chim di trú trốn tuyết. Người đàn bà không có cái ưu tiên... được sợ chết này, nói với chồng:

- *Mấy cha chỉ bày chuyện đi chơi không à!*

- *Tao là đàn ông mày nghe chưa? Ở nhà để lỡ như lần trước... Tao ở nhà... Đ. m. thứ đàn bà ngu!*

Ngay lúc ấy một chiếc xe có thể là cuối cùng từ từ đi qua hết đoạn đường rào kẽm gai đậu trước quán hót tóc. Người lơ xe nhảy xuống đất kêu vô trong:

- *Xuống lệ lên cha nội. Một người đàn ông tay ôm bọc giấy dầu, lom khom bước xuống. Tới đất, người đàn ông lại muốn trở lên, nói:*

- *Không phải đây...*

Và chuyện bắt đầu.

Chiếc xe đồ rô ga chạy thẳng vào. Người đàn ông đứng lại bên đường ngỡ ngác. Hắn vận bộ bà ba đen, chân đi xăng-đan, tóc cắt ngắn, mặt mũi gồ ghề xanh xao. Hắn ngửa mặt nhìn lên trời trông chiếc trực thăng từ phía rừng cao-su bay tới, đứng im rồi hạ thấp trên bãi trống bên kia đường. Một vài người nhìn thấy người đàn ông bạn bà ba đen ôm bọc giấy dầu đứng trước quán hót tóc.

Anh ta đi dần và dừng lại trước nhiều căn nhà mong tìm

một chôn nường thân qua đêm. Nhưng nào có ai chứa anh ta? Hai chiếc xe be kênh càng rần rần từ trong rừng cao-su, xe chạy chậm. Người đàn ông đưa tay lên cao vẫy kêu: Cho quá giang... Hai người tài xế đưa tay vẫy chào và xe vẫn chạy.

Người đàn ông thất vọng lắm rồi trở vô quán. Người đàn bà chủ quán hỏi

- *Chủ ở đâu tới?*
 - *Tôi đi kiếm thằng em của tôi làm đồn điền cao-su. Nhưng cái khổ là anh ta không nhớ tên nơi mình muốn đến.*
 - *Chủ nói chuyện trời đất không à. Bộ khi không chủ ngồi đó không cho tôi đóng cửa tiệm đi ăn cơm hả? Chủ tính chuyện gì?*
- Người đàn ông sừng sốt, giật hai tay ôm gói đồ vào bụng ngó trên người đàn bà:

- *Thím cho tôi ngủ đậu. Thím làm phước.*

Người đàn bà kêu lên:

- *Đâu có được chủ... Biết chủ là người thế nào mà cho ngủ đậu. Lỡ đêm chủ cắt cổ tôi sao?*

Người khách lạ, nhìn mọi thứ, là một người lương thiện bị đánh đồng với những kẻ bất lương bởi người ta sợ hãi hơn là dành chỗ cho lòng nhân ái.

- *Tôi đi đâu? Thím nghĩ coi...*
- *Tôi không biết. Mấy người rắc rối lắm.*

Người đàn ông ngập ngừng bước ra khỏi quán tiến tới bên cửa một tiệm sửa xe. Và điệp khúc lặp lại, lộ rõ hơn anh ta là kẻ lờ độ đường.

- *Anh Hai cho tôi ngủ đậu. Dưới đất cũng được. Mời tôi đón xe về sớm.*

- *Bộ anh cho là tôi khùng hả. Cha này kỳ quá...*

Ngoài rừng, trời chạng vạng nhá nhem. Người đàn ông đi tới bên lề đường. Một vài tiếng đại bác nổ ầm ầm ở xa. Hắn gõ nhẹ lên cánh cửa rồi nghe ngóng... Trời cứ tối dần. Người đàn ông cúi nghiêng xuống ngang mặt với lỗ hồng:

- *Tôi lờ độ đường.*

Một tiếng nổ ầm rung chuyển đất. Lũ hồng đóng sập lại và tiếng chân chạy trong các nhà, Mọi cửa đều đóng vội. Những tiếng nổ tiếp theo còn cách xa. Người đàn ông đảo dác ngó ra đường. Trên trời phía rừng cao-su trái hỏa pháo bắn vọt lên lơ lửng vài phút rồi tắt. Tiếp theo một trái hỏa pháo khác. Người đàn ông đứng ôm bọc giấy bên lu nước.

Sáng Tạo đình bản năm 1960 sau khi đặt xong nền móng cho văn chương thân phận con người, sau đó là cuộc chiến tranh ngày càng khốc liệt, phức tạp như chưa từng có với một hình thái mới, văn chương thế là cũng “chuyển” sang văn chương số phận của một dân tộc, một thế hệ... Ngày ấy, tôi cứ lầm nhảm câu nói của nhân vật “Tôi lỡ độ đường”, bây giờ tôi có thể nói được câu nào khác hơn câu ấy?

Cao Thoại Châu

6-2014



*** Thái Kim Lan**

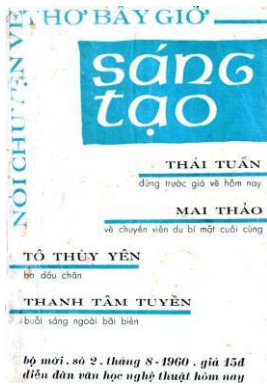
NGHĨ VỀ TẠP CHÍ “SÁNG TẠO”

Khi tôi sắp sửa lên đệ tam, bên nhà hàng xóm thay chủ mới, sau này gọi là nhà bác B. Căn nhà gỗ lúc trước đóng im ỉm chỉ mở khi có người gõ cửa mua thuốc dán, thuốc dán ông thầy Thận nổi tiếng ở Huế xức vô lành liền, nay mở toang. Và bỗng nhiên tôi có một người láng giềng trạc tuổi hơi khác thường.

Buổi sáng hai chị em nhón người ngồi lên yên xe đạp,

đang quay lại đằng sau nhét vạt áo vào sợi dây cao su buộc tập võ, chân dậm nhún pê-đan, chợt thấy một người dong dỏng cũng dắt xe đạp ra khỏi cửa nhà bác B, rồi phóng xe đi cái vèo, đến nỗi tôi chưa kịp nhận ra đôi mắt kia có nhìn thấy chúng tôi không mà đi mau như rứa, làm như không biết dưới trời có ai.

Đi xe đạp nhanh thế nhưng khi đi bộ mới biết. Anh chàng cao lêu khêu, tướng dềnh dàng nơi bờ vai, lưng khòm xuống, tuồng như sợ mình cao quá. Bước đi của anh ta sải dài mà chậm rãi chứ không ngắn và liến thoắng như của tôi. Anh ta đi như một ông cụ... non! - thì non thiệt, chẳng là cũng trạc mười lăm như tôi chơ mầy – nhưng đạo mạo và trầm trọng như một nhà suy tư bẩm sinh.



Nhìn dáng dấp tôi nghĩ chắc người ni học “gạo” lắm đây, hột nhiên cũng hơi gờm gờm. Tôi nói chữ “gờm”, đúng thế, học trò chúng tôi hay “gờm nhau” ở chuyện học, thấy đưa mô học giỏi là dò la coi thử cách “gạo” bài của hấn ra rằng. Đạo ấy tôi chỉ thích đọc sách, mê sách hơn mọi thứ trong đời. Tuy mới đệ tam, nhưng tôi đã đọc nhiều sách, sách ở đâu tôi cũng tìm tới đọc cho được, quen thuộc mấy tiệm sách ở đường Trần Hưng Đạo còn hơn ở nhà. Nghe

nói P. cũng học đệ tam, vô trường Quốc Học, bác B. gái cười hàm răng đen nhánh, nói hần mê đọc sách bỏ cả ăn nên người khi mô cũng ốm lênh khênh. Vậy là tôi “gờm” như có địch thủ, dòm chừng xem người nó đọc những chi, à mà hình như hần cũng rình mình đọc cái chi...

Một ngày tháng năm, trời cũng nóng như hôm nay - Huế hiện đang đốt lửa bằng gỗ phượng đến 40 độ - P. rón rén nơi cửa nhà tôi hỏi có được vào nói chuyện hay không. Khi ngồi ở ghế trường kỷ, tôi thấy trong tay P. cầm một cuốn sách mỏng dài cỡ hơn 26cm cuộn tròn, xoay xoay. Thật ra anh rất nhát, không bao giờ biết tán tỉnh ai, anh bước qua nhà tôi, chắc muốn biết tôi đọc những gì. Bỗng anh trợn đôi mắt nhiều lòng trắng nhìn lên trần nhà, mím miệng nghiêm trọng như thường lệ rồi bật ra:

*Hôm nay Nga buồn như một con chó ốm
Như con mèo ngái ngủ trên tay anh
Đôi mắt cá uơn như sắp sửa se mình
Để anh giặt sao chả là nước biển...*

Miệng anh rộng ra một nụ cười thành tiếng hỏi tôi: “Kim Lan thấy thơ ni hay không? Thơ đấy, ha ha ha”, tôi chưa kịp mở đôi mắt nhiều lòng đen hơn lòng trắng của tôi trả đũa, thì anh đã tiếp lời: “hết hết, hoa cười ngọc thốt đoan trang, hết làn thu thủy nét xuân sơn rồi rồi...”

*tôi buồn khóc như buồn nôn
ngoài phố
nắng thủy tinh*

Và như đề lập dị thêm:

*đôi khi anh muốn tin
ngoài đời đầy cỏ hoa tinh khiết
mà bên cỏ hoa quyến rũ cánh tay em
vòng ân ái
đôi khi anh muốn tin*

*ôi những người khóc lẻ loi một mình
đau đớn lệ là những viên đá xanh
tìm rũ rượi*

P. càng đọc càng hào hứng như người say rượu, khác hẳn dáng điệu trầm ngâm bí ẩn thường ngày. Cuối cùng tôi chặn lại: “Sáng Tạo” chờ chi, phải báo Sáng Tạo không?

Đến lượt P. trở mặt trắng: Kim Lan cũng có đọc Sáng Tạo? Bà cụ non trong tôi khoái tỉ, chi chờ sách vở thì bà cụ non ni hơn người là cái chắc (chỉ có thời ấy, bây giờ thì không hơn ai hết)!!! Là Sáng Tạo chờ chi!

Rành rành, tập vở trong tay anh là tờ tạp chí “Sáng Tạo”. Đến nay tôi còn nhớ nét chữ của tờ tạp chí ấy, nét chữ thanh, nhiều khi có màu, có khi chữ S màu đỏ, chữ a màu đen, nếu nhớ không lầm.

Dài dòng nhắc lại đôi điều thời ấy, cái không khí ấy, bởi vì khi nghe anh Trần Hoài Thư thông báo chủ đề Thư Quán Bản Thảo 60 sắp tới về báo “Sáng Tạo”, những hình ảnh còn nằm trong đáy ký ức lập tức hiện về trước mắt. Tôi đã mau miệng nhận lời cũng vì ký ức đã nhanh hơn.

Cái thời Huế ham học, ham đọc, cùng với bạn bè sôi nổi bàn luận về một bài báo, một câu thơ, đôi chữ... Những tin văn học đến từ thủ đô Sài Gòn mới toanh, những học trò Huế như tôi đã háo hức tiếp nhận rồi chuyển cho nhau, những Sáng Tạo, Bách Khoa, Văn, Hiện Đại. Tuy không có trong chương trình học của thời đệ tam đệ nhị, những luồng gió thổi từ xa, nơi “*nắng Sài Gòn anh đi mà chợt mát, bởi vì em mặc áo lụa Hà Đông*”, đã khơi mạch cho cảm quan nghệ thuật trong cuộc đi tìm, nhận diện bản lai văn hóa của tuổi thanh xuân. Chính những xô xao trong sáng về một bài thơ mới, về một câu chữ “lập dị”, những bàn tán văn học ngây thơ bên cạnh sự miệt mài học tập, những phản ứng lạ lùng khi đọc thơ họ Vũ... đã vô thức làm nền cho sức lớn, cho sức trở thành nhân cách văn hóa một thời, mà về sau ta mới nhận ra. Trong cuộc giao lưu văn hóa giữa kinh kỳ và thủ đô mới, Huế của tôi vẫn long

lanh bản sắc tân kỳ, đã không cục mịch với thành quách tự ngàn xưa, đã đồng hành trong chuyến du hành văn học, đã chưa bao giờ tỉnh lý với gió heo may. Tâm thức đại đồng được uơm mầm trong khu vườn văn học miền Nam thời ấy đã cho chúng tôi những thao thức và khát vọng vượt tù túng hiện sinh, cho chúng tôi thử được mùi vị tự do, nhất là tự do trong văn học. Cơn nắng Sài Gòn và tà áo lụa Hà Đông, Sài Gòn của Nguyên Sa đã không còn là Sài Gòn của Nam Kỳ lục tỉnh, Sài Gòn ấy thâm tím Bắc Nam trong cảm hứng nghệ thuật của người đi vào Nam qua nẻo phương Tây, mở rộng chân trời, hóa hồn cho một cơ hội phục sinh văn học, làm cho Sài Gòn của Hồ Biểu Chánh rộn ràng hiện sinh. Giấc mơ ấy tuy ngắn ngủi, nhưng đã coi rộng chân trời mới rạng. “Tuổi nhỏ tôi hồng. Sách hồng tôi đọc. Những trang sách ôi những trang vàng. Hồn tôi mới. Sách rớt xuống từng bình ngày ngất. Thuyền tôi còn đậu bến. Chính là sách đã rút neo đẩy ra khơi thành những chuyến đi đầu. Sách đưa vào phiêu lưu. Chữ đẩy thuyền thành sóng. Sách vừa là gió đẩy. Sách vừa làm triều dâng...”

Có lẽ Mai Thảo làm tôi chú ý nhất chính vì tùy bút “Sách” của ông, lối hành văn mới, đọc nghe mượt mà, văn xuôi mà như thơ. “Tôi ngày xưa úp cuốn sách đầu lên lồng ngực, nằm rất lim dim. Thả hồn bay lên. Yêu biết chừng nào, nhớ bao giờ quên, những trang vàng thứ nhất... Sách đẹp như chiều trên đầu...”

Bỏ mọi rườm rà cây lá, chỉ lấy cốt lõi của văn từ, chất thơ của ý, Mai Thảo thể hiện một lối hành văn mới, hầu như là chuẩn mực trong suốt hành trình Sáng Tạo.

Còn nhớ khi cầm tờ báo trong tay lần đầu, tôi đã thích ngay hai chữ “Sáng Tạo” ấy, âm vang của nó vẫn còn đọng lại cho đến bây giờ, như một thúc giục, một hy vọng đến phải mỉm cười, lắm khi như một trái cấm trong vườn xưa chưa hái kịp, vẫn giữ nguyên lời ước. Quả thật so với chương trình học văn học hiện đại và cổ điển, sau Nguyễn Du, sau Tự lực Văn đoàn, thì nhóm Sáng Tạo trong cuối thập niên 50 đầu 60 đã cho chúng tôi mừng tượng được diện mạo văn học miền Nam luôn cần mới mẻ, tiên phong.

Nếu bây giờ đọc thơ lập thể của Thanh Tâm Tuyền hay những hình tượng “Nga buồn như con chó ốm”, “đôi mắt cá sụn”, “buồn khóc như buồn nôn”, người đọc hôm nay không thấy “sốc” như chúng tôi đã “sốc” ngày ấy, bởi chính sự lập dị trong văn học hiện đại cố tình lập dị đến trở nên thô tục, từ đó càng thêm lúng túng trong việc tìm lối thoát cho văn học nghệ thuật quốc nội, ngày càng từ chương, sáo rỗng.

Sự lập dị - trong nghĩa cái khác, cái mới mẻ, rẽ sóng chuyển đi đầu - của Thanh Tâm Tuyền, Mai Thảo, Nguyên Sa, Doãn Quốc Sỹ, Vũ Hoàng Chương, Đinh Hùng, Cung Trầm Tưởng, Tạ Ty vẫn còn sống động, chính vì “cái mới” của họ chân thật, tôi muốn dùng ngay cả chữ “chân chính” trong cảm nhận nghệ thuật, từ đó không phản bội nghệ thuật. Dù cho có nhận sự giúp đỡ của ai, họ vẫn giữ được sắc màu mỹ quan Việt Nam và không tự dối mình. Mai Thảo trọn vẹn, hầu như là trinh nguyên trong rung cảm “mưa” mưa Sài gòn mưa Hà nội, mưa ôm tròn trái đất, không một chút tạp pha tuyên truyền hay làm dáng, ngay cả trong sự làm dáng nhớ nhung, không vàng không đỏ mà là đêm...

“Không giữa một trưa vàng. Mà từ một đêm kia. Đóa hải đường thức ngủ và nhành thược dược mơ màng thuy vũ trong cái cõi thơ lạnh và khuya cực điểm của Nguyễn Gia Thiều cũng là cái rừng mình lướt thướt kỳ ảo của một trận mưa đêm đánh thức. Làm mới. Cho héo hon kia bỗng sáng lóa mặt trời.”

Tâm thức “Sáng tạo” của Mai Thảo không đến từ đánh trống khua chiêng làm mới, đổi mới (mà chẳng mới tí nào ngược lại càng hủ hóa văn hoa), tâm thức ấy đến từ... sự im lặng, như một thứ nhân cách cao quý không phô trương, ngay cả tiếng mưa, cũng là một thứ phô trương, nếu người nghe không biết im lặng, chân thật là gì. “Nằm nghiêng tai nghe. Nghe những hững hờ hờ rồi trùng trùng điệp điệp tới, cảm giác kỳ thú nhất là thay vì một im lặng mới. Mênh mông. Thứ im lặng vẫn nghe phía sau của một nhịp động đều. Như tiếng động nào cũng rơi trên một cái nền im

lặng. Rồi mưa. Thật lớn... Mưa sinh động. Mưa nhiều bộ mặt...”

Sáng tạo rốt cùng khởi đi từ im lặng, từ hư không, từ tự do, thứ tự do của ý niệm thượng đế tạo nên con người, ý niệm ấy rốt cùng là mặt khác của im lặng, im lặng là nguồn suối của nghệ thuật như là nghệ thuật chứ không phải là công cụ của thể lực. Từ im lặng tự nhiên, cái mới trỗi dậy... nghệ thuật trỗi dậy.

Nguyên Sa mới bởi vì “là như thế”, bất ngờ từ một thoáng nhìn phát phơ lùa Hà đông bay trong nắng, cho nên sống động trong nắng thời gian. Cung Trầm Tưởng bỏ chữ Tây viết tiếng Việt trong ý thức “đồng nhất tính văn hóa Việt” cho nên ga Lyon trôi bồng bềnh trong ngôn ngữ Việt như từ vô thủy. Vũ Hoàng Chương cũ mà mới trong vần điệu thi nhân là “rơm rác”... và chỉ nguyện là rơm rác... cho vần thơ lên ngôi. Doãn Quốc Sỹ mà mỗi lần tôi đọc, là một lần thấy mình như xuôi dòng một con sông trong xanh, mắt tôi đầy hoa lá ẩn hiện bên bờ như lời vẫy gọi, Đinh Hùng bất tuyệt trong “mắt xanh là bóng dừa hoang đại... thăm thăm nhìn tôi...”

Nghệ thuật, sáng tạo mỹ quan đến từ cái nhìn thăm thăm ấy, đào sâu, cày xới mà không tự phản bội mình.

Có thể nói Sáng Tạo đã không phản bội sức sống văn học nghệ thuật mà chính “Sáng tạo” theo đuổi, dù tuổi thọ không lâu và dự án bất thành. Chính sự bất thành này đã cho thấy rõ hơn, văn học nghệ thuật chân chính không thể là công cụ, cảm hứng nghệ sĩ không thể đến từ áp lực mà chính từ sức mạnh sáng tạo, từ tự do, có chăng áp lực là từ tự do ấy, tự do rung cảm trước mỗi hiện sinh.

Một người bạn vong niên đã nói với tôi khi tôi hỏi anh mượn báo Sáng Tạo để đọc lại rằng: Sáng Tạo là một tạp chí có những bài viết thật hay, trong trào lưu văn học thời ấy, Sáng Tạo đã “mới” trong thể cách văn chương, tôi muốn thêm khi đọc lại, và thể tính nghệ thuật, làm mới thể tính nghệ thuật ấy chính là đạo đức của sáng tạo thi ca.

Với tôi, Sáng Tạo tuy không rút neo nhưng đã lên gió, đẩy tôi ra khơi, với cảm giác rất thành “hãy mới” như một công

án trong cuộc đời.

Thái Kim Lan

***Lữ Quỳnh**

**NHỚ LẦN GẶP NHÀ VĂN MAI THẢO Ở
QUY NHƠN**

*Sớm ra đi sớm hoa không biết
Đêm trở về đêm cảnh không hay
Vàng trắng đôi lúc tìm ra dấu
Nơi góc tường in cái bóng gầy*
Mai Thảo



Mai Thảo
tranh đình cường

Không nhớ chính xác, chỉ biết trong khoảng thời gian đầu những năm 1970, nhà văn Mai Thảo đến Quy Nhơn. Buổi chiều, tôi thường lái xe xuống biển, đoạn cuối bãi, ngồi ôm vô-lăng nhìn trời nước. Hôm đó thấy hai người đàn ông đang đi về phía mình, vừa đi vừa ăn bắp. Tôi nhận ra anh Mai Thảo, vội xuống xe, tiến lại gần chào. Anh giới thiệu người bên cạnh, nhà văn Duyên Anh. Anh nói:

- Mình vừa xuống máy bay, lấy khách sạn xong là lang thang ngắm biển, vừa đi vừa thổi *harmonica* đây.

Anh giơ cùi bắp lên, cười. Tôi không gặp anh trước đó, chỉ một lần gặp thoáng anh ở tòa soạn Kịch Ảnh, đang lúc anh vội vã đi ra ngoài. Tôi không thích những tiểu thuyết của anh xuất bản từ feuilleton như Mười Đêm Ngà Ngọc, Đề Tường Nhớ Mùi Hương...; nó có vẻ điệu dàng, xa rời hoàn cảnh đất nước lúc ấy. Tôi chỉ mê Mai Thảo qua Đêm Giã Từ Hà Nội, Tháng Giêng Cỏ Non, Bản Chúc Thư Trên Ngọn Đình Trời...

Ngày tối hôm đó, tôi và Nguyễn Mộng Giác mời hai anh uống bia ở một quán trên bờ biển. Trong câu chuyện nhẹ nhàng, tận hưởng gió biển nhiều hơn là trao đổi văn nghệ. Lúc hơi men đã thấm, chúng tôi bắt đầu nhắc tới vài tờ tạp chí có vẻ muốn gây tranh luận trong độc giả. Tôi nhớ mãi câu nói của anh Mai Thảo đầy ám chỉ: *Các anh đừng nghĩ rằng, chỉ có các anh biết yêu nước*. Câu nói này đeo bám tôi suốt nhiều năm sau. Chỉ vì lúc làm các tạp chí Ý Thức, Đất Mới... anh em trẻ chúng tôi chủ trương một nền văn học dân thân, thay vì thứ văn chương viễn mơ của nhiều tác giả thời đó. Nhưng sau này khi cuộc chiến qua rồi, thời thế đã phân minh ai thắng ai thua, những dày vò trước kia, dường như đã trở nên không tưởng, như Nguyễn Mộng Giác từng viết: *Những đau khổ trong văn chương thời trước có nguồn từ vùng đất chiến tranh chúng tôi ở: những xác người máu me bết bết không phải là tượng tượng từ một phòng trà có máy lạnh ở thành phố, mà là “quả” trưng bày ở công viên để răn đe những kẻ sắp nhập cuộc; những xóm làng không có tiếng gà gáy, chó sủa là quang*

cảnh bày hàng ngay trước mắt trong các cuộc hành quân nguy hiểm. Chất liệu là chất liệu thật, ước vọng là ước vọng thật, nhưng kết quả của những cái thật ấy, sau kiểm chứng của thời thế, lại là những ảo tưởng! ()*

Đêm đó chúng tôi nói chuyện rất khuya. Sau khi đưa hai anh về khách sạn, Nguyễn Mộng Giác hẹn anh Mai Thảo sáng hôm sau sẽ cùng nhau lên thăm trại phong Quy Hòa.

Phong cảnh ở Quy Hòa thật đẹp. Khu đất nằm trên một bờ biển dài cát trắng. Những trại bệnh được xây bằng gạch từ thời Pháp, nằm rải rác dưới những vòm cây. Anh Nguyễn Mộng Giác lấy xe của sở Học chánh đưa chúng tôi đi, từ Ghềnh Ráng lên một cái dốc cao ngoằn ngoèo. Các Sơ ban giám đốc, nói tiếng Pháp ra đón và hướng dẫn chúng tôi thăm các phòng bệnh, thăm nơi làm việc, thăm bệnh xá. Nhà văn Mai Thảo nói chuyện nhiều và lâu với các Sơ. Ở bệnh xá này, tôi nhớ đến một bác sĩ trẻ, trước năm 1975, ở quân y viện Quy Nhơn, cứ mỗi thứ năm hàng tuần vào đây khám, đôi khi giải phẫu cho các bệnh nhân nặng. Có lần trong lúc cắt chân đã bị hoại tử cho một người bệnh, y tá vô ý làm chảy máu tay anh. Anh lo lắng vì có thể bị lây bệnh, nhưng rồi sau đó anh không bận tâm nữa. Nhà văn Mai Thảo ngắm nhìn tượng các danh nhân đặt dọc các lối đi; những trang viết khắc trên đá thật rõ nét, đẹp. Ngoài ít Sơ người ngoại quốc, phần lớn là các nữ tu Việt Nam đã vâng lời Chúa chọn nơi chốn này phụng sự. Hình ảnh lơ lửng góm ghiếc trên cơ thể người cùi là hình ảnh Chúa từ tâm trong lòng họ.

Các anh lần đầu thăm trại phong Quy Hòa, lúc ra về cảm thấy rất bàng hoàng và ngậm ngùi. Bàng hoàng vì cảnh đẹp không ngờ với bãi cát trắng trải dài thơ mộng dọc biển xanh; đường sá không một cọng rác; nhà thờ nhỏ mà uy nghiêm, tượng Chúa đặt nhiều nơi; trại bệnh được xây xinh xắn. Nhưng lòng lại ngậm ngùi khi nghĩ đến những phận đời đau đớn, hẩm hiu kéo lê tháng ngày vô vọng.

*

Ngày tôi định cư ở Mỹ, nhà văn Mai Thảo mất trước đó hai năm. Tôi chỉ biết những năm cuối đời của anh, qua hai

nhà văn Nguyễn Mộng Giác và Viên Linh, trong thời gian tôi sống ở Quận Cam với các bạn.

San Jose, June 3-2014

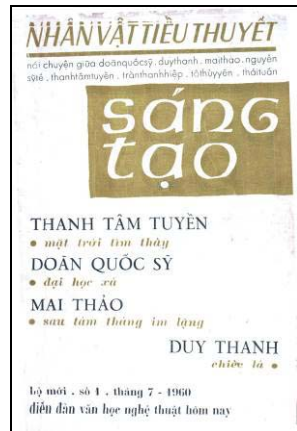
Lữ Quỳnh

(*) Tựa tập truyện Cát Vàng của Lữ Quỳnh, nxb Văn Mới 2006.

████████████████████

***Trần Hoài Thư**

BÀI HỌC LỊCH SỬ



I

Thời gian qua người ta nói hơi nhiều về việc tạp chí Sáng Tạo đã nhận tiền của USIS (phòng thông tin Hoa Kỳ) sau khi trang mạng Nguyễn Trọng Tạo đăng nguyên lá đơn của

Giám đốc Phòng Thông Tin Hoa Kỳ (USIS) Robert P. Speer xin phép chánh quyền của Tổng thống Ngô Đình Diệm được xuất bản một nguyệt san lấy tên là: CHÂN TRỜI MỚI (New Horizons). (Sau đổi thành Sáng Tạo).

Trong lá đơn, Giám đốc Phòng Thông Tin Hoa Kỳ kê ra chủ trương và mục đích của tạp chí như sau:

* là một tờ nguyệt san văn nghệ dày 48 trang, cỡ 16×24 phân tây, do Ban Biên tập Chân trời Mới xuất bản, dành cho giới công chức trí thức Việt Nam.

Nội dung sẽ gồm những truyện ngắn, những bài phóng sự, không có tính cách chính trị mà chuyên về khoa học lịch sử, cơ khí, địa dư, y khoa v.v..., những bài khảo luận về âm nhạc, điện ảnh, mỹ thuật và kịch trường và một mục riêng về văn chương.

Mục đích của tờ nguyệt san là:

- a) Đề cao Sài Gòn là thủ đô văn hóa và trí thức của Việt Nam;
- b) Đề cao trình độ và trí thức và đời sống văn hóa hiện hữu của Việt nam Tự do;
- c) Vạch rõ tại Việt Nam Tự do các học giả và văn sĩ đứng dẫn được hoạt động tự do trong phạm vi văn nghệ;
- d) Khích lệ giới công chức Việt Nam trau dồi trí thức, thúc đẩy họ tham gia và góp phần vào công cuộc phục hưng nước nhà;
- e) Làm trung tâm văn nghệ có sức hấp dẫn toàn thể người Việt ở trong nước cũng như ngoài nước.

Như vậy lại thêm một lần người ta tìm cách trưng ra bằng cứ về nguồn gốc của Sáng Tạo. Có kẻ chê trách Mai Thảo nhận tiền của Mỹ, lãnh lương Mỹ. Có kẻ còn mạnh miệng cáo buộc Mai Thảo là CIA.

Tháng 4-1975 đã làm thay đổi nhận định về tạp chí Sáng Tạo của một số người. Trong đó có tôi.

Trước năm 1975, tôi không thích Sáng Tạo, thứ nhất nó nhận tiền của Mỹ, thứ hai nó là nhóm. Và cũng vì nhóm nên sinh ra nạn bè phái, công kênh lẫn nhau. Thứ ba, thể hệ của Mai Thảo, Vũ Khắc Khoan, Nguyễn Sỹ Tế, Doãn Quốc Sỹ, Thanh Tâm Tuyền là thể hệ bất lực. Họ đã nhường lại cái gia tài đồ nát cho chúng tôi. Họ trao cái chết cho chúng tôi, họ ung dung ở Saigon làm phán quan văn học nghệ thuật, còn chúng tôi thì ở ngoài vòng đai để mang văn chương sống mà viết.

Nhưng sau năm 1975, ý nghĩ của tôi về tạp chí Sáng Tạo thay đổi. Tôi biết rõ về con người Vũ Hạnh. Tôi biết rõ về Thế Nguyên và lý do tại sao ông ấy chuyên môn viết bài đả kích Sáng Tạo và Mai Thảo về chuyện nhận tiền của Mỹ trên tạp chí Trình Bày hay Nguyễn Mộng Giác trên tạp chí Bách Khoa... Tôi càng biết rõ hơn, bởi vì ngay cả bản thân tôi cũng bị kết tội là lính đánh thuê, hãm hiếp, mổ tim, mổ mật, xẻo vú vì tôi là lính thám báo trong tác phẩm của một số nhà văn miền Bắc như Bảo Ninh, Dương Thu Hương, Hồ Anh Thái...

Cái bản án làm lính đánh thuê, làm CIA, làm đầy tớ cho quan thầy Mỹ suốt ngày suốt đêm tôi được nghe ra rả.

Người ta đã buộc tội Mỹ bỏ rơi miền Nam vì cắt viện trợ để cho miền Nam bị mất.

Vậy thì tại sao lại lên án Sáng Tạo vì Sáng Tạo nhận tiền Mỹ để phát huy một nền văn học nghệ thuật cho miền Nam và đã sản sinh ra những Thanh Tâm Tuyền, Tô Thùy Yên, Doãn Quốc Sỹ, Nguyễn Sỹ Tế, Dương Nghiễm Mậu, Quách Thoại... ?

Một câu hỏi: Liệu không có tiền Mỹ tài trợ thì có một Sáng

Tạo thứ hai để chúng ta có Thanh Tâm Tuyền, Tô Thùy Yên, Doãn Quốc Sỹ, Nguyễn Sỹ Tế, Dương Nghiễm Mậu hay không v.v...??

Đối với tôi, nếu có trách là trách Sáng Tạo đã quay mặt với Nhân Văn Giai Phẩm. Tệ hơn nữa là thái độ khinh thường của người điếm sách như chúng tôi viết ở phần sau, trong khi những người của Sáng Tạo lại hết lời tung hô Budapest.

Tôi không thể hiểu tại sao tại một thủ đô xa lạ, cuộc nổi dậy chống Hồng quân Nga lại tạo nên những cảm hứng quá dồi mãnh liệt và bi tráng trong tâm hồn một nhà thơ như những câu như thế này:

*Hãy cho anh khóc bằng mắt em
 Những cuộc tình duyên Budapest
 Anh một trái tim em một trái tim
 Chúng kéo đầy đường chiến xa đại bác.*

Trong khi đó, ngay ở quê nhà, chỉ cách một giòng sông, nơi đó, Thanh Tâm Tuyền đã lớn lên và đã bỏ đi, có những người cùng giòng máu, cùng tiếng nói, cùng hàng ngũ, đã nổi dậy – và có lẽ là một cuộc nổi dậy đầu tiên quy tụ một số lượng đông đảo của hàng ngũ trí thức trong thế giới CS bấy giờ - và bị đàn áp dã man, bị trả thù hèn hạ, nhưng Thanh Tâm Tuyền và tất cả những người trong nhóm Sáng Tạo lại không có một giòng nào cảm xúc.

Vì sao. Tôi không hiểu. Tôi không thể hiểu.

Như vậy còn gì những câu: “Máu chảy ruột mềm” hay “Một con ngựa đau cả tàu không ăn cỏ”?

Phải chi đừng cho tôi được biết, được đọc bài điếm sách của Mặc San thì đỡ khổ cho tôi biết mấy.

Để tôi khỏi cảm thấy, từ trái tim mình dâng lên nỗi xa xót.

3.

Cũng như tôi, bài học lịch sử 30-4-1975 đã làm thay đổi quan niệm và nhận định của một số người viết văn làm thơ cùng một thế hệ. Mà nhà văn Nguyễn Mộng Giác là một ví dụ điển hình.

Trước 1975, NMG nhận định về tạp chí ST như sau:

- Cuối cùng, rộn ràng náo nhiệt nhất vẫn là “cái phát áo ngang tàng” của nhóm Sáng Tạo (...) Khai thác những kiến thức nhập cảng từ Pháp, Bỉ về, mang nổi choáng váng hiện sinh vào văn và tượng trưng siêu thực vào thơ, cộng thêm cái giọng đập phá ngổ ngáo bất kính đối với quá khứ không thuộc về mình, quả tình Sáng Tạo đã làm “chói lòa” nhóm độc giả học sinh, sinh viên một thời ngược trông ngưỡng mộ. Lối biện hộ này khôn ngoan vì nó biểu lộ tinh thần phóng khoáng tự do của thế giới tự do, nó biểu lộ tinh thần dân chủ cấp tiến thực sự của một tiền đồn. Nó nhắc nhủ cho người viết lẫn người đọc: “Đó, các bạn thấy chưa chúng ta thực sự tự do, chúng tôi đã chọn con đường thanh thang, rộng rãi, mát mẻ nhất”. (1)

Đề rồi ông mĩa mai:

con đường ấy trở thành con đường một chiều ! (1):

Thì sau 1975, ông đã mang theo một cái nhìn khác, cùng với ông trong một chuyến vượt biển. Đề đến một xứ mà ông đã xem như đứng ở phía sau tạp chí ST, dùng ST như là một công cụ để đánh bóng con đường thanh thang, rộng rãi mát mẻ mà ông từng mĩa mai. Cái nhìn quay 180 độ :

...Tất cả những “thế lực”, những “ảnh hưởng” lớn lao ấy không do chủ ý của Mai Thảo. Anh không hề “muốn gây thành chuyện lớn”. Tìm hiểu về thuở ban đầu của tờ Sáng Tạo (qua lời những người sáng lập, qua chính lời anh kể), chúng ta sẽ thấy không hề có những tuyên ngôn lớn lao, những triết lý định hướng, những sơ đồ cách mạng nào cả.

*Mỗi người một ý. Bản tính ai thế nào thì cứ viết như thế. Doãn Quốc Sỹ là một trong những cây bút cột trụ của Sáng Tạo, nhưng làm sao tìm ra "không khí Sáng Tạo" trong Khu Rừng Lau hay Dòng Sông Định Mệnh? Người "sáng tạo" nhất của nhóm có lẽ là Thanh Tâm Tuyền. Còn Mai Thảo, người cầm lái, thì văn phong của anh dù hết sức tân kỳ trong cách sử dụng ngôn ngữ (biến danh từ thành động từ, biến tĩnh từ thành danh từ...) vẫn nặng tính cổ điển biến ngẫu. Ngay cả chuyện nhận tài trợ của cơ quan USIS (mà chính quyền cộng sản dựa vào đó kết án cả Mai Thảo lẫn tờ Sáng Tạo là công cụ của Mỹ), **Mai Thảo vẫn không xem là điều quan trọng.***

(Xin xem “Nỗi cô đơn lớn lao của Mai Thảo” của Nguyễn Mộng Giác đăng trong số này.)

4.

Vâng, bài học lịch sử đã làm nhà văn Nguyễn Mộng Giác bây giờ mới biết chính quyền cộng sản dựa vào đó kết án cả Mai Thảo lẫn tờ *Sáng Tạo* là công cụ của Mỹ. Bài học lịch sử đã mở mắt sáng cho những người làm văn học nghệ thuật nhận chân về một Vũ Hạnh hay Lữ Phương để nhìn lại những mê muội của một thời. Bài học lịch sử khi tôi cố tìm một số báo *Sáng Tạo* trong lúc ngày trước tôi không thích, vì nghĩ rằng, nó là một công cụ của Mỹ, nhận tài trợ của Mỹ. Bài học lịch sử vì tôi cũng bị ghép vào cái tội như chính tôi ghép cái tội cho *Sáng Tạo*.

Tôi muốn gởi lời xin lỗi ông Mai Thảo. Và không biết gì hơn là nhờ vào bài viết của nhà văn Nguyễn Mộng Giác : *Nỗi cô đơn lớn lao của Mai Thảo* để nói lên tấm lòng của tôi.

(1) Nguyễn Mộng Giác: NHÌN LẠI 15 NĂM VĂN HỌC MIỀN NAM, tạp chí Bách Khoa 361-362 Xuân Nhâm Tý 1972 (đăng lại trên tạp chí TQBT số *Những vấn đề văn học*).

(2) Tựa hai bài thơ của Quách Thoại.

• Nguyễn Mộng Giác

Nỗi cô đơn lớn lao của Mai Thảo

Nguồn: Tạp chí Văn Học số 143, tháng 3 năm 1998

Sau nhiều tháng bệnh nặng, sức khỏe suy nhược dần như ngọn đèn hết dầu, nhà văn Mai Thảo đã vĩnh biệt tất cả bạn bè chúng ta hồi ba giờ sáng ngày 10 tháng 1 năm 1998. Tuy mọi người đều chờ tin buồn này với tất cả sự bất lực tuyệt vọng như chờ một định mệnh không thể tránh được, tin buồn vẫn gây một xúc động lớn lao trong văn giới hải ngoại. Bạn bè bốn phương đổ về Quận Cam đưa nhà văn Mai Thảo đến nơi an nghỉ cuối cùng, một nghĩa trang nằm cạnh con đường Bolsa chạy xuyên qua khu trung tâm của Little Saigon. Từ đây hằng ngày Mai Thảo vẫn có thể trông thấy bạn bè của mình qua lại trên con đường tấp nập có nhiều đồng hương qua lại, và ở bên kia thế giới, chắc anh vẫn mỉm cười nhìn đám bạn bè cũ tất tả lo toan cho cuộc mưu sinh với nụ cười hiền lành và ánh mắt ân cần quen thuộc của gương mặt anh.

Những người bạn không có cơ hội thăm viếng Mai Thảo trong những tháng bệnh cuối cùng, hôm viếng anh lần cuối ở nhà quàng, đều ngỡ ngàng không nhận ra anh. Ngày thường, khuôn mặt anh dài, nghiêm trang ít nói, và điềm tĩnh trong tất cả mọi tình huống. Hôm cuối, khuôn mặt anh choắt lại, như khuôn mặt một đứa bé. Tôi đã nghe nhiều lời thì thào trong tiếng nức nở: "Anh Mai Thảo đây ư?"

Hôm cùng với chị Trần thị Lai Hồng và chị Bùi Bích Hà lên thăm anh tại bệnh viện Barlow ngoại ô Los Angeles, chúng tôi cũng đã thốt lên câu hỏi ấy. Chúng tôi không nhận ra anh nữa. Chị Bùi Bích Hà nghĩ là chúng tôi đã vào lộn phòng. Chị Lai Hồng trở vào tấm bảng ghi tên bệnh nhân QUY NGUYEN, chúng tôi mới dám chắc người nằm đó là Mai Thảo. Cô y tá người Hoa đang bơm thực phẩm vào dạ dày anh, và anh thở bằng hai ống ni-lông nối vào bình dưỡng khí. Anh đã không thể tự sống được bằng hoạt động của chính cơ thể mình. Anh sống bằng máy. Cô y tá cố gắng tập cho hai chân anh co lên co xuống để khỏi tê liệt nhưng anh không cử động đôi chân được. Cô y tá khuyến khích bảo gắng tập cho đôi chân cử động bình thường để cô chuyển anh lên xe lăn đẩy ra hành lang ngắm cây cối xanh tươi chung quanh bệnh viện cho đỡ buồn. Anh lắc đầu. Cô y tá cũng lắc đầu, mang vào chân anh hai chiếc tất ni để gót chân khỏi bị nhiễm trùng tạo ra vết lở ở gót. Cô rời phòng, nét mặt thôi không còn buồn rầu thất vọng mà hớn hờ vui mừng sau khi chị Bùi Bích Hà cho biết bệnh nhân của cô là một nhà văn tiếng tăm của Việt Nam. Chữ nghĩa, văn chương, trong những hoàn cảnh bất ngờ nhất, ít ra cũng giúp cho những người khổ sở vì nó một niềm an ủi nhỏ nhoi!

Anh Mai Thảo nhận diện được tất cả chúng tôi. Do dụng cụ hô hấp gắn ở mũi và cổ họng, anh không nói được, anh ra dấu cho chị Lai Hồng bảo đem bút và giấy cho anh bút đàm. Chúng tôi mừng vì đôi tay anh vẫn có thể cử động tuy yếu ớt. Và đôi mắt anh, tuy mỗi mệt, vẫn còn có thể phát ra ánh vui. Anh viết lên tập giấy hai câu:

"Cảm ơn đã vào thăm." "Xin lỗi bị đau nặng chưa nói được."

Chúng tôi lặng người sau khi đọc hai câu anh viết. Cảm ơn! Xin lỗi! Đáng lẽ tất cả chúng tôi, tất cả bạn bè và độc giả của anh phải "cảm ơn" và "xin lỗi" anh, chứ không phải anh thốt ra hai tiếng đó. Chúng tôi lúng túng không biết phải làm gì để cho anh hồi phục, lúng túng vì dù không có kiến thức y khoa, chúng tôi đều cảm thấy anh đang đi trên con đường một chiều, không còn cơ may nào quay trở lại đời sống bình thường như trước. Chị Lai Hồng vừa kể chuyện đời sống mới của chị ở Florida vừa xoa bóp hai ống chân và cánh tay anh. Tất cả chỉ còn xương bọc da. Trên toàn thân, trừ hai tay, đôi mắt là còn sự sống, tất cả đều bất động. Trong khi đầu óc anh vẫn hết sức tỉnh táo. Hai câu anh viết, với cái gạch ngang ở đầu dòng, với những lời lẽ được lựa chọn thích hợp và chính xác, vẫn còn đầy đủ tính cần trọng cần thiết của một người suốt đời trân trọng và tin tưởng ở sức mạnh của ngôn ngữ. Vẫn còn đầy đủ sự trân trọng của anh đối với bạn bè, không phân biệt tuổi tác, tính tình, tài năng, học thức. Bất cứ ai yêu văn chương đều là bạn anh, đều được anh xem là tâm giao vì đã sống hết mình trong "cõi viết", và theo anh, như thế họ "đã là". Tôi nghĩ suốt thời gian anh nằm một mình trong các bệnh viện vào giai đoạn cuối đời, ngay cả thời gian anh còn ở căn phòng chung cư sau quán Song Long nằm suốt ngày trên giường vì đôi chân quá yếu, sự đau khổ nhất của Mai Thảo là trí óc minh mẫn trong khi thân thể ngày càng bất lực. Nhớ bài thơ bệnh anh làm khi chưa thật sự bệnh:

Mỗi lần cơ thể gây thành chuyện

Ta lại cùng cơ thể chuyện trò

Bảo nó chớ gây thành chuyện lớn

Nó nghĩ sao rồi nó lại cho.

Như thế nghĩa là từ lâu lắm, từ hơn mười năm trước khi "cơ thể gây thành chuyện lớn", anh đã tiên liệu cái ngày trí óc anh và cơ thể anh không đi cùng một con đường. Phải chăng đây là cái mâu thuẫn lớn nhất trong cuộc đời đầy mâu thuẫn của anh?

Đám tang của nhà văn Mai Thảo quy tụ hầu hết những người bạn thực sự yêu thương quý trọng anh, và nếu nhìn một vòng những người đưa anh tới nơi an nghỉ cuối cùng, chúng ta thấy họ thuộc đủ mọi thành phần. Họ khác biệt nhau về tuổi tác, sở thích, tính tình, học thức, nghề nghiệp... Có thể ngoài niềm đau chung là cái chết của Mai Thảo, họ không có gì để nói với nhau. Mai Thảo là một người có nhiều bạn. Anh sống hết mình với bạn, ân cần lo lắng cho bạn. Nói như thế không có nghĩa là anh coi tất cả những người anh gặp trên đường đời là bạn. Anh có một tiêu chuẩn kết bạn khá lạ lùng, đôi khi cực đoan và phi lý. Chẳng hạn trong văn giới, anh thường phân biệt những người "bạn văn" của anh với những người anh liệt vào hạng "ngoại đạo". Tiêu chuẩn ấy không dựa vào tài năng, vào giá trị tác phẩm của người viết. Cũng không dựa vào vị trí xã hội của họ. Bằng cách định giá của riêng anh, Mai Thảo liệt vào hàng "ngoại đạo" tất cả những người (theo anh nghĩ) không xem văn chương là lẽ sống duy nhất trong đời, những người đầu tư tâm lực của mình vào một ngành hoạt động khác nhưng lâu lâu nhảy vào văn chương như một thú giải trí cuối tuần. Cũng có lúc anh nói rộng tiêu chuẩn ngoại đạo này, xét cả đến cách sống. Anh không mấy ưa cách sống ngăn nắp sáng vác ô đi tới vác về của giới công chức, và cảm thấy dễ thân thiết gần gũi hơn với giới nghệ sĩ trình diễn sống không theo khuôn phép khắt khe của guồng máy xã hội. Một khi đã nhận ai là người "trong đạo", Mai Thảo cư xử hết sức chân thành với họ. Ngược lại, anh dửng dưng (và đôi khi còn cay nghiệt nữa) đối với những người bị liệt vào hàng ngoại đạo. Khuynh hướng định giá bạn bè theo lối ấy, theo tôi, đã làm nảy sinh những tình cảm yêu ghét cực đoan về Mai Thảo. Làm nảy sinh một hiện tượng trong văn học Miền Nam trước 1975 mà nhà văn Nguyễn Sỹ Tế, khi trả lời phỏng vấn của Đài RFI, gọi là hiện tượng "thiệt triều". Những nhà nghiên cứu phê bình văn học sau này có thể không đồng ý với nhau về văn chương Mai Thảo và ảnh hưởng thực sự của nhóm Sáng Tạo đối với văn học Miền Nam, nhưng trong sinh

hoạt văn hóa của Miền Nam suốt hai mươi năm (1955-1975), không ai có thể phủ nhận được ảnh hưởng lớn lao của Mai Thảo. Anh gây thành một phong trào viết óng ả chải chuốt như lối viết của anh, lối viết đó lan sang giới truyền thanh qua những lời giới thiệu bài hát, chương trình Tao đàn, và cho tới bây giờ, đã trở thành cái nếp không thể bỏ được, làm nhịp cầu giữa ca nhạc và văn chương. Anh tạo thành một thể lực văn hóa ảnh hưởng lan rộng qua nhiều ngành, từ văn chương, báo chí, xuất bản, qua ca nhạc, điện ảnh.

Tất cả những "thể lực", những "ảnh hưởng" lớn lao ấy không do chủ ý của Mai Thảo. Anh không hề "muốn gây thành chuyện lớn". Tìm hiểu về thuở ban đầu của tờ *Sáng Tạo* (qua lời những người sáng lập, qua chính lời anh kể), chúng ta sẽ thấy không hề có những tuyên ngôn lớn lao, những triết lý định hướng, những sơ đồ cách mạng nào cả. Mỗi người một ý. Bản tính ai thế nào thì cứ viết như thế. Doãn Quốc Sỹ là một trong những cây bút cột trụ của *Sáng Tạo*, nhưng làm sao tìm ra "không khí *Sáng Tạo*" trong *Khu Rừng Lau* hay *Dòng Sông Định Mệnh*? Người "sáng tạo" nhất của nhóm có lẽ là Thanh Tâm Tuyền. Còn Mai Thảo, người cầm lái, thì văn phong của anh dù hết sức tân kỳ trong cách sử dụng ngôn ngữ (biến danh từ thành động từ, biến tính từ thành danh từ...) vẫn nặng tính cổ điển biến ngẫu. Ngay cả chuyện nhận tài trợ của cơ quan USIS (mà chính quyền cộng sản dựa vào đó kết án cả Mai Thảo lẫn tờ *Sáng Tạo* là công cụ của Mỹ), Mai Thảo vẫn không xem là điều quan trọng. Anh khơi khơi mà viết, khơi khơi mà sống, kết bạn kết thù cũng hết sức khơi khơi, như một người đi lạc giữa đời. Do đó tuy nhiều bạn, nhưng suốt đời anh cô đơn.

Anh kết bạn vì sợ cô đơn. Không biết thời trước 1975 ở Sài Gòn thế nào, chứ trong thời gian quen anh ở Hoa Kỳ, tôi thấy anh là người cô đơn nhất trong những bạn văn tôi biết. Mai Thảo tự phác họa chính xác chân dung của anh, hay nói đúng hơn, chân dung nỗi cô đơn lớn lao của anh:

Sớm ra đi sớm hoa không biết

Đêm trở về đêm cảnh không hay

Vàng trắng đôi lúc tìm ra dấu

Nơi góc tường in cái bóng gầy

Nhiều hôm sau một cuộc họp mặt đông vui nhiều bạn bè, tôi chờ anh về căn gác trọ lúc phố xá vắng tanh. Khu chung cư dành cho người già cũng ngủ im trong khuya khoắt. Xe dừng. Nhưng Mai Thảo ngồi im, không muốn xuống. Anh đề nghị tìm một chỗ họp mặt nào khác. Khi thấy đề nghị của mình vô lý, anh đành mở cửa, bước khỏi xe. Anh than: "Lại phải trở về cái quan tài này nữa." Anh không cảm thấy yên ổn trong căn phòng quen thuộc của anh. Mà anh cũng không tìm thấy chỗ nào trên trần gian này là nơi an trú, từ ngày anh phải xa quê hương. Chỗ nào cũng là quan tài, phòng giam lạnh lẽo.

Mỗi ngày một gạch mỗi ngày giam

Lên bức tường cam cạnh chỗ nằm

Gạch miết tới không còn chỗ gạch

Gạch vào trôi giạt tới nghìn năm.

Anh là hiện thân trọn vẹn nhất của hai tiếng "lưu vong", hơn thế nữa, trong khi những bạn văn khác tìm cách thích nghi với hoàn cảnh mới, Mai Thảo khẳng khái sống y như cũ, từ chối tất cả những thay đổi cần thiết để hội nhập. Anh không học Anh văn, không lái xe, chữ viết nắn nót trang trọng trên trang giấy kẻ hàng, thậm chí hàng tháng cứ dùng viết Bic viết từng địa chỉ và họ tên của bảy trăm độc giả dài hạn của tạp chí Văn lên phong bì chứ không dùng phương tiện điện toán hiện đại. Tinh thần anh đề kháng với những gì đang đổi thay trước mắt. Bức ảnh chụp Mai Thảo ngồi một mình trên ghế chờ xe buýt trong khi hậu cảnh là một vệt mờ của chiếc xe buýt đang chạy qua, sở dĩ được xem là bức ảnh đẹp nhất trong loạt chân dung Mai Thảo, vì nhiếp ảnh viên đã chụp bắt được "chất lưu vong" của nhà văn. Anh là người ngồi chờ một chuyến xe buýt không bao giờ có. Chuyến xe của quá khứ. Những chuyến xe của đời thường qua lại đúng giờ trước mắt anh, nhưng anh từ chối không bước lên. Anh chờ những chuyến xe từng chờ anh từ Nam Định lên Hà Nội. Anh chờ những chuyến xe chờ

anh từ đường Ký Con về đại lộ Tự Do. Anh chờ Quá Khứ. Một mình chờ. Héo hắt chờ.

Y lý hiện đại không giải thích được căn bệnh của Mai Thảo. Theo lẽ thường, uống rượu nhiều như anh thì dù có lá gan bằng bạch kim cũng phải cháy. Lúc bệnh anh trở nặng, các bác sĩ quen thân của anh đoán chắc không cần chẩn đoán thử nghiệm lồi thối cũng biết anh đã tới ngày phải trả giá cho thói quen lạm dụng rượu mạnh. Nhưng kết quả hoàn toàn trái ngược. Gan anh bình thường. Rà soát hết lục phủ ngũ tạng, cơ thể Mai Thảo không mắc phải chứng bệnh gì. Bệnh viện kết luận anh chỉ bị chứng suy dinh dưỡng, vì anh không chịu ăn uống gì cả. Chỉ cần ráng ăn cho cơ thể có đủ chất dinh dưỡng, là mọi sự được giải quyết.

Thật dễ dàng, và đơn giản. Nhưng tới đây thì cơ thể của Mai Thảo lên tiếng. Nó "gây thành chuyện lớn". Nó từ chối không chịu ăn. Nó hợp tác với tinh thần lưu vong để kháng để nói lớn: "Không!"

Mắt đã từ lâu mù đáng người

Tai đã từ bao lạc tiếng đời

Đứng lên gửi lại lời xin lỗi

Của kẻ ra về giữa cuộc chơi.

Gửi lại lời xin lỗi! Mai Thảo xin lỗi chúng tôi hôm ấy ở bệnh viện Barlow. Anh không muốn đi cùng đường với chúng tôi, cố gắng thích nghi với cuộc sống trước mắt. Anh muốn quay ngược trở lại. Cho nên tôi không mấy ngạc nhiên khi hay tin trong những ngày cuối đời ở bệnh viện Garden Grove, anh cũng dùng bút đàm hỏi nhà thơ Trần Dạ Từ là bao giờ cho anh về lại đường Ký Con. Nỗi cô đơn lớn lao của anh chỉ được giải tỏa khi anh bước lên những chuyến xe buýt cũ của quê hương mà không còn phải sợ bất cứ thứ quyền lực trần thế nào. Anh đã toại nguyện.

Nguyễn Mộng Giác

*Phay Van

TẢN MẠN VỀ SÁNG TẠO

Ra đời tháng 10 năm 1956 và phát hành số cuối cùng năm 1961 giữa thủ đô Sài Gòn nắng ấm của Việt Nam Cộng Hòa, tạp chí Sáng Tạo với những tên tuổi sau này thành sáng chói trên văn đàn Việt Nam như Mai Thảo, Nguyên Sa, Vũ Khắc Khoan, Mặc Đỗ, Nguyễn Sỹ Tế, Doãn Quốc Sỹ, Thanh Tâm Tuyền... dù thế vẫn rất lạ lẫm đối với thế hệ chào đời vào nửa cuối thập niên 1960 chúng tôi. Lứa tuổi chúng tôi chỉ biết đến Văn và Bách Khoa, vì những tạp chí này có mặt đến tận 1975. Tuy nhiên cái biết này có được cũng là nhờ đọc "với", đọc những sách báo cao hơn độ tuổi, vượt quá tầm hiểu biết của mình.



Sáng Tạo - như cái tên của nó - đã khẳng định tư thế sáng tác của nhóm chủ trương. Với tư thế đỉnh đặc thông dong, các văn nghệ sĩ bước vào văn học nghệ thuật, khai sinh ra nền văn học miền Nam, nuôi dưỡng và làm cho nó phát triển rực rỡ suốt hai mươi năm. Một nền văn học đồ sộ về

quy mô, đa dạng, phong phú về hình thức, sâu sắc, minh triết về tư tưởng, trước đó chưa từng có và sau đó cũng chưa thể sánh bằng - tôi nghĩ thế - cho tới lúc này. Cái đỉnh đạc của những người biết mình nghĩ gì, cần nói gì. Cái thông dong của con người tự do đang được hít thở bầu không khí trên một xứ sở tự do có triết lý giáo dục là "Nhân bản, Dân tộc và Khai phóng". Nền giáo dục đó đã là nền tảng, đã đề cao tự do cá nhân và khích lệ tinh thần sáng tạo nơi mỗi con người.

Hồi xưa đọc Văn, tôi thấy hay quá (tôi nghiệp và cũng hân hạnh cho thế hệ chúng tôi)! Bây giờ được đọc những bài về Sáng Tạo trên trang của nhà văn Trần Hoài Thu, tôi ngẫm ra một điều: Sáng Tạo như là cái nôi của Văn, như là mảnh đất cho các mầm văn nghệ sĩ tài hoa của miền Nam tự do năng ẩm vươn chồi nảy lộc.

Miền Bắc không có "Sáng Tạo", cho nên miền Bắc không có văn chương. Văn nghệ sĩ miền Bắc làm cái gì cũng phải theo chỉ thị của "Bác" và đảng. Văn học miền Bắc là thứ văn chương một chiều có định hướng, nhằm phục vụ, tuyên truyền cho đường lối, chính sách của chế độ độc tài ngu dốt, giáo điều, cuồng tín. Thứ văn chương (tôi nghiệp hai chữ văn chương) nô dịch, sùng bái, thần thánh hóa lãnh tụ. Thứ văn chương khát máu, cổ động, thúc đẩy trẻ vị thành niên xông vào cuộc chiến nôi da xáo thịt. Thứ văn chương nói toàn lời giả dối, dù bụng đói vẫn phải ca tụng cảnh lao động tập thể trong các nhà máy và trên nông trường. Mỗi "văn nghệ sĩ" miền Bắc được chế độ biến thành một cái loa công cộng. Cái loa nào cũng na ná như nhau, không có nét đặc trưng tạo nên sự khác biệt, đa dạng và phong phú vì chúng không những được làm ra từ cùng một khuôn mà còn ra rả phát cùng một nội dung. Không quá lời khi người ta cho rằng miền Bắc không có nghệ sĩ sáng tác, chỉ có văn nô.

Bản chất của Satan là ghen ghét, ganh tị và tàn ác. Nó luôn

luôn tìm cách tiêu diệt những điều thiện hảo. Từ thuở khai thiên lập địa Satan đã tìm cách chống lại Đức Chúa Trời nhưng thất bại thảm hại. Ngày nay người ta có thể nhìn thấy hình ảnh Satan nơi chế độ độc tài cộng sản: họ không chấp nhận sự khác biệt nhưng tìm cách loại trừ, thủ tiêu những phe nhóm, đảng phái không cùng đường lối, thậm chí ngay cả khi cùng hướng đến một mục đích. Thời niên thiếu tôi có một kỷ niệm sâu sắc, khó quên, đó là cảm giác mất mát, hụt hẫng, chơi vơi của những người thấp cổ bé họng, cái thời sau 1975 bị cộng sản ulla vào nhà tịch thu sách báo. Sau này tôi đã hiểu nỗi đau của cả một nền Văn học miền Nam bị bức tử. Nguyên nhân chính cũng bởi lòng ghen ghét, ganh tị và tàn ác của Satan nơi họ: Đó là vì miền Nam của tôi có Sáng Tạo, còn họ thì không.

Nhưng, như ngày xưa Satan thất bại thế nào, thì ngày nay hậu duệ của nó cũng thất bại thế ấy, vì nhà văn Trần Hoài Thư và các bạn ông đã và đang cố gắng vực nền Văn học miền Nam sống lại, và ai cũng nhận ra văn chương miền Bắc là một thứ văn nghệ bị "rọ mõm"!

Phay Van

***Trần Thị Nguyệt Mai**

SÁNG TẠO VÀ TÔI

Khi tạp chí Sáng Tạo ra đời năm 1956 thì tôi vẫn còn nhỏ tí ... Hình như ba tôi thích ông Nhất Linh và Tự Lực Văn Đoàn hơn, nên trong nhà tôi không có cuốn Sáng Tạo nào cả. Nói như thế là vì khi lớn lên, sau bao nhiêu lần dời nhà,

từ nhà lớn qua nhà nhỏ, từ nhà mua đến nhà mượn, rốt cuộc “tủ sách” của ông rơi rớt... chỉ còn sót lại một cuốn Giai phẩm Văn Hóa Ngày Nay - *Đăng những bài và truyện có giá trị bất cứ thời nào, nơi nào* - và những cuốn tiểu thuyết Đoạn Tuyệt, Bướm Trắng của Nhất Linh, Hồn Bướm Mơ Tiên và Tiêu Sơn Tráng Sĩ của Khải Hưng... Bệnh tật cướp mất cha khi tôi chưa đủ lớn khôn. Ông đã ra đi chỉ sau nhà văn Nhất Linh vài năm.

Và từ đó, gia đình tôi ngày càng gặp nhiều khó khăn hơn. Tất cả mọi thứ tiền đều được tính toán chi li. Tiền ăn, tiền học còn phải lo từng bữa thì tiền mua sách truyện đọc là một thứ "xa xỉ"; khác với ngày còn nhỏ, ba hay mua cho tôi những cuốn sách truyện thiếu nhi, bìa dày, chữ to, in màu và hình ảnh rất đẹp... "Mồ côi cha ăn cơm với cá"... Tôi thấy rằng mình vẫn còn rất may mắn, vẫn được tiếp tục đến trường mà không bị bỏ dở việc học. Mẹ đã cố gắng lo cho chúng tôi rất đầy đủ... Năm học lớp Đệ Tứ, niên khóa 1968 - 1969, thầy Việt Văn của tôi là giáo sư Bằng Giang ra tập sách mỏng "Từ thơ mới đến thơ tự do". Qua đó, lần đầu tiên tôi được nghe đến tên của các nhà thơ Thanh Tâm Tuyền, Quách Thoại, Nguyên Sa... và biết đến những câu thơ như:

*Hôm nay Nga buồn như một con chó ốm
Như con mèo ngái ngủ trên tay anh*
(Nguyên Sa - Nga)

Hay:
*Đi đi chúng ta đến công viên
Nơi anh sẽ hôn em đắm đuối
Ôi môi em như mật đắng
Như móng sắc thương đau
Đi đi anh đưa em vào quán rượu
Có một chút Paris
Để anh được làm thi sĩ
Hay nửa đêm Hà nội*

*Anh là thằng điên khùng
 Ôm em trong tay mà đã nhớ em ngày sắp tới
 (Thanh Tâm Tuyền - Dạ khúc)*

Năm học lớp Đệ Nhị, chúng tôi được học "Thơ Mới".
 Nhằm lúc "tuổi vừa lớn" có cô cậu học sinh nào mà không
 có một chút lãng mạn để yêu những bài thơ tình của Xuân
 Diệu, Huy Cận... như:

*Anh chỉ có một tình yêu thứ nhất
 Đem cho em kèm với một lá thư
 Em không lấy là tình anh đã mất
 Tình đã cho không lấy lại bao giờ.
 (Xuân Diệu - Một tình yêu)*

Hay là:
*Làm sao cắt nghĩa được tình yêu!
 Có nghĩa gì đâu, một buổi chiều
 Nó chiếm hồn ta bằng nắng nhạt,
 Bằng mây nhè nhẹ, gió hiu hiu...
 (Xuân Diệu - Vì sao)*

Hoặc:

*Áo trắng đơn sơ mộng trắng trong
 Hôm xưa em đến mắt như lòng
 Nở bừng ánh sáng - Em đi đến
 Gót ngọc dồn hương, bước tỏa hồng
 (Huy Cận- Áo trắng)*

Tuy thế, chúng tôi cũng được thưởng thức thơ Sáng Tạo đó
 chứ, đặc biệt là các bài thơ được phổ nhạc của các nhạc sĩ
 Phạm Duy (Tiễn em, Mùa thu Paris - phổ thơ Cung Trầm
 Tưởng), Phạm Đình Chương (Lệ đá xanh - phổ thơ Thanh
 Tâm Tuyền, Người đi qua đời tôi - phổ thơ Trần Dạ Từ),
 Ngô Thụy Miên (Tuổi mười ba, Cần thiết, Paris có gì lạ
 không em? - phổ thơ Nguyên Sa)...

Sau tháng tư đen, tất cả sách vở tại miền Nam bị gán ghép cho những tên gọi "phản động và đồi trụy" hay "nọc độc văn hóa Mỹ Ngụy" và bị thiêu hủy,... Đâu ai có thể ngờ sau này nó lại được một nhà văn nay tuổi đã ngoài bảy mươi, từ một căn hầm tại New Jersey ở Mỹ, âm thầm tiếp tục công việc giữ gìn di sản văn chương miền Nam, sưu tầm, in ấn, rồi lại cặm cụi khâu chỉ đóng từng "tép" của cuốn sách dày cả ngàn trang, tuy nay mắt đã kèm nhèm, tay đã run rẩy làm đôi khi kim đâm thấu tay đến rỉ máu. Để chứng tỏ cho mọi người thấy rằng văn chương miền Nam là văn chương tự do, nhân bản, nói lên tình yêu và cái đẹp trong cuộc sống. Nó không phải là thứ văn chương "tuyên truyền" theo kiểu:

Nay ở trong thơ nên có thép
Nhà thơ cũng phải biết xung phong
 (Hồ Chí Minh)

Và tôi cũng không ngờ bây giờ tôi lại có "duyên" với Sáng Tạo khi anh Trần Hoài Thu đề nghị chủ đề của tạp chí TQBT 60 là "Sáng Tạo" và anh sẽ ra một phụ bản thơ đi kèm. Là "thầy cô" nên tôi được ưu tiên đọc trước tập thơ này. Thật là hạnh phúc biết bao nhiêu! Tôi đã được đọc những bài thơ thật hay của các tác giả Nguyên Sa, Thanh Tâm Tuyền, Quách Thoại, Đinh Hùng, Vũ Hoàng Chương, v.v... Những ý thơ, lời thơ, thật "sáng tạo" và thật hay so với "thơ mới" đã được học năm lớp đệ nhị. Theo tôi, nó gần với mỹ cảm hơn. Tôi đặc biệt yêu thích Thanh Tâm Tuyền với "Ôm em trong tay mà đã nhớ em ngày sắp tới", Nguyên Sa với:

"Anh về giữa một giòng sông trắng
Là áo sương mù hay áo em"

Tô Thùy Yên với "Cánh đồng con ngựa chuyển tàu"
 Hay Trần Dạ Từ với:

"thua làm thơ yêu em
giời mưa chưa ướt áo

*hoa cúc vàng chân thềm
gió may lưng bờ giậu”*

Tôi tự hỏi tại sao ngày ấy các viên chức thuộc Bộ Quốc Gia Giáo Dục của Việt Nam Cộng Hòa đã không cập nhật, đưa vào chương trình “Thơ Sáng Tạo” cho học sinh được học? Nó quá tuyệt vời so với “Thơ Mới”.

Tôi cũng đã được tiếp xúc với văn bản "gốc" để khám phá ra rằng đa số những bài thơ phổ biến trên mạng đều có những sai sót như câu "tam sao thất bản" mà người ta thường nói. Chẳng hạn như bài thơ “Đẹp” sau đây của Nguyên Sa:

*Người về đâu mà **lầu** đài hoang phế
Mang dáng người trên mỗi nắm bìa phai
Trăm vạn đường mây xê dịch chân trời
Theo tiếng nhật khoan của từng nhịp bước*

***Dù về** đâu tôi xin **dừng** chậm gót
Để làm gì cho mỗi mắt trần gian
Có bao giờ tôi sẽ phải làm quen
Lời ngỏ ý sẽ là kinh cầu nguyện...*

(Nguồn: <http://vanhoc.xitrum.net/thoca/hiendai/5056.html>)

Trong khi bản chính như thế này:

*Người về đâu mà **đền** đài hoang phế
Mang dáng người trên mỗi nắm bìa phai
Trăm vạn đường mây xê dịch chân trời
Theo tiếng nhật khoan của từng nhịp bước*

***Dù người về** đâu tôi xin **dừng** chậm gót
Để làm gì cho mỗi mắt trần gian
Có bao giờ tôi sẽ phải làm quen
Lời ngỏ ý sẽ là kinh cầu nguyện...*

(Nguồn: Sáng Tạo số 13 năm 1957)

Khi nhận biết việc này, tôi đã cố gắng dò kỹ từng bài, giữ nguyên văn... của tác giả, chỉ sửa đôi chỗ sai sót chính tả. Và giữ nguyên, nếu có thể, những từ “cổ”. Chẳng hạn “giây”. Ngày nay, “giây” là một đơn vị của thời gian, nhưng ngày trước, ngoài nghĩa đó, nó cũng có đồng nghĩa với “dây”. Bạn có thể tìm thấy trong thơ Thanh Tâm Tuyền.

*Anh sợ những cột đèn đổ xuống
Rồi giây điện cuốn lấy chúng ta*

Có vài số Sáng Tạo bị thiếu, may thay họa sĩ Đinh Cường có được vài cuốn trong số đó và anh đã một đêm mất ngủ để scan gởi đến cho tôi. Điều khó khăn thứ hai là có một số thơ đăng sau này khác với bản gốc ở ST vì lý do tác giả đã sửa lại trước khi xuất bản thành sách, trong khi chúng tôi chỉ căn cứ vào bản gốc.

Như vậy có thể nói, đa phần những bài thơ trong tập thơ này đều có từ bản gốc. Anh em chúng tôi đã cố gắng để gửi tới bạn đọc một tài liệu đáng tin cậy. Để phục hồi văn chương miền Nam. Để thấy được giá trị nhân bản của nó. Và để chứng tỏ với mọi người rằng: "Vũ lực có thể chiến thắng trong một giai đoạn, nhưng tính người mới là cái ở lại mãi mãi trong tim mọi người". Tôi tin chắc rằng những thế hệ sau này cũng sẽ còn mãi yêu thích những vần thơ của các tác giả Sáng Tạo như Thanh Tâm Tuyền, Quách Thoại, Tô Thùy Yên, Nguyên Sa, Đinh Hùng, Vũ Hoàng Chương v.v...

Trần Thị Nguyệt Mai

6.10.2014

PHẦN CHỦ ĐỀ

HÀNH TRÌNH CỦA



(THT sưu tập và đúc kết)

Sáng Tạo có mặt với tất cả 38 số chia làm hai giai đoạn:

Giai đoạn I (1956-1959): Sáng Tạo Bộ cũ gồm 31 số
 Giai đoạn II (1960-1961): Sáng Tạo Bộ mới gồm 7 số sau
 8 tháng đình bản..

Sáng tạo và những ngày đầu đầy thuận lợi



Có thể nói Sáng Tạo (ST) được ra đời với tất cả những thuận lợi. Có một tập thể đông đảo những chàng thanh niên trí thức mà đa số từ Bắc di cư vào, ít nhiều có cùng chung

một lý tưởng về văn học và nghệ thuật. Cộng thêm vào một khoảng trống rất to lớn về sinh hoạt văn học nghệ thuật bấy giờ. Tôi thử nhờ thư viện Cornell để tìm xem có tạp chí văn học nào hiện diện trong thời gian từ 1954 đến năm 1956, nhưng chỉ tìm được hai tờ báo: Đó là tờ *Đời Mới* của Trần Văn Ân và *Văn Nghệ Tập San*. *Đời Mới* là một tuần báo, thoát thân từ tạp chí “Độc Thấy chung quanh thế giới” do Cơ quan Thông tin Hoa Kỳ tài trợ, có mặt trước 1954 quy tụ những cây viết kháng chiến về thành như Thiếu Sơn, Sơn Nam, Trần Bạch Đằng, Lý Văn Sâm, Dương Tử Giang... bị chính quyền Ngô Đình Diệm rút giấy phép vì buộc tội chủ nhiệm Trần văn Ân ủng hộ Bình Xuyên [1] [1a]

Trước một bối cảnh như vậy, cộng vào sự tiếp trợ dồi dào của Phòng Thông Tin Hoa Kỳ (USIS)[2], ST đã tung hoành một mình một cõi, gây nên một sự rung động trong sinh hoạt văn học nghệ thuật âm ỉ và buồn nản bấy giờ. Quan niệm về nghệ thuật mới được cổ súy, hô hào triệt để. Chủ trương dứt bỏ quá khứ, chối bỏ văn học tiền chiến. Quyền tự do viết, suy nghĩ của nhà văn/nhà thơ được đề cao hàng đầu và được biểu lộ qua thơ văn cũng như trong bốn cuộc thảo luận của nhóm. Saigon lần đầu tiên được đăng quang vương miện trên trang đầu tiên của số 1 với viễn ảnh chói lòa và rực rỡ dưới ngòi bút của Mai Thảo qua bài viết: SÀI GÒN THỦ ĐÔ VĂN HÓA VIỆT NAM,

Sài gòn thủ đô văn hóa Việt Nam: Không phải là một danh từ, một câu nói suông nhạt. Không phải là một ảnh hình trù tượng. Không phải là một ảo tưởng mong manh còn nằm trong ngày tới xa thẳm. Không phải là một ý niệm khát khao đợi chờ. Đã là một thực thể được mình định: Văn Hóa Việt Nam thực hiện hôm nay và sẽ được kiên toàn trong ngày tới đã có được một trung tâm xuất phát và sinh thành: Thủ đô Sài Gòn.... [3]

Từ số 3 Sáng Tạo bắt đầu dạy làm văn học nghệ

thuật



Từ số 3 đến số 30 (tháng 5 năm 1959), ST dành những trang cuối cho mục: **Qua những Bộ môn văn nghệ** gồm những mục như Điểm sách, xem triển lãm tranh hay những tin tức thời sự văn học nghệ thuật trong nước hoặc thế giới.

Trong Mục này, phần điểm sách chiếm nhiều trang nhất. hầu hết các tác giả đều bị “đưa lên bàn mổ” không ít thì nhiều.

Có lẽ mục này đã tạo nên phản ứng không thuận lợi cho ST nên từ số 31 bộ cũ mục này bị hủy bỏ.

Để giúp quý bạn có cái nhìn về mục này, chúng tôi xin trích một số bài điểm sách tiêu biểu. Có vài tác giả chúng tôi mượn từ tập “Thanh Tâm Tuyền và những người bạn của Sáng Tạo” của Dương Nghiễm Mậu phổ biến trên Internet

Với Nguyễn Hoạt:

Tôi không muốn hạ thấp Trăng nước Đồng Nai xuống loại tiểu thuyết điểm tình ai cũng viết được kể cả những người

thiếu ý thức nghệ thuật. Tôi đón cuốn sách như một tác phẩm...

(ST số 20 tháng 5 năm 1958)

Với Bằng Bá Lân:

Tiếng Vông Đưa vẫn y nguyên đáng điệu những tập thơ trước. ... Tôi muốn tìm một cái gì mới lạ để nói nhưng không thấy. Trái lại, những bài Vịnh Trái Cây dưới đầu đề Thơ Miền Nam đã làm tôi thất vọng. Bằng Bá Lân đã trở nên quá dễ dàng với nghệ thuật, với chính ông. Tên tuổi của ông không cho phép ông đứng lại như vậy.

(ST số 14 tháng 11 năm 1957)

Với Nguyễn Vỹ:

Nếu có một ông thầy tuồng cắt xén thành hồi, thành lớp, đề dựng thành kịch, thêm sáu câu vọng cổ, mấy bài hát cải cách và mũ áo La Mã, thì *Chiếc Áo Cưới Màu Hồng* sẽ là một đề tài lý tưởng cho một sân khấu cải lương nào đó.

(Nguyễn Đăng, ST số 13 tháng 10 năm 1957: Điểm sách *Chiếc Áo Cưới Màu Hồng* của Nguyễn Vỹ)

Với Nguyễn Kiên Trung (tức Nguyễn Mạnh Côn)

Đọc xong “*Đem Tâm Tình Viết Lịch Sử*” tôi thấy cũng một lúc Ông Nguyễn Kiên Trung muốn làm trọn cả ba công việc: viết văn, viết sử và lập thuyết. Nhưng theo tôi ông chưa đạt được sở nguyện. Ở trên tôi gọi cuốn sách của ông bằng danh từ “tác phẩm” viết chữ ngã. Kể ra cũng hơi bất công với ông Nguyễn Kiên Trung. Dầu sao một cuốn sách dày trên 200 trang như cuốn *Đem Tâm Tình Viết Lịch Sử* đã là một công trình đáng gọi là tác phẩm rồi. Huống hồ nó lại còn chứa đựng nhiều đoạn văn mà người đọc phải công nhận rằng tác giả đã gửi vào đó cả tâm hồn mình. Nhưng về phương diện kỹ thuật *Đem Tâm Tình Viết Lịch Sử* đã được sáng tác qua một hình thức rất hỗn hợp. Sự bố

cục lại hết sức lỏng lẻo: bốn bức thư chồng lên nhau một cách dễ dãi. Người đọc không cảm thấy được tiếp xúc với một toàn thể nhất trí. Cho nên tôi vẫn nghĩ rằng *Đem Tâm Tình Viết Lịch Sử* của Ông Nguyễn Kiên Trung chưa thể là một “tác phẩm” theo ý nghĩa hết sức chuyên môn của danh từ.

...Sự khô cạn của tâm tình ông thấy rõ ở phần mở đầu giới thiệu – phần tôi cho là hỏng nhất – mà ông viết sau cùng và phải bắt **nguồn vào một hiện tượng không có gì đáng kể lắm: Hiện tượng Nhân Văn Giai Phẩm ở ngoài Hà Nội.**

(Mặc San, ST số 22 tháng 7 năm 1958)

Với Triều Đầu:

Điểm không làm tôi thỏa mãn là lối xây dựng nhân vật trong phóng sự của Triều Đầu.

(MT: ST số 22 tháng 7 năm 1958, *Những thiên đường lở - phóng sự của Triều Đầu*)

Với Mặc Đỗ:

... Một tiểu thuyết có tính chất luận đề. Những nếp sinh hoạt và những nhân vật điển hình. Mặc Đỗ muốn đưa ra một mẫu người mới: con người trí thức tiểu tư sản – trong truyện là Lê – tuy sống đầy đủ phong lưu, nhưng giác ngộ bởi một tinh thần tiến bộ, đã bắn khoả trước những vô lý của thời đại. Tóm lại một con người toàn diện sống “trọn” đời sống tình cảm và tinh thần mình. (...) Phải nói là để thể hiện một luận đề qua hình thức tiểu thuyết, trước hết cốt truyện không tương xứng và Mặc Đỗ chưa xóa bỏ được hoàn toàn những dấu vết của một sắp đặt còn thiếu tự nhiên (...) Tình tiết thiếu phần đột ngột kìm giữ một hơi văn đã mất phóng túng. Đề sau cùng, mấy trang bạt cũng không hơn gì một sự rào đón khéo léo.”

(Sáng Tạo số 15 tháng 12 năm 1957, Nguyễn Đăng điểm tiểu thuyết *Bốn mươi* của Mặc Đỗ.)

Với Mặc Đỗ:

Tôi rất bất mãn với tôi khi cầm bút phê bình Mặc Đỗ. Vì đối với tôi ông là một nhà văn đứng đắn lương tâm hiếm có trong văn chương chúng ta. Nhưng tôi không thể làm khác được vì tôi không muốn cũng làm đáng như nhân vật của ông.

(Thanh Tâm Tuyền, phê bình *Siu Cô Nương* của Mặc Đỗ, ST số 30 tháng 5 năm 1959)

Với Võ Phiến:

...Ngay cả ở nơi thiếu vắng hoàn toàn không khí tinh khiết và hơi thở thơm lành của thiên nhiên và tự do, đời sống con người vẫn có những thế giới những xã hội riêng. Vẫn có những mâu thuẫn. Vẫn có những thảm kịch. Lê Nọ, Huỳnh Thiện Thủ, Hòe và đến cả Linh nhân vật duy nhất của Chữ Tình đứng ở bên kia cửa sắt (nhưng cũng đã nằm trong một tù ngục vô hình) qua những ngày tháng lê thê, giữa hai hồi kếng tù, vẫn xáo động dày vò bởi những bản khoán, những đau đớn và những ước vọng như chúng ta. Một người yêu dấu. Một mái nhà cũ. Một giấc mộng đẹp... Võ Phiến đã sống với những con người ấy (...) Tôi chỉ muốn đi tới một nhận xét: Con người nói chung ở đâu và bao giờ trong bất cứ hoàn cảnh nào, tình cảm vẫn là một thực thể trường tồn và bất khả xâm phạm. Để những tên đao phủ cộng sản biết chúng không bao giờ thực hiện được âm mưu hủy diệt tình cảm, và chế biến nỗi người thành những lũ người máy.

Điểm đáng khen ngợi nhất của Võ Phiến trong Chữ Tình không phải ở cốt truyện gay cấn, đặc biệt, mà ở chỗ đã nói lên được tính chất “người” đó, theo ý tôi. Đọc Võ Phiến ở

đây, bối cảnh, thời và không gian chỉ là thứ yếu. Chính yếu là cái thể giới nội tâm của mỗi nhân vật.

Về hình thức, Chữ Tình giới thiệu Võ Phiến qua một lối hành văn bình tĩnh và chừng mực. Anh điều khiển ngòi bút tinh táo tuy đôi chỗ rời rạc thiếu lô cuốn, và rõ rệt là có dụng ý đi tới một lối diễn tả riêng. Cuối cùng tôi nghĩ tới những vùng đất đai cằn cỗi của miền Trung. Văn và tâm hồn Võ Phiến có nhiều sắc thái địa phương.”

Một năm sau, trên Sáng Tạo số 16 tháng 1 năm 1958 trang 55, Nguyễn Đăng, một bút hiệu khác của Mai Thảo, đọc tác phẩm thứ hai của Võ Phiến, đó là tập truyện ngắn Người tù, vẫn do nhà Bình Minh xuất bản tại Bình Định. Nguyễn Đăng viết:

“Với văn phẩm đầu tay là tập truyện ngắn Chữ Tình, đã xuất bản, người đọc đã vui mừng tìm thấy ở Võ Phiến một cây bút sở trường về thể truyện ngắn có rất nhiều triển vọng. Từ lối nhận xét tinh tế đến lối thể hiện, đơn giản, đúng độ. Từ cách thức xây dựng cốt truyện đến gây không khí, nhân vật. Võ Phiến đã tạo được một nghệ thuật vững vàng, đã làm chủ được ngòi bút của mình. Người Tù, tập thứ hai được in ra, đã chứng minh thêm điều nhận xét trên đây. Sự đều tay tìm thấy giữa hai tác phẩm có nghĩa là tác giả đã giữ vững được sắc thái riêng biệt của ông và vấn đề chỉ còn phải đặt ra, nếu cần, ở chỗ phát triển sắc thái đó càng ngày càng thêm sâu đậm. Ví như một người nhận đường đã tìm thấy hướng tốt, chỉ còn việc mở rộng và đi xa đi mạnh hơn. Đọc Chữ Tình với một cảm tưởng tốt đẹp, đọc Người Tù, tôi đã yên tâm và tin tưởng...”

(Mai Thảo đọc Chữ Tình của Võ Phiến Sáng Tạo số 7 tháng 4 năm 1957)

Số 12 (Bộ cũ) : Sáng Tạo ra tuyên ngôn của nhóm



Từ ánh sáng chói lòa của những giấc mơ về một Saigon “không phải là một ảo tưởng mong manh” mà là “một thực thể được minh định”, Sáng Tạo từ số 1 lẽ loi với những cây bút phần lớn quen thuộc thời trước 1954, kể từ số hai đã thêm vào sự nhập cuộc của Thanh Tâm Tuyền, Tô Thùy Yên, Trần Thanh Hiệp, Duy Thanh, Quách Thoại, Thạch Chương... mà những bài thơ tự do của Thanh Tâm Tuyền, hay Tô Thùy Yên... đã thật sự làm rung động một nền văn chương thi ca bấy giờ. Từ đấy, Sáng Tạo càng say men phấn khích, để tự xem họ là những người có thẩm quyền trách nhiệm về sự làm lớn mạnh nền văn học miền Nam. Họ ra tuyên ngôn đầy lửa, đưa ra những trách nhiệm và vai trò quá lớn lao:

Chúng tôi, những tác giả Việt Nam ký tên dưới đây, nhận thức:

- Những ràng buộc tất nhiên giữa cá nhân tác giả và cuộc sống của toàn thể - những ràng buộc đó đòi hỏi ở tác giả ý kiến, thái độ, hành động;
- Trách nhiệm mặc nhiên của tác giả trước xã hội và lịch sử - trách nhiệm đó phải được công nhiên đảm nhận
- Giá trị của sự lên tiếng chung - đã đến lúc tiếng nói của từng tác giả cần phải kết hợp vì đòi hỏi và trách nhiệm trên;

Bởi vậy, tự ý liên kết để:

- Thống nhất quan điểm, bày tỏ ý kiến, thái độ về những vấn đề cần đặt ra trong tinh thần tôn trọng tự do, độc lập của mỗi người;

- Tranh thủ những điều kiện căn bản tự do, độc lập thiết yếu cho sự tồn tại và phát triển của tư tưởng, văn chương, nghệ thuật.

Không nghĩ rằng công việc của chúng tôi có ảnh hưởng quyết định trong việc giải quyết những vấn đề, nhưng ít nhất cũng có giá trị một cố gắng của những người tha thiết với trách nhiệm, chúng tôi chân thành kêu gọi bạn đồng tình và viết bản văn này xác nhận sự có mặt của chúng tôi.

Doãn Quốc Sỹ - Duy Thanh – Mai Thảo – Mặc Đỗ - Nguyễn Sỹ Tế - Thanh Tâm Tuyền – Trần Thanh Hiệp – Vũ Khắc Khoan [4]

Bảng tuyên ngôn được đăng vào số 12 như nói lên sự hình thành của một nhóm đông đảo có một không hai trong sinh hoạt văn học nghệ thuật VN. Đó là một nhóm đã tạo nên lịch sử. Bởi từ trước đến nay, ít khi có một nhóm nào tồn tại lâu đời, không bị sút mẻ, không bị đổ vỡ hay tan rã như nhóm Sáng Tạo.

Sáng Tạo Bộ mới: với 4 cuộc thảo luận gây sôi nổi.

Sau 8 tháng đình bản, Sáng Tạo lại tái bản. Lần này ST được gọi là Sáng Tạo Bộ mới.

4 cuộc thảo luận được đăng trên số 1, 2, 3 và 4 Bộ mới. Đó là NHÂN VẬT TRONG TIỂU THUYẾT, THƠ BÂY GIỜ, NGÔN NGỮ MỚI TRONG HỘI HỌA, NHÌN LẠI VĂN NGHỆ TIỀN CHIẾN Ở VIỆT NAM.

4 cuộc thảo luận này được nhóm Sáng Tạo trao đổi, Mai Thảo ghi lại.

**Sáng Tạo số 4 Bộ mới: Đăng thông điệp của Tổng
Thống Ngô Đình Diệm: Điềm chẳng lành ?**



lần đầu tiên Sáng Tạo lại đăng nguyên một bài hiệu triệu của Tổng thống Ngô Đình Diệm mà nội dung trái ngược hoàn toàn với chủ trương mà ST từng hô hào và ra tuyên ngôn. Đó là Thông điệp của Tổng thống nhân ngày Thánh Đản Đức Khổng Tử (28-9-1960). Qua đó, nội dung ca ngợi hết mình đạo Khổng, dùng đạo Khổng như là kim chỉ nam. Đoạn cuối như sau:

“Hôm nay để tưởng nhớ đến công đức của Vị Thầy Muôn Đời, chúng ta hãy cùng nhau nguyện ước noi theo phương pháp sư tâm và hành động Ngài đã vạch ra, để góp phần vào việc xây dựng một văn hóa mới phù hợp với nhân vị con Người trong thế giới kỹ thuật ngày nay”

(Thông điệp của TT Ngô Đình Diệm, ST số 4 - Bộ mới)

Sáng Tạo số 6 Bộ mới: Sáng Tạo phản công. Mai Thảo gọi nhóm chống ST là “bọn bảo thủ phản tiến hóa”.

Trong bài viết *con đường trở thành và tiến tới của nghệ thuật hôm nay*, đăng trên số ST 6 Bộ mới (chúng tôi đánh máy và đăng lại ở số này), Mai Thảo đã nói rõ về một nhóm dưới tên “Mặt trận văn hóa” tìm cách đánh phá ST

mà ông gọi bằng một cụm từ “bọn bảo thủ phản tiến hóa”
(5)

Sáng Tạo số 7 Bộ mới. phát hành tháng 9-1961

Số báo cuối cùng sau 5 năm có mặt, với 8 tháng gián đoạn.



Sáng Tạo số 7 bộ mới tháng 9-1961: Số cuối cùng

(1) Vương Tân – *Tuần báo Đời Mới – Hồi ký văn học* – nguồn: Internet

(1a) Nguyễn văn Trần: *Một cuộc đời, một thế kỷ. Vài nét về đầu sĩ Trần văn Ân*. Nguồn: Internet

2) Vương Tân: *Tạp chí Sáng Tạo (Hồi ký văn học)*, nguồn Internet.

Nhà văn Thế Nguyên cũng đề cập vấn đề này trên tạp chí *Trình Bày* trong bài: Văn Nghệ trước những mưu đồ bất chính của hệ thống chiến tranh lạnh, Trình bày Saigon, 1970)

3) Mai Thảo – *Saigon thủ đô văn hóa VN* . Sáng Tạo số 1 tháng 10-1956

(4) Tạp chí Sáng Tạo số 12 tháng 9 năm 1957

(5) Mai Thảo: *con đường trở thành và tiến tới của nghệ thuật hôm nay* (Xin xem trọn bài đăng trong số này)

nhìn lại Sáng Tạo...

từ những người trong nhóm:

*Trần Thanh Hiệp • Mai Thảo • Doãn
Quốc Sỹ • Nguyễn Sỹ Tế • Tô Thùy
Yên ...,*

Trần Thanh Hiệp Ngày ấy... Sáng Tạo



Trần Thanh Hiệp
tranh đinh cường

*Mặt trời mọc
Mặt trời mọc*

*Rưng rưng mùa hoa gạo
 Lỡ một mai tôi chết trần trụi không com áo
 Thì hồn tôi xin phảng phất chốn trăng sao
 Để nhìn các anh như vừa gặp buổi hôm nào
 Và trong câu chuyện tôi sẽ cười nhắc bảo
 Còn sáng tạo ta hãy còn sáng tạo*

Quách Thoại

*N*ửa thế kỷ không lâu hơn một nỗi buồn. Tứ thơ mộc mạc này của một bài thơ cũ bất chợt hiện lên trong trí nhớ tôi khi mấy ngón tay tôi đập xuống bàn gỗ để nói về đất nước, về thân phận con người của một thời đã qua. Để viết về tờ báo **Sáng Tạo** mà dăm ba anh em bạn chúng tôi tình cờ quen biết nhau, cho ra đời ở miền Nam Việt Nam vào giữa những năm 1950, tôi thấy khó giữ được sự thân nhiên của một người kể chuyện cũ. Tôi tự cảm thấy tôi là một người sống sót, trên đường trở về từ nỗi buồn của mình...

Mặt trời mọc.. mặt trời mọc... rưng rưng mùa hoa gạo

Tại sao có Sáng Tạo? Và Sáng tạo là gì? Nó ở đâu ra? Những câu hỏi này đã được nêu lên nhiều lần và đã được nhiều người trả lời theo nhiều cách. Những gì đọc thấy dưới đây về **Sáng Tạo** không phải là những trang hồi ký *phơi lòng mình trên kẻ đá* của một người trong cuộc. Tôi muốn ghi lại những tiếng vọng của quá khứ như một cuộc đối thoại giữa những người trong cuộc với những người ngoài cuộc, giữa các thế hệ của một nước Việt Nam ở vào thời điểm cuối thế kỷ XX, lãnh thổ quốc gia thêm một lần nữa phải chia đôi vì cuộc tranh chấp đẫm máu giữa hai ý thức hệ ngoại lai mà tờ báo **Sáng Tạo** là một trong nhiều mảnh gương phản chiếu.

Thanh Tâm Tuyên, ngôi bút cột trụ của tờ báo này, năm

1998, đã nói về thời kỳ thai nghén của Sáng Tạo, mở đường cho việc lập cho nó một tờ tông chi :

“Khu lều bạt Thăng Long nơi tạm trú của Sinh viên Hà Nội di cư, nằm ngay trung tâm thành phố, trên đất Khâm Lớn Sài Gòn cũ, thảo đẹp. Sinh viên chuyển vào Đại Học Xá Minh Mạng, dù công trình xây cất chưa hoàn tất. Đặc san **Lửa Việt** của HSVĐHHN [Hội Sinh Viên Đại Học Hà Nội], do anh Trần Thanh Hiệp làm Chủ nhiệm, anh Nguyễn Sĩ Tế làm Chủ bút, sau số Xuân Chuyển Hướng cũng ngưng xuất bản.

Bấy giờ là năm 1955. Di cư đã đến hồi văn cuộc. Hà Nội khuất biệt từ tháng 10 năm trước. Sài Gòn vẫn còn xô bồ những mới mẻ, những hứa hẹn trong con mắt người di cư. Chúng tôi - các anh Trần Thanh Hiệp, Nguyễn Sĩ Tế, Doãn Quốc Sỹ và tôi - gặp nhau, cùng làm việc, quen dần nhau qua mấy số **Lửa Việt** - nơi đã in vở kịch **Trắng Chiều** của anh Tế viết khi còn ở Hà Nội, các truyện ngắn **Chàng Nhạc Sĩ, Gìn Vàng Giữ Ngọc** của anh Sỹ và một vài bài thơ của tôi - đồng ý cần có một tờ báo của mình để viết cho sướng tay, để may ra đóng góp được cái gì cho công việc chung.

Trong khi chờ anh Hiệp tìm kiếm nguồn tài trợ, chúng tôi nhận hợp tác với nhật báo **Hòa Bình** của anh Vũ Ngọc Các, làm trang Văn Nghệ hàng tuần cho tờ báo. Tôi được giao phó công việc *đầu bếp* lo việc sắp xếp bài vở cho trang báo vì rảnh thì giờ nhất và được nét chịu khó đọc.

Nhờ trang báo này mà tôi gặp thêm bạn (...)

Mai Thảo gửi đến chúng tôi **Đêm Giã Từ Hà Nội**

Tôi nhận được một bao thư dày cộm, không địa chỉ người gửi, trong đựng xấp bản thảo đánh máy. Bút hiệu Mai Thảo hoàn toàn xa lạ với tôi.

Liếc nhìn dòng chữ đầu tiên của bài gửi, tôi giật mình kinh ngạc :

Phượng nhìn xuống vực thăm: Hà Nội ở dưới ấy (...).”

Tiếp nối đặc san **Lửa Việt** là tờ tuần báo **Người Việt** mà

nội dung thiên về văn nghệ hơn chính trị. Chính tờ **Người Việt** đã giới thiệu nhà thơ Nguyên Sa, người đã mang tới cho Sài Gòn chút hương vị Paris và tặng viện cho hai nhà thơ tự do Thanh Tâm Tuyền và Quách Thoại. Cũng trên **Người Việt**, Quách Thoại, qua một bài thơ tự nhiên như cuộc đời, đã gõ ba tiếng mở màn và nói những câu đầu trò cho kịch bản **Sáng Tạo** sau này:

*Tôi đổ lệ khóc đêm nay
 Nào các anh có biết
 Khi tôi đọc những bài văn anh, bài thơ anh thấm thiết
 Những mối tình yêu đời bất diệt
 của lòng anh, của hồn anh trinh khiết
 hiện nguyên hình trên chữ mực vừa in.
 Tư tưởng - giọng câu - chứa đựng vạn niềm tin
 Bao tâm huyết đổ dồn trên ý nghĩ
 Thơm tho thay những ý tình tế nhị
 Nói không cùng những cảm động ẩn trong lời
 Tôi biết các anh những kẻ đã khóc cười
 Là những kẻ còn tin yêu vững sống
 Còn sáng tạo các anh hãy còn sáng tạo
 Mặt trời mọc!
 Mặt trời mọc!
 Rung rưng mùa hoa gạo
 Lỡ một mai tôi chết trần trụi không com áo
 Thì hồn tôi xin phảng phát chốn trăng sao
 Để nhìn các anh như vừa gặp buổi hôm nào
 Và trong câu chuyện tôi sẽ cười nhắc bảo:
 Còn sáng tạo ta hãy còn sáng tạo.*

Cuối năm 2001, Nguyễn Sỹ Tế, bộ óc suy nghĩ của **Sáng Tạo**, ở hải ngoại, trên nguyệt san **Khởi Hành**, đã nhìn lại **Sáng Tạo** với cái nhìn của sử gia về văn học:

“Tập chí **Sáng Tạo** là một diễn đàn văn học và nghệ thuật, đã ra đời và hoạt động tại miền Nam Việt Nam trong một bối cảnh chính trị và văn hóa đặc biệt. (...) Cuộc di cư năm

1954 [một cuộc di cư ào ạt, vĩ đại nhất trong lịch sử dân tộc so cả với thời kỳ Lê (Trịnh) Nguyễn phân tranh cốt yếu là một cuộc chọn lựa chính trị, chọn lựa chế độ cai trị giữa guồng máy Cộng Sản và guồng máy Quốc Gia. Cuộc di cư lớn lao từ Bắc vào Nam đó có điều đáng ghi nhận là nó bao gồm đủ mọi thành phần quốc dân từ nông thôn qua thị thành, từ bình nguyên lên cao nguyên, nào quân nhân, công chức, nào văn nghệ sĩ, giáo chức, học sinh - sinh viên..., thoi thoi sĩ-nông-công- thương đủ cả. Nguyễn Đăng Quý, sau này là chủ nhiệm Mai Thảo của tạp chí **Sáng Tạo**, ở trong làn sóng di cư này với tư thế là một người trẻ không có trường để học, một công tử lang thang hết chỗ để ngao du, một nhà văn vào nghề không có nơi dụng võ. (...) Tạp chí **Sáng Tạo** đã bắt nguồn từ biến thiên lịch sử nói trên, nhất là cuộc di cư của anh em sinh viên Hà Nội. (...) năm 1956 (...) sau cuộc triển lãm của Duy Thanh và Ngọc Dũng, với sự giúp đỡ tận tình của nhiều nhân vật các giới, tờ nguyệt san **Sáng Tạo** của Mai Thảo ra đời...”.

Sự ra đời này xuất hiện như những ánh nắng đầu tiên của mặt trời, đột ngột nhưng, trong rung cảm của Quách Thoại, rất hiền lành chỉ đủ làm cho “hoa gạo rung rung”.

Sáng Tạo, các anh là ai? hay Giữa đất trời nhau...

Mười lăm năm sau khi tờ **Sáng Tạo** được khai sinh và tám năm sau khi nó chết, Mai Thảo làm bản tổng kết, nhân dịp giới thiệu một số Truyện đã đăng trên **Sáng Tạo** được xuất bản.

“Tạp chí **Sáng Tạo** nếu được nhắc lại ở đây cũng chỉ là một chặng đường nhỏ của đường dài và hành trình lớn. Tờ báo cũ ấy chỉ muốn như vậy. Tự nhận cho nó như vậy”.

Nhưng đi ngược dòng thời gian, dừng lại thời điểm cuối những năm 1950 thì lại có thể có cách tính sổ khác, cách của Thanh Tâm Tuyền trong bài thơ **Trưởng thành** đăng

trên *Sáng Tạo*.

Anh biết vì sao cộng sản thủ tiêu Khái Hưng

*Mỗi lần hoàng hôn tôi bước cùng đám đông
lòng khẩn cầu cách mạng*

anh biết vì sao cộng sản thủ tiêu Phan Văn Hùm

*mỗi lần hoàng hôn tôi chạm mặt từng người
có phải chúng ta đang sửa soạn*

anh biết vì sao cộng sản thủ tiêu Tạ Thu Thâu

*mỗi lần hoàng hôn tôi cố thở cho nhiều
các anh nhớ tôi còn sống
quờ quạng tay dạn dẫu
cách mạng nổ trong sự nín thinh*

*anh biết vì sao cộng sản thủ tiêu
vì sao cộng sản thủ tiêu
vì sao cộng sản thủ tiêu*

*Mỗi lần hoàng hôn tôi chỉ là người văn nghệ bé nhỏ
hoặc tôi cảm mồm hoặc tôi thét la*

*mặc chúng dụ dỗ mặc chúng dọa nạt
chúng sợ cách mạng vô cùng*

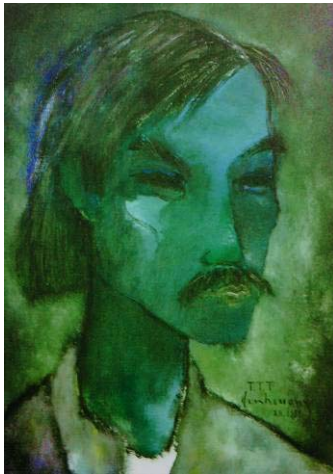
cộng sản thủ tiêu Hưng Hùm Thâu

*mỗi lần hoàng hôn chúng tôi tìm gặp nhau
những người văn nghệ yếu đuối
mê cách mạng năng lực tựa thiên thần
tôi còn Trọng Lang ba lần cộng sản giết hụt
tôi còn Mai Thảo yêu vờ Hà Nội khi về*

tôi còn Duy Thanh màu mai ngệt thờ
 tôi còn Thanh Hiệp đau khổ bằng ông cụ già
 một ông cụ già bất mãn và khó tính
 tôi còn Quốc Sỹ sạch và trong hơn ngọn suối
 của những chuyện thần tiên
 tôi còn Sỹ Tế bén nhảy điềm tỉnh như cuộc đấu tranh

ngày mai qua bao nhiêu hình ảnh

mỗi lần hoàng hôn tôi đốt người tôi tới trước
 và các bạn tôi
 nghĩa là điệp điệp trùng trùng
 có ngã xuống còn kịp nói với nhau
 chúng mình chết tự do quá chừng



Thanh Tâm Tuyên
 tranh đìnhcường

Nguồn rung cảm **Sáng Tạo** với một cường độ cao của những con người hợp mặt trong không khí “buổi chiều lớn” chờ đợi “ngày mai ca hát”.

*“Các anh Cộng hòa đã chiến đấu cho Tây Ban Nha
xứ sở Lope de Vega Garcia Lorca
một Breton tình điên còn nức nở
mà Hy vọng Malraux còn thổn thức
và mãi Ernest còn tiếc thương...”*

Tiếng thơ Thanh Tâm Tuyền vang lên như âm mẫu của nguồn rung cảm này. Tự do gắn liền với Cách mạng và Cách mạng là để khai sinh ra Tự do, không phải để làm công cụ cho bạo lực độc tài. Thời sự đã mang lại cho **Sáng Tạo** cơ hội ra quân. Ba ngòi bút xung phong của Sáng Tạo, Nguyễn Sỹ Tế, Trần Thanh Hiệp, Thanh Tâm Tuyền đồng loạt lên án cuộc thảm sát năm 1956 ở Budapest khi dân chúng Hung Gia Lợi nổi dậy đòi tự do. Hơi thơ của Thanh Tâm Tuyền hùng hực: “Chúng tôi nhúng ngòi vào máu, những giới thuyết thoát ra ngoài địa hạt siêu hình, thế nào là dân tộc thế nào là cách mạng....”, “Hãy cho tôi khóc bằng mắt em, những cuộc tình duyên Budapest”.

Có một Nhóm Sáng Tạo không?

Trong bài **Nhìn lại Tạp chí Sáng Tạo** đăng trên tờ **Khởi Hành** số 61 tháng 11-2001, Nguyễn Sỹ Tế có viết rằng: “(...) trong lãnh vực văn chương và nghệ thuật, chúng tôi vẫn hằng theo dõi trào lưu tiến hóa của Văn học Tây phương sau cuộc Thế giới chiến tranh, lại nhận thấy cái lỗi thời, yếu kém, trì trệ của văn học nước nhà lúc đó (trong Nam cũng như ngoài Bắc) cho nên chúng tôi muốn thổi một làn gió mới vào văn đàn miền Nam để đóng góp một phần nào vào cuộc đấu tranh chính trị và ý thức hệ của toàn dân trong lễ sống còn của quốc gia. Có thể nói chủ trương của Sáng Tạo là dùng phương tiện văn chương và nghệ thuật tranh đấu cho tự do, thúc đẩy sự đổi mới, dung nạp những dị biệt cá tính trong một nền văn hóa phong phú và cởi mở hơn...”

Doãn Quốc Sỹ để cho ra mắt toàn bộ tác phẩm của mình

được nhà xuất bản Văn Hóa ở Houston ấn hành cũng giúp làm hiệu thêm sự ra đời của **Sáng Tạo**. “Khi thấy tác phẩm của mình - truyện **Sợ Lửa** - được in trên báo tôi thấy lòng hứng khởi tràn trề. Thế là như lửa gặp gió tôi tiếp tục viết rồi đứng tên chủ nhiệm tờ báo lấy tên là **Người Việt**. Kể đó gặp Mai Thảo, cả bọn xúm lại chủ trương nguyệt san **Sáng Tạo**. Tới đây là tôi hoàn toàn đi vào định mệnh của kẻ mang nghiệp cầm bút. Cứ thế là viết... viết... Viết rất nhiều bên cạnh nghề cầm phấn của nghiệp nhà giáo...”

Mọi người thường gọi anh em chúng tôi **Nhóm Sáng Tạo**. Nếu hay hội họp với nhau, lúc nhiều lúc ít mà là Nhóm thì cũng có thể nói rằng có **Nhóm Sáng Tạo**. Nhưng bên trong chúng tôi thì thật ra không có Nhóm ấy. Và nhất là **Sáng Tạo** không phải là một văn đoàn. Chúng tôi không thành nhóm, không thành văn đoàn chỉ vì tôn trọng sự tự do của nhau. Nguyễn Sỹ Tế kể lại rằng có lúc dân Sài Gòn đã vui đùa mà nói đến chơi nhà **Sáng Tạo** chỉ thấy bốn năm ông nhà văn mỗi ông ngồi một xó trước cái bàn thờ tổ sư riêng. Tạp chí **Sáng Tạo** không hề có chức chủ bút và tổng thư ký tòa soạn đích danh... Nhưng sự gắn bó giữa những người bạn với nhau thì lại rất chặt chẽ. Mai Thảo trong thơ của anh gọi hiện tượng này là “*giữa đất trời nhau*”. Giữa thập niên 80, Thái Tuấn từ trong nước sang định cư ở Pháp, mang theo một bài thơ Thanh Tâm Tuyên mới ở trại cải tạo về, làm đề gửi cho anh em **Sáng Tạo** thất tán khắp nơi, bài thơ tựa đề là **Xuân tứ**

*Cỏ hoa thăm thì hát
Ngoài vườn trắng đêm nay
Xuân ngàn mùa vẫn một
Hương sắc không hề phai
Sự trôi chảy mãi thật
Tình đơn sơ còn đây
Ôi nỗi niềm bát ngát
Thủy chung chẳng vơi đây*

Cần sống để nói lên sự thật

Cách đây cũng đã lâu, Nguyễn Tà Cúc, tác giả của bài ***Sáng Tạo mùa thay đổi*** ấy đăng trên cùng số ***Khởi Hành*** có đăng bài của Nguyễn Sỹ Tế, lần đầu tiên tôi gặp cùng với Viên Linh, có bảo tôi rằng tôi cần nói lên nhiều sự thật [tôi hiểu là về Sáng Tạo]. Vào dịp đó tôi đang cùng Nguyễn Sỹ Tế và Đỗ Ngọc Yến tổ chức những cuộc hội thảo về ***Sáng Tạo***. Công việc đang làm dở dang thì Đỗ Ngọc Yến phải vào nhà thương. Từ lúc ấy đến nay gần mười năm đã qua mà cuốn sách tôi định viết về tờ Sáng Tạo vẫn còn bỏ dở. Trong khi đó thì tiếp theo Mai Thảo, thêm ba người nữa đã ra đi là Nguyễn Sỹ Tế, Đỗ Ngọc Yến và Thanh Tâm Tuyền. Tôi xin mượn - để nói lên một phần của sự thật - lời kết luận mà Nguyễn Sỹ Tế yêu cầu tôi đặt vào phần kết thúc cuốn sách ấy khi nó hoàn tất.

“Mọi sự đều đã đổi thay. Những xúc động của ngày hôm qua không còn là những xúc động của ngày hôm nay. Giá của không gian, thời gian, thời thế và thân thể. Sự ngăn cản và vướng mắc muôn đời của con người nằm ngay trong cái rào cản của ngôn từ - le barrage du discours - Nhưng vẫn có một lớp cản động nào đó của lịch sử nơi từng dân tộc và từng con người để chúng ta cùng suy ngẫm. Tôi nghĩ lớp phù sa của tạp chí Sáng Tạo đã mang lại cho dòng sông văn học Việt Nam là sự đổi mới trong tự do và sáng tạo”.

Paris, tháng 2-2007

Trần Thanh Hiệp

(Nguồn: Internet)



MAI THẢO

HAI LẦN LÊN ĐƯỜNG (*)

...Khoảng cuối thập niên 50 và bắc cầu sang đầu thập niên 60 – cây cầu đến nay còn soi bóng tuyệt đẹp trên dòng sông đất nước – những tấm lòng đồng chí với những phá vỡ và những làm mới của văn học và cho văn học, đã được liên tiếp chứng kiến gần như trong cùng một thời điểm, hai cuộc lên đường đi về những chân trời phía trước của một thế hệ những người cầm bút ở miền Nam.

Lên đường thứ nhất khởi sự từ Lên Đường Lớn: từ hiệp định chia đôi đất nước, từ Bến Hải và vĩ tuyến 17, theo những bước chân trùng trùng của di cư một triệu. Đội ngũ tiền phong của nó là Thanh Tâm Tuyền, Trần Thanh Hiệp, Tô Thùy Yên, Quách Thoại, Nguyễn Sỹ Tế, Doãn Quốc Sỹ, Cung Trầm Tưởng, Hoàng Anh Tuấn và Nguyên Sa, những người trước vào từ miền Bắc, bài thơ thứ nhất viết dưới những mái lều vải tạm trú của sinh viên, hai người sau "viễn phương" hơn, lên khỏi những hầm rượu tả ngạn sông Seine, mới từ Pháp về. Những vì sao đầu này của một vòm trời văn chương vừa dựng thoát đầu là những lấp lánh lẻ tẻ. Trên tờ Dân Chủ của Vũ Ngọc Các, tờ Đời Mới của Nguyễn Đức Quỳnh, Trần Văn Ấn, từ Lửa Việt, Người Việt của sinh viên Hà Nội di cư. Rồi sau cùng đến với nhau thành một hợp mặt chung trên tờ Sáng Tạo.

Lên đường thứ hai, đã thấp thoáng trong dấu chân lên đường thứ nhất, nên có thể coi như một đồng hành, làm một gờm thành đầy khí thế của những người viết trẻ, tất cả đều ở tuổi hai mươi, và diễn đàn chính của họ là tờ Văn

Nghệ, chủ nhiệm Lý Hoàng Phong, anh ruột nhà thơ Quách Thoại. Họ là Viên Linh, Trần Dạ Từ, Nhã Ca, Du Tử Lê, Đỗ Quý Toàn, Trần Đức Uyển, là Nguyễn Thụy Long, Nguyễn Nghiệp Nhượng. Và một người viết mới, tuy cùng một lên đường với bằng hữu nhưng độc lập, tách biệt, như đi một mình trên con đường riêng. Đó là Dương Nghiễm Mậu.



Dương Nghiễm Mậu
tranh đinh cường

Những người của hai lên đường làm mới văn học nói trên, đến nay tuy đã mấy chục năm, nhưng với phần lớn tôi đều giữ được những kỷ niệm về lần đầu gặp mặt. Kỷ niệm với mỗi người mỗi khác. Thanh Tâm Tuyên, căn gác xếp ám khói ở tòa soạn Dân Chủ, hắt hỏi xin một điều thuốc và tôi tưởng hắt là thợ sắp chữ. Nguyên Sa cái mũ trắng thầy giáo, lần đầu tới Sáng Tạo, gọi tôi vào phòng trong dậy một điệu nhảy swing. Cái áo thun cũ, cái quần xà-lỏn của Doãn Quốc Sỹ, bữa ăn trưa đãi tôi ở Đại Học Xá. Cung Trầm Tưởng, cái cà-vạt đỏ chói, tóc đờm dáng từng sợi. Viên Linh mặt mày cau có giận dữ vì đến đưa thơ tôi còn ngủ vui, cửa toà báo treo tấm biển đi vắng. Trần Thanh Hiệp không nhìn lên, vùi đầu vào cuốn tự điển to gấp hai người Hiệp. Quách Thoại, cái anh chàng khả ố ngất ngưỡng ở tiệm ăn Thanh Thế, lần gặp đầu đã tự nhận là vua thơ một thời. Nhưng kỷ niệm về lần thấy đầu, biết đầu

với Dương Nghiễm Mậu là vô tình và lý thú nhất, sau này tôi kể chuyện lại, anh em còn cười lớn với nhau.

Nhớ đó là một buổi trưa rảnh rỗi, tôi ghé vào thăm một diễn đàn bạn. Người bạn đang cắm cúi làm việc. Tôi kéo ghế ngồi hút thuốc lá, thấy ở cạnh mình một cái sọt rác đựng đầy những bản thảo gởi đăng không đăng và liệng bỏ đi. Buồn tay tôi nhặt những tờ bản thảo bị xé bỏ ấy lên coi. Cuối cùng và ở tận đáy cái sọt rác ấy là một bản thảo truyện ngắn. Tôi đọc mấy dòng đầu, giật mình vì lối vào truyện mạnh dạn, mới lạ, khác biệt hẳn với lối vào truyện vòng vo ngập ngừng thường thấy ở những người viết mới. Đọc tiếp mấy trang nữa; tôi hỏi người bạn: "Bỏ đi tất cả đây à?" Người bạn không ngừng đầu lên: "Ừ, đã đọc rồi bỏ không đăng" "Moi lấy đi được không?" "Để làm gì vậy?" người bạn ngạc nhiên hỏi. "Mặc moi" tôi nói, và cắt cần thận cái truyện ngắn bị vất bỏ ở một diễn đàn bạn vào túi áo, trở về đăng ngay nó và nguyên văn không sửa một cái dấu phẩy trên tờ Sáng Tạo số đang làm. Người bạn tôi, chỉ biết thấy giá trị những tác giả đã thành danh, không thấy được những hạt ngọc lóng lánh lặn ra từ những cỏi viết còn vô danh chưa tên tuổi đã liệng đi cái hạt ngọc văn xuôi ấy là truyện ngắn Rượu Chưa Đủ, truyện đầu tay của một người trẻ tuổi mới viết văn bấy giờ là Dương Nghiễm Mậu. Hạt ngọc bị vất bỏ ấy và tôi đã tình cờ lược được, đúng là một hạt ngọc. Bao năm rồi không đọc lại tôi chẳng thể nhớ hết từng chi tiết của truyện chỉ nhớ cái chàng nào đó với bút hiệu Dương Nghiễm Mậu đã có ở Rượu Chưa Đủ một đoạn văn kết thúc tuyệt hay. Đoạn văn tả người anh đến đón em ở viện mồ côi. Hai anh em cùng mồ côi cha mẹ từ sớm. Hai anh em đi lang thang một ngày trong thành phố, không có một đồng xu nhỏ. Buổi chiều, trước khi đưa em trở về viện, người anh dẫn em vào một công viên, yên lặng lấy đất đắp thành những mô hình sông núi quê hương, thăm nghĩ hai anh em tro tro giữa đời, thôi bày trò chơi đắp hình sông núi với em, để có được cùng em, dù một cách rất tội nghiệp buồn rầu, một ý niệm về điểm tựa,

về nguồn gốc. Thật là chừng chạc và cũng thật là cảm động. Đó là truyện ngắn thứ nhất của Dương Nghiễm Mậu.

(trích từ *Mai Thảo : Con đường Dương Nghiễm Mậu*,
nguồn Internet, đề do TQBT tự đặt)

Mai Thảo trả lời phỏng vấn về vai trò Sáng tạo

Thụy Khê: *Nếu nhìn lại 20 năm Văn học miền Nam, Sáng Tạo giữ vai trò gì trong nền văn học ấy?*

Mai Thảo: Bây giờ có một số bài viết, một số tờ báo, một số sách nghiên cứu văn học, đặt ra vai trò của Sáng Tạo trong thời kỳ 1956-57, sau cuộc di cư từ Bắc vào Nam năm 1954. Lúc chúng tôi làm tờ Sáng Tạo, chúng tôi không nghĩ chúng tôi có một vai trò nào hết, mà chỉ là chúng tôi thích viết văn và thích tập hợp nhau lại trong một diễn đàn chung, diễn đàn ấy còn mở rộng cho hết thầy mọi người. Tờ Sáng Tạo cũng như những anh em viết thường trực ở Sáng Tạo, lúc đó không tự đặt cho mình một vai trò nào, ngoại trừ một nỗ lực tìm kiếm, khám phá một số chân trời mới cho văn chương; và chúng tôi đã làm công việc đó trong tinh thần không-phải-là-một-vai-trò ở trong sinh hoạt văn học nghệ thuật của lúc bấy giờ. Sau này thì người ta nói đến vai trò, đó là những người khác nói chứ không phải anh em Sáng Tạo khẳng định cho mình một vai trò nào hết.

ĐOÀN QUỐC SỸ

NHÌN LẠI MỘT THỜI



Đoàn Quốc Sỹ
tranh đìnhcường

Năm 1954 hai vợ chồng tôi cùng hai đứa con gái đầu lòng và cô em gái – năm người cả thảy – ra phi trường di cư vô Nam. Danh từ thời thượng mệnh danh là Bắc Cờ Năm Mươi Tư.

Thuở đó tôi còn là sinh viên, gặp Trần Thanh Hiệp – sinh viên Luật Khoa – chúng tôi bèn thành lập đoàn thể Đoàn Sinh Viên Hà Nội Di Cư (ĐSVHNDC), Trần Thanh Hiệp đứng ra làm chủ tịch.

Để giới thiệu ĐSVHNDC nhân dịp chào mừng mùa Xuân năm đó, chúng tôi cho in tập Xuân Chuyển Hướng. Tôi còn nhớ trước 1954 - thuở còn ở ngoài Bắc – tôi sớm có khuynh hướng viết văn, hoàn tất được một truyện ngắn đầu

tay dưới dạng một truyện cổ tích mang tên là “Sợ Lửa”. Di cư vô Nam năm 1954, may sao tôi có mang theo bản thảo *Sợ Lửa* và cho đăng vào tập *Xuân Chuyển Hướng* này! Thế là như lửa gặp gió, tôi tiếp tục . . . tiếp tục sáng tác để chính thức đi vào nghiệp cầm bút của nhà văn bên cạnh sự nghiệp cầm phấn của nhà giáo sau này.

Sau tập *Xuân Chuyển Hướng* tôi đứng ra làm chủ nhiệm tờ tuần báo *Người Việt* nhưng cũng chỉ được vài số là đình bản. Sau đó gặp thêm Mai Thảo, Nguyễn Sỹ Tế, hai họa sĩ Duy Thanh và Ngọc Dũng nữa, thế là chúng tôi xúm lại chủ trương nguyệt san *SÁNG TẠO* – vào năm 1956 thì phải, nếu tôi nhớ không lầm! Toà soạn *Sáng Tạo* ở đường Ký Con. Truyện dài đầu tay *Dòng Sông Định Mệnh* của tôi đăng trên *Sáng Tạo* trước khi in thành sách. *Sáng Tạo* ra được tới số 30 hay 31 thì đình bản. Các văn hữu từ đó vẫn gọi nhóm chúng tôi – Mai Thảo – Nguyễn Sỹ Tế – Ngọc Dũng – Duy Thanh là nhóm *Sáng Tạo* – Toà soạn ở đường Ký Con!

Thuở đó anh em chúng tôi ai muốn đem bài đến tòa soạn, hay đến tòa soạn để sửa bài thì ít nhất cũng phải đợi đến 9 giờ sáng hãy tới, vì tới giờ đó Mai Thảo mới ngủ dậy để ra ngồi trước bàn làm việc.

Từ tám chín giờ tôi trở đi đó là giờ Mai Thảo có mặt ở vũ trường để khiêu vũ. Thuở đó đám sinh viên Hà Nội di cư chúng tôi đã có nơi cư trú đàng hoàng, đó là khu Đại Học Xá gần nhà thờ Ngã Sáu Chợ Lớn. Thịnh thoảng khoảng 8 giờ tối Mai Thảo lái xe đến đón tôi cùng đi khiêu vũ, khoảng 12 giờ khuya thì về, bao giờ cũng rủ theo một em vũ nữ lên xe để cùng tới một tiệm ăn nào đó, vừa ăn uống vừa nói chuyện vui, rồi đưa em vũ nữ về nơi hẻm em ở.

Cùng là nhà giáo kiêm viết văn, chúng tôi có ba người: tôi, anh Nguyễn Sỹ Tế (hiệu trưởng trường Trường Sơn) và anh Nguyễn Sa (hiệu trưởng trường Văn Học).

Nhắc đến Nguyên Sa thì hầu hết chúng ta đều biết bài thơ nổi tiếng của anh “Áo Lụa Hà Đông” :

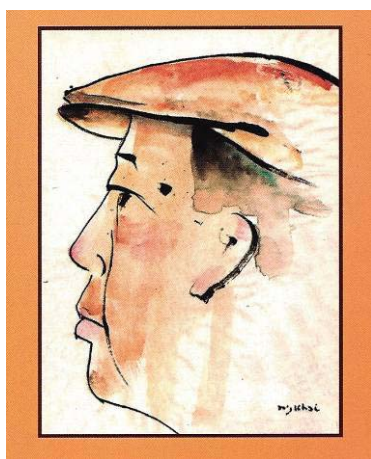
*"Nắng Sài Gòn anh đi mà chợt mát
Bởi vì em mặc áo lụa Hà Đông
Anh vẫn yêu màu áo ấy vô cùng
Thơ của anh vẫn còn nguyên lụa trắng*

*Anh vẫn nhớ em ngồi đây tóc ngắn
Mà mùa Thu dài lắm ở chung quanh
Linh hồn anh vội vã về chân dung
Bày vội vã vào trong hồn mở cửa*

.....

*Em chợt đến, chợt đi, anh vẫn biết
Trời chợt mưa, chợt nắng chẳng vì đâu
Nhưng sao đi mà không báo gì nhau?
Để anh gọi tiếng thơ buồn vọng lại..."*

*"Em ở đâu, hỡi mùa Thu tóc ngắn?
Giữ hộ anh màu áo lụa Hà Đông
Anh vẫn yêu màu áo ấy vô cùng
Giữ hộ anh bài thơ tình lụa trắng..."*



Nguyên Sa

tranh nguyênkhai

Sau này khi sang tới xứ Cờ Hoa này chúng tôi ở cách mấy tiểu bang – tôi ở Houston, Texas, anh ở Quận Cam Cali - mỗi khi có dịp gặp nhau, tôi vẫn hỏi đùa anh:

- Chị vẫn mặc áo lụa Hà Đông, phải không anh?

Nhớ lại kỷ niệm với anh Nguyễn Sỹ Tế, khi Cộng Sản chiếm nốt miền Nam, chúng tôi cùng bị đi tù chung và cùng bị đày lên tận miền Gia Trung thuộc núi rừng cao nguyên Pleiku, Kontum. Vùng này sở dĩ mang tên Gia Trung vì có dòng suối YA YUNG chảy qua. Tiếng địa phương là Ya Yung được chuyển sang tiếng Việt là Gia Trung!

Anh Nguyễn Sỹ Tế có 4 câu thơ bằng tiếng Pháp trong tập thơ Chant d'Ya (Tiếng Hát Gia Trung) của anh như sau:

*Sur un fond de ciel balayé
Un engourdi crossant de lune
Paraît las et comme épuisé
De sa lumineuse fortune ...*

Và tôi dịch thoát nghĩa thành 4 câu thơ Việt như sau:

*Đỉnh trời gió quét mây tan tác
Trăng lười liềm ngơ ngác lạnh căm
Trăng sao đượm vẻ u trầm
Trăng sao quá đổi âm thầm hơi trắng*

Vào năm 1956 – cách đây đúng nửa thế kỷ - khi tập truyện cổ tích *Sợ Lửa* của tôi ấn hành lần đầu, ông bạn Nguyễn Sỹ Tế của tôi viết TỰA và Thanh Tâm Tuyền viết BẠT. Với tinh thần tri âm tri kỷ, ông bạn Thanh Tâm Tuyền qua bài thơ mang tên “NHỊP BA” đã nêu lên lòng ước muốn thường xuyên nóng bỏng trong tâm tư thầm kín của tôi: đó là ước muốn sao cho đất nước sớm được thống nhất tự do! Xin quý vị hãy cùng tôi thưởng thức bài thơ “NHỊP BA” của Thanh Tâm Tuyền viết thay lời Bạt cho “*Sợ Lửa*”:

NHỊP BA

(Tặng Doãn Quốc Sỹ)

Ngực anh thùng lỗ đạn tròn
 Lưỡi lê thấu phổi
 Tim còn nhảy đập
 Nhịp ba nhịp ba nhịp ba
 Tình yêu, tự do mãi mãi
 Anh về ngồi dưới vườn nhà
 Cây liễn kết trái
 Hoa rụng rơi rơi ủ xác
 Anh chạy nhịp hai qua cách trở
 Mất bùng
 Thống nhất, tự do
 Ngoài xa thành phố
 Bánh xe lăn nhịp ba
 Áo màu xanh hơn hờ
 Nhát búa gỗ
 Lòng máy quay
 Cửa nhà thi nhau lớn
 Nhịp ba, nhịp ba, nhịp ba
 Tình yêu, tự do, mãi mãi
 Sóng bồi phù sa
 Ruộng lúa trở hoa
 Núi cao uốn cây rừng
 Nhịp ba, nhịp ba, nhịp ba
 Tình yêu tự do mãi mãi
 Đất nước ào vỗ nhịp
 Triều biển đập chùng
 Hà Nội, Huế, Sài Gòn
 Ôm nhau nức nở
 Có người cầm súng bắn vào đầu
 Đạn nổ nhịp ba
 Không chết
 Anh ngồi nhóm dây

*khỏe mạnh lạ thường
 Bước ai thánh thót
 Nhịp ba
 Tình yêu
 Tự do
 mãi mãi
 Tình yêu tự do mãi mãi
 Tình yêu tự do mãi mãi anh ơi*

Thanh Tâm Tuyên

* * *

Thấm thoát tính tới nay - năm 2005 – đã vừa một nửa thế kỷ qua rồi. Anh em Sáng Tạo chúng tôi nay chỉ còn: Nguyễn Sỹ Tế, Doãn Quốc Sỹ, Thanh Tâm Tuyên và họa sĩ Duy Thanh. Mai Thảo và họa sĩ Ngọc Dũng cũng đã ra người thiên cổ!

DOÃN QUỐC SỸ



Ngọc Dũng
 tranh ðìnhcường

NGUYỄN SỸ TÊ

NHÌN LẠI TẠP CHÍ SÁNG TẠO



Nguyễn Sỹ Tế
Duy Thanh vẽ

1.

Tạp chí Sáng Tạo là một diễn đàn văn hóa và nghệ thuật, đã ra đời và hoạt động tại Miền Nam Việt Nam trong một bối cảnh chính trị và văn hóa đặc biệt.

Hiệp định Genève ngày 20 tháng 7 năm 1954 đã kết thúc một cuộc chiến tranh tàn bạo tại Đông Dương kéo dài tám năm (1946 - 1954), một cuộc chiến tranh mà ý nghĩa ý-thức-hệ mỗi ngày mỗi rõ: nhất là từ sau khi Cộng sản nắm chủ quyền tại Trung Quốc, năm 1949. Theo các điều khoản của Hiệp định quốc tế đó, nước Việt Nam bị chia cắt làm hai miền đất, miền Bắc thuộc Cộng sản, miền Nam ở trong tay Quốc Gia.

Cũng theo Hiệp định đó, người của hai miền Nam-Bắc

trong thời hạn 300 ngày được quyền chọn lựa nơi sinh sống của mình là Nam hay Bắc cùng với gia đình hay không. Trong cuộc chọn lựa nói trên, số người Nam đi ra Bắc gọi là “tập kết” ra Bắc, quả là ít ỏi. Trái lại, số người bỏ miền Bắc vào Nam lại rất đông đảo, lần lần lên tới một triệu người kể cả những người đi trước hay đi sau thời hạn: Đó mới đích thực là cuộc di cư ào ạt, vĩ đại nhất trong lịch sử dân tộc so cả với thời kỳ Nam Bắc phân tranh Lê (Trịnh) Nguyễn.

Cuộc di cư năm 1954 cốt yếu là một chọn lựa chính trị, chọn lựa chế độ cai trị giữa: guồng máy Cộng sản và guồng máy Quốc Gia. Cuộc di cư lớn lao từ Bắc vô Nam đó có điều đáng ghi nhận là nó bao gồm đủ mọi thành phần quốc dân - từ nông thôn qua thị thành, từ bình nguyên lên cao nguyên, nào quân nhân công chức, nào văn nghệ sĩ, nào giáo chức, nào học sinh, sinh viên... thôi thì sĩ-nông-công-thương đủ cả. Nguyễn Đăng Quý, sau này là chủ nhiệm Mai Thảo của tạp chí Sáng Tạo, ở trong làn sóng di cư này với tư thế là một người trẻ không có trường để học, một công tử lang thang hết chỗ để ngao du, một nhà văn vào nghề không có nơi dụng võ.

Nói riêng về thành phần di cư là giới đèn sách, có một lớp người xuất phát từ các trường Đại học Hà Nội, đã sớm cùng nhau tập hợp tại Petit Lycée, lập thành đoàn và đã đáp máy bay vào Sài Gòn ngay từ ngày 12 tháng 8 năm đó. Tôi cùng gia đình rời bỏ danh sách các giáo sư Trung học Chu Văn An, theo chân đoàn sinh viên với tư cách là sinh viên cao học tư pháp Luật Khoa, mà ra đi cho sớm.

Tạp chí Sáng Tạo đã bắt nguồn từ biến thiên lịch sử nói trên, nhất là từ cuộc di cư của các anh em sinh viên Hà Nội. Vào Sài Gòn rồi, sinh viên chúng tôi tiếp tục sắp xếp mọi công việc của đoàn dưới danh xưng Đoàn Sinh Viên Di Cư. Ban chấp hành của đoàn được bầu lại. Anh Phan Văn Dương (Y Khoa) thôi chức Chủ tịch lâm thời và anh Trần Thanh Hiệp (Luật Khoa) lên làm Chủ tịch chính thức. Ngay sau đó, anh Hiệp đến tìm tôi, nhờ tôi phụ trách giùm ban Văn hóa của đoàn, trông coi về báo chí và truyền

thông.

Đoàn Sinh viên di cư rời bỏ chỗ tạm trú là *dortoir* của trường Nữ Trung học Gia Long, về đất mới là một nhóm lều vải được dựng lên tại khu đất trống đường Gia Long (gọi vẫn là Lều Gia Long), là nền khám lớn cũ, cạnh Tòa An Sài Gòn. Ban Văn hóa toan tính làm báo nên cần nhiều người cộng tác. Ngoài các bạn tôi biết ở trong đoàn như Nguyễn Minh Hiến (Lữ Hồ, nay đã mất), Phạm Văn Thuyết, một ngày kia, anh Hiệp đưa một người bạn trẻ, vốn đã ở miền Nam từ trước, đến giới thiệu với tôi. Người này chính là nhà thơ tự do Thanh Tâm Tuyền. Ít lâu sau, tôi có thêm cộng sự viên thứ hai là anh Doãn Quốc Sỹ (với món quà đầu tay là truyện ngắn *Sợ Lửa*). Tiếp đến là thi sĩ Quách Thoại và các họa sĩ Duy Thanh, Ngọc Dũng...

Ngay từ giữa mùa thu 54, đời sinh viên di cư chúng tôi đã cho ấn hành được vài tập san lấy tên là *Lửa Việt, Người Việt*. Và vào dịp Tết Nguyên Đán (Xuân 1955), chúng tôi đã hoàn thành một công trình đồ sộ là một tờ báo Tết, một Giai Phẩm mùa Xuân với khổ báo lớn và dày lấy tên là *Chuyển Hướng*, khả dĩ cạnh tranh được với nhiều báo Tết chuyên nghiệp khác.

Ngoài báo chí, đoàn còn lo chuyện phát thanh và diễn thuyết. Đoàn có những buổi phát thanh định kỳ trên Đài Phát thanh Pháp Á (Radio France-Asie) tại đường Hàm Nghi. Người của đoàn còn có những buổi diễn thuyết tại Câu Lạc Bộ Văn Hóa, đường Phan Đình Phùng và tại hai rạp hát lớn Thống Nhất và Nguyễn Văn Hào. Những việc truyền thông này được sự giúp tận tình của anh Phan Quang, giám đốc Nha Thông Tin Nam Phần, và chị Minh Trang, nhân viên của Nha đó.

Công việc phát triển đoàn là công việc nhiệm ý của từng người. Anh Trần Thanh Hiệp thường bắt liên lạc với các giới chức chính quyền, các đảng phái chính trị. Lúc này, Thanh Tâm Tuyền và tôi, chúng tôi triển miên đạp xe đạp khắp nẻo Đô thành để gặp gỡ các nhóm văn, nhóm báo hoặc vốn đã ở Sài Gòn như Nhóm Đời Mới ở đường Trần

Hưng Đạo với mấy vị cựu Đệ Tứ Quốc Tế Hồ Hữu Tường, Trần Văn Ân, Nguyễn Đức Quỳnh, hoặc nhóm mới di cư như nhóm Nhật báo Tự Do với Vũ Khắc Khoan, Đinh Hùng, Trần Việt Sơn, Mặc Đỗ..., nhóm Quan Điểm với Nghiêm Xuân Hồng, Vũ Khắc Khoan, Tạ Văn Nho, Nguyễn Hữu Thống. Lần lượt về sau, tôi quen biết thêm Bùi Giáng, Nguyễn Ngu Í, Tam Ích...

Hai anh Trần Thanh Hiệp, Thanh Tâm Tuyền và tôi còn viết cho tờ Nhật Báo Dân Chủ (sau bị đóng cửa), Hòa Bình của anh Vũ Ngọc Các, có trụ sở ở đường Gia Long, đường Phạm Ngũ Lão. Tôi quen biết thêm anh Trần Việt Hoài và chị Tuệ Mai. Do đó, các độc giả của báo sinh viên chúng tôi có thể gửi bài hay liên lạc qua một trong hai địa chỉ là Lều Gia Long hay đường Phạm Ngũ Lão.

Khoảng năm 1956, tôi vốn cổ võ cho phong trào thơ Tự Do (trong đó có hai anh bạn lúc đầu là Thanh Tâm Tuyền và Quách Thoại) với nhiều bài tiểu luận văn học và nói chuyện văn chương nên tôi cũng lác đác làm những bài thơ tự do để góp mặt với bút hiệu của tôi là *Người Sông Thương*. Lúc này, Mai Thảo đã đến với chúng tôi (xem phần sau).

Ngày ấy, có một cuộc Triển Lãm hội họa của hai bạn trẻ của chúng tôi là Duy Thanh và Ngọc Dũng, tại phòng Thông Tin Đô Thành, góc đường Tự Do và đường Lê Lợi. Các anh em tôi thích chơi ngang, đã cho treo trong phòng tranh bài thơ tự do của tôi, bài có nhan đề *Khu Định*. Bài ngắn, xin chép lại như sau:

Một cuốn sách vừa làm buồn tôi

Trắng sáng đầu cửa sổ

Đêm cười

Có con chim hót

Nó hát khúc bình minh

Giữa lòng trái đất

Em tôi cười trong mơ

Môi dịu im lặng

Trái mùa thơ

Yêu nhau từ chưa gặp

Cuốn sách rơi.

Và chỉ mấy tháng sau cuộc triển lãm hội họa của Duy Thanh và Ngọc Dũng, với sự trợ giúp tận tình của nhiều nhân vật các giới, tờ nguyệt san Sáng Tạo của Mai Thảo ra đời.

2.

Mai Thảo từ đâu đến? Và tại sao có Sáng Tạo? Và Sáng Tạo là gì?

Tôi còn nhớ người chủ nhiệm già của tôi qua đời tại quận Cam, Hoa Kỳ tháng 1.1998, trong tư thế của một nhà văn ly hương đang làm tiếp công cuộc của tờ báo Văn mà anh đã góp phần gây dựng tại quê nhà. Nhân dịp tang lễ của người quá cố, chị Thụy Khuê của đài phát thanh RFI (Radio France International) có phỏng vấn tôi về con người của Mai Thảo và tạp chí Sáng Tạo của anh. (Bài trả lời của tôi đã được đăng lại trên tờ Thế Kỷ XXI và Hợp Lưu). Tôi chỉ xin ghi lại đây một phần của những câu trả lời có liên quan tới hai câu hỏi đầu trên kia.

Nguyên trước năm 1954, Mai Thảo đã bắt đầu vào nghiệp văn ở hậu phương miền Bắc trong cuộc chiến tranh Đông dương lần I (1946-1954). Nhưng rồi thời buổi ấy với chế độ "độc quyền kháng chiến" ấy thì làm gì có báo chí và nhà xuất bản tư (ngay đến công cũng cực kỳ hạn chế). Thành thử viết thì cứ viết mà xuất bản thì chưa có cơ hội. Thêm vào cái thú làm văn, Mai Thảo còn đi buôn bán hàng xách bằng những chuyến dò dọc.

Tại Sài Gòn, một ngày kia, "tòa soạn" báo Sinh Viên nhận được một truyện ngắn có nhan đề "Đêm Giã Từ Hà Nội", dưới ký tên Mai Thảo. Một câu chuyện tình thời chia cắt, một đêm ly biệt kẻ ở, người đi giữa lòng thành phố quê hương. Một lối nhìn cảnh ngộ, không gian, thời gian và tâm trạng rất độc đáo. Lại càng độc đáo hơn khi được gói tròn và đưa đẩy bằng một cách hành văn bóng bẩy, kênh kiệu mà duyên dáng vượt xa văn của Nguyễn Tuân thời trước. Cứ cái bút pháp đó mà đi, Mai Thảo mở đường cho một thứ văn chương "tân kiểu cách - *nouvelle préciosité*".

Một điều đặc biệt nữa là tác giả đưa ra một lối nhìn di động, đứng từ nhiều điểm trong không gian ba chiều để mà ghi nhận. Quan sát viên đã cắt xén nhãn trường của mình thành nhiều mảnh màu khác nhau, sắp xếp lại như theo chủ thuyết “lập thể - *cubisme*” hội họa. Chúng tôi thích thú đăng báo mời tác giả tới. Lời nhắn mời của chúng tôi đăng lên báo được ít bữa thì Mai Thảo đích thân đến gặp gỡ. Chúng tôi kết thành bạn với anh từ đó. Anh lại rai viết tiếp cho chúng tôi cho tới lúc Duy Thanh và Ngọc Dũng mở phòng Triển Lãm tranh như đã nói trong mục trước”!

- Nếu không gặp các anh, có lẽ tôi cũng bỏ nghề viết lách mà tiếp tục đi buôn hàng xách như ở miền Bắc - Mai Thảo tâm sự.

- Anh nhớ những chuyến dò dọc, muồn theo “con thuyền say” và theo gót Rimbaud bỏ văn chương theo thương mại đang lúc còn thanh xuân, phải không anh? - Tôi nói, mọi người cười.

Từ lúc có tờ Sáng Tạo, Mai Thảo có công ăn việc làm thường xuyên để mà lo và chúng tôi có một nơi thân quen để mà viết lách.

Tạp chí Sáng Tạo xuất bản hàng tháng, ghim thành cuốn sách mỏng, khổ vừa phải, không tranh ảnh lòe loẹt, bài nổi tiếp bài. Trước khi ra số báo đầu tiên, chẳng có một cuộc chuẩn bị gọi là chu đáo nào cả. Không họp hành, không thảo luận. Chúng tôi cứ theo nếp cũ của báo Sinh Viên mà tiến tới, liệu chừng sao không trùng đề tài và thể tài là được.

Tuy vậy, trong số Sáng Tạo đầu tiên, chủ nhiệm Mai Thảo cũng có viết một bài ngắn mở màn, kể như là lời phi lộ, xác nhận một thể đứng chung của miền Nam trong cuộc cờ mới của nước nhà. Bài viết đó có nhan đề mang ý nghĩa rõ ràng: “Sàigòn, thủ đô văn hóa miền Nam”. Bài tuy ngắn, không viết về văn học nhưng lại có một trọng lượng nào đó về chính trị và thời thế, nói lên cảnh chia đôi đất nước, cuộc di cư vĩ đại từ Bắc vô Nam. Sàigòn một cái danh hiệu tốt đẹp là thủ đô văn hóa đối chọi với cựu đô Thăng Long nay dưới quyền cai trị của Đế Tam Quốc Tế. Tôi nghĩ đó

cũng là một niềm tự hào chính đáng, báo hiệu một cuộc đấu tranh văn hóa đang mở ra cho toàn thể đồng bào miền Nam lúc đó.

Phần lớn những bài viết trong Sáng Tạo là thuộc ngành sáng tác: thi ca, tiểu thuyết và sân khấu.

Với thời gian sinh hoạt, Sáng Tạo mỗi ngày một có thêm cộng sự viên và độc giả. Bước đầu, phần lớn tác giả là từ đoàn sinh viên và bạn bè chuyển sang. Trần Thanh Hiệp, Nguyễn Sỹ Tế, Thanh Tâm Tuyền, Lữ Hồ, Doãn Quốc Sỹ, Quách Thoại, Duy Thanh, Ngọc Dũng... Về sau, số người viết tăng gia vô kể, tôi không nhớ hết nên chỉ xin kể các vị mà tôi quen biết kỹ hơn: Tô Thùy Yên, Thái Tuấn, Cung Trầm Tưởng, Lê Huy Oanh, Nguyễn Sa, Dương Nghiễm Mậu, Mai Trung Tĩnh, Trần Lê Nguyễn, Thao Trường, Trường Dzi, Vĩnh Lộc, Nguyễn Đức Sơn, Viên Linh, Vương Tân.

Trên kia, tôi có nói tới một thứ “Lời phi lộ” của chủ nhiệm Mai Thảo trong số báo đầu tiên của Sáng Tạo. Tất nhiên, tờ báo phải có một lập trường hay một chủ trương dứt khoát. Trong trường hợp của Sáng Tạo, chủ trương đó không được minh thị viết ra thành bài. Như tôi đã nói về phong trào Sinh viên di cư, “ban Tòa soạn” ban đầu cũng chỉ là một tập hợp hỗn nhiên giữa những cây viết chung nhau một ý-hướng và một thị hiếu, nói khác đi, những người đồng điệu. Chủ trương mặc nhiên của Sáng Tạo nằm trong các tác phẩm của người viết không trừ một ai, để cho độc giả tự lý hội lấy.

Hôm nay, nhân viết bài “Nhìn lại tạp chí Sáng Tạo”, tôi tự nghĩ, với tư cách của một người đã viết, đã kết giao với anh em Sáng Tạo, đã đọc và làm nhân chứng cho công cuộc của tờ tạp chí đó, tôi có thể ghi nhận điều đại cương nhưng căn bản trong chủ trương của tờ báo của chúng tôi như sau:

Phần dẫn giải về bối cảnh lịch sử, về làn sóng di cư rời đất Bắc để vào Nam, về hoạt động văn hóa của đoàn Sinh viên di cư, cũng đã gợi ra ý nguyện và hy vọng của những người viết Sáng Tạo.

Thêm vào đó là trong *lĩnh vực văn chương và nghệ thuật*, chúng tôi vẫn hằng theo dõi những trào lưu tiên hóa của Văn học Tây phương sau cuộc Thế giới chiến tranh, lại nhận thấy cái lỗi thời, yếu kém và trì trệ của Văn học nước nhà lúc đó (trong Nam cũng như ngoài Bắc), cho nên chúng tôi muốn thổi một làn gió mới vào văn đàn miền Nam để đóng góp một phần nào vào công cuộc đấu tranh chính trị và ý thức hệ của toàn dân trong lễ sống còn của quốc gia. Có thể nói chủ trương của Sáng Tạo là *dùng phương tiện văn chương và nghệ thuật tranh đấu cho tự do, thúc đẩy sự đổi mới, dung nạp những dị biệt cá tính trong một nền văn học cởi mở và phong phú hơn*. Trong lời tựa của tập *Thảo Luận* giữa nhiều tác giả của Sáng Tạo, tôi có đề ra một nền Văn học trong ý thức tự do và sáng tạo.

3.

Từ chủ trương đến thực hiện phải đi qua một con đường. Con đường này ra sao, xin đi vào các tác phẩm đã được viết ra.

* *Phần tiểu luận*. Phần này tương đối không quan trọng nhưng cũng gây chú ý trong vài năm đầu. Người viết nhiều hơn cả là tôi rồi đến Thanh Tâm Tuyền, Trần Thanh Hiệp viết ít thôi, thiên về chính trị, Mai Thảo đôi lúc cũng có những nhận định về văn học và sinh hoạt văn hóa. Sau này, với Thái Tuấn và Huỳnh Văn Phẩm, có những bài lý thuyết về hội họa.

Để làm sáng tỏ chủ trương của mình và anh em, tôi còn nhớ đã có những bài tiểu luận: *Một nền thẩm mỹ xung kích* (esthétique de choc); *Thí nghiệm về sự vô đạo đức của Trần Tế Xương: Thơ tượng trưng và thơ Đường*; *Chủ thuyết siêu hiện thực* (surréalisme) Thanh Tâm Tuyền viết về những yếu tính của thơ tự do. Lê Huy Oanh viết về thi phái Tượng Trưng. Sau này, có bốn cuộc thảo luận chung với những đề tài: *Nhìn lại văn nghệ tiền chiến ở Việt Nam*; *Ngôn ngữ mới trong hội họa*; *Nhân vật trong tiểu thuyết*; *Nói chuyện về thơ bây giờ* (Thảo luận giữa Cung Trầm Tưởng, Doãn Quốc Sỹ, Duy Thanh, Huỳnh Văn Phẩm, Lê

Huy Oanh, Mai Thảo, Ngọc Dũng, Nguyễn Sỹ Tế, Thanh Tâm Tuyền, Thái Tuấn, Tô Thùy Yên, Trần Thanh Hiệp). Các ý kiến đề ra thường nhằm vào sự đổi mới và nắm bắt kỹ thuật).



Quách Thoại
tranh đinh cường

* *Phản thi ca*. Đây là phần gây sóng gió dư luận nhất. Có thể nói Sáng Tạo đã có công đưa phong trào “thơ tự do - le vers libristme” vào trong Văn học nước nhà. Người đi trước trong Sáng Tạo là Quách Thoại và Thanh Tâm Tuyền. Tiếc rằng Quách Thoại đã mất sớm mà vắng bóng. Tôi nhớ Quách Thoại có một bài thơ tự do với nội dung ác liệt, bi thương đã khích động tôi thật lâu. Tôi không nhớ nguyên văn của thơ đó, nhưng còn nhớ chủ đề của nó: Cảnh cán bộ cộng sản giết một Di Phước trong tu viện Thiên chúa giáo.

(LTS: Nguyên văn bài thơ đó như sau:

KHẨU CUNG

Thôi các ông đừng đánh tôi nữa

Để rồi tôi xin khai rõ

À tôi có nhớ cái bà phước đó

Cái bà thường hay mặc áo thụng trắng

Và đi đôi giày đen
 Vội lại ngồi đầu một mình
 Thường hay đan len
 Và trong câu chuyện
 Thường hay ngợi khen Đức Chúa Trời

À tôi còn nhớ
 Lúc tôi đứng trước mặt bà ta
 bà ta quỳ xuống
 chấp tay cầu nguyện
 Tôi hét lớn con mẹ này
 mày nói gì huyền thuyên
 Và tôi đâm một dao lút xuyên.
 (Quách Thoại, Giữa Lòng Cuộc Đời).

Nhìn sâu xa và đối chiếu kỹ lưỡng, tôi thấy ta phải công nhận rằng thơ của Thanh Tâm Tuyền mới đích thực là thơ tự do mà không phải là trường đoản cú cũ, hay thơ tự do pha trộn với thơ mới. Tập thơ tự do “Tôi không còn cô độc” đáng nên kể như là một mốc thời gian, một sự kiện của văn học sử (1957). Xin chép mấy câu thơ lẻ của anh:

Ngực anh thùng lỗ đạn tròn
 Tim còn nhảy đập
 Nhịp ba

.....

Tình yêu - tự do - mãi mãi
 Anh về ngã xuống vườn nhà
 Cây liền kết trái
 Hoa rụng rơi rơi ử xác

Và một bài thơ ngắn của anh đã làm tôi lưu luyến mãi:

Mưa giờ giờ nghiêm tằm tối
 Những hè đường hắt hủi
 Nước mắt thợ quánh dầu
 Varsovie Prague Bắc Kinh
 Cửa nhà nào lỏng then
 Giận lên cho ám ngực gầy

Mưa giờ giới nghiêm tăm tối
Hà Nội - Hà Nội
(Mưa giờ giới nghiêm)

Tôi đã kể chuyện cả tòa soạn Sáng Tạo đều xoay ra làm thơ tự do như thế nào. Lời công kích phủ phàng của lúc đó gọi thơ tự do là thơ “một cửa sổ, hai cửa sổ, ba cửa sổ” dường như chìm ngay vào bóng tối. Và chỉ bốn, năm năm sau thơ tự do của Thanh Tâm Tuyền và các bạn khác được nhóm nhà thơ Đinh Hùng đọc và ngâm trong mục “Tao Đàn, tiếng nói của thơ văn kim cổ trên đài Phát Thanh Quốc Gia”. Với sự tăng cường về sau của Tô Thùy Yên thì vườn thơ tự do đã thật vững chãi.

Bấy giờ thì không còn ai xa lạ đối với thơ tự do nữa.

* *Phần tiểu thuyết và truyện ngắn*. Thành phần văn học này cũng khá nổi trong Sáng Tạo. Xin nói về truyện ngắn trước Vì truyện dài của anh em Sáng Tạo đều in thẳng thành sách.

Thế tài truyện ngắn xem chừng khá ăn khách. Trong bước đầu (và trước đó ít chút) của Sáng Tạo, có những người viết:

Tôi đã nói về truyện ngắn *Đêm Giã Từ Hà Nội* của Mai Thảo với lối nhìn “lập thể” và văn chương bóng bẩy độc đáo của anh. Về phần tôi, tôi có một số truyện ngắn (trong và ngoài Sáng Tạo) với chủ đề kết tinh, mang nặng tính cách thời đại và “thể hiện theo kỹ thuật chọn lựa riêng cho từng chủ đề: *Con Tàu Cuối Xuân*; *Đợt Nắng Tàn*; *Dòng Sông Xanh*; *Câu Chuyện Chiều Mưa*; *Chết Trong Tâm Hồn*; *Kinh Thành*... Cùng với một số truyện ngắn khác truyện của tôi đã in tập hợp thành tuyển tập với nhan đề *Chờ Sáng* (1962). Đoàn Quốc Sỹ cũng được chú ý ngay từ đầu với những truyện mang phong thái cổ tích và ám chỉ truyện thời đại: *Sợ Lửa*; *Con Mèo Trèo Cây Cau*; *Ngày Xuân đi lấy giương thân*; *Chiếc chiếu hoa cạp điều*; *Gánh xiếc*... Đặc biệt, Duy Thanh cũng nổi tiếng về truyện ngắn táo bạo khác đời là truyện *Thằng cu Khởi*, *Đống Rác*.

Về truyện dài, Thanh Tâm Tuyền viết *Bếp Lửa* (ngắn thôi)

nói về tâm tình của một lứa đôi lạc loài vào cuộc chiến ý thức hệ của thời đại. Đặc biệt, tôi phải trở lại với hai nhà tiểu thuyết chuyên nghiệp có tác phẩm quan trọng là Mai Thảo và Doãn Quốc Sỹ. Danh sách những tác phẩm của hai anh, tôi không nhớ hết. Biết rằng Mai Sinh (họ Nguyễn), thiên về nếp sống của xã hội thị thành chung quanh anh: *Tháng Giêng cỏ non*, *Mười đêm ngà ngọc*... và thầy đồ họ Doãn thiên về chuyện dân gian, chuyện giai cấp thời thế: *Dòng sông định mệnh*, *Khu rừng lau*, *Người đàn bà bên kia vĩ tuyến*...

4.

Từ khoảng 1962-63 trở về sau, những người mở đầu cho tạp chí Sáng Tạo đã lác đác đi làm ăn ở các nơi cơ quan ngôn luận khác. Sáng Tạo đã chuyển qua bộ mới và tôi không còn biết nhiều và biết rõ về tờ báo của anh Mai Thảo nữa.

Cũng chính do sự chia sẻ những bài viết của mình cho nhiều tờ báo khác như tờ Văn Đền (của Vũ Khắc Khoan), tờ Bách Khoa, báo của Quân Trường Đà Lạt (với Thanh Tâm Tuyền), việc lui tới của chúng tôi cũng thưa thớt đi. Và sau khi Sáng Tạo đóng cửa thì Mai Thảo còn chủ trương một tờ báo khác là Tuần báo Nghệ Thuật (với Thanh Nam rồi Viên Linh làm Tổng thư ký Toà soạn) và viết lách cho nhiều tờ báo khác, nhất là tờ Văn của ông Nguyễn Đình Vượng, Khởi Hành của Hội Văn Nghệ Sĩ Quân Đội và thậm chí cả báo xi-nê Kịch Ảnh. Nhưng ảnh hưởng và tiếng vang của Sáng Tạo vẫn còn. Và một công việc mà trước kia, anh em Sáng Tạo có chủ trương thì tôi và mấy bạn khác nhất Thanh Tâm Tuyền đều đã ít nhiều thực hiện được.

Trên kia, tôi đã nói về sự thắng thế của thơ tự do giữa lòng các nhà thơ cũ kể cả người ở ngoài nhóm Tao Đàn của Đinh Hùng (Vũ Khắc Khoan sang đến Hoa Kỳ vẫn còn nhớ tới Thanh Tâm Tuyền còn kẹt lại tại quê nhà).

Về phần tôi, nhờ nghề nghiệp dạy học, nhờ việc cùng chung với nhiều anh em Chu Văn An ra mở trường tư thục

Trường Sơn, tôi tự nhiên có được một trung tâm hòa hợp một số văn nghệ sĩ các phe nhóm. Bạn bè mỗi ngày một đông hơn. Nhiều người ưa lui tới trường Trường Sơn để gặp gỡ những người Sáng Tạo cũ. Người khách gần như thường trực của chúng tôi lúc này lại chính là anh Mai Thảo. Kế đến là Nghiêm Xuân Hồng, Tạ Văn Nho, Nguyễn Hữu Thống (của Quan Điểm) và nhiều các bạn văn khác: Thanh Nam, Hoài Bắc, Trần Thanh Hiệp, Trần Lê Nguyễn... Tại Trường Sơn, Vũ Khắc Khoan có duyên nói chuyện *salon*, tôi ưa hùng biện trình bày những gì mới tôi vừa được đọc nhất là về Văn học và Phê bình Văn học của Tây phương, Thanh Tâm Tuyền hay phát biểu bạo. Trường của tôi trở thành một thứ “*salon littéraire*” thân mật. Thế là vào cuối trào Sáng Tạo, sự phân chia phe nhóm cũ, mới, Quan Điểm, Tự Do, Sáng Tạo đã lạt màu và sau Sáng Tạo với Trường Sơn thì một số văn giới Sài Gòn đã kể như hòa đồng.

Hậu hồi là như trên. Thời cuộc lại biến đổi tàn bạo và mau chóng. Chiến tranh ập tới, quân nhân lên nắm chính quyền, ngoại quốc đổ quân vào. Không ai còn nghĩ tới tạp chí Sáng Tạo nữa. Chỉ còn lại một nhà xuất bản tài tử mang tên Sáng Tạo ở trong tay Doãn Quốc Sỹ.

Thời gian hơn ba mươi năm đã qua mau. Dư luận trong và ngoài nước từ đó đến nay đối với Tạp chí và “nhóm” Sáng Tạo cũng thật là phân tán, chê khen đủ cả. Xin đề cho những người đến sau, bây giờ và mai hậu, nói lời phê phán cuối cùng. Tôi chỉ xin ghi nhận vài minh xác về sự thật liên hệ tới những hiểu lầm về Sáng Tạo và những cực đoan trong công cuộc phê bình việc làm và vai trò của nó.

Quả là tạp chí Sáng Tạo đã gây một tiếng vang, tạo một thích thú nơi độc giả của nó và một ảnh hưởng không nhỏ đối với sự vận hành tiến hóa của nền văn học miền Nam Việt Nam sau 1954 và trước cuộc chiến tranh Việt Nam lần thứ hai.

Sáng Tạo chỉ là một phong trào văn học không lâu bền vì thời cuộc. Nó không phải là một phong trào xã hội hay một

nếp sống trong văn hóa. Nó chú trọng vào sáng tác văn chương nhiều hơn. Nó cũng không lao đầu vào câu chuyện tranh luận chuyên môn về triết học. Bởi lẽ đó, bảo rằng Sáng Tạo cho du nhập nếp sống *hippy* vào xã hội miền Nam Việt Nam hay rao giảng triết lý hiện sinh (*existentialisme*) là sai lầm.

Nhóm Sáng Tạo cũng không phải là một văn đoàn có tổ chức quy củ. (Có lúc, dân Sài Gòn đã vui đùa mà nói: Đến chơi nhà Sáng Tạo chỉ thấy 4-5 ông nhà văn mỗi ông ngồi một xó trước một cái bàn thờ tổ sư riêng). Tạp chí Sáng Tạo không hề có chức chủ bút và tổng thư ký tòa soạn đích danh. Trụ sở của tạp chí là nhà ở của chính chủ nhiệm tại đường Ký Con và ban trị sự chỉ có độc một nhân viên làm đủ mọi việc, thậm chí đi thu bài viết của các tác giả, đó là Đặng Lê Kim. Cho nên gán cho ai đó cái danh xưng là “người anh cả” của Sáng Tạo cũng là sai lầm nốt.*, Anh em trước sau mến Mai Thảo thì tôn trọng cái lẽ lối và tác phong làm báo vô tổ chức, hô một tiếng thì làm, ai không muốn làm thì nghỉ. Lẽ lối và tác phong đó, Mai Thảo giữ nguyên suốt đời anh với tờ Sáng Tạo. Lẽ lối và tác phong đó nằm ngay trong bản chất tự do và phóng túng nơi con người của anh.

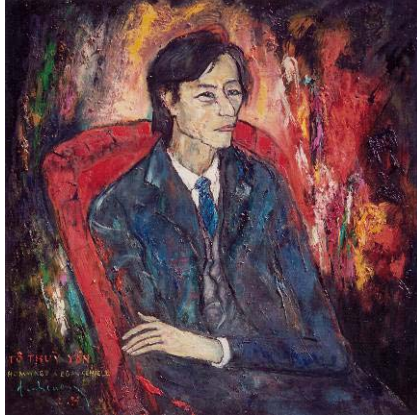
Nguyễn Sỹ Tế

Garden Grove, X-01

* LTS: Nhân tiệc Vinh danh nhà văn Đoàn Quốc Sỹ mới đây ở Houston, một nhà văn họ Nguyễn trong một bài viết, chúng tôi cũng nghe thuật lại, đã gọi tác giả *Sợ Lừa* là người anh cả của nhóm Sáng Tạo. Về tuổi tác trong nhóm Sáng Tạo, nghĩa đen, họa sĩ Thái Tuấn là người nhiều tuổi nhất; nghĩa bóng, nhóm Sáng Tạo không có đàn em nào.

(Nguồn: Khởi Hành số 51 tháng 11-2001)

Sáng tạo Nhìn Lại



Tô Thùy Yên
tranh đìnhcường

TÔ THUY YÊN

NÓI VỀ SÁNG TẠO

(trích từ bài nói chuyện giữa nhà thơ Tô Thùy Yên và
Nhà văn Nguyễn Mạnh An Dân)

NMAD: Anh là tác giả người miền Nam duy nhất có mặt trong nhóm Sáng Tạo, gồm toàn những văn nghệ sĩ lấy lòng và uy tín gốc miền Bắc, xin anh cho biết nguyên do nào dẫn đến một kết hợp có vẻ như là một biệt lệ đó?

TTY:

- Hồi đó, vào khoảng cuối năm 1954, sau khi có một hai bài thơ đăng trên tuần báo Đồi Mới, tôi thường lui tới với vị chủ biên của tuần báo đó là nhà văn Nguyễn Đức Quỳnh, người mà tôi rất kính mến. Một số các anh sau này là những tác giả nòng cốt của nhóm Sáng Tạo như Mai Thảo, Thanh Tâm Tuyền, Trần Thanh Hiệp, Doãn Quốc Sỹ, ... mới di cư, cũng thường lui tới với ông Nguyễn Đức Quỳnh, và tôi quen với các anh ấy từ đó. Một hai năm sau, tạp chí Sáng Tạo thành hình và tôi đã gia nhập bằng những bài thơ mà tạp chí sẵn sàng đón nhận. Tôi là đứa trẻ nhất trong nhóm, 17 tuổi, và lại là tên Nam Kỳ duy nhất. Dường như mãi cho đến ngày nay, đại đa số người Việt Nam từ độc giả cho đến tác giả, đều có định kiến nặng nề rằng dân Nam Kỳ không làm văn nghệ được, lại càng không làm thơ được. Tưởng cũng nên nhắc là trước năm 1956, tức trước năm tạp chí Sáng Tạo ra đời, miền Nam chưa hề có một tạp chí nào chuyên thuần về văn học nghệ thuật, và làm thơ viết văn tại miền Nam lúc bấy giờ là một công việc gần như hoàn toàn ẩn mặt phía sau những công việc sinh sống khác, hoặc giả thường đồng hóa với công việc làm báo. Nên theo chỗ hiểu biết có thể là thiếu sót của tôi thì lúc bấy giờ tại miền Nam, những người làm văn chương thường không có những sinh hoạt văn nghệ tập thể, khiến người ta dễ có cảm tưởng là trên phương diện văn nghệ, miền Nam là một vùng đất hoàn toàn hoang dã, tuyệt nhiên không có sự hiện diện của quần chúng văn nghệ, độc giả cũng như tác giả. Riêng đối với tôi cũng như các anh trong nhóm Sáng Tạo, chẳng ai đặt thành vấn đề phân biệt Bắc Trung Nam, bởi việc kết hợp nhau trong một phong trào văn nghệ chủ yếu căn cứ vào việc đồng chia sẻ những quan điểm văn nghệ và tài năng cá nhân cùng tình bạn giữa những người trong nhóm với nhau, chứ nhất định không phải là vấn đề địa phương quê quán. Hơn nữa, theo chỗ tôi nhận thấy, mọi người trong nhóm đều phóng khoáng, đặc biệt là Mai Thảo với tư cách chủ

biên, hề thấy ai viết được, chơi được là sẵn sàng mở cửa mời vào. Thí dụ trường hợp Quách Thoại, gốc miền Trung. Hẳn nhiên, chúng tôi thỉnh thoảng cũng có dùng những chữ Nam Kỳ, Bắc Kỳ với nhau để đùa giỡn chớ hoàn toàn không có chút hàm ý kỳ thị nào cả. Hơn nữa, toàn thể các anh trong nhóm, hồi đó cũng như sau này, rất lấy làm thích thú vì tôi là một tên Nam Kỳ Quốc, với cái tính khí đặc thù của địa phương mà các anh đang cố gắng hội nhập.

***NMAD:** Xin anh cho biết – được hiểu như một chứng liệu sống của một người trong cuộc – về mục đích và khuynh hướng sáng tác của nhóm Sáng Tạo, đồng thời cũng xin cho biết về những thành quả đã đạt được cùng những dự định đang dở nếu có.*

TTY:

- Chủ trương của nhóm Sáng Tạo rất đơn giản, rõ ràng: làm mới văn học nghệ thuật. Còn làm mới như thế nào hoàn toàn tùy thuộc ở mỗi cá nhân tác giả, chẳng ai bảo ban gò ép ai. Nhóm Sáng Tạo gồm những tác giả cấp tiến lúc bấy giờ quy tụ chung quanh tạp chí Sáng Tạo, chớ chẳng phải là một văn đoàn với cương lĩnh, kế hoạch này nọ. Thời gian hiện diện của tạp chí này cũng rất ngắn ngủi, chỉ vài năm thôi nên khó thể định giá được một cách chuẩn xác những thành quả của nhóm, nếu chỉ thuần căn cứ vào những tác phẩm ít ỏi đã hình thành lúc bấy giờ của nhóm. Tuy nhiên, hầu hết những ai có quan tâm đến văn chương nghệ thuật đều sẵn sàng thừa nhận rằng ảnh hưởng của nhóm đối với sinh hoạt văn học nghệ thuật miền Nam thật là sâu xa. Chẳng những đối với độc giả mà cả những tác giả về sau, cách thức sáng tác văn nghệ cũng như thưởng ngoạn văn nghệ nói chung rõ ràng không còn giống như trước nữa. Còn về những dự định đang dở, chần chẫn phải nhiều lắm. Lúc đó, hầu hết những tác giả của nhóm nói riêng, và cả những tác giả ngoại vi nói chung, còn quá trẻ, hẳn nhiên

còn ôm ấp thiết tha bao nhiêu hoài bão, nhưng rồi lại không có đủ những điều kiện thuận lợi, nhất là thời gian cần đủ để thực hiện trọn vẹn. Nghĩ mà xót.

NMAD:

Có người cho rằng phần đóng góp quan trọng nhất của nhóm Sáng Tạo vào nền văn học là thơ. Anh nghĩ sao về nhận định này?

TTY:

- Nhận định này, theo ý tôi, chỉ đúng một phần, cái phần nổi. Ở Việt Nam, dường như cái phần nổi của một phong trào văn nghệ bao giờ cũng là thơ. Lấy thí dụ sinh hoạt văn học thời tiền chiến, thơ mới đã gây nhiều tranh luận ồn ào cũng như tạo nhiều ảnh hưởng sâu đậm hơn là văn. Tại sao vậy? Tôi hoàn toàn không nghĩ là dân tộc Việt Nam yêu thơ hơn là những dân tộc khác. Tôi chỉ nghĩ có lẽ dân tộc Việt Nam ít khi được yên ổn rảnh rang lâu dài, và làm một bài thơ không đòi hỏi nhiều thời giờ như là viết một quyển tiểu thuyết, chẳng hạn. Trở lại nhóm Sáng Tạo. Tôi nghĩ rằng phần đóng góp quan trọng của tạp chí Sáng Tạo là đã tiên phong phá vỡ những giam hãm tù đọng đối với cảm thức văn học nghệ thuật tại miền Nam, bước đầu chuyển đưa văn học nghệ thuật miền Nam vào một kỷ nguyên mới khác.

Sáng Tạo Nhìn Lại

Sáng Tạo và tuyển tập truyện ngắn

Mai Thảo



Mai Thảo
tranh đình cường

Mười sáu năm nay, được tham dự gần như liên tục vào sinh hoạt nghệ thuật miền Nam, một hiện tượng sinh hoạt tuy hỗn loạn chia mở thành trăm đường nghìn ngã, tựu trung vẫn chỉ là lịch sử tiến trình biện chứng của những trào lưu cạnh dòng phải nhường bộ rút thoát cho những ngọn triều lớn dậy thay thế - quy luật tiến trình của nghệ thuật y tạc quy luật đời sống: lúa kia chưa gặt, mạ mới đã mọc, trái cũ chưa rụng, đã đài xuân hé cánh - may mắn trước sau tôi nhận là lớn và tốt nhất cho mình vẫn là được gặp, được gần những cái mới. Đứng cùng chỗ với

những người đang cấy những chùm sao không phải những đờ sao đêm trước lên một vòm trời văn học. Ở cùng một phía với những ban mai đang phát khởi đang hình thành. Tóm lại, được trồng cấy cái đất đứng nhỏ chật của mình nơi có gió vào mùa, triều nước dậy, lửa đốt rẫy, rừng khai quang, ở đó có những khám phá vang động của văn chương, những lên đường sẫm uất của nghệ thuật. Gần, không có nghĩa tôi ra khơi cùng thuyền. Nhưng đích thực là chỗ tôi đến, đã tả hữu những đoàn thuyền lớp lớp lia bến. Không thể khẳng định tôi đã được hòa nhập tận cùng vào khởi hành lớn. Nhưng đích thực là từ mười sáu năm, tôi đã được hội ngộ thường hằng với những nắng sớm, những chân trời, những thên thang dặm biếc, những tập nập dặm hồng, là cái phía duy nhất tôi thành thực nghĩ vẫn có những mặt trời liên tiếp mọc, tạo thành cái phương đông sáng hồng của văn học nghệ thuật ta tuy cái đầu đã rục rở tương lai, cái đuôi còn tối đen quá khứ.

May mắn vừa nói, không phải người viết nào cũng có được. Ta đến với văn chương, từ những cửa ngõ rất tình cờ. Nghệ thuật không hề là một tiềm ẩn phảng phất sẵn có trong cấu thành khởi thủy của con người. Mà là một réo gọi thình lình, một thức tỉnh bất chợt. Ném mình vào sinh hoạt, bằng kết nạp những bạn đường, kiếm tìm những đồng điệu, ngoại trừ những trường hợp hiếm hoi tự thành trong cô đơn một đời, là trường hợp của thiên tài lạc phách xuất chúng, kết nạp và kiếm tìm ấy cũng vậy, thường chứa đựng rất nhiều may rủi ở bên trong. Cái bước khởi đầu không may đặt lạc trên một thước đất xấu kiệt, một vũng lầy lún ngập, vượn phóng có ngoạn mục, trở thành có rục rở đến mấy cũng muôn vàn khó khăn cực nhọc. Như cái chuyện nhắm hướng tây mà tới, chỉ thấy hoàng hôn và lặn mặt trời. May mắn hơn, nếu được từ một thước đất mỡ màng sinh động khởi sự dẫu chân, thì khởi điểm tốt cũng là bàn đạp tốt và dàn phóng tốt. Vây kín bởi tầng tầng khô mục tàn lụi, mầm hạt nào đội được đất mà lên. Trên một dòng suối chết, sỏi cũng bất động, thôi lăn thôi hát. Suối mở một

nguồn đầy, sỏi thuận dòng kết liền với cái róc rách, hồ tương bởi cái nhịp ào, sỏi thuận chiều sỏi cũng lăn theo. Đó là cái chuyện sống cùng với những đắng bình vôi anh nhỏ quắt từng ngày. Cái sự ở giữa những râu dài lụ khụ, tuổi anh chưa ba mươi đã ăn mừng thượng thọ. Cái việc xuống làm một con thuyền mục nát, thì đắm chìm ngay tự mái chèo lia bến đầu tiên.

Mỗi nền văn học nghệ thuật đều hàm chứa và biểu hiện theo nó một sinh hoạt đặc thù. Chính là từ một lối, một kiểu sinh hoạt nào đó, mà một thời kỳ văn học có màu sắc thế kia, một trào lưu nghệ thuật có hình thái ấy. Và ngược lại, sinh hoạt của một nhà văn và tác phẩm y là hai tấm gương đối diện phản ánh và giải thích lẫn cho nhau, về con người nhà văn và thực chất tác phẩm. Nếu văn chương Pháp có thật nhiều điểm khác biệt với văn chương Hoa kỳ, nếu thơ văn miền Bắc không có một đồng dáng nào với thơ văn chúng ta, và nếu trong những tác phẩm nghệ thuật bây giờ, cái ngôn ngữ biểu hiện, cái thái độ nhận thức xã hội và đời sống là một tương phản toàn diện với ngôn ngữ, và nhận thức tiền chiến, chính là bởi vì cùng với tiến trình lịch sử, nhà văn hiện đại đã khởi hành trong một không khí mới, hòa nhập với một sinh hoạt không còn là cái kéo dài của sinh hoạt xưa cũ. Tạp chí Sáng Tạo, với một số sáng tác in thành tuyển truyện này, được may mắn chào đời trong cái không khí đầu mùa tôi vừa nói tới. Bây giờ là vào khoảng hai năm 1956, 1957. Những dấu chân một triệu của vượt tuyến kín trùm đất nước, vừa đặt xuống những ruộng đồng và những rừng núi mênh mông bát ngát của miền Nam. Những hành trình trong đêm tấp nập cặp bến lúc ngày dừng. Buồn của lúc đi nhặt nhòa trước vui của lúc tới ngập ngất rực rỡ. Cái hầm đá hun hút tối thẳm đã ra khỏi, triển vọng lớn lao nhất cho từng đời sống là tất cả lại được khởi lại từ đầu. Lịch sử và chuyển đổi tàn nhẫn đột ngột của thời thế đẩy trọng tâm đời sống từ một vùng trời này tới một vùng biển khác. Những cái hướng xô đẩy đích thực là từ sau lưng đẩy về trước mặt, từ quá khứ đẩy vào tương

lai. Hình ảnh của những vì sao bỏ lại trong không gian không bến bờ, của những chiếc phi cơ cắt bóng mình khỏi phi đạo, của những thuyền mảng vượt biển lênh đênh, của những ánh lửa đầu đêm hạ trại, những cột nhà mới dựng, những đất rừng khai hoang, những đất đồi phá rẫy, cùng là những dấu chân lớp lớp rượt đuổi nhịp đời quay gập, không phải là những ảnh hình trừu tượng của một mơ tưởng làm mới, mà là những hình ảnh sinh động bay múa bắt gặp từng giờ từng phút trong sinh hoạt từng người. Đến với cái náo nức hân hoan, lẫn mình vào cái bàng hoàng dội đập, gió trong tóc lộng lộng, nắng trên ngực trần chói lọi, cả một lớp người của những ngày không quên ấy chỉ còn nhìn thấy một con đường duy nhất là cái hướng trước mặt thênh thang. Những xâu chuỗi nhớ thương quá khứ dẫu lứt thốt, bởi mắt mắt có thể xem như một mắt mắt tận cùng, nhưng nhìn cho kỹ, trên cái toàn diện của tâm thức xao động, đã những nan quạt mới của tâm hồn xòe mở, và ý thức trở chiều đã phát đi những tia hồng ngoại tuyên cho những điệu đàn chan hòa ánh sáng ngân lên. Không khí cũ, không thờ cùng được nữa. Những khuôn vàng thước ngọc xưa không còn đo lường được những kích thước bây giờ. Và đời sống là đi tới. Không lùi, không giậm chân một chỗ.

Trong một thực trạng đầy đặc những chất liệu của sáng tạo và phá vỡ như vậy, văn học nghệ thuật mặc nhiên không thể còn là tả chân Nguyễn Công Hoan, lãng mạn lối Thanh Châu, những khái niệm Xuân Thu, những luận đề Tự Lực. Mà vươn phóng từ một thoát ly để đưa tới một hình thành, hóa thân từ một chặt đứt, bằng những thí nghiệm và những khám phá, chứng minh rằng cái bây giờ ta đang sống tuyệt đối không còn một đồng dáng một đồng tính nào với cái hôm qua đã tách thoát đã lìa xa. Chất nỏ ném vào. Cờ phát. Xuống núi, xuống đường. Ra biển ra khơi. Và cuộc cách mạng tất yếu và biện chứng của văn chương đã bắt đầu. Và thơ bây giờ là thơ tự do.

Mấy năm mở đầu cho chuyển mình sầm uất đó của văn học nghệ thuật hiện đại ở phía chúng ta, cũng là khoảng thời gian tờ Sáng Tạo được có mặt, như một trùng hợp nhiều may mắn, nhìn vào sinh hoạt chung, tôi được chứng kiến thật nhiều hiện tượng phấn khởi, những hiện tượng ấy báo hiệu cái mới, làm thành những cái mới. Như lớp người thường ngoạn đã từ chối những cái sao chép, những cái nhai lại, không chịu để dẫn đưa vào sâu hơn nữa, những nẻo thuộc, những lối mòn. Như sự suy giảm trông thấy về tác động và ảnh hưởng của một số tác phẩm cũ, nhiều tác phẩm từng được tôn sùng suốt mọi thời như những ngọn đỉnh cao nhất có thể đạt tới của ngôn ngữ. Như những luồng gió mới đã từ những chân trời xa thổi vào căn phòng văn chương khép kín cùng quá khứ, mở những khung cửa, đem tới khí trời và ánh sáng. Nhưng hiện tượng đậm thấm rệt rõ nhất, mang tính chất quyết định nhất, cho cách mạng ngôn ngữ, cách mạng nghệ thuật, chính là sự có mặt, đi vào sinh hoạt và sáng tác của một lớp người viết mới. Hiện nay thì những người viết mới của chúng ta không thiếu, mỗi ngày mỗi thêm, càng ngày càng nhiều. Hàng chục diễn đàn đang dựng thành những đất đai mới cho những người viết mới họp mặt và lên tiếng. Văn học nghệ thuật ta bây giờ có cái hiện tượng thường xuyên ấy là tuổi trẻ hàng hàng lớp lớp đi vào văn chương như nước vỡ bờ. Nhưng những người viết mới tôi muốn nói đến trong bài vào tập này là đoàn ngũ đầu, đơn vị một, những người đã có mặt trong cuộc khởi hành gió sớm, khi cái không khí văn học tranh tối, tranh sáng vừa đầy còn mờ mờ bóng đất bóng trời. Sự có mặt ấy có thể xem như một đánh dấu, định nghĩa như một mở đường, chuyên chờ trong nó đầy đủ yếu tính của một vận động văn học tiên phong, hàm chứa hần hoi trong nó một ý hướng cách mạng nghệ thuật nồng cháy. Đó là những ánh lửa thắp lên trong đêm nhận đường, những hòn đá ném xuống một ao tù bất động, những đợt xung kích đầu tiên mở màn một chiến dịch cho tới bây giờ đang được tiếp tay hào hứng trên nhiều diễn đàn, trên nhiều mặt trận. Trước sau, đối tượng

của trận đánh lớn vẫn là một: phá đổ cái cũ, tạo dựng cái mới. Nói một cách khác, đó là kết thành của hoài bão và khát vọng chân thành nơi một lớp người muốn tạo dựng một nền văn học nghệ thuật của chính mình, và thời đại mình. Gọi lên đường ấy là trở lại đời sống, thoát ly quá khứ, thức tỉnh ý thức, thể nào cũng được. Điều đáng ghi nhận là lên đường ấy đã có. Có với sự có mặt của một lớp người viết mới. Tạp chí Sáng Tạo là một trong những diễn đàn đã được dự phần vào lên đường này.

Lên đường này, theo ý tôi là một cần thiết, không riêng cho một ai mà cho tất cả mọi người. Khi tờ Sáng Tạo tạm đình bản rồi tục bản lại sau đó, vẫn chỉ nhìn thấy cho văn học nghệ thuật sự cần thiết của một lên đường đã khởi đầu, còn phải đẩy tới và mở rộng hơn nữa, tôi đã viết trong bài vào tập cho số Một, bộ Mới:

“Nhìn trở lại ba mươi một số báo xuất bản liên tục trong bốn năm qua, tạp chí đã làm được những gì trên ý hướng và mục đích hình thành một nền nghệ thuật mới, nó không vay mượn, nói được chúng ta, xứng đáng tiêu biểu cho con người và đời sống hiện đại? Một số thí nghiệm táo bạo, sự có mặt rực rỡ của lớp người viết trẻ, những bước trở lui cần thiết thể hiện trong việc quy định lại một số vấn đề văn học chính yếu, thái độ hướng dẫn mở đường cho những tài năng mới đến từ đám đông hay tự thành trong cô đơn, sự chấp nhận những ý tưởng khác biệt cùng lên tiếng trong không khí bằng hữu và tinh thần độc lập của diễn đàn này, cố gắng đạt tới tinh lọc nghệ thuật diễn tả qua phần sáng tác, những đặc tính đó đã tạo nên sắc thái độc đáo, đúc kết thành truyền thống nghệ thuật của Sáng Tạo. Nhưng chúng tôi thành thực nhận rằng chúng tôi chưa làm được gì. Tạp chí, mặc dầu uy tín đã đạt được, vẫn chưa thực hiện được những bước đi dài lớn về phía bên kia, phía tượng hình cho những khoảng thiếu vắng lớn lao, như một miền đất hoang vu và chưa khai thác. Trên sự thiếu vắng này, tạp chí chọn làm điểm khởi hành mới ...”.

Ở một đoạn khác, là một nhận thức chung:

“Nghệ thuật hôm nay phải nói được chúng ta, trình bày được tâm trạng, đời sống lớp người chúng ta, nếu không nó sẽ chẳng bao giờ nói được gì hết. Nghệ thuật không còn là một giải thoát, niềm an ủi vỗ về, sự trốn chạy khỏi đời sống, bàn tay xoa dịu con người lãng quên trong chốc lát những ảo tưởng hư ngụy, những thảm kịch, những vấn đề mà một ý thức soi chiếu xuống những tầng đáy sâu thẳm của tâm linh, xuyên qua những biến động ngoại cảnh đã lộ trần chúng ra trong những quần quai và những kêu gào được biết đến. Nghệ thuật hôm nay không còn là liều thuốc an thần. Nghệ thuật hôm nay là vũ khí hành động của con người vĩ đại lớn lên trong thức tỉnh của ý thức. Nó phải đánh vào những miền bóng tối, những hoa lá nguy trang che giấu đời sống. Nó phải có mặt ở khắp nơi, ở bất cứ nơi nào dự phần vào đời sống chúng ta. Nó phải nói được tất cả: những đau đớn vô xé, những thất vọng chán chường, những chiến thắng, những lần thất bại, nỗi hoang mang kinh hoàng, niềm vui tin lấy lại, những băng hoại sa đọa đau thương, những trở chiều, những phục sinh dưng cảm. Nó phải trình bày được những biểu lộ khác biệt, những mâu thuẫn rối rắm, những khía cạnh sinh động của con người thời đại trên hành trình đi vào trọng tâm và bản thể đời sống, khám phá ở gốc nguồn và nền tảng tất cả sự thật về mình, những nguyên tố liên quan thiết yếu đến đời mình. Nghệ thuật đó không dẫn tới quan niệm phi lý, chối bỏ đời sống. Tâm trạng đào sâu vào lòng sự vật, phá bỏ những sự thật đã có, khiến nghệ thuật được định nghĩa như một hành động, một hành trình, chỉ là biểu tỏ nồng nàn niềm khát khao chân thành muốn đạt tới, muốn nắm vững sự thật của con người thời đại chúng ta. Ở một mặt khác, nghệ thuật đó đánh dấu cho sự có mặt, quyền năng và tác động ghê gớm của con người đứng trước, đi qua sự vật. Nó mang chứa hình ảnh một sức mạnh chủ động.”

Mười lăm năm đã đi qua, từ những dòng chữ cũ. Tờ Sáng Tạo chết. Văn học nghệ thuật ta trưởng thành đang phát huy rực rỡ trên những diễn đàn mới. Đời sống không đứng lại. Nghệ thuật thì không ngừng đổi thay theo đời sống đi tới, và nhà văn luôn luôn đứng trước những vấn đề mới đặt ra, từng phút từng giờ. Nhưng với riêng tôi, nếu bây giờ lại được viết bài mở đầu cho một diễn đàn mới dựng, những ý nghĩ và nhận thức tôi chắc chắn cũng chẳng ra ngoài cái muốn nói của những dòng chữ cũ. Là nghệ thuật ta đã và vẫn còn phải là một lên đường. Bằng những thí nghiệm không ngừng. Bằng những khám phá không mỏi. Tiến trình tốt đẹp và biện chứng của văn học nghệ thuật ta cuối cùng chính là tiến trình của những ngọn đuốc chuyển tay, những đoạn đường cộng lại. Tạp chí Sáng Tạo, nếu được nhắc lại ở đây cũng chỉ là một chặng đường nhỏ của đường dài và hành trình lớn. Tờ báo cũ ấy chỉ muốn như vậy. Tự nhận cho nó như vậy. Cũng trên tinh thần này, mà tôi nghĩ có thể nói thay cho những tác giả có sáng tác in trong tuyển truyện này; là những sáng tác sau đây cũng chỉ là đánh dấu cho một chặng đường đã bỏ lại và đã đi qua. Bởi vì ở cuối đường vẫn đầy đặc, vẫn rực rỡ những cái mới khác đang chờ người đi tới.

Mai Thảo

(8-1970)

(Nguồn: Tuyển truyện Sáng Tạo tr. 7-15).

Trần Hoài Thư

Cái chết của một tạp chí

Lý do nào Sáng Tạo (ST) phải chết? Vì phương tiện tài chánh, vì Phòng Thông tin Hoa kỳ ngưng tài trợ, hay vì bị cô lập, bủa vây, hay vì độc giả không đồng ý con đường ST theo đuổi?

Theo luật sư Trần Thanh Hiệp – một thành viên nòng cốt trong nhóm chủ trương:

“vào đầu năm 1960, Sáng Tạo tự ý ngưng lại vì xét thấy tình hình và hoàn cảnh không còn thích hợp, vì không khí tự do đang bị bao vây bằng hàng rào quyền lực mới. Chính quyền đã dùng những tên hề văn nghệ thay cho những người làm văn học nghệ thuật chân chính.” (1)

Tuy nhiên, trong bài viết **con đường trở thành và tiến tới của nghệ thuật hôm nay**, đăng trên số ST 6 Bộ mới (chúng tôi đánh máy và đăng lại ở số này), Mai Thảo đã nói rõ về một nhóm dưới tên “Mặt trận văn hóa” tìm cách đánh phá ST mà ông gọi bằng một cụm từ “bọn bảo thủ phản tiến hóa”:

“...Trước mọi khuynh hướng tiến bộ của một trào lưu nghệ thuật tiến bộ ở Việt Nam, những lực lượng thoái hóa suy tàn ở đây, để chống lại nguy cơ tiêu diệt đã cố kết thành một “mặt trận văn hóa” (3) phản động, bằng cách xuyên tạc, vu khống, khủng bố, xin chính quyền trừng phạt những người làm nghệ thuật mới. Nấp sau những chiêu bài luân lý đạo đức, thuần phong mỹ tục, những khẩu hiệu truyền thống, bốn nghìn năm văn hiến, những lập luận nghệ thuật

sơ đẳng, những quan niệm phê bình rẻ tiền, những loạt bài bút chiến hạ cấp, chúng kết án những khuynh hướng mới, những người chủ trương những khuynh hướng mới nghệ thuật hôm nay là vô trách nhiệm, vong bản, suy đồi, lập dị, chống đối chính thể, phản loạn nghệ thuật, phản luân lý đạo đức.” (2)

Theo ý kiến cá nhân của chúng tôi, những nguyên nhân sau đây dẫn đến cái chết của Sáng Tạo:

1. Quá cao ngạo, tự phụ

Cao ngạo trong việc phê bình sách, dạy các vị tiền bối như Bằng Bá Lân, hay Nguyễn Vỹ làm văn học nghệ thuật, trong khi đó thì hòa nhã khi phê bình tác phẩm của các tác giả trong nhóm mình. Ví dụ Thanh Tâm Tuyền phê bình Siu Cô Nương của Mặc Đỗ. (Xin đọc những đoạn trích dẫn ở phần trên). Cao ngạo trong việc chối bỏ văn nghệ tiền chiến, qua hai tiếng “ thanh toán” đầy anh chị giang hồ như đoạn kết ghi lại cuộc thảo luận về văn học tiền chiến.

Chúng ta đã làm một cuộc thanh toán với thế hệ trước qua việc xác định lại giá trị đích thực của văn chương nghệ thuật tiền chiến.

Cao ngạo khi xem vụ án Nhân Văn giai phẩm ở ngoài Bắc chỉ là một hiện tượng không đáng kể, như qua bài điểm sách “Đem tâm tình viết lịch sử” của Nguyễn Kiên Trung (tức nhà văn Nguyễn Mạnh Côn) mà chúng tôi trích đăng lại trong số báo này.

2, Quay mặt với Nhân văn Giai phẩm

Chắc có người bệnh vực ST, cho là ST đứng ngoài ảnh hưởng chính trị, thời thế. Tuy nhiên, vụ án Nhân Văn Giai phẩm không phải là vụ án chính trị.. Đó là vụ án về quyền

đòi được tự do viết, tự do nghĩ, mà ST từng hô hào cổ xúy.

Một điều rất ngạc nhiên là sự kiện này (việc ST lơ là với vụ án Nhân Văn Giai Phẩm) từ trước đến nay không có ai đề cập. Mà họ chỉ đề cập đến việc ST nhận tiền Mỹ, có thái độ trịch thượng bất kính với tiền nhân, hay vong bản, hiện sinh, ngoại lai, một công cụ của Mỹ trong chính sách thực dân kiểu mới... Cho mãi đến năm 2013, lần đầu tiên nhà văn Dương Nghiễm Mậu mới đề cập đến “Mặt trận văn hóa” (3) mà Mai Thảo đã dõ dạc kết án:

“... Từ Sáng Tạo số 1 tháng 10 năm 1956 cho tới số 7 bộ mới tháng 9 năm 1961, trong suốt thời gian ấy không thiếu những sự kiện đã diễn ra, ngay cả những sự kiện liên quan tới văn nghệ và tự do sáng tác. Như sự kiện xảy ra tại Hà Nội: Giai Phẩm Mùa Xuân vì đăng bài thơ *Nhất định thắng* của Trần Dần đã bị tịch thu; Hội Văn Nghệ tổ chức phê bình, lên án; Trần Dần bị bắt giam. Sau đó báo Nhân Văn ra đời với những tên tuổi như: Phan Khôi, Trần Duy, Lê Đạt, Hoàng Cầm, Phùng Cung, Phùng Quán... ra được 5 số thì có lệnh đình bản, một số tên tuổi bị bắt giam và truy tố... Những sự kiện này đã được báo chí thông tin.”

.....

“Trên Đặc San Bút Việt số mùa xuân 1958 của Nhóm Bút Việt (P.E.N Việt-Nam) xuất bản tại Sài- gòn, Nhà thơ Vũ Hoàng Chương đã viết một bài tùy bút: *Sao lại thế được?* (4) Trước khi viết về những kỷ niệm với Phan Khôi, tác giả ghi ở trên bài viết: “*Nhân dịp nhà văn lão thành Phan Khôi bị Cộng Sản đàn áp. Và để góp vào cuộc tranh đấu cho lý tưởng “tự do”.*”

Về sự kiện vụ án Nhân Văn Giai Phẩm, tác giả Hoàng Văn Chí đã ghi lại diễn biến của sự việc và giới thiệu những tác phẩm và tác giả đã tham dự vào sự kiện này trong cuốn *Trăm hoa đua nở trên đất Bắc*, do Mặt Trận Bảo Vệ Tự Do Văn Hóa (3) xuất bản tại Sài gòn năm 1959.

Sự kiện vụ án Nhân Văn Giai Phẩm không có ghi nhận nào trên tạp chí Sáng Tạo.” (5)

Sự thật thì Sáng Tạo có ghi nhận với hai dòng ngắn ngủi về vụ án này trong bài đọc sách “Đem Tâm Tình Viết Lịch Sử” của Nguyễn Kiên Trung (một bút danh của Nguyễn Mạnh Côn). Người điểm sách dưới bút hiệu Mặc San - đã phê bình về sự khô cạn tâm tình của tác giả khi cho rằng tác giả mang hiện tượng Nhân Văn Giai phẩm vào trong tác phẩm mà ông cho là “một hiện tượng không có gì đáng kể lắm”

:
“Sự khô cạn của tâm tình ông thấy rõ ở phần mở đầu giới thiệu – phần tôi cho là hỏng nhất – mà ông viết sau cùng và phải bắt nguồn vào một hiện tượng không có gì đáng kể lắm: Hiện tượng Nhân Văn Giai Phẩm ở ngoài Hà Nội.” (6)

Trong khi đó, lại có một số tác giả trong nhóm chủ trương ca tụng hết mình cuộc nổi dậy tại Budapest:

...Anh uống những sợi kim xanh cho linh hồn đỏ lửa – cào cào những vòng gai tâm can – đau một niềm đau của Budapest

(Duy Thanh, *Khung cửa – Giòng sông ST* số 12 tháng 9-57)

Hãy cho anh khóc bằng mắt em

Những cuộc tình duyên Budapest

Hãy cho anh chết bằng da em

Trong giây xích chiến xa tội nghiệp...

(Thanh Tâm Tuyền: *Hãy cho anh khóc bằng mắt em, những cuộc tình duyên Budapest* - SÁNG TẠO số 4 tháng 1 năm 1957)

“Một dòng chữ nguyệt ngọc viết vội trên một mảnh giấy

dài, vắt ngang một cây người nằm co bên hè phố, giữa cảnh hoang tàn: *Nem hiaba haltak még!* Hẳn không chết uống (hình của một hãng thông tấn, có in trên nhiều báo). Đành rằng thế. Bất kỳ một thanh niên Hung nào vợ lấy một mẫu khí giới và lao mình xuống phố mà không nghĩ rằng mình không đi vào một cái chết uống. Nhưng, khi tiếng súng đã êm, những người chết đã chết, dòng đời lại điem nhiên chảy, thế giới lại tíu tít với những vấn đề, chúng ta nghĩ gì về cái chết của những chàng trai Budapest? *Nem hiaba haltak még?* Có thật như vậy không?

Những ngày tháng Mười, tháng Một, tháng Chạp 1956, chúng ta đã làm gì? Trong khi những người tuổi trẻ, những bậc lão niên, những phụ nữ, và cả những em thiếu nhi Budapest vùng lên đem đức tin ở lẽ phải của mình ra chống chọi với súng đạn và thiết giáp...”

(Mặc Đỗ: *Nem Hiaba Haltak Meg* . Sáng Tạo số 6 tháng 3 năm 1957)

3. Bị hai gọng kìm: Chánh quyền và Mặt trận giải phóng miền Nam/ CS ngoài Bắc.

Số 4 Bộ mới đăng toàn bản hiệu triệu quốc dân về ngày Thánh đản Khổng Tử của Tổng thống Ngô Đình Diệm chứng tỏ có sự nhúng tay của chánh quyền. Một chánh quyền trọng Nho, thủ cựu mà Sáng Tạo đã từng đòi thanh toán. Điều này được chứng tỏ qua bài viết phản công của Mai Thảo, khi tố cáo “bọn bảo thủ phản tiến hóa” “*đã cố kết thành một “mặt trận văn hóa” phản động, bằng cách xuyên tạc, vu khống, khủng bố, xin chính quyền trừng phạt những người làm nghệ thuật mới.*”(2).

Một điều cần ghi nhận là Mai Thảo chỉ nhắc đến “bọn bảo thủ phản tiến hóa”. Sau này, qua tài liệu lịch sử, chúng tôi còn biết thêm có một “mặt trận” khác tiếp trợ. Đó là Mặt

trận giải phóng miền Nam.

Ngày 20 tháng 12 năm 1960, Mặt trận giải phóng miền Nam được thành lập, Vũ Hạnh là một đặc công về văn hóa len lỏi vào trong hàng ngũ văn nghệ sĩ ở thủ đô. Dưới bút hiệu Cô Phương Thảo và Nguyên Phủ, Vũ Hạnh đã dùng tạp chí Bách Khoa để đánh toi bởi Sáng Tạo và những người trong nhóm như Trần Thanh Hiệp, Mai Thảo. Ngay cả một người đã chết là nhà thơ Quách Thoại cũng bị quật lên mà đánh. Lý do nhà thơ này có những bài thơ ca ngợi đường Tự do, cờ Dân chủ hay nói lên cái tàn bạo của CS qua bài Khẩu cung (xin xem bài viết của Nguyễn Sỹ Tế trong số này)...

“...Chưa có năm nào - trong khoảng thời gian 6 năm lại đây – nhiều báo văn nghệ ra đời như thế. Một tờ Sáng Tạo cổ gương ngoi lên sau lần ngã quỵ, đem cái cầu kỳ và sự lập dị làm nền giá trị của mình. Ngoài những cuộc mạn-đàm trong nhóm về các vấn-đề văn nghệ không dẫn đến đâu – trừ dẫn đến cái giả-tạo của sự sáng tạo – tờ báo còn tự tổ cáo một sự bẽ-tắc bằng cách phỉ công phủ nhận văn-nghệ tiền chiến và suy tôn quá đáng một nhà thơ trẻ tâm thường thỉnh thoảng mới tổ xuất sắc trong một đôi câu, nhưng nhờ cái chết làm cho tự ái của những người khen không bị thương-tổn và nhờ cái chết mà chóng . . . hiển thánh trong một tôn giáo chưa tìm đâu ra thần tượng. (7)

Chính mũi dùi của Cộng Sản mới thật sự là khủng khiếp. Nếu mũi dùi của chánh quyền chỉ làm tờ báo đóng cửa, thì mũi dùi của Cộng Sản miền Bắc và Mặt trận GPMN đã đường đường chính chính xâm nhập vào “thủ đô văn hóa”, vào các tòa soạn mà không cần AK, hay xe tăng, đại pháo, hỏa tiễn, B 40, hay đường mòn HCM. Chỉ cần lợi dụng việc Sáng Tạo nhận tiền Mỹ, để đánh miền Nam về mặt trận văn hóa, bằng những quả mìn, lựu đạn văn hóa mang những nhãn hiệu “nọc độc văn hóa”, “chính sách thực dân kiểu mới”, “Văn học ngoại lai”, “văn học nô dịch”, “văn chương hiện sinh” (mà thật sự Sáng Tạo có bao giờ đăng

một bài nào về J. Paul Sartre hay dịch bất cứ một tác phẩm nào của Sartre đâu.!).

KẾT LUẬN:

Qua những lý do vừa nêu, ta thấy trước sau gì ST cũng phải bị bức tử.

Thật vậy, sau số 6 Bộ mới, với bài viết hằn học nhất trong đời viết văn của Mai Thảo như một phản biện trước tòa lịch sử để biện hộ cho chủ trương của tờ báo do ông chủ trương, ST chỉ còn sống thêm một số nữa rồi nằm xuống vĩnh viễn.

(1) www.nguoi-viet.com/

(2) Mai Thảo: con đường trở thành và tiến tới của nghệ thuật hôm nay (Xem phần trước, chúng tôi đăng trọn bài)

(3) Mặt Trận Bảo Vệ Tự Do Văn Hóa ở Việt Nam là một chi nhánh của một tổ chức quốc tế, tên là Congress for Cultural Freedom, trụ sở Trung ương ở 104 Boulevard Haussmann, Paris. Bác sĩ Lý Trung Dung làm Chủ tịch. Tội nghiệp, chỉ vì làm Chủ tịch Mặt Trận Bảo Vệ Tự Do Văn Hóa mà phải đi cải tạo đến nay [1986] chưa được thả. (nguồn: Internet)

(4) Nguyên văn: *"Không thể được! Sao lại thế được? Văn nghệ phải là văn nghệ! Thiếu tự do, thà ném bút đi! Cầm lấy mũi nhọn khác!"*

(5) Dương Nghiễm Mậu: *Thanh Tâm Tuyền và những người bạn văn nghệ của Sáng Tạo*

(6) Xin xem phần điểm sách “với Nguyễn Kiên Trung” chúng tôi trích đăng ở số này.

(7) Cô Phương Thảo: *Tình hình văn nghệ trong năm 1960, Bách Khoa số 97 15/1/1961*

Nguyễn Vy Khanh

Tổng quan về nhóm Sáng-Tạo

“*Tạp chí văn nghệ*” *Sáng Tạo* ra đời trong hoàn cảnh đấu tranh chính-trị mới của miền Nam muốn bảo vệ phần đất quốc-gia và phát triển đất nước theo chiều hướng dân-chủ tự do, sau khi đất nước đã bị phân ranh ở vĩ tuyến XVII với hiệp định Genève ngày 20 tháng 7 năm 1954. Số 1 ra tháng 10-1956 và kéo dài được 31 số, ngưng từ tháng 9-1959, đến tháng 7-1960 tiếp tục bộ mới, trở thành “*Diễn đàn văn học nghệ thuật hôm nay*”, nhưng cũng chỉ ra thêm được 7 số, số cuối ra tháng 9 năm 1961. Trước vận hội mới đó của miền Nam, quần chúng độc giả nhất là giới trẻ và sinh hoạt văn-nghệ, chờ đợi những cái mới trong lãnh vực văn hóa, văn-nghệ, *Sáng Tạo* do đó đã được nồng nhiệt đón nhận. Về tài chánh xuất-bản thì tạp-chí do viện trợ Hoa-kỳ qua William Tucker giám đốc cơ quan viện trợ USIS - nên khi hết nguồn tài trợ đã góp phần đưa đến việc đình bản. Về nhân sự, có thể xem *Sáng-Tạo* hình thành từ hai ấn phẩm trước đó, *Lửa Việt* và *Người Việt*. *Lửa Việt* là đặc san của Hội Sinh viên Đại học Hà-Nội vừa di cư vào miền Nam, Trần Thanh Hiệp chủ-nhiệm, Nguyễn Sỹ Tế chủ-bút, nhóm chủ trương ngoài 2 vị còn có Thanh Tâm Tuyền, chỉ ra được vài số và ngưng xuất-bản đầu năm 1955. Ngoài 2 cây bút đó còn có Doãn Quốc Sỹ, Thanh Tâm Tuyền, ... Còn *Người Việt* là một tuần báo văn-nghệ xưng là “diễn đàn tiên phong đấu tranh văn-hóa”, Doãn Quốc Sỹ làm chủ-nhiệm / trưởng nhóm, cũng sống không thọ, đình bản vào cuối năm 1955, gồm những cây bút

chính là: Thanh Tâm Tuyền, Trần Thanh Hiệp, Doãn Quốc Sỹ, Nguyễn Sỹ Tế, Quách Thoại và Mai Thảo, và còn là nơi xuất hiện thơ văn của Nguyên Sa, Quách Thoại, Thanh Tâm Tuyền và Mai Thảo, v.v...

Trong số ra mắt tạp chí *Sáng Tạo*, Mai Thảo đã phần nào chủ quan nói văn nghệ từ thủ đô Hà Nội đã chuyển vào thủ đô văn hóa Sài Gòn! Nhưng khẳng định của Mai Thảo là một diễn dịch khác của một cơ cấu xã hội và chính trị bị-động, phải đối phó tức thời với kẻ thù cộng sản. Chính quyền miền Nam nhăm tởm như cơ cấu của kẻ thù, đòi hỏi hy sinh và một lòng, một mục đích chính-trị và văn-hóa, với những phương tiện tương đương (mục-đích, lý tưởng đó có được chia xẻ và theo đuổi đến cùng không dĩ nhiên lại là chuyện khác!). Các tạp chí quân đội, tâm-lý chiến và cả những tạp-chí của cái gọi là nền văn-nghệ hiện-đại như *Sáng Tạo*, *Hiện Đại*, *Thế Kỷ Hai Mươi*, ... và *Bách Khoa*, *Quê-Hương*, *Sáng Dội Miền Nam*, v.v... cũng không đi ra ngoài quỹ đạo đó! *Sáng-Tạo* ra đời với cái gọi là ý thức văn nghệ mới và làm mới văn học cho thời đó, ngay những số đầu đã cho biết muốn làm đại diện cho “một nền nghệ thuật mới” được gọi là “nghệ thuật hôm nay”.

Sáng Tạo không phải là một văn đàn hay bút nhóm với chủ trương và hoạt động khẳng khít như Tự Lực Văn Đoàn hoặc nhóm Hàn Thuyên của thời tiền chiến và sau đó là nhóm Quan Điểm, nhưng đi chung từ tờ *Người Việt* sang *Sáng-Tạo* và có thể nói tỏ ra có chung thái độ và quan điểm trong 4 cuộc thảo luận “Nhìn lại văn-nghệ tiền chiến ở Việt-Nam”, “Ngôn-ngữ mới trong hội họa”, “Nhân-vật trong tiểu-thuyết” và “Nói chuyện về thơ bây giờ”, sau xuất-bản thành tập *Thảo Luận* (1). Họ là Cung Trầm Tưởng, Doãn Quốc Sỹ, Duy Thanh, Huỳnh Văn Phẩm, Lê Huy Oanh, Mai Thảo, Ngọc Dũng, Nguyễn Sỹ Tế, Thanh Tâm Tuyền, Thái Tuấn, Tô Thùy Yên và Trần Thanh Hiệp.

Mai Thảo dứt khoát là linh hồn của nhóm *Sáng-Tạo*, nhưng hình như Trần Thanh Hiệp ra vẻ là “chỉ đạo”, người

từng tuyên bố “Chúng ta hình thành văn-nghệ mới” và chủ động trong các *Thảo Luận* của nhóm và là tác-giả tập tiểu luận *Tiếp Nối* xuất-bản cùng năm 1965. Nói đến “nhóm Sáng Tạo” người ta thường nghĩ đến nhiều người: Mai Thảo “đầu đàn” với văn nói chung mới và tân-cải hình thức, Thanh Tâm Tuyền, Tô Thùy Yên và Quách Thoại với thơ tự do và nội-dung mới, Nguyên Sa với thơ ca tụng tình yêu tân kỳ, Cung Trầm Tưởng, Sao Trên Rừng (Nguyễn Đức Sơn) và Trần Tuấn Kiệt làm mới thơ lục bát, Trần Bích Lan (Nguyên Sa), Trần Thanh Hiệp và Nguyễn Văn Trung (Hoàng Thái Linh), người lập thuyết, người giới thiệu triết lý thời thượng của Âu châu. Ngoài ra còn có Doãn Quốc Sỹ, Thảo Trường, Viên Linh, Người Sông Thương (Nguyễn Sỹ Tế), Trần Dạ Từ, Trần Thy Nhã Ca, Vĩnh Lộc, Thạch Chương (Cung Tiến), Vương Tân (Hồ Nam), Hoàng Anh Tuấn, Mai Trung Tĩnh, Nguyễn Nghiệp Nhượng, Mặc Đỗ, Duy Thanh, Lữ Hồ, Trần Lê Nguyễn, Cung Trầm Tưởng, Thạch Trân (Đào Trung Đạo), Tuấn Huy, Duy Năng, Diên Nghi,... - người cộng tác thường xuyên, người một hai bài. Các văn nghệ sĩ hợp tác khác như Tạ Tỵ, Đinh Hùng, Mặc Đỗ, Vũ Khắc Khoan, Nguyên Sa, Viên Linh, Dương Nghiễm Mậu, Thảo Trường, Thanh Nam, Lan Đình, Lý Hoàng Phong, v.v... sau tách riêng làm văn nghệ hoặc không tiếp tục chủ trương của *Sáng Tạo* nữa. Riêng Nguyên Sa đã nhiều lần công khai không muốn bị gán nhãn “nhóm Sáng Tạo” (Trong bài “Làm Báo” mở đầu số tháng 1-1975 của tờ *Nhà Văn*, là tạp chí văn học cuối cùng Nguyên Sa đã đứng chủ trương cùng với Trần Dạ Từ, Nguyên Sa đã nhắc lại sự rạn nứt đó khi đề cao Mai Thảo đã quyết tâm đứng về phía cái mới, “quyết tâm làm cho Mai Thảo cố giữ mãi cho đến lúc không thể giữ được sự chung đụng của những cá tính không thể đứng gần nhau” (tr. 7) (2)). Về phần nhà xuất-bản mang danh Sáng Tạo chỉ thật sự xuất-bản tập truyện ngắn *Tháng Giêng Cỏ Non* của Mai Thảo năm 1956, về sau Doãn Quốc Sỹ lập nhà xuất-bản cùng tên nhưng là của họ Doãn và để in sách của ông và bạn hữu mà phần lớn từ

tạp-chí *Sáng-Tạo*.

*

Đối với văn-học sử, Sáng Tạo đã góp phần làm mới văn học về văn cũng như thơ, về hình thức, thể cách cũng như nội dung.

Về thơ, Thanh Tâm Tuyền cổ võ **thơ Tự do**, không vần, bắt nguồn về ý và chữ dùng, xuất bản *Tôi Không Còn Cô Độc* (1956) và *Liên, Đêm, Mặt Trời Tôi Thấy* (1964) - ông đã viết bài cổ võ ("Đặt đúng vấn đề thơ tự do") và sáng-tác Thơ Tự Do trước *Sáng-Tạo*, từ năm 1955 trên báo Người Việt. Thơ Thanh Tâm Tuyền dùng ngôn ngữ để phá hủy ngôn ngữ, dùng ngôn-từ chính-trị để tỏ bày tâm tình nổi loạn, từ ngôn-ngữ đời thường nhảy vào nghệ-thuật *đen, siêu thực*, phỏ mặc mạch thơ, nhạc điệu cũng như ngôn ngữ thơ, để ngôn từ tự do trôi chảy như sự vật vô tri vô nghĩa từ nguyên thủy và như không khí chính-trị tự do mới có được sau những năm dài chiến-tranh. Mặt khác, thiên chức hoặc mục-đích của thi ca cũng được Thanh Tâm Tuyền định nghĩa khi viết Tựa cho tập thơ *Vào Đời* (1966) của Trần Thanh Hiệp: "Thơ là mở cho nhìn thấy ... Trong đời người rồi mù hỗn độn, tan nát và điên khùng che khuất mọi viễn tượng, trong lịch-sử khắc nghiệt, tàn nhẫn quay cuồng như cửa ngõ hư vô, mở cho nhìn thấy những thực tại còn lánh mặt, bị chôn vùi, những điều khả hữu của đời người, của lịch-sử. *Mở và nhìn thấy* là tác động của trí tuệ - một trí tuệ tiến về mọi chiều đến tận cùng các giới hạn, một trí tuệ tự tạo tự do và muốn thực tại cũng tự do. *Thơ chính là trí tuệ thiên nhiên* lang thang tìm kiếm sự thật và hủy diệt sự thật - trí tuệ nảy sinh từ thực tại chia lìa, muốn đi thoát ôm theo thực tại vào vùng trời nào, nhưng chúng ta, chúng ta nhìn thấy được gì, phải nhìn thấy được gì không? (...) Phải chăng trí tuệ của chúng ta đã chỉ còn là trí nhớ ray rứt về cuộc hành trình không thực hiện nổi - trí nhớ bị thảm đui mù -? Và, thơ của chúng ta như *con chim cất cánh bay cao trong đêm giá cô đơn tìm về mặt trời* hay

chỉ là *con chim đã sập bẫy kêu những tiếng mê sảng?...'*. Tức, Thanh Tâm Tuyền muốn đi xa hơn nữa: "thơ hôm nay không dừng lại ở thơ phá thể, thơ hôm nay là thơ tự do" mà cao điểm sẽ là thơ văn xuôi (3) - trong khi với Nguyên Sa, thơ tự do chỉ là thơ phá thể (4). Cổ võ thơ Tự Do và khi tưởng đã thành công gây tiếng vang thuận tiện, nhất là với những người làm thơ mới ra đời, nhóm Sáng Tạo bèn đi xa hơn, phủ nhận giá trị thơ văn tiền chiến và kháng chiến. Mai Thảo và nhóm bạn của ông rất dị ứng với quá khứ! Nhiều nhóm văn nghệ sĩ đã lên tiếng phản đối, nhất là ở Huế – từ tranh luận thơ tự do xuất phát ca dao và/hoặc thơ tượng trưng tiền chiến (rốt lại mang chất chính-trị quốc-cộng!) của tạp-chí *Sinh Lực* (từ số 8, 1-2-1957), rồi tuần báo *Tâm Nguyên* gọi là “thơ tự Ro” (rồi tiếng của Phan Lạc Tuyên, Mạc Ly Châu...),...Bình-Nguyên Lộc trên tuần báo *Vui Sống* chấp nhận thơ tự do không vắn nhưng phải sáng-tạo ra nhạc điệu mới. Trong các tranh luận, phê phán, đúng là chính-trị đã nhập vào thơ tự do, nào thơ tự do xa lìa quần chúng, thực tại đất nước, ngoại lai, mất gốc (dù Thanh Tâm Tuyền cứ cho rằng thơ của ông xuất phát từ ca dao!). Ngoài “nhóm`thân Cộng” Vũ Hạnh, Lữ Phương, Thế Phong là người có những phê-bình nặng nề: “Thanh Tâm Tuyền, của “*Tôi không còn cô độc*” là một thứ Xuân Sanh phiêu lưu mà không chủ đích, chưa có khả năng để làm một thi sĩ có khám phá mới. Những bài thơ chơi chơi lúc lắc như “Nhịp Ba Tình Cờ” chỉ là lối chơi có nghệ-thuật của một thanh niên bế tắc không muốn lao đầu vào tình-yêu như mọi người khác; và muốn có cái gì mới hơn, muốn lao đầu vào một chương trình khác người mà chưa dò khả năng của mình có hay không?...” (5). Ngay trong cuộc thảo luận “Nói chuyện về thơ bây giờ” của nhóm Sáng-Tạo, Lê Huy Oanh đã bắt mẫn, chán nản thơ tự do mà ông gọi là “lập dị và hình-thức không đạt tới mức truyền cảm”, thì Tô Thùy Yên đã trả lời bằng lập luận “Người làm nghệ-thuật là người lập dị được một cách tự nhiên. Có lẽ sự tự nhiên này đã không cho tôi nhìn thấy tôi lập dị nếu quả có thực như vậy”. Nhưng dù gì thì Thanh

Tâm Tuyền rời Nguyên Sa đã khai phá mở đường cho dòng thơ sẽ được gọi là Thơ Tự Do - Thơ Tự Do “nguyên thủy” là phản ứng lại Thơ Mới và thơ thời tiền chiến, một vận động đã bắt nguồn từ thời kháng chiến, với Hữu Loan và Mậu Tím Hoa Sim, Nguyễn Đình Thi, v.v...

Thơ lục bát đã được cách tân với một số nhà thơ thời Thơ Mới, nay trên tạp chí *Sáng Tạo*, thể-loại thi ca này được tiếp tục hiện đại hóa với ngôn ngữ tân kỳ, hình ảnh mới hơn, bất ngờ, cũng như trong cách dùng chữ, ngắt câu. Khởi xướng bởi Cung Trầm Tưởng, tiếp đó có Sao Trên Rừng, Trần Tuấn Kiệt, Trần Đức Uyển, Hoài Khanh, Kim Tuấn, Hoàng Trúc Ly, ...; mỗi người một kho ngôn-ngữ, mỗi người một phong cách đi vào lòng người thường ngoạn!

Về **văn xuôi**, Mai Thảo là người đã đóng góp cho một cách làm mới hành văn. Những sáng tạo về ngôn từ, cách chấm câu, văn tùy bút, cảm giác. Cách dùng chữ trang trọng, chấm câu theo tình cảm và diễn tiến câu chuyện. Mai Thảo cổ võ lối viết văn như vẽ tranh. Chỗ chấm phá, chỗ chi tiết. Chỗ nâng cao chỗ xuống thấp. *Đêm Giã Từ Hà Nội*, *Bản Chúc Thư Trên Ngọn Đình Trời* cũng như hai tập *Tùy Bút* và *Căn Nhà Vùng Nước Mặn* là những thử nghiệm thành công. Những chữ dùng nay đã quen nghe quen thấy, nhưng vào những năm 1956-61 là những cái mới đã làm hơn một người chau mặt!

Truyện Thanh Tâm Tuyền tiêu biểu qua *Bếp Lửa* (1957) và *Khuôn Mặt* (1964) trong đó nhiều truyện ngắn đã đăng trên *Sáng-Tạo*, coi cuộc đời là một vô nghĩa toàn diện. Con người "hôm nay" lên đường, lữ hành, tự vạch đường, tự thoát khỏi tầm thường và khuôn sáo. Cô đơn trong trù tượng sâu thẳm của con người, nhưng cuối cùng cái phi lý vẫn bủa vây, đẩy con người lún sâu thêm vào trong thực tại mà ý nghĩa nguyên thủy bất động của sự vật vẫn chưa tìm thấy. Truyện Thảo Trường dùng những tra vấn khát khe nhưng chân thành của con người trí thức có đức tin, để nhìn con người và chiến tranh! Cả ba dụng văn nhưng nếu Mai Thảo làm xiệc với chữ, Thanh Tâm

Tuyên khiến con chữ sắc lạnh và Thảo Trường nung lửa cho từng chữ dùng!

Bên cạnh khuynh hướng trí thức và viễn kiến thời bấy giờ là lập trường làm nghệ thuật *dấn thân*, của "nhóm" tạp chí Sáng Tạo qua Mai Thảo, "phát ngôn viên", đã khẳng định: *"Trong phạm vi và ý hướng một cuộc hành trình của một giòng nghệ thuật ý thức chuyên chở trên giòng vận động của nó cả một tâm trạng thế-hệ đòi quyền chủ động đời sống, nghệ-thuật đã được hình thành như một cuộc đấu tranh tự giải phóng của thân phận con người khỏi cái thân phận hiện hữu của nó giữa một xã-hội mà nó không thỏa thuận và chấp nhận, khuynh-hướng đối kháng đã trở nên động lực căn bản, làm nền, của giòng nghệ-thuật ý-thức cách-mạng, của những người làm nghệ-thuật cách-mạng. Sự đối kháng đó tự nhiên, bắt buộc và thường trực. Cho nên cái thái độ của người làm nghệ-thuật chỉ có thể là một thái độ duy nhất: thái độ đó là sự bảo động thường trực của ý thức (...) (và) nghệ-thuật là sự bảo động thường trực của ý thức, sự đối kháng thường trực và vĩnh viễn của thân phận con người trước sự vật, trước đời sống, sự đối kháng không phải là một hành động phá hoại, nó chính là hình thái xây dựng đích cực, duy nhất của nghệ-thuật giữa đời sống, lý do đích thực và duy nhất cắt nghĩa cho sự có mặt và vai-trò của nghệ-thuật giữa đời sống..."* ("Nghệ-thuật, sự bảo động khẩn thiết và thường trực của ý thức". *Sáng-Tạo*, 7, 9-1961, tr. 12).

Dục tính cũng đã được nhóm đưa vào văn-chương. Tạp chí *Sáng-Tạo* đã đăng nhiều truyện đầy dục tính của các tác giả về sau không đi tiếp nghiệp văn, như Duy Thanh (Khép Cửa, Thăng Khởi, Chiếc Lá,...), Thạch Chương (Tinh Cầu,...). Giải phóng tình dục "hôm nay" theo nếp sống buông thả thời hậu chiến ở Âu Châu, là một trong những chủ trương văn nghệ của nhóm. Thạch Chương, tức nhạc sĩ Cung Tiễn sau này, lúc bấy giờ viết truyện ngắn "hiện sinh" và là lý thuyết gia cho khai phá này, trong bài "Giới thiệu một nhận thức siêu thực về nghệ thuật" đã viết: *"... Chúng tôi muốn quay lại vũ trụ hoang sơ dục tình*

nguyên vẹn mà tâm hồn mỗi kẻ còn trinh như sữa. Nhưng là cái tinh khiết đáng sợ của con bò rừng. Nghệ thuật hôm nay là sự biểu lộ một "furie du total", một tiếng gọi quay trở về rừng sâu thẳm mà ở đó còn văng lên những tiếng cười điên mê, những tiếng la cuồng dại vọng về từ trăm thế kỷ của bản năng thuần túy. (...). Nghệ thuật hôm nay còn được biểu tỏ mãnh liệt trong tình yêu ngọt ngào của xác thịt, hay "tình điên". Dục tình, như có người đã nói trên mặt báo này, là động lực độc nhất của thế giới. Đọc... phần lớn những tác phẩm của D.H. Lawrence, ai mà không cảm thấy vật dục mình xao xuyên, một thứ xao xuyên rất nghệ thuật, rất siêu thực, rất trắng, rất tinh khôi...". Lý do ông đưa ra vì sống trong một thời đại "sống trong cái thế trên đe dưới búa, một bên là tự do tuyệt đối cá nhân, một bên là áp bức chính đáng..." (Sáng Tạo b.m., 5, 11-1960, tr. 97-102).

Trong truyện *Thằng Khởi*, Duy Thanh để cho nhân vật xưng Tôi, một cô gái 16 tuổi, muốn ngủ và rồi ra tay "hiếp dâm" một đứa gánh nước người Chăm: "Tôi đã để ý đến nó năm tôi 16 tuổi. Cái vẻ đẹp man rợ ngu xuẩn ấy mang cho tôi nhiều ý nghĩ dâm dục. Tôi chắc rằng thằng Khởi chưa hề ngủ với ai bao giờ (...) Thằng Khởi vẫn ngủ trong lều. Đôi môi dày của thằng Khởi mấp máy và vị nước bọt của nó sền sệt nhạt nhẽo. Tôi lấy nó dậy. Thằng Khởi chồm lên chắc định la làng nhưng tôi bít miệng nó lại. Mắt nó mở to có vẻ ngạc nhiên lắm, nhưng cũng ngồi im. Rồi đưa tay quờ vào người tôi. Hơi thở của nó và của tôi hùng hục trong đêm tối..." (*Sáng Tạo*, 21). Cũng Duy Thanh trong truyện *Chiếc Lá* để nhân vật là cô gái 18 tuổi "thích thay đổi, từ vấn đề ái tình, sinh lý, không khí, đồ ăn, ..." và không thích cái gì quen hoặc vô nếp cả. Khi còn là cô bé 15 tuổi, cô ta đã ngủ với anh rể vừa để trả thù chị mình vừa tìm cảm giác: "Tôi muốn đo cái độ dục của hân khi hân ngủ với chị ấy thế nào. Cũng lạ, cái cảm xúc ấy lúc đề phòng trước thì thấy tầm thường hết sức. Tôi thấy cái

hình thù sát cạnh mình đến vô nghĩa..." (Sáng-Tạo b.m., 1, 7-1960, tr. 26-32).

Bước qua thể-loại **kịch**, “nhóm” có những đóng góp cũng hiện-đại. Kịch bi tráng của thời tiền chiến nay hết hợp thời đại và không-gian mới, thứ lãng-mạn sinh nhằm thể-kỷ ngọt ngat, nhưng tâm sự đó hết còn được hiểu, nơi miền đất rộng lớn nhiều thử thách, đất của cải-lương và của màu mè tình tứ bình dân! Cũng vì là thời đang tới của những Thanh Tâm Tuyền, Doãn Quốc Sỹ và Trần Lê Nguyễn, v.v..., thời kịch nói, một thứ nói rất kịch của một thời đại vừa mở ra, nói mà hoang mang tâm trí và tư duy tìm bắt những lý tưởng mới, khác. Thời của những lý tưởng chính trị, nhắm hàng động, dần thân. *Ba Chị Em* của Thanh Tâm Tuyền, một kịch bản ngắn về Thu, Nguyệt và Hương, ba chị em mà như ba kẻ lạ với nhau, trong tương quan với người mẹ. Liên hệ và tình cảm mỗi người con là một thế giới riêng, nhiều khúc mắc. Hương thương tất cả người thân nhưng "chưa bao giờ con giám thương con cả. (...) Tôi không giám thương tôi, không giám nghĩ đến tôi và tôi đau khô. (...) Tôi không được quyền sống với chính tôi, người ta nghĩ về tôi thế nào thì tôi phải sống như thế sao?" (bản in năm 1967, tr. 12). Hương, "đứa con gái hiền lành ngoan ngoãn luôn luôn nghĩ đến hạnh phúc của kẻ khác đã ngoại tình. Vì tôi muốn người ta không thể bắt tôi sống theo ý nghĩ cố định của người ta, dù phải giá đắt, cái chết, tôi vẫn làm" (tr. 13). Thu xung tôi với mẹ và khinh thường mẹ đã không là người đàn bà chung tình. "Tôi là con mẹ, tôi thương mẹ nhưng nhất định phải khác mẹ. Tình yêu bất lực gây ra thù hận và trong thâm tâm càng thương nhau đau đớn" (tr. 15). "Người đàn bà phải chung thủy với một người. Tôi đã chọn làm người để chung thủy, lỗi ở tôi, tôi gánh chịu nhưng tôi không phản bội chân lý tôi tìm thấy" (tr. 16). Nguyệt bỏ nhà ra đi khi 18 tuổi và trở về với tên Cẩm Vân. Nhưng cả ba đều rơi vào tay một tên đàn ông mà không biết, chồng Thu, người chị cả, tình nhân của Hương - cô gái út - và là người đã quỳ xuống chân Nguyệt "... nếu không yêu anh thì em hãy

giết anh để anh được chết trong tay em" mà nàng vẫn xem như "một bãi đờm" (tr. 20). Kịch đời xảy ra vào những buổi tối trong một ngôi nhà hoang, độc thoại và đối thoại đến cuối màn vẫn không nhắm đóng lại một diễn văn hay sự thật nào, mà hình như mở ra bờ vực thẳm, phó mặc định mệnh, thay vì nắm bắt! Ba Chị Em của Thanh Tâm Tuyền cũng là bi đát của thể hệ ông, những nghịch cảnh ở buổi giao thời kháng chiến, đi ở, bắc-nam, vùng kháng chiến - vùng tề,... *Ba Chị Em* là kịch độc thoại hay kịch về con người thời đại cô đơn mất niềm tin nơi tha nhân, kể cả người thân và người yêu, mất cả tự tin. Nhân vật như quen thuộc nhau, nhưng vẫn đóng kịch, đối thoại của họ như căn cứ trên cái gì đó như có đó. Người vắng mặt ... Không ngạc nhiên trước những tiết lộ tưởng là bất ngờ! Tác giả kịch bản lộ diện hẳn, nhập trong các vai diễn, phần đời họ đi vào văn chương nghệ thuật, có khi lại là phần tinh-yếu nhất, sâu kín nhất. Dù vậy, bi-kịch ở miền Nam thời này đã từ triết-lý (và chính-trị) đi đến nhân-bản!

Tạp-chí *Sáng-Tạo* không đăng nhiều kịch bản: vài kịch bản của Thanh Tâm Tuyền (*Ba Chị Em*, ST số 17,...), Doãn Quốc Sỹ (*Trăng Sao*, ST số 12), ... Trên *Sáng Tạo* số 23 (8-1958) có đăng bản tuyên bố thành lập ban kịch Đêm Hà Nội nhằm phát triển sân khấu kịch nghệ Việt-Nam, nhưng hình như chưa có những thực hiện nào được ghi nhận. Trong cuộc thảo luận "Nhìn lại văn-ngệ tiền chiến ở Việt-Nam" (ST b.m., số 4, 10-1960) có nhắc đến kịch nhưng các thành viên không đi sâu vào vấn-đề.

*

Sáng Tạo đã mở đường cho những người làm văn nghệ mới từ nay rủ nhau lên đường: *Hiện Đại*, *Thế Kỷ Hai Mươi*, *Gió Mới*, *Nghệ Thuật*,... *Sáng Tạo* có công gây hứng khởi, khai phá những cái mới. Hơn 12 năm sau, Mai Thảo kể lại những ngày Sáng Tạo khi viết 'Đứng về phía những cái mới' mở đầu *Tuyển Tập Sáng Tạo*: "Tạp-chí Sáng-Tạo nếu được nhắc tới ở đây cũng chỉ là một chặng đường nhỏ của đường dài và hành trình lớn". Mai Thảo đã sống động vẽ lại cái không khí văn-ngệ lúc đầu đó: "Chất nổ ném

vào. Cờ phát. Xuống núi, xuống đường. Ra biển, ra khơi. Và cuộc cách mạng tất yếu và biện chứng của văn chương đã bắt đầu (...) Trong một thực trạng dày đặc những chất liệu của sáng tạo và phá vỡ như vậy, văn học nghệ thuật mặc nhiên không còn là tả chân Nguyễn Công Hoan, lãng mạn lối Thanh Châu, những khái niệm Xuân Thu, những luận đề Tự Lực". Trong cuộc thảo luận "Nhìn lại văn nghệ tiền chiến ở Việt-Nam", Mai Thảo cũng đã cho rằng "Ảnh hưởng nghệ thuật tiền chiến, trên thực tế, theo tôi, không còn gì. Đó là ảnh hưởng đã phai tàn của một giòng nghệ thuật tự nó đã phai tàn. (...) Tóm lại, theo ý tôi, chỉ có thể bảo rằng: nghệ thuật tiền chiến vẫn còn khuôn vàng thước ngọc cho nghệ thuật bây giờ: những thứ đầu óc đồ kị, thành kiến, khiếp nhược, vô ý thức. Những tâm hồn lười biếng, phản tiến hóa. Bọn đạo đức giả. Bọn trí thức vớ". Sau khi đã thử "phóng cái lao ý thức về đằng trước" và chối bỏ đằng sau, những thành quả của văn nghệ tiền chiến, họ khẳng định: "Những khuynh hướng mới là những trở thành tất yếu và biện chứng của một quá trình đổi thay và tiến hóa của nghệ thuật hiện đại Việt Nam". Nhưng cũng theo ông, cuối cùng cái gọi là cuộc *cách mạng* này "tự trung vẫn chỉ là lịch sử tiến trình biện chứng của những trào lưu cạn dòng phải nhượng bộ rút thoát cho những ngọn triều lớn dậy thay thế" (6). Và trong phỏng vấn của tạp chí *Văn* số 192 vào năm 1971, Mai Thảo lại xác nhận: "*Tờ Sáng Tạo là của những thí nghiệm và những mở đường (...) Tôi không nhìn Sáng Tạo như nơi phát xuất và hình thành một dòng văn học nghệ thuật. Lớn chuyện quá. Một tinh thần nào, một cách thể nào thì có*". Mai Thảo còn nhắc nhở trở lại cái thời làm tạp-chí *Sáng-Tạo* nhiều dịp khác trên tuần báo *Nghệ-Thuật* và tạp-chí *Văn* trước và sau năm 1975.

Nói chung, Thanh Tâm Tuyền, Mai Thảo, Tô Thùy Yên là những thành công, những mới mẻ - nhưng xét cho cùng Mai Thảo, Tô Thùy Yên vẫn chưa rời cái nền cũ, hồn xưa. Quách Thoại, Doãn Quốc Sỹ, Nguyễn Sỹ Tế xưa, khuôn phép hơn nữa, còn Duy Thanh, Thạch Chương đã

ngừng lại ở những thử nghiệm hiện sinh buông thả như người Âu-châu!

Nhóm Sáng Tạo đã là “cái phát áo ngang tàng” của một số những cây viết trẻ đa phần là người Bắc di cư. Nhóm và tạp-chí *Sáng Tạo* đã tạo chỗ đứng cho mình bằng cách khai thác những ý tưởng, phong trào của Âu châu về theo du học, nhập cảng một hiện sinh và siêu thực vào thơ văn, và “thanh toán” những thể hệ làm văn-học đi trước họ. Bìa sau của tập *Thảo Luận* ghi rõ rằng tuyển tập ghi lại những “cuộc thảo luận thanh toán với thể hệ trước, xác định lại giá trị đích thực của nghệ-thuật tiền chiến khơi mở một con đường tiến tới trước nghệ-thuật hôm nay. Một nghệ-thuật để con người chinh phục thân phận của chính mình. Một nghệ-thuật mang trong nó sự vận động biện chứng của hủy diệt và sáng-tạo...”. Nguyễn Sỹ Tế sau này ở hải-ngoại cho biết thêm “chủ trương của Sáng Tạo là dùng phương tiện văn-chương và nghệ-thuật tranh đấu cho tự do, thúc đẩy sự đổi mới, dung nạp những dị biệt cá tính trong một nền văn-hóa phong phú và cởi mở hơn...” (7)

Các tạp-chí thời đó như *Văn Đàn* đã lên tiếng phê phán thái độ của nhóm Sáng-Tạo. Nguyễn Văn Trung, một cộng tác viên với *Sáng-Tạo* từ những số đầu, khi *Sáng-Tạo* sang bộ mới mở đầu một loạt nhìn lại quá-khứ văn-học và phế đổ Tự Lực Văn Đoàn và thơ văn tiền chiến, ông đã phải lên tiếng “Gửi anh em trong «nhóm Sáng-Tạo»” (8) dù nhìn nhận là so với *Thế Kỷ Hai Mươi* hay *Hiện Đại*, «nhận định về *thái độ*, tôi nghĩ tới các anh trong «Sáng Tạo» nhiều hơn, vì chỉ có Sáng Tạo là muốn xác định lập trường một cách *tập thể* và bằng *lý luận*» và «tôi đồng ý với các anh về nghệ-thuật là một “vận động biện chứng của hủy diệt và sáng-tạo” nhưng không phải hủy diệt để đi từ số không. Ngày hôm nay ta lên đường, cũng như hôm qua, người đàn anh đã lên đường, bao giờ cũng lên đường từ một lịch-sử». Ông nhận xét: «Tôi có cảm tưởng là các anh hiểu sự *hủy diệt* theo nghĩa hư-vô-hóa cái đã có. Nếu thật thế thì là một nhầm lẫn và cũng là một việc không thể làm được. (...) suy nghĩ, sáng-

tác bao giờ cũng bắt đầu từ cái đã có, là lịch-sử, chứ không thể từ số không, từ hư vô. Nếu không có lịch-sử, ta không có đối tượng để ý thức và sáng-tác, vậy lịch-sử là cần thiết và giá trị, vì nó là điều kiện thiết yếu để ta có thể lên đường, là cái để ta có thể vượt đi (...) Hơn nữa, chúng ta càng *học hỏi* lịch-sử, chúng ta càng có thể vượt xa hơn quá-khứ, và ta càng có một *lịch-sử lâu đời phong phú*, ta càng có điều kiện tạo nên những vị trí cao hơn, những kiếp sống trưởng thành». Vì theo Nguyễn Văn Trung, nhóm *Sáng-Tạo* «đả kích, gây hấn» vì không tự tin và để «giữ chỗ» trong khi các nhà văn thơ của nhóm chưa «có gì đáng kể», chưa có những tác-phẩm «trưởng thành» thuyết phục được độc giả; vẫn như các nhà văn khác hiện nay «bắt chước kỹ thuật Tây phương vô ý thức và cũng chưa kịp bắt chước đúng thì quan niệm mà mình bắt chước đã bị vượt qua» trong khi nhóm phê phán các nhà văn thời trước «ấu trĩ», «bắt chước» cái cũ cả thể kỷ của Tây phương,... Mặt khác, vào tháng 4 năm 1960, Nguyên Sa ra báo *Hiện Đại* sống được 9 tháng mà từ khi ra mắt đã chứng kiến sự đi xuống của tờ *Sáng Tạo* có thể không còn thích hợp với người đọc lúc ấy "trí thức" khác hơn chăng - trong bài "Mở Cửa" ở những trang đầu *Hiện Đại* số ra mắt, Nguyên Sa đã có nhận định về tình trạng văn nghệ lúc đó: "Văn nghệ trong những ngày tháng vừa qua nằm trong một tình trạng buồn. Cuộc sinh hoạt ấy như chợt chìm xuống một vùng sâu có bóng tối dày và nặng. (...) Tờ báo của cuộc đời văn nghệ 57, 58, 59 đi mất. Những người văn nghệ còn ở đây nhưng buồn cũng đã ở đây..."

Tóm lại, Nhóm *Sáng-Tạo* đã khởi đi từ thái độ chính-trị nhưng xa lùn trong thực tế sáng-tác, thì cùng thời đó, hai nhóm *Chỉ Đạo* và *Quan Điểm* muốn đem chính-trị vào văn-chương - văn-chương chính-trị, cho con người, mang tính tri thức hoặc cho những ai muốn đứng thẳng người, một cách công khai và giữ thể chủ động sẵn sàng đối phó. Chính tinh thần sáng-tạo và thể đứng văn-nghệ dân-chủ tự do đã khiến nhóm dù đã ngưng hoạt động và thành viên lần lượt qua đời, vẫn được người đời sau đó

nhắc nhở và tìm hiểu! Riêng Mai Thảo là người đã sống thật với văn-học nghệ-thuật, 5 năm sau, ông nhận tài trợ của chính quyền xuất-bản tuần báo *Nghệ Thuật* thành công một lần nữa hâm nóng và làm sinh động sinh hoạt văn-nghệ miền Nam!

Nguyễn Vy Khanh

(Trích bản thảo *Văn-Học Miền Nam 1954-1975*)

Chú-thích:

- 1- NXB Sáng Tạo, Tủ sách Ý Thức, 1965. 156 tr.
- 2- Về sau ở hải ngoại, Mai Thảo đã xác nhận hoạt động chung với Nguyên Sa chỉ được hai năm (1956-1958), đổ vỡ vì ngộ nhận ("Màu áo lụa Hà Đông trong thơ Nguyên Sa" in *Chân Dung 15 Nhà Văn Nhà Thơ Việt Nam*. (Westminster, CA: Văn Khoa, 1985), tr. 136). Còn Ký Giả báo *Ngày Nay* (Houston, TX, số 388, 1-5-1998) trong bài "Nhà thơ Nguyên Sa không còn nữa" cho biết lý do của hiểu lầm đó "qua lời tuyên bố của Nguyên Sa trong cuộc phỏng vấn với nhà báo Hồ Nam về thơ Tự do").
- 3- "Nỗi Buồn Trong Thơ Hôm Nay". *Sáng Tạo*, 31, 9-1959, tr. 6.
- 4- Nguyên Sa. "Kinh nghiệm thi ca". *Sáng Tạo*, 21, 6-1958.
- 5- Thế Phong. *Lược Sử Văn-Nghệ Việt-Nam: tổng luận 60 năm văn-nghệ Việt-Nam*, Vàng Sơn tái-bản 1974 bản 1958, tr. 27.
- 6- *Tuyển Tập Sáng Tạo*. Sài-Gòn: Nguyệt San Tân Văn, số 29, 9-1970, tr. 11, 13, 15.
- 7- "Nhìn lại tạp-chí Sáng-Tạo". *Khởi Hành CA*, 61, 11-2001).
- 8- "Gửi anh em trong «nhóm Sáng-Tạo»". *Bách Khoa*, 94, 12-1960, tr. 38-44.

Đình Cường

**Với tôi, nhớ Sáng Tạo lại nhớ
Hãy cho anh khóc bằng mắt em
*Những cuộc tình duyên Budapest***

Khi Trần Hoài Thư nói viết về tạp chí Sáng Tạo không hiểu sao tôi lại nhớ đến hai câu thơ trên của Thanh Tâm Tuyền. tìm xem lại thấy cuối bài ghi 12- 56. đăng trên Sáng Tạo số tháng giêng 1957. trang 23. nay Budapest quá thanh bình. những quán cà phê thật đẹp...

không là người nghiên cứu. nên không có cái logic để so sánh. đánh giá về Sáng Tạo. tạp chí văn nghệ xuất bản hàng tháng. tháng mười 1956 ra số 1 mẫu bìa Duy Thanh. giá 6\$ tại Sài Gòn thời đó

chủ trương biên tập: Mai Thảo
 tòa soạn và trị sự: 133 B Ký Con. nơi tôi có ghé đôi lần. căn phòng hẹp. cánh cửa sắt kéo ai đến thường gọi vào. xế trưa mới mở cửa...

Mai Thảo đêm nào cũng đi chơi khuya cùng vài ba người bạn. ngủ muộn. sáng dậy trễ từ phòng sau ra. anh đã ăn mặc chỉnh tề dáng vóc cao. lúc nào cũng khoan thai. thời đó đã lái xe hơi. dân cậu.

năm đó tôi còn trẻ. kém anh một con giáp

mê văn chương nghệ thuật. đã nhin
 tiền tiêu pha gầy dựng một tủ sách lớn
 mua thêm những tờ báo mình thích
 đọc xong xếp thứ tự theo từng số
 lâu ngày thành một dãy dài rất đẹp
 sách quý đem đi đóng bìa da. tạp chí Sáng Tạo tôi có từ đó
 sau 75 bị mất hết, bây giờ không còn đủ bộ.

từ thời đó tôi gặp quen các anh trong các sinh hoạt nghệ
 thuật

như Đàm Trường Viễn Kiến của Nguyễn Đức Quỳnh
 ở hẻm Phan Thanh Giản. gần nhà Đỗ Quang Em
 hay Câu Lạc Bộ Văn Hóa của Phạm Xuân Thái
 ở đường Tự Do. Câu Lạc Bộ Phan Đình Phùng
 nơi giáo sư Nguyễn Đăng Thục hay thuyết trình
 Hồ Nam hay lên bục. hằng say nói về văn nghệ
 một thời nhiều sinh hoạt văn hóa thật sinh động...



Ngọc Dũng - Mai Thảo - Đinh Cường - Thanh Tâm Tuyền
 Virginia (ảnh tư liệu DC)

nay thử tìm xem những tác giả viết trên Sáng Tạo
 ai còn ai mất. những người tôi đã gặp lại bên này
 như họa sĩ Ngọc Dũng cùng ở Virginia, gần nhà nhau

thỉnh thoảng anh hay nhẩn qua uống ly whisky
 tự tay anh pha chế. anh mất mới đó mà đã mười bốn năm
 có năm gặp anh Thái Tuấn từ Pháp qua thăm
 nay anh cũng không còn. chỉ còn Duy Thanh
 ở San Francisco. bà tên tuổi về hội họa hay
 nhắc đến thời Sáng Tạo. nhưng Ngọc Dũng không
 viết và vẽ trên Sáng Tạo nhiều như Duy Thanh
 Thái Tuấn và Tạ Tỵ. xem như Duy Thanh là
 chủ chốt. như vẽ mẫu bìa báo số ra mắt. vẽ chân dung
 bạn bè văn nghệ trên các số đặc biệt như Số
 Mùa Xuân. quá đẹp. cả những bài thơ, truyện ngắn,
 những nhận định về hội họa của anh đều xuất sắc

nay anh chỉ vẽ những phóng bút. tự lại nét tài hoa
 trong cái studio anh thuê rất nhỏ. bữa bọn sách vở
 nhìn ảnh anh đứng chờ xe bus ở San Francisco mà thương
 tôi thương quý các anh trong nhóm Sáng Tạo bởi các anh
 luôn giữ một tình bạn thật đẹp. như mỗi lần từ Minnesota
 về Virginia, Thanh Tâm Tuyền luôn ghé uống rượu
 với Phạm Nguyên Vũ. có cả Vĩnh Lộc từ Maryland qua
 còn Mai Trung Tĩnh thì đã mất. những tác giả đó cùng ở
 vùng tôi nên tôi có gặp. còn Tô Thùy Yên thì thơ quá tuyệt
 mỗi lần qua Houston đều hẹn nhau ra La Madeleine cà phê
 vừa rồi nghe tạp chí Quán Vãn của Nguyên Minh
 ở Sài Gòn dự tính làm số báo về anh. mà không được phép
 (sống dưới thời Cộng Sản khổ thật. làm gì cũng phải xin
 giấy phép)

nhớ Quách Thoại. nhớ Trần Lê Nguyễn, Hoàng Anh Tuấn
 Thao Trường (sau này ký Thảo Trường) đã chết
 chỉ còn Trần Thanh Hiệp, Doãn Quốc Sỹ, Mặc Đỗ, Cung
 Trầm Tưởng
 nay các anh đã lớn tuổi mà vẫn còn khỏe. trong Sáng Tạo
 số 1
 thấy có Nguyên Sa, Vũ Khắc Khoan, Lê Thương, Lê Văn
 Siêu...
 đã ra đi hết. chiều nay ngồi lật xem lại mấy số báo cũ

đã nửa thế kỷ, còn thấy tên các anh Lan Đình. Tô Kiều Ngân

Lý Hoàng Phong rất hiền. tôi đã gặp. rất thương. đều xa khuất...

chỉ còn Thạch Chương (Cung Tiến). Trần Dạ Từ. Viên Linh.

Dương Nghiễm Mậu. những người bạn cùng trang lứa tôi nay người ở Minnesota. người California. người Sài Gòn các anh đều đóng góp đăng bài trên tạp chí Sáng Tạo tôi còn lưu giữ

tôi luôn trân trọng gìn giữ những gì các anh viết cho *Sài Gòn thủ đô văn hóa Việt Nam* ngày trước. sẽ còn mãi. cả trong

lòng người dân và các bạn trẻ Hà Nội hôm nay....

Virginia, May 6, 2014

Đình Cường

SƯU TẬP NHỮNG BÀI VIẾT QUAN TRỌNG CỦA SÁNG TẠO

Số đầu tiên, tháng 10-1956:

SÀI GÒN THỦ ĐÔ VĂN HÓA VIỆT NAM

(LTS) Không thư tòa soạn, không chủ trương, mục đích, tôn chỉ, lời phi lộ, chỉ có một Saigon mà nhà văn Mai Thảo đã dành ở những trang đầu.

Rất trang trọng.

Rất tha thiết.

Rất lạc quan...

Người đọc mở trang đầu, thấy Saigon quá huy hoàng, long lẫy và tràn trề sức sống dưới ngòi bút tài hoa của Mai Thảo:



Bìa ST tập 1

SÀI GÒN THỦ ĐÔ VĂN HÓA VIỆT NAM

MAI THẢO



Saigon năm 1956 (nguồn Internet)

Sài Gòn thủ đô văn hóa Việt Nam: Không phải là một danh từ, một câu nói suông nhạt. Không phải là một ảnh hình trừu tượng. Không phải là một ảo tưởng mong manh còn nằm trong ngày tới xa thẳm. Không phải là một ý niệm khát khao đợi chờ. Đã là một thực thể được minh định: Văn Hóa Việt Nam thực hiện hôm nay và sẽ được kiện toàn trong ngày tới đã có một trung tâm xuất phát và sinh thành: Thủ Đô Sài Gòn.

Thực thể lửa chói này được biểu tỏ rõ rệt sâu đậm, ngày lại ngày.

Ánh sáng của văn hóa cháy lên hôm nay từ giữa lòng đời sống lớn rộng của dân tộc là một giòng máu bùng bùng

mãnh liệt luân lưu trong một cơ thể chứa đựng cái vô hạn của những năng lực sáng tạo trẻ mạnh phong phú. Giòng máu bắt nguồn từ trái tim. Sài Gòn xuất hiện trên những kinh rạch tắm tối ngày nào, đã đổi thay để có thêm một hình thể tinh thần nữa: hình thể của một trái tim đập mạnh, với những đường máu những lối ánh sáng đan chen nhau, tỏa đi trên toàn thể, toàn diện.

Không còn là chân tay, Sài Gòn đã là một trái tim. Những biến cố trọng đại của lịch sử đất nước từ một ngày nào đã chuyển đổi trọng tâm sinh hoạt dân tộc, và Sài Gòn đang phát triển, thay thế cho một Hà-Nội đã tàn lụi, đã nghiêm nhiên biến thành một thứ cứ điểm chính yếu quy tụ mọi thiện chí xây dựng và mọi nỗ lực đóng góp của những hoạt động văn-hóa hiện hữu, trên mọi ngành mọi mặt.

Từ người du khách ngoại quốc đặt chân xuống phi trường Tân Sơn Nhất, đến những chuyến tàu vượt đại dương vào hạ neo trên mặt nước phẳng lặng của thương khẩu thành phố, đến những con người xa cách không biết bao nhiêu trùng dương, lúc mở nút điện nghe một tiếng nói, một giọng hát, một bản nhạc truyền thanh qua không gian, hoặc đọc một cột báo tường thuật ghi chép những chứng tích của Văn-Hóa - nghĩ đến Việt Nam - đều mang trong tâm hồn hình ảnh đậm thắm của thành phố lớn rộng đã trở nên trung tâm sinh hoạt và phát huy của tất cả mọi lực lượng tinh thần đất nước giữa mùa kiến tạo.

Thành phố đổi khác. Thêm một tấm áo của Văn-Hóa khoác lên mình tấm áo của thiên nhiên. Nắng nhiệt đới chói chang vàng diệp bùng cháy thêm một thứ ánh sáng văn hóa càng ngày càng thắm thiết rực rỡ.

Không phải chỉ là những công trình kiến trúc với những đại lộ rộng thẳng, những ngã tư trùng diệp xe cộ, những công viên xanh mướt màu cỏ bóng lá, những xưởng máy vang vọng nhịp điệu sản xuất, những trường học, chợ búa sinh hoạt thường xuyên. Không phải chỉ là một khoảng không gian tập hợp một số dân đông đảo có chung một gốc nguồn, một lịch sử, một tương lai. Không phải chỉ là một thương cảng lớn đón nhận và gửi đi những kiện hàng

những chuyến tàu.

Sài Gòn còn là thủ đô Văn-Hóa Việt Nam.

*

* *

Từ một điểm son bé nhỏ vô nghĩa ghi trên tấm bản đồ hình thẻ xứ sở, đến những công trình xây dựng bề mặt, thành phố dựng lên theo chiều cao đang tỏa đi theo chiều rộng và thẳm...xuống chiều sâu, để từ một đô thị miền Nam biến thành một thủ đô tinh thần của toàn thể đất nước.

Sài Gòn đã đứng vào vị trí. Đã nhận nhiệm vụ mình. Sau khi Hà-Nội đã từ bỏ vị trí nhiệm vụ của Hà-Nội. Lửa văn hóa vượt vĩ tuyến đã sáng lên ở đây, hôm nay. Sự tê liệt, sự hủy diệt, sự đổ ngã một nơi nào đẩy những sức sống trẻ mạnh về Sài Gòn, hợp làm một với những sức sống trẻ mạnh sẵn có. Thành phố - hòn ngọc của Á-Châu - tinh hoa của đất nước - đã chứa đựng cái sắc thái của một mảnh đất màu trên đó đua nở những cỏ hoa tươi tốt nhất của một mùa văn hóa mà những thành tích, kết quả cụ thể đang được thu lượm dần dần, đang được sắp thành biểu đồ, hệ thống.

Những công trình nghệ thuật đang được thể hiện song song với những công trình khoa học, kỹ thuật. Thành phố từ một mảnh đất màu mỡ trở nên một kho tàng. Đời sống đang đóng góp cho kho tàng này. Sự đóng góp về từ khắp nơi. Nhìn thấy ánh sáng văn hóa phát xuất trên bờ Cửu Long, chảy qua đại dương, băng qua lục địa, những con người văn hóa Việt Nam trên toàn thế giới đã ý thức được sự chuyển đổi trọng tâm, đã xuống một chuyến tàu biển, lên một chuyến máy bay vượt không gian về đặt chân xuống Thủ Đô Mới, hiến dâng phần kiến thức chuyên môn của mình vào cuộc dựng xây văn hóa. Người vẫn ở đây, người về từ hải ngoại, người đến qua vĩ-tuyến, chung lưng trong sự nghiệp xây dựng toàn thể. Những chứng tích

mới. Những phát minh mới. Kho tàng văn hóa đầy dần. Thủ Đô lộng lẫy về hình thức, càng thêm rực rỡ tinh anh. Ánh sáng văn hóa hồng cháy, tỏa rộng, bốc lên, lan đi xa rộng. Ánh sáng của nghệ thuật, của khoa học, ánh sáng của đời sống, của con người là ánh sáng của thủ đô hôm nay. Ngọn lửa mới của văn hóa có một sức tác động lẫn át cả thứ ánh sáng cổ hữu của thiên nhiên trong xanh giữa mùa nắng lớn.

Từ hải ngoại, từ nội địa, ở khắp mọi miền núi rừng đồng nội, trên khắp các khu vực của đất nước, những xu hướng và khả năng tinh thần đều nghiêng xuôi về thủ đô miền Nam trở nên thủ đô toàn quốc, như những giòng suối chảy về một hội trùng dương. Những đoàn ghe thuyền ngược giòng những nhánh sông đầy của Tiền Giang Lục Tỉnh ẩm ắp thóc lúa khoai sắn của những bàn tay cần lao của những miền đất đai phì nhiêu, ngày đêm xuôi về những bến xá nằm trong phạm vi trung tâm văn hóa. Những ngã đường từ cao nguyên đổ xuống, những ngã đường từ duyên hải đi lên, đều mang hình ảnh của những giòng máu chảy về trái tim, những giây thần kinh chảy về đầu óc.

Trái tim, đầu óc là thành phố. Là trung tâm văn hóa. Là Sài Gòn. Sài Gòn sáng tạo và suy tưởng.

*

* *

Người trở về từ hải ngoại giữa mùa mưa 56. Tôi đặt chân xuống phi trường Tân Sơn Nhất từ mùa nắng 54. Những người bạn đường đã sinh trưởng ở đây kể từ ngày thành phố xuất hiện trên những kinh rạch ẩm ướt đen tối. Những người bạn đường còn ở rải rác trên những đô thị thế giới, bên kia muôn ngàn trùng dương. Tất cả đời sống chúng ta, kể cả phần tâm tưởng thâm kín đến phần sinh hoạt thường nhật, đều hướng về Sài Gòn. Như những nhành hoa hướng dương nở về một phía bình minh. Như những bước chân đi

về trạm hẹn. Mang trong lòng ít nhiều thiện chí xây dựng, rất nhiều tin tưởng, qua một ý niệm chân thành ở tiền đồ văn hóa đất nước, chúng ta đang lẫn mình vào sinh-hoạt văn hóa. Mỗi người, mỗi chỗ đứng là một vị trí nhỏ trong trung tâm văn hóa rộng lớn. Chúng ta đến với một số mặc cảm. Trong tin tưởng có hoài nghi. Ý chí xây dựng cương quyết mà tâm hồn thì còn nhiều thắc mắc. Sự giao động này là một lẽ tất nhiên. Dĩ vãng buồn đau còn gửi về hình ảnh một thủ đô cũ, một trung tâm cũ. Niềm đắng cay của một thiện chí dựng xây nào đổ vỡ hoặc không thành. Anh còn nhớ đến cái ánh sáng lừa chói của những thủ đô văn hóa thế giới. Chúng ta đặt những bước chân bờ ngõ vào thành phố đã trở nên trung tâm, nên quê hương. Hiện tượng mới đột ngột. Thủ Đô văn hóa vừa được chọn ở đây. Nhưng rồi lẫn mình vào sinh hoạt, đứng lại giữa vị-trí, những hoài nghi tan biến dưới những tin tưởng vững mạnh lên hình. Như sương mù tan đi trong ánh sáng. Như những tảng bóng tối dày đặc rụng đổ lả tả giữa biển ngày trong veo.

Bởi vì Sài Gòn, nếu chưa thật sự - một trường thành nào cũng phải có đủ thời gian - thì cũng đang trở nên trung tâm văn hóa đất nước, “trung tâm” xứng đáng với ý nghĩa của toàn thể toàn diện. Những hạt muối đang kết tinh trong nắng. Những bông hoa đang phơi mở. Những trái ngọt đang căng đầy. Từ trung tâm, những nền tảng đã đặt định để văn hóa được trưởng thành. Những nỗ lực này tiếp tay những nỗ lực khác. Trên một hình thức kiến trúc những công trình thể hiện đang làm đầy phần chứa đựng, phần nội dung. Những vật liệu văn hóa còn ngổn ngang bộn bề, nhưng hình thể của lâu đài văn hóa đã nhìn thấy. Lâu đài này khởi công từ trung tâm Sài Gòn, sẽ đẹp, sẽ tinh túy vì được cất dựng theo khiếu thẩm mỹ của chúng ta. Nó chắc vững lành khỏe vì nó bắt nguồn trong cái lành khỏe chắc vững của đời sống và con người tự do dân chủ.

*

* *

Từ khoa học đến kỹ thuật. Từ triết học đến nghệ thuật. Nhịp điệu dựng xây văn hóa là một nhịp điệu toàn diện. Cùng một lúc và ở khắp nơi. Những hoạt động rong hàng chẳng những đã không là những mâu thuẫn, trở lực của nhau mà đã nói được lên cái thiên hình vạn trạng của văn hóa, của thủ đô cùng là cái năng lực tiềm ẩn của tất cả mọi cơ năng sinh hoạt gặp cơ hội thuận lợi đã xuất phát cùng một nhịp ở một cứ điểm chính. Cứ điểm này là Sài Gòn. Những sinh hoạt nhỏ và những sinh hoạt lớn. Những thực hiện nhỏ và những thực hiện lớn. Tất cả kết hợp thành đại hội. Sài Gòn đang mở hội vui. Người dự hội đến từ những học đường, những phòng thí nghiệm, những sở khảo cứu, những trung tâm phát minh, mang theo những chứng tích mới lạ của khoa học phục vụ con người và đất nước tự do dân chủ. Người dự hội đến từ những bộ môn, những ngành nghệ thuật. Màu sắc của hội họa, đường nét của điêu khắc, âm thanh của thơ nhạc đều có mặt ở Sài Gòn. Người nghệ thuật đóng góp phần mình vào đại hội qua một họa phẩm một sáng tác phản chiếu cuộc phục hồi vĩ đại của văn hóa dân tộc đang được xây dựng gấp rút sau chiến tranh đổ vỡ. Cơ man nào là những đóng góp văn hóa, những thiện chí của lớp người văn hóa. Trên những đường lối thênh thang sáng tỏ của dân tộc là những bàn tay hiến dâng những khay vàng. Ngày lại ngày, những hiến dâng này đóng góp vào những hiến dâng nọ. Ánh sáng văn hóa cháy đỏ thêm sau mỗi lần hiến dâng.

Giữa thành phố hôm nay, hội vui đã mở sẽ không bao giờ hết. Hội mở trong vô hạn, về vô cùng. Vậy mà hiện tượng rực rỡ này mới chỉ là một hiện tượng khởi đầu. Sài Gòn với những hàng cây, những bóng mát, những tầng nắng, những phiến trời xanh đang nói lên với dân tộc và thế giới hôm nay, qua trùng dương, qua biên thủy, những sắc thái mới của mình, kể từ ngày trở nên cứ điểm, vị trí phát huy của nền văn hóa dân tộc trẻ mạnh.

Sài Gòn thủ đô văn hóa Việt Nam! Từ một hiện tượng đến một thực thể. Nền văn hóa dân tộc đặt định những nền tảng ở đây, đang phát huy ở đây bằng những nỗ lực sáng tạo của chúng ta - những con người hiện có mặt ở đây. Bằng những nỗ lực sáng tạo của những người bạn đường thế giới. Bằng những hành động đóng góp tương trợ của những dân tộc huynh đệ, những xu hướng văn hóa bằng hữu của thế giới.

Sài Gòn khác biệt với bất cứ một thủ đô nào của thế giới. Nhưng Sài Gòn cũng là một trong những thủ đô văn hóa thế giới. Trên bản đồ đất nước, chúng ta ghi tên Sài Gòn: thủ đô văn hóa dân tộc hôm nay và ngày mai.

Mai Thảo

LTS: Sau số ba, bộ cũ, Sáng Tạo mở mục Qua các bộ môn văn nghệ, mà phần điểm sách chiếm nhiều nhất. Khen thì ít, nhưng chê thì nhiều. Những tác giả tiền chiến như Nguyễn Vỹ, Vi Huyền Đắc bị lên bàn mổ không nương tay. Và đặc biệt là bài điểm của Mặc San khi phê bình cuốn Đem Tâm Tình Viết Lịch Sử của Nguyễn Kiên Trung (tức Nguyễn Mạnh Côn), người điểm đã mang vụ án Nhân Văn Giai Phẩm ra để chứng tỏ về sự “ông càn tâm tình” của tác giả.

Bắt đầu từ số 31, mục Qua các bộ môn văn nghệ bị hủy bỏ. Bốn số đầu của bộ mới đăng bốn cuộc thảo luận của nhóm Sáng Tạo.

Số 4 bộ mới, lần đầu tiên ST đăng thông điệp của Tổng Thống Ngô Đình Diệm, về ngày Thánh Đản Khổng Tử.

Số 6 bộ mới, Sáng Tạo đăng bài viết của Mai Thảo không những bào chữa cho chủ trương của ST mà dùng lời không phải Mai Thảo chút nào.

Trên Internet không có phổ biến bài này, cũng như muốn giúp quý bạn có cái nhìn rõ hơn về lý do tại sao ST lại chết, chúng tôi đánh máy và đăng lại sau đây bài phản công của Mai Thảo.



MAI THẢO

con đường trở thành và tiến tới của nghệ thuật hôm nay

Những giòng chữ dưới đây trình bày những nhận định chủ quan của tôi về một vài khuynh hướng nghệ thuật mới ở Việt Nam, tôi sẽ nhận định như *những khuynh hướng tất yếu* được cấu thành từ một quá trình vận động biện chứng của nghệ thuật, không có ý nghĩa – mặc dầu những khuynh hướng này hiện đang bị một số người nhân danh nghệ thuật, nhân danh đạo đức, nhân danh luân lý đã kích dữ dội – một bài đối thoại, tranh luận, bút chiến. Tôi không sợ tranh luận, ngại đối thoại, tránh bút chiến. Nhưng trước những khuynh hướng nghệ thuật mới, phía những quan điểm, lập trường đối lập chúng, những loạt bài đã kích không hề bám tới được cái mức tối thiểu một bài tranh luận, đối thoại, bút chiến thực sự. Nghĩa là khởi diễn trên một bình diện nghệ thuật, một thái độ nghệ thuật thực sự, nhằm sáng tỏ thực sự một vấn đề, một thực trạng nghệ thuật, để tôi thấy là cần thiết phải lên tiếng, phải trả lời.

Đối thoại, tranh luận, bút chiến? Không. Chỉ là xuyên tạc, vu khống, bôi nhọ, khủng bố, mục đích không ngoài dụng

tâm khuynh đảo, làm hoang mang tinh thần người đọc, phi báng cá nhân.

Những khuynh hướng mới, tổng hợp thành trào lưu tư tưởng nghệ thuật mới, trào lưu đó đang hình thành rực rỡ, đã bắt đầu gây những tác động mãnh liệt sâu rộng trong tâm hồn người sáng tác trong đời sống xã hội, khả năng xây dựng và hủy phá của nó đang tạo thành một đổi mới, một đảo lộn chưa từng thấy trong lịch sử nghệ thuật Việt Nam, những khuynh hướng đó có thực là những trạng thái tiêu biểu cho một thứ nghệ thuật vô luân, sa đọa, phản luân lý đạo đức, vong bản, ngoại lai, phản loạn, như bọn bảo thủ phản tiến hóa ở đây đang điên cuồng gào thét, đòi tố cáo trước chính quyền, đòi trừng phạt, đòi đền tội trước tiền nhân hay không? Những khuynh hướng đó có thực là hiện thân của một lớp người vô trách nhiệm, vong bản, lập dị, của những tâm hồn điên loạn, những kẻ vọng ngoại, “hiện sinh” bất chước vô ý thức một trào lưu nghệ thuật suy đồi Tây phương hay không? Người ta có thể nhân danh một nhà luân lý của một thứ luân lý nào đó, nhân danh đạo đức của một thứ đạo đức nào đó, nhân danh nghệ thuật (cũng được) của một thứ nghệ thuật nào đó để trả lời có. Và để đi xa hơn, lên án, đòi tố cáo, đòi trừng phạt những khuynh hướng đó như những sản phẩm tinh thần độc hại, những người chủ trương những khuynh hướng đó như những tội phạm chính trị nguy hiểm cho xã hội và chính quyền.

Vậy mà sự giả định đó, người ta đã dám làm. Đối với những người làm nghệ thuật ý thức, đối với lớp quần chúng yêu nghệ thuật ý thức, tôi không ngần ngại dùng danh từ ý thức để phân biệt (bởi vì, như phía người làm nghệ thuật, phía quần chúng yêu thích nghệ thuật cũng có những phần tử mê muội vô ý thức) những bài phê bình nghệ thuật đưa tới luận điệu *tố cáo đòi trừng phạt trước chính quyền*, tự chúng đã tố cáo, đã nói nhiều về tâm địa tốt đẹp, về cái đạo đức nghệ thuật chói lòa của những tác

giả chúng. Rồi còn cái danh từ phản loạn được nêu ra trong một liên tưởng trùng hợp hiểm độc và hèn hạ đầy ý nghĩa với biến cố 11 tháng 11 vừa qua! Nhà thơ Cung Trầm Tưởng một hôm có nói với tôi đến một phong trào maccarthysme trong nghệ thuật: Cái chủ trương gieo rắc sự nghi kỵ, khơi đào cái hố chia rẽ sâu thẳm giữa chính quyền và những người làm nghệ thuật có thiện chí xây dựng, có tinh thần tiến bộ. Trả lời anh, tôi nhớ đã nói rằng chúng ta hiện đang sống dưới một chế độ dân chủ, sự hiện hữu của chúng ta ở đây sau hiệp định Genève đã cụ thể hóa một sự lựa chọn dũng cảm, sự lựa chọn sống, xây dựng, bảo vệ, làm nghệ thuật trong một phần đất một chế độ dân chủ. Một chế độ dân chủ, không thể là một chế độ độc tài, phát xít kiểu cộng sản, kiểu quốc xã Đức. Bởi vậy giả thử, những người làm nghệ thuật bị gọi là phá hoại, phản loạn ở đây – tôi nói giả thử – có phải bận tâm đôi chút trước những gào thét đòi tố cáo và trừng phạt trước chính quyền, tôi tưởng họ chỉ cần nghĩ đến một vài nguyên tắc dân chủ tối thiểu, một vài quyền hạn tự do tối thiểu, một chính quyền dân chủ tối thiểu, để mỉm cười. Mặt khác phía dư luận quần chúng, những luận điệu tố cáo kiểu đảng, kiểu công an văn nghệ đó, tự chúng đã lộ trần một tâm địa, một mặt nạ. Con đường chúng ta đi, chế độ chúng ta sống, không khí chúng ta thở, phần đất chúng ta đứng chỉ làm bật rõ, sâu đậm tính chất ô nhục những kiểu tố cáo chính trị sặc mùi chỉ điểm lính kín đó mà thôi. Một mặt, chúng chẳng những không làm lợi ích gì cho nghệ thuật, chúng còn là những vũ khí phản phúc. Chúng không xây dựng chế độ, chúng bôi nhọ chế độ. Chúng nói chúng đứng về phía chính quyền, bảo vệ chế độ kỳ thực chúng làm giảm uy tín, phá hoại chế độ. Một sự thực: nếu âm mưu của những kẻ học đòi làm một thứ Hoài Thanh, Tố Hữu kia thành tựu (mấy tên trùm văn nghệ miền Bắc đó từng đòi xích tay văn nghệ) những lực lượng nghệ thuật tiến bộ ở đây đã phải im tiếng, diễn đàn văn học nghệ thuật này đã phải đình chỉ, và tôi đã chẳng còn có cơ hội được phát biểu trên mặt báo Sáng Tạo những ý kiến này. Từ trước đến

nay, trước những luận điệu xuyên tạc khủng bố nói trên, những người làm nghệ thuật mới ở đây đã phản ứng lại bằng một thái độ im lặng, khiến nhiều khi tôi đã nghĩ không hài rằng: nếu họ cũng tố cáo trở lại rằng chính những quan điểm luân lý đạo đức lỗi thời, chính cái thứ nghệ thuật ấu trĩ, lạc hậu mới phá hoại nghệ thuật, những kẻ chủ trương chúng mới đích thực là những phần tử phản động làm điểm nhục đến cả đời sống hiện tại, đến cả lịch sử quá khứ, (và chúng ta chẳng thiếu bằng chứng rút ra ở cái thứ nghệ thuật xác chết, cái thứ nghệ thuật phản tiến hóa đó) thì cái không khí nghệ thuật ở đây sẽ ra sao? Nhưng về một thái độ liều lĩnh bất cố liêm sỉ, những người làm nghệ thuật có ý thức, biết tự trọng đã nhận định rằng họ không thể nào sử dụng nổi. Nó là độc quyền nghệ thuật (!) ở đây của một số người tự nhận là tiếng nói luân lý đạo đức. Và chúng ta, chúng ta đã im lặng.

Trình bày một vài nhận định chủ quan về những khuynh hướng nghệ thuật mới ở đây, chủ tâm tôi không phải là chấm dứt thái độ im lặng đó. Tuy thú thực, tôi đã phần nộ trước những luận điệu xuyên tạc, khủng bố, những luận điệu vu oan giá họa đó. Ai mà không phần nộ? Nhưng nhìn vào sâu thẳm và đáy cùng hiện tượng, xét trên bình diện nghệ thuật, căn cứ theo một quá trình tiến hóa biện chứng của nghệ thuật ở Việt Nam hôm nay, những phản ứng kia, chúng ta đã khoan dung nhìn nhận nó như một biểu tỏ tất yếu, một vùng vẫy bất lực và tuyệt vọng của một trào lưu nghệ thuật suy tàn – trong một tương quan đào thải – trước một trào lưu đang rực rỡ sinh thành, đang lớn mạnh tiến tới. Cung Trầm Tưởng đã gọi rất đúng, đó là “những con thú hấp hối rỏ những giọt máu cuối cùng”. Để mặc, những con thú hấp hối cũng chết. Một trào lưu nghệ thuật suy tàn đang biểu diễn những trò hề cuối cùng của nó trước khi chấm dứt một chu kỳ.

Cho nên nói về những khuynh hướng nghệ thuật mới ở Việt Nam, tôi thấy cần phải xác định rằng bài viết này

không có ý nghĩa một bài bút chiến, tranh luận, đối thoại là vì vậy. Lên tiếng, giải thích nếu cần. Nhưng không lên tiếng, giải thích với quá khứ. Mà lên tiếng trong một ý hướng của hiện tại. Giải thích trên quan điểm nhận định một quá trình sinh thành từ hiện tại đến tương lai. Trao đổi, tranh luận. Nhưng chỉ trao đổi, tranh luận với những người muốn nhìn hiện tại, muốn nghĩ đến tương lai như chúng ta. Nghệ thuật của chúng ta không thể có một tiêu chuẩn chung, một điểm đồng nhất với cái thứ nghệ thuật mù, cái thứ nghệ thuật đã bị đào thải, dù chúng vẫn còn được những con thú hấp hối đóng lên cái thẻ xác bằng hoại thối nát những cái khung vàng.

Nghệ thuật hôm nay không chối bỏ đạo đức, phủ nhận luân lý (tuy trong thực thể và bản chất, nghệ thuật không chỉ là đạo đức và luân lý) nó đang hình thành với nó một nền tảng luân lý và đạo đức mới. Nghệ thuật hôm nay không ngoại lai vong bản, nó chỉ sinh thành và lớn mạnh trong những bước tiến song hành với trào lưu tư tưởng nghệ thuật thế hệ. Nghệ thuật hôm nay không phá hoại. Nó chỉ hủy diệt, chỉ đánh ngã những tàn tích, những thần tượng, những giá trị lỗi thời. Trong ý hướng toàn thể, góp phần dựng xây kiến thiết một xã hội, một đời sống mới. Trong ý hướng cá nhân, một con người, một thân phận mới. Những người làm nghệ thuật hôm nay không phải là những kẻ điên loạn, lệch lạc, ngược lại chính họ chiến đấu đánh đổ những hiện tượng sa đọa đích thực của nghệ thuật. Nghệ thuật hôm nay không chống đối với tất cả. Nó chỉ hủy diệt, chống đối mọi hình thức nghệ thuật phản tiến hóa. Những khuynh hướng nghệ thuật mới không phải là những sản phẩm gia nhập ngoại lai, bất chước vô ý thức một trào lưu suy đồi nghệ thuật Tây phương, những khuynh hướng mới đã cấu thành từ thực trạng xã hội và nghệ thuật Việt Nam, biểu hiện một ý thức hệ mới của nghệ thuật ở Việt Nam, khởi điểm, bắt nguồn, thoát thai từ một hoàn cảnh lịch sử ở Việt Nam. *Những khuynh hướng mới là những trở thành tất yếu và biện chứng của một quá trình đổi thay và tiến*

hóa của nghệ thuật hiện đại Việt Nam. Những khuynh hướng mới đó không là sản phẩm điên loạn tưởng tượng của một số người, một cá nhân điên loạn. Chúng bao hàm và chứa đựng tiếng nói, khát vọng chân chính một thể hệ mới Việt Nam, một thể hệ đã ý thức được giòng tiến hóa của lịch sử, của nghệ thuật, đồng thời ý thức được vai trò mình trước lịch sử, trước nghệ thuật.

Gạt sang một bên những kẻ thù không đội trời chung với tiến bộ, với sự thực, những phù thủy âm binh chưa thôi khóc than bên những đèn đài sụp đổ, những thần tượng hủy diệt, những kẻ mù của một nghệ thuật mù, những xác chết của một nghệ thuật chết, nhận định về những khuynh hướng mới đang lay động đến những tầng đáy sâu thẳm nhất của một tình trạng nghệ thuật cần được đổi mới, đang mở một lối thoát cho một tình trạng nghệ thuật nằm trong ngõ cụt, tôi nói rằng những khuynh hướng mới này đang là những biểu hiện đầu tiên của một nền nghệ thuật theo quan niệm, hy vọng, ý hướng xây dựng của chúng ta. Tôi nói những khuynh hướng mới này xác định tiếng nói, sự hiện hữu, thái độ chúng ta. Tóm lại, tôi nói những khuynh hướng này là những biểu hiện tất yếu và biện chứng của một quá trình nghệ thuật tất yếu và biện chứng của nghệ thuật Việt Nam hôm nay. Cho vấn đề được đặt ra thật cụ thể, không gì bằng trở lại với nó từ đầu. Từ nguồn gốc, từ khởi điểm. Đồng thời để cho những điểm chứng minh được hết sức chân xác, bỏ ra ngoài những ảnh hưởng và những tương quan với trào lưu tư tưởng nghệ thuật thế giới (một cách chặn đứng mọi đả kích vọng ngoại, vong bản) tôi sẽ chỉ đóng khung vấn đề trong hoàn cảnh xã hội, lịch sử và nghệ thuật Việt Nam.

Ngày 20 tháng 7 năm 1954, khi cộng sản và đế quốc ký kết với nhau văn kiện Genève, bản hiệp định chia cắt đất nước không chỉ dựng lên một vĩ tuyến, đưa tới sự thiết lập hai chế độ khác biệt, cụ thể hóa một giải pháp chính trị và quân sự giữa hai phe tham chiến. Nhìn vào sâu thẳm và

cùng tận vấn đề, nó đã tạo nên biến động thâm trầm, trầm trọng nhất đối với vận mệnh con người và đời sống dân tộc. Và sự phản bội lớn lao, và cơn lốc kinh hoàng, và tiếng sét khủng khiếp đã tàn nhẫn ném mỗi người Việt Nam, trong đó có những người làm nghệ thuật ở Việt Nam, trước một lựa chọn sống còn căn bản. Vấn đề không giản dị đặt ra như đi hay ở, chế độ này hay chế độ kia, ta sẽ ở bên này hay sang bên kia vĩ tuyến. Biến động lịch sử vang dội đón đầu khắp cùng ý thức, có tác động một kinh nghiệm, giá trị một bài học. Nó là một sự thực đau đớn. Nó là một vết thương, một niềm đau nhức thể hệ. Nó không chỉ gây phần uất căm thù trước một đối tượng, những kẻ chủ xướng. Nó ám ảnh lương tâm, vò xé ý thức, nó bắt chúng ta phải suy ngẫm, nhận định về bản thân mình, như một trách nhiệm trước lịch sử, một hậu quả trước chính thân phận. Con người thức tỉnh giác ngộ trước biến động lịch sử đã nhận định rằng sự bội phản kia là tội ác của kẻ thù, nhưng đồng thời hẳn cũng nhận định rằng: “nông nổi này” một phần còn do chính lầm lỗi của chính bản thân ta. Ta thụ động, mê muội, thỏa hiệp hèn đớn, ta không dám lên tiếng, ta không dám biểu tỏ thái độ, và đấu tranh đòi quyền chủ động, cho nên bản hiệp định kia, sự chia cắt ấy đã có mặc dầu không có sự thỏa thuận của chúng ta. Thân phận bị điều động bắt buộc dẫn tới một lựa chọn, trong lựa chọn thành hình một nhận định, từ nhận định đưa tới một nhân sinh quan, một nhận thức mới, đó là tất cả những trạng thái của một chặng đường đổi thay biến chứng khai diễn và lay động nội giới mỗi con người chúng ta – trước biến động lịch sử. Những biến động của tâm trạng đó đã cấu thành một con người Việt Nam mới. Một con người có ý thức, có thái độ, nhận chân được trách nhiệm, vị trí mình trước lịch sử, trước hiện tại, tương lai, trước đời sống. Cho nên nếu nói biến động 1954 là một bất hạnh, ngược lại, phải công nhận rằng nó đã soi sáng, làm minh bạch một tình trạng, thức tỉnh một ý thức, đưa tới cấu thành một thái độ. Mặt khác nó đã là cái mốc chấm dứt một thời kỳ, mở đầu một thời kỳ mới, chấm dứt một lịch sử, mở đầu một

lịch sử mới. Vết thương, niềm đau nhức lịch sử đánh chúng ta ngã xuống, đồng thời đã dựng chúng ta đứng cảm đứng dậy trong đau đớn, làm chúng ta lớn lên. Lớn lên trong kích thích của một con người có ý thức, có thái độ, một con người hành động. Trước ngày 20 tháng 7, người làm nghệ thuật Việt Nam có thể sống trong một tình trạng nhập nhằng thỏa hiệp, một không khí không phân định, còn là một không khí của ảo tưởng, sau ngày 20 tháng 7, người làm nghệ thuật Việt Nam có ý thức và thái độ đã biết nhìn đời sống bằng một cái nhìn mới, xác định mọi giá trị theo một khái niệm mới, nghĩ về nghệ thuật bằng những ý nghĩ mới. Sự trở chiều, sự phục sinh cũng cảm đó đã tạo hẳn thành một con người mới, con người vì mang cái dấu chàm thể hệ trên ngực cho nên cũng là hiện thân của cả một thể hệ trong tim, trong hồn. Cái con người trong con người nghệ thuật Việt Nam đã đổi thay lớn lao như thế, thì làm thế nào mà những quan niệm về thực chất, về vai trò, về tác dụng của nghệ thuật, về giá trị, về tiêu chuẩn, về thái độ, về ý thức của hẳn trước nghệ thuật không đổi thay theo? Quá trình sinh thành và tiến triển của nghệ thuật hôm nay, người ta có thể lặp đi lặp lại – và đó cũng là quan điểm của những phần tử bảo thủ thường sử dụng, là hậu thân là truyền tiếp của bốn nghìn năm văn hiến, của truyền thống. Với người làm nghệ thuật có ý thức và thái độ hôm nay, thoát từ một biến động lịch sử đã đảo lộn đến những tầng đáy những cơ cấu căn bản của đời sống xã hội quá trình sinh thành và tiến triển của nghệ thuật hôm nay chỉ là quá trình của một vết thương, một niềm đau nhức lịch sử. Quá trình của một ý thức thể hệ.

Trong một bài viết trước đây, tôi đã thấy là cần thiết phải xác định ngay (để chặn đứng mọi âm mưu vu khống, xuyên tạc) rằng những khuynh hướng, những thời kỳ nghệ thuật quá khứ mà nghệ thuật hôm nay đòi xác định lại không phải là mồ mã cha ông, những công trình vĩnh cửu đã được công nhận, ở đó không còn vấn đề gì đặt ra, mà xác định có nghĩa là quật ngã, là lật nhào những giá trị tự

những thần tượng đã lỗi thời, đồng thời tiêu diệt mọi âm mưu của bọn bảo thủ phản tiến hóa muốn phục sinh chúng trở lại khuynh đảo đời sống hiện tại. Xác định, do đó, nhất định không phải là một hành động phá hoại vô ý thức. Trái lại, nó bao hàm ý nghĩa một lựa chọn, một xây dựng tích cực. *Thường trực biểu tỏ quan điểm, thái độ trước mọi hiện tượng của đời sống, của nghệ thuật* là một trong những khuynh hướng mới của nghệ thuật hôm nay, của người làm nghệ thuật hôm nay. Ý thức không còn âm thầm. Nghệ thuật không còn tiêu cực. Ý thức lên tiếng, nghệ thuật hành động. Và người làm nghệ thuật Việt Nam hôm nay đã nhìn về quá khứ, quá khứ không còn là một địa hạt của những thần tượng được tôn thờ, quá khứ được trả về với kích thước đích thực: một quá trình của đời sống, gồm những đau nhức, lỗi lầm, kinh nghiệm, những bài học, chứng liệu lịch sử cần phải phê phán xác định lại – một mặt để đánh giá lại cho đúng, một mặt để kiện toàn một thái độ cho hiện tại và tương lai. Có người nói rằng: nghệ thuật hôm nay là một giòng nghệ thuật phá hủy những thần tượng. Nếu đó là một sự thực, nghệ thuật cũng chỉ phản ánh một thực trạng thế hệ: thế hệ chúng ta, con người sống và những thần tượng đã chết. Khuynh hướng xác định lại quá khứ bởi nó đã đưa tới thái độ chối bỏ những trào lưu quá khứ (tiêu biểu bởi nghệ thuật tiền chiến), chối bỏ những thần tượng quá khứ. Nó không những chỉ được xác định bằng một bài diễn thuyết, một buổi nói chuyện. Nó đã bàng bạc trong xúc cảm tác giả, trong thi văn hôm nay, trong tác phẩm mới. Nó diễn hình – trên một khía cạnh – tâm trạng của một thế hệ dửng dưng cảm muốn hòa mình vào giòng tiến hóa, cho nên đã dám nhìn thẳng về Trước về Sau, cái nhìn của một con người hành động ý thức, sáng tạo con đường mới ngay trước mắt, chối bỏ những nẻo mòn, những ngõ cụt sau lưng. Vũ trụ nghệ thuật quá khứ Việt Nam, là vũ trụ nặng trĩu một không khí hoài cổ. Ở những ngày lịch sử tối tăm đau nhức cũ, đất nước bị thống trị, nhân phẩm bị chà đạp, tự do bị tước đoạt, nghệ thuật bị giới hạn, đã biện chứng thoát thai

một nền nghệ thuật xa lánh thực tại, trốn chạy đời sống, người làm nghệ thuật trở về tìm lãng quên trong quá khứ, trong thiên nhiên, những thế giới mơ mộng siêu thoát ảo tưởng, nghệ thuật đôi khi được biểu tỏ bằng một phản ứng trở lại đời sống, quá lắm, chỉ được hình thành bằng một thái độ “nghiêng xuống” của nhóm tác giả Tự Lực Văn Đoàn, nếp sống kênh kiệu của Nguyễn Tuân, nụ cười châm biếm của Vũ Trọng Phụng, cái thế giới màu xám của Nguyên Hồng. Phải công nhận nền nghệ thuật đó đã thực hiện được ít nhiều đổi mới về từ ngữ, cú pháp, kỹ thuật sáng tác. Nhưng nó chưa từng biểu hiện được trung thực khát vọng, tâm trạng thời đại. Nghệ thuật tiền chiến Việt Nam, tóm lại, có thể coi như công trình của một lớp người ham đổi mới, nhưng thiếu một thái độ, một nhận thức, một nhân sinh quan tiên bộ, cách mạng, hướng dẫn cho mọi khát vọng mới, cho nên cái mới tiền chiến chỉ là cái mới sách vở, cái mới hình thức. Cái mới đó không thể là mẫu mực cho chính nghệ thuật thuở đó, cái mới đó càng không thể là khuôn vàng thước ngọc cho nghệ thuật hôm nay.

Tương quan giữa một quá khứ – nghệ thuật tiền chiến – với một hiện tại nghệ thuật – nghệ thuật hôm nay – đã là một hiện tượng đồng thời giải thích cho hai khuynh hướng của nghệ thuật mới. 1: Thái độ chối bỏ nghệ thuật quá khứ. 2: Khát vọng mở đường, khám phá những chân trời, những thế giới mới của người làm nghệ thuật hôm nay, qua những thí nghiệm, những bản thảo, những tìm kiếm không ngừng của họ. Nghệ thuật không yên ổn xuôi giòng trên một hiện tượng truyền tiếp. Nghệ thuật mang hiện tượng một chặt khúc, một thoát ly. Chỉ cần một khoảng thời gian mấy chục năm trở lại đây, cùng một danh từ hiện đại, kỳ thực đã là hai trận tuyến, hai ý thức hệ, hai thế hệ, hai giòng nghệ thuật khác biệt. Người làm nghệ thuật hôm nay không bao giờ có cảm tưởng kéo dài một con đường. Hẳn bắt gặp nghệ thuật trên một miền đất, một không gian mới. Bằng những nguyên liệu được sử dụng, những kích thước được tạo thành mới. Tôi không so sánh về một sự phồn

thịnh, đông đảo (số lượng trong nghệ thuật không chứng minh gì, kể cả số lượng tác phẩm). Nhưng tôi nghĩ rằng trong lịch sử nghệ thuật Việt Nam, kể cả thời kỳ thơ mới mới xuất hiện, chưa từng có một thời kỳ nào mà nghệ thuật Việt Nam lại tung bùng cái không khí khám phá, mở đường, thí nghiệm, tìm kiếm như cái không khí toát ra từ những khuynh hướng nghệ thuật mới bây giờ. Chúng ta, có thể chưa một ai đi tới. Nhưng nhất định chưa có một ai chịu đứng lại. Tôi gọi đó là cái không khí “dụng nước” của nghệ thuật. Cái tâm trạng khởi hành của nghệ thuật, cái sắc thái ban mai, cái giờ phút đầu ngày của nghệ thuật. Nghệ thuật là một hành động. Nghệ thuật là một hành trình. Hành động thực hiện đời sống. Hành trình trở lại đời sống. Trong cái không khí tung bùng, cái công trường thí nghiệm vĩ đại, cuộc khởi hành toàn thể đó, *đã dần dần kết tinh mọi khuynh hướng biến chứng của một nền nghệ thuật trẻ, tiếng nói của một thế hệ trẻ*. Thế hệ đó như thế nào? Thế nào là một thế hệ? Quy định tiêu cực, thế hệ là gồm những con người chịu chung những biến cố lịch sử làm đảo lộn đời sống họ. Quy định tích cực, những con người chịu chung những cảnh ngộ lịch sử đã nhận thức được vai trò mình trong những cảnh ngộ lịch sử ấy, bởi đó có chung những vò xé, những dằn vặt, những phản ứng. Tóm lại, có chung một tâm trạng, một nhận thức, một ý hướng hành động. Thế hệ không phải là cả một thời đại. Thế hệ là thành phần ý thức, hành động và đấu tranh của một thời đại có thể bao gồm cả những thành phần bảo thủ, phản tiến hóa. Thế hệ tượng trưng cho tiến bộ, cách mạng, khát vọng, ý hướng tiến tới của thời đại, đồng thời là một lực lượng đối nghịch, mâu thuẫn với mọi lực lượng bảo thủ, phản tiến hóa. Hiện tình nghệ thuật Việt Nam hôm nay chính là hiện tình một thế hệ đang thành hình. Quá trình tiến tới biến chứng của nó còn là một quá trình đấu tranh đánh đổ mọi chướng ngại, mọi tàn tích bọn bảo thủ, phản tiến hóa đang điên cuồng ném ra ngăn chặn mọi thực hiện mọi trở thành của nó. Bài nói chuyện về thơ văn tiền chiến (đăng trong Sáng Tạo số 4, bộ mới) đã đưa tới một nhận

định tổng kết: *Nghệ thuật là một vận động biện chứng của hủy diệt và sáng tạo*. Nhận định này theo tôi không phải là một quan điểm nghệ thuật thuần túy, mà là đúc kết trọn vẹn và đầy đủ cho một ý hướng, một hiện tượng của thực tế nghệ thuật Việt Nam. Trước mọi khuynh hướng tiến bộ của một trào lưu nghệ thuật tiến bộ ở Việt Nam, những lực lượng thoái hóa suy tàn ở đây, để chống lại nguy cơ tiêu diệt đã cố kết thành một “mặt trận văn hóa” phản động, bằng cách xuyên tạc, vu khống, khủng bố, xin chính quyền trừng phạt những người làm nghệ thuật mới. Nấp sau những chiêu bài luân lý đạo đức, thuần phong mỹ tục, những khẩu hiệu truyền thống, bốn nghìn năm văn hiến, những lập luận nghệ thuật sơ đẳng, những quan niệm phê bình rẻ tiền, những loạt bài bút chiến hạ cấp, chúng kết án những khuynh hướng mới, những người chủ trương những khuynh hướng mới nghệ thuật hôm nay là vô trách nhiệm, vong bản, suy đồi, lập dị, chống đối chính thể, phản loạn nghệ thuật, phản luân lý đạo đức. Những khuynh hướng mới của nghệ thuật hôm nay đều bừng bừng một khí thế đối kháng, đấu tranh dũng cảm. Đó là một sự thực. Sáng tạo, xây dựng, đồng thời đập đổ, hủy phá. Có điều, bất cứ người nào có một ý thức nghệ thuật tối thiểu cũng đều nhận định được tức khắc: Sự đối kháng của nghệ thuật Việt Nam hôm nay xuất phát từ một *tinh thần, một ý thức trách nhiệm* hết sức rõ rệt, không thể nhầm lẫn. Khuynh hướng đối kháng của nghệ thuật Việt Nam hôm nay *nhắm vào những đối tượng* hết sức rõ rệt. Nếu nghệ thuật Việt Nam hôm nay đã rời bỏ những tháp ngà, những tù ngục dĩ vãng, những thế giới mơ mộng ảo tưởng để dũng cảm trở lại đời sống, sự trở lại đó không hề là kết quả một hành động phá phách điên loạn, mà chỉ là hành động của một thể hệ ý thức đã phản tỉnh, đã giác ngộ, nhận định được sáng suốt vai trò của nghệ thuật, những đối tượng cần phải thực hiện, những đối tượng cần phải hủy diệt.

Trong những bài tiểu luận: *Nghệ thuật đen, Nỗi buồn trong thơ hôm nay* của Thanh Tâm Tuyền, *Ý thức nghệ thuật* của

Nguyễn Sỹ Tế, *Sự thương ngoạn nghệ thuật bây giờ* của Trần Thanh Hiệp, những bài nhận định về hội họa của Duy Thanh, Thái Tuấn, trong ba buổi nói chuyện về thơ, hội họa, tiểu thuyết đăng trong những số Sáng Tạo trước đây, tuy không thể coi là những đúc kết trọn vẹn của những khuynh hướng mới, những ý kiến mà các bạn tôi đã trình bày cũng đã sáng tỏ được một điểm: sự khác biệt giữa nghệ thuật quá khứ với nghệ thuật hôm nay. Nhìn hẹp, đó là sự khác biệt, sự chia lìa giữa hai trào lưu nghệ thuật. Nhìn rộng, đó còn là sự khác biệt, sự chia lìa giữa hai nhân sinh quan, về mọi vấn đề của đời sống.

Dưới mắt người làm nghệ thuật hôm nay, đời sống, nghệ thuật không còn hiện lên qua hình ảnh những thực thể trường tồn bất biến. Nghệ thuật, đời sống chỉ còn là những đối tượng, những cái đích của một ý hướng hủy diệt hay thực hiện. Chối bỏ thì phải hủy diệt. Chấp nhận thì phải thực hiện. Đoạn tuyệt với mọi thái độ tiêu cực, thụ động, mọi khuynh hướng siêu thoát, mọi thể giới mơ mộng ảo tưởng, nghệ thuật thường trực biểu tỏ thái độ, phản ứng, thường trực giành quyền chủ động đời sống, biến thành vũ khí hành động nhằm khôi phục lại vị trí, kích thước đích thực của con người. Trước lịch sử. Trước đời sống. Trước xã hội. Trước chế độ. Tại sao phải khôi phục lại? Vì cái vị trí ấy đã từng bị xâm phạm. Cái kích thước ấy đã từng bị tước đoạt. Cho nên nói rằng nghệ thuật Việt Nam hôm nay là một nền nghệ thuật ý thức, chưa đủ, phải nói đó là một nền nghệ thuật tiên phong cách mạng, trong ý hướng và nỗ lực thực hiện một tiêu chuẩn tiên phong cách mạng: Đấu tranh xây dựng, cải tạo, giải phóng xã hội và con người Việt Nam. Tiêu chuẩn đó, muốn thực hiện không thể bắt nguồn từ một giả định ảo tưởng, một quan niệm lý tưởng hóa đời sống. Kinh nghiệm chung sống với cộng sản ngày trước, và bây giờ từ bên này vĩ tuyến nhìn sang, chúng ta đã biết cái phương pháp tô hồng chế độ, đề cao lãnh tụ, đắp những lớp phấn son giả tạo, khoác những vòng hoa vô ích lên hình thể đời sống của nghệ thuật Mác-xít, cái chủ

trương biến nghệ thuật thành một công cụ tuyên truyền phục vụ giai đoạn của nghệ thuật Mác-xít đã đưa cái nghệ thuật ấy đến đâu. Sự băng hoại, sự sụp đổ của nó đã chỉ cần đến một phong trào Nhân Văn Giai Phẩm. Kinh nghiệm: bất cứ một công trình dựng xây thiết thực và hữu hiệu nào cũng phải bắt nguồn từ một thực trạng xã hội. Ở nghệ thuật cũng vậy. Khởi điểm của nghệ thuật Việt Nam hôm nay không thể ra ngoài định luật tất yếu đó.

Nhận định sáng suốt một thực trạng xã hội, một hoàn cảnh lịch sử, những băn khoăn, khát vọng phát sinh từ tâm tư, đúc kết thành tâm trạng của con người sống trong thực trạng xã hội và hoàn cảnh lịch sử đó, biểu hiện xã hội trên mọi hiện tượng, miêu tả con người trên mọi biến thái tâm trạng, tổng hợp thành khuynh hướng khai quật ý thức, khai quật đời sống, truy tìm đời sống từ thực chất từ bản thể, con người từ những địa hạt cùng thẳm của tiềm thức, của tâm linh, – đó là những điểm chính, những nét lớn xuất hiện trên con đường trở thành và tiến tới của nghệ thuật Việt Nam hôm nay. Con đường đó cũng là con đường khởi hành và trở lại đời sống của người làm nghệ thuật Việt Nam hôm nay. Phát sinh từ những khuynh hướng đó, nghệ thuật phá hoại hay xây dựng? Trách nhiệm hay vô trách nhiệm? Ý thức hay vô ý thức? Tưởng câu trả lời đã hết sức rõ rệt. Đối tượng nghệ thuật – từ ý hướng đó – đã không thể còn nằm chết trong khuôn khổ nhỏ hẹp một nguyên tắc luân lý, một quan điểm đạo đức. Nghệ thuật không nhất thiết chối bỏ luân lý, phủ nhận đạo đức. Trước cái đối tượng bát ngát là toàn bộ đời sống, nghệ thuật không thể dựa trên một tiêu chuẩn đạo đức, một nguyên tắc luân lý cố định, để từ đó suy diễn và biểu hiện đời sống. Ngược lại, nghệ thuật trình bày mọi thực trạng đời sống, đặt con người đứng trước thực trạng đó, trao cho hần những nguyên liệu sống động, cụ thể, từ đó hần nhận định *trở lại* đời sống, đánh giá lại những tiêu chuẩn luân lý, đạo đức, đánh giá lại quá khứ, đánh giá lại lịch sử, đánh giá lại bản thân.

Bởi vậy, đã là hết sức thiện cận, hết sức sai lầm, khi người ta đứng trong một tiêu chuẩn luân lý, một quan điểm đạo đức để nhận định thực chất nghệ thuật hôm nay, khoan bàn tới cái tiêu chuẩn luân lý, cái quan điểm đạo đức kia còn đứng vững hay không, chúng đúc kết tự một hoàn cảnh xã hội nào, con đẻ của một chế độ nào, chúng có còn là một chân lý, một lẽ phải của con người và đời sống hiện tại? Với những kẻ nhân danh một đạo đức, một luân lý nào đó đả kích họ, thiết tưởng người làm nghệ thuật hôm nay chỉ cần trả lời: chủ đích nghệ thuật là ném những thực trạng xã hội trước lương tâm, ý thức con người thời đại, căn cứ vào những thực trạng xã hội đó, hấn sẽ lựa chọn, phán xét về mọi giá trị, mọi hiện tượng của đời sống, trong đó thâm gồm vấn đề luân lý, đạo đức, chính trị, kinh tế v.v... tóm lại, tất cả những vấn đề, những thực trạng xã hội liên quan mật thiết đến thân phận, đến vận mệnh của hấn.

Tạo dựng một con người mới; một con người ý thức chủ động đời sống, một con người giải phóng mọi áp lực, một con người độc lập tự do trong tư tưởng, trong hành động, một con người ý thức được quyền hạn cho nên cũng ý thức được trách vụ mình trước xã hội, trước lịch sử, là chủ đích của nghệ thuật hôm nay. Chủ đích đó đúng hay sai? Xây dựng hay phá hoại? Có thể đứng trên từng quan điểm mà trả lời. Ở những chế độ độc tài, phát xít, cộng sản, mọi cá nhân ý thức, nghệ thuật ý thức đều là một nguy hiểm, một đe dọa đối với chế độ. Ở những chế độ độc tài, phát xít, cộng sản, cá nhân phải thần phục vô điều kiện chế độ, con người chỉ còn là một thân phận nô lệ, nghệ thuật phải phục vụ mù quáng vô điều kiện chế độ, nghệ thuật chỉ còn là một công cụ tuyên truyền, một nghệ thuật mù. Ở những chế độ đó, sự lựa chọn, sự nhận định của con người bị phủ nhận. Nghệ thuật, công cụ độc quyền của chế độ, chỉ còn là một phương tiện hủy diệt mọi cá tính, mọi phản ứng, mọi động lực cá nhân, biến con người thành một thân phận hèn mọn, khiếm nhược, thụ động trước sự lộng hành, sự

thao túng của chế độ được thần thánh hóa thành một biểu tượng tối thượng. Chế độ là lẽ phải, chế độ bất khả xâm phạm. Chế độ là Thượng đế, là chân lý tuyệt đối.

Người ta đã thấy ở những chế độ đó, sự xuất hiện biện chứng của đủ mọi hình thức nghệ thuật tuyên truyền mị dân, ngu dân, sự xuất hiện của bọn văn nô, chỉ điểm, lính kín văn nghệ. Với chúng, mọi độc lập tự do tư tưởng đều phải thanh trừng, mọi ý thức tiến bộ đều là những “ý thức sô đen”. Bao trùm lên chế độ đó, một không khí đàn áp, khủng bố. Tràn ngập trên thứ nghệ thuật đó, những luận điệu xuyên tạc, vu khống. Người làm nghệ thuật sống trong một tình trạng thường trực bị đe dọa. Với hắn chỉ còn một con đường: thần phục, tuân theo, hay im lặng. Trường hợp Pasternak là một trường hợp điển hình của người làm nghệ thuật độc lập và tự do trong tư tưởng sống trong một chế độ tử thù với độc lập tự do tư tưởng. Pasternak đã chết và nghệ thuật Pasternak đã chết. Ở những chế độ đó, chủ đích của nghệ thuật nói trên tất nhiên bị kết tội, những khuynh hướng tư tưởng tiến bộ tất nhiên bị đàn áp. Người làm nghệ thuật tiến bộ tất nhiên sẽ chịu đựng thân phận nạn nhân những cuộc mưu sát âm thầm khủng khiếp như trường hợp một Pasternak, một Phan Khôi.

Đặt câu hỏi: chế độ chúng ta đang sống có phản ánh cái sắc thái tối đen bị thâm của những chế độ đó không, câu trả lời đã tất nhiên phải là không. Không phải là ngẫu nhiên, mà xác định một sự thực mà tôi quả quyết rằng những khuynh hướng mới của nghệ thuật Việt Nam hôm nay chỉ có thể là những chứng tích làm vẽ vang chế độ, đánh tan mọi ngộ nhận thành kiến, có thể có, về chế độ, nếu đích thực người ta xét thấy là cần thiết phải đặt thành vấn đề tương quan giữa nghệ thuật và chế độ. Người ta sẽ nghĩ thế nào về một chế độ, một thực trạng xã hội, nếu chỉ tìm thấy trong khuôn khổ chế độ, thực trạng xã hội đó những sắc thái, những bằng chứng của một thứ nghệ thuật hèn đốn, vô ý thức? Người ta sẽ nghĩ thế nào về tiềm lực sáng tạo,

khả năng xây dựng một chế độ, một thực trạng xã hội, khi người ta chỉ nhìn thấy ở nghệ thuật sinh thành từ chế độ, từ hoàn cảnh xã hội đó những tàn tích quá khứ, những khuynh hướng bảo thủ phản tiến hóa? Nhìn vào hoàn cảnh xã hội lịch sử Việt Nam hôm nay, những người đích thực quan tâm đến tiền đồ đất nước, không ai chối cãi được rằng mọi hình thái sinh hoạt của toàn thể và cá nhân còn trùng trùng đeo nặng những tàn tích, những ám ảnh quá khứ, còn thiếu vắng lớn lao những công trình sáng tạo, đổi mới, cái khí thế tiên tiến thiết yếu cho đời sống xứ sở vừa phục hồi chủ quyền đã đứng trước những nguy cơ, những hiểm họa mới. Viễn tượng tốt đẹp khiến chúng ta có quyền tin tưởng vào vận mệnh và tương lai xứ sở không nằm trong một truyền thống, một kho tàng quá khứ nào – phải nhận định như vậy – mà ở trong chính cái yếu tố căn bản là con người Việt Nam hiện đại. Một con người đã lớn lên trong những kích thước đích thực, đã biểu hiện cho một ý thức đấu tranh giành quyền chủ động đời sống, đã dũng cảm nhận lấy vai trò và trách vụ mình trước lịch sử. Nghệ thuật hôm nay muốn biểu diễn, phản ánh bằng rung động, cảm nghĩ, xây dựng bằng nhân vật, tất cả vóc dáng, kích thước của con người Việt Nam mới ấy. Không phải một mẫu người lý tưởng trừu tượng. Mà một con người điển hình cho một thế hệ mới. Con người mới đó đã được biểu hiện theo quy luật nào? Nó đã được biểu hiện trong một quy luật, một ý hướng đồng nhất với quy luật và ý hướng nội tại của nghệ thuật: Như một vận động một hành trình trở lại đời sống.

Mù tối trước quy luật và ý hướng trên, bọn bảo thủ phản tiến hóa đã lên tiếng đả kích, chế riều cái tâm trạng cô độc, bi thảm, bất mãn, cái thái độ thường trực nhìn ngắm, cứu xét thân phận, những bản khoản siêu hình, những đón đầu quẩn quại của ý thức, tóm lại, những trạng thái thường xuyên giao động nội giới con người được diễn ra trong nghệ thuật hôm nay như những biểu thị của một tâm trạng bệnh hoạn, lệch lạc. Với chúng, nếu không là những trạng

thái thù dệt giả tạo, thì cũng chỉ là lối bắt chước cái “môt” suy tư mới của những tác giả hiện sinh Tây phương. Những đầu óc yên ổn bất động đó chẳng bao giờ thấu triệt được những diễn biến của tâm trạng, những mâu thuẫn, những thâm kịch, tổng hợp thành cái thế giới thoát nhìn tưởng như phức biệt hỗn loạn của ý thức và tâm linh con người thế hệ hôm nay, do đó chúng không bao giờ đi vào được cái thế giới đa dạng, phong phú của nghệ thuật hôm nay. Trong bài *Nỗi buồn trong thơ hôm nay*, Thanh Tâm Tuyên đã gọi lên, bằng ít nhiều hình ảnh, thế giới đó như “một tinh cầu xa lạ” với người đọc. Sự thực, tất cả những mâu thuẫn, những thâm kịch đó chỉ là biểu tượng của một tâm trạng đích thực và biện chứng của con người, của thế hệ. Điểm khác biệt: tâm trạng đó không còn giản đơn, bình dị như trước nữa. Mặt khác, muốn nhận định được chân xác tâm trạng con người thế hệ biểu hiện trong nghệ thuật hôm nay, cần phải nhận định trên toàn thể. Cái dụng tâm, cái phương pháp sở trường bọn bảo thủ phản tiến hóa thường dùng để đả kích, xuyên tạc những khuynh hướng nghệ thuật mới là cắt xén, trích dẫn từng đoạn văn, từng bài thơ rồi gán cái ý nghĩa đơn độc của đoạn văn, câu thơ trích dẫn là tâm trạng chung của người nghệ thuật bây giờ. Chẳng khác gì kẻ mù lòa thấy cái tai voi bảo đó là hình thể của con voi. Nhận định cái thế giới nghệ thuật hôm nay qua hình ảnh một niềm cô độc đứng riêng, một trạng thái của phần nộ tách rời là cận thị, là chỉ thấy độc một gốc cây mà không thấy được cánh rừng. Sự cô đơn, niềm phần nộ, những trạng thái hoang mang, ngờ vực, những khát vọng, những ước mơ chông chênh, những buồn vui lẫn lộn, những vò xé tâm linh, những quẩn quại tiềm thức, những ám ảnh siêu hình và chàm, quay cuồng trong thế giới thi ca nghệ thuật hôm nay như một cơn lốc dữ dội, bi thảm. Phải nhìn được tất cả những trạng thái đó như những biểu tượng liên tục, nối kết – những chặng đường của một con đường – phản ánh cái toàn diện của tâm trạng con người thế hệ trên con đường trở lại đời sống. Những trạng thái phức biệt đó hướng tới một đối tượng duy nhất: đời sống, cơn lốc bi

thâm dữ dội ấy chỉ là những biến động của một ý thức toàn diện, qua hình ảnh một con người tiến tới cái đích trước mắt là đời sống, nhưng cuộc hành trình không yên ổn mà đầy biến động, đầy gió bão, hấn luôn luôn đứng lại để truy tìm chân tướng, bản thể, nguyên lý sự vật, những ngõ ngách, những nguyên ủy, những chiều sâu, những quy luật, những biến tướng của sự vật. Đó cũng là hình ảnh cuộc hành trình dừng cảm của con người thể hệ không chịu đi theo một chiều hướng cố định của sự vật, chấp nhận tính chất bất di bất dịch, vĩnh cửu của sự vật, mà thường trực biểu tỏ cái ý lực đổi thay, làm mới, lay động, đốt cháy, sáng tạo sự vật. Cái tâm trạng vùng vẫy, phá đổ thực tại, những sự thực đã có ấy biểu tỏ nồng nàn nỗi khát khao đạt tới, nắm vững sự thật của con người thể hệ hôm nay, sự đắc thắng của trí thức, trí tuệ con người thể hệ trước đời sống, trước sự vật như một ý thức chủ động đời sống. Đánh dấu rục rờ sự đi qua, sự có mặt, tác động ghê gớm của con người trước xã hội, trước sự vật, đó là ý nghĩa căn bản cuộc hành trình trở lại đời sống của con người thể hệ hôm nay. Đó cũng là con đường trở thành và tiến tới của nghệ thuật hôm nay.

Những người làm nghệ thuật ý thức và tiến bộ ở Việt Nam hôm nay đang đứng trước một con đường chói lòa viễn tượng, nhưng cũng trùng điệp trở lực. Con đường vinh quang cũng là con đường gai lửa. Sự hình thành của những khuynh hướng mới không có nghĩa là những nền tảng tất yếu cần phải đặt định, đã hoàn tất. Cái xương sống của nghệ thuật dựng được, nhưng cái toàn thân của nghệ thuật chỉ mới nhìn thấy những nét phác họa, những điểm khởi đầu. Chúng ta còn thiếu những tác phẩm lớn. Những khuynh hướng nghệ thuật mới đã có một tác động trong đời sống xã hội, trong tâm tưởng lớp quần chúng yêu thích nghệ thuật, nhưng tác động đó còn nằm trong một phạm vi nhỏ hẹp. Điều khiến chúng ta có quyền hy vọng tin tưởng không phải là ở những kết quả đã thu lượm được, mà ở thái độ dừng cảm quyết tâm của con người làm nghệ thuật

nhận thức được con đường mình đi là con đường của một ý hướng lịch sử đích thực, một quy luật tiến hóa đích thực và dừng cảm tiến tới trên con đường đó. Sự thành hình của một nền nghệ thuật nào cũng đòi hỏi một thời gian lâu dài, vậy mà chỉ trong khoảng mấy năm trở lại đây, chúng ta đã có thể ghi nhận được ở sự trưởng thành rực rỡ của nghệ thuật hôm nay, từ những thí nghiệm lẻ tẻ, những khám phá cá nhân, sự đột khởi thành một trào lưu, một trận tuyến mới, cái trận tuyến tiên phong cách mạng của nghệ thuật. Nấp sau những chiêu bài luân lý đạo đức nói trống không, những danh từ xây dựng lạnh mạnh nói vô bằng, bọn bảo thủ phản tiến hóa còn xuyên tạc, vu khống, khủng bố, nhưng cái tinh thần trách nhiệm, cái ý hướng xây dựng, cải tạo xã hội, gia nhập đời sống, nằm trong những khuynh hướng nghệ thuật mới đã là một giòng ánh sáng chói lọi của một ý thức đã nguy nga, một nền tảng đã chắc vững, một hướng đi đã lớn rộng, một lực lượng đã đông đảo. Nghệ thuật hôm nay là chúng ta. Nghệ thuật hôm nay là sự hiện hữu giữa đời sống của chúng ta, hành động gia nhập lịch sử của thế hệ chúng ta. Vươn lên – từ một vết thương một niềm đau nhức, từ những ám ảnh, những tàn tích quá khứ, những đèn đài sụp đổ, những thần tượng hủy diệt – một kỷ nguyên nghệ thuật mới của đất nước mới, thế hệ mới, con người mới. Những con thú hấp hối đang rỏ những giọt máu cuối cùng. Những khuynh hướng bảo thủ phản tiến hóa đang bị đánh dạt vào hậu trường nghệ thuật. Phía những lực lượng bị đào thải, phía những lực lượng đang tiến tới và trở thành, vẫn chỉ là hai hiện tượng chứng nghiệm tất yếu của một ý thức thời đại, một quy luật tiến hóa, một vận động lịch sử. Nhận định được tương quan này là nhận định được những khuynh hướng nghệ thuật mới mà tôi đã trình bày qua những nét chính, những điểm lớn trên đây. Đó là những khuynh hướng biện chứng xuất hiện trên con đường trở thành và tiến tới tất yếu của nghệ thuật Việt Nam hôm nay. Ở đầu đường kia con đường đó, chúng ta đã nhìn thấy những kích thước ngút mắt của một nền nghệ thuật lớn, những công trình nghệ thuật lớn. Tôi

nói chúng ta. Vì không có mặt *những kẻ khác*. Hiện tượng nghệ thuật Việt Nam đã đích thực là một hiện tượng chia lìa, thoát ly, đối kháng hẳn hoi giữa hai thế hệ.

Mai Thảo

(Sáng tạo Số 6, Bộ mới, tháng 12-60 và tháng 1-61)



Phỏng vấn của TQBT

Câu hỏi:

1. Quý anh chị nghĩ gì về ảnh hưởng của tạp chí Sáng Tạo trong văn học miền Nam. Và riêng cá nhân của anh chị, quý anh chị có bị ảnh hưởng? Xin giải thích.
2. Tại sao ST lại được nhắc nhở nhiều so với các tạp chí văn học cùng thời như Thế Kỷ 20, Hiện đại, Nhân loại?
3. Cuối cùng, quý anh chị có nghĩ Saigon là thủ đô văn hóa như tựa bài viết đầu tiên xuất hiện trên số 1 (bộ cũ) mà Mai Thảo đã nhận định?

Nhà văn Nguyễn Lệ Uyên:

1) Tạp chí Sáng Tạo chỉ có 38 số từ tháng 10 năm 1956 đến tháng 9 năm 1961 (gồm hai bộ cũ và mới, bộ cũ 31 số; bộ mới 7 số). Trong vòng 6 năm ngắn ngủi ấy, Sáng Tạo đã để lại một “gia tài” khá quan trọng trong dòng văn học miền Nam, nếu không muốn nói là nó (ST) đã mở ra một thời kỳ rực rỡ của văn chương Việt Nam, như trước đây nhóm Tự Lực Văn Đoàn đã từng thổi một luồng sinh khí mới làm thay đổi bộ mặt văn học giai đoạn 1939 - 1945.

Trong tập Văn Học Miền Nam phần tổng quan, Võ Phiến đã khẳng định: “*Tháng 10 năm 1956 tạp chí Sáng Tạo ra đời. Tờ báo đáp ứng một sự thiếu vắng, nó được hoan nghênh ngay*”.

Tại thời điểm của nửa thập niên 50, 60 văn nghệ miền Nam thiếu vắng cái gì như ông Võ Phiến viết?

Đó là cái mới trong văn học. Chính cái bóng chập chờn của Tự Lực Văn Đoàn, Lê Văn Trương, Nguyễn Công Hoan, Chu Thiên hay Hồ Biểu Chánh... còn xoay quanh những câu chuyện mang tính anh hùng cá nhân, tả chân, luận đề... tuy có mới hơn thời kỳ Nam Phong, Phụ Nữ Tân Văn ... nhưng vẫn là những nội dung ràng buộc vào luân lý, đạo đức phương Đông. Cái bóng ma vô hồn của Luận

Ngữ, Đại Học, Trung Dung... không chỉ trói buộc mọi sinh hoạt xã hội mà nó còn như một thứ kim chỉ nam cho giới trí thức khoa bảng Việt Nam ngày trước, về cách suy nghĩ và hành vi ứng xử. Nhà văn Việt Nam cũng đang lúng nhùng trong đồng mạng nhện ấy và chỉ kịp thoát ra với Tình Già của Phan Khôi, Tổ Tâm của Hoàng Ngọc Phách. Điều mà Tự Lực Văn Đoàn làm được là phá vỡ lễ thói phong kiến tồn tại hàng ngàn năm trong tầng sâu văn hóa Việt, đề cao vai trò tự do cá nhân và tôn vinh tự do như khởi đầu cho cái gốc của con người.

Sự lặp lại, một phần, trên cái bóng sừng sững kia với những Đồi Mới, Mùa Lúa Mới, Chi Đạo... ở miền Nam sau hiệp định Genève khiến độc giả phát ngấy như ngày nào cũng bánh mì jambon. Cái mới của TLVĐ hóa ra thành cái cũ. Sau đó thì Thế Kỷ XX, Chi Đạo, Bông Lúa, thậm chí đến Lửa Việt, tiền thân của nhóm Sáng Tạo, cũng chỉ mới mang lại chút sinh khí nho nhỏ cho bộ mặt văn nghệ miền Nam sau chia cắt đất nước nhưng cũng chỉ một chút lau chùi, rửa mặt, chưa đáng gọi là đổi mới, chưa đáp ứng được tính thẩm mỹ của đông đảo độc giả bắt đầu được tiếp cận với văn học phương Tây.

Guồng máy xã hội tiếp tục quay, nhưng không thể giảm chân một hai ba như một đoàn quân mỗi mét, cho nên Sáng Tạo ra đời mang theo tinh thần tiên phong (avant gardiste) với những cách tân toàn diện về ngôn ngữ, cấu trúc, từ hình thức đến nội dung, từ thơ ca đến truyện ngắn, truyện dài... Nó trở thành một hiện tượng văn học về “sự nổi loạn”, như một chất nổ phá bỏ cái cũ, tạo dựng cái mới”. Ngay ở số 1, bộ cũ, Mai Thảo đã lên tiếng như một tuyên ngôn của nhóm chủ trương Sáng Tạo: *“Văn học nghệ thuật mặc nhiên không thể còn là tá chân Nguyễn Công Hoan, lãng mạn lối Thanh Châu, những khái niệm Xuân Thu, những luận đề Tự Lực ... Cái vấn đề lớn nhất của chúng ta bây giờ, trước sau vẫn là phải làm sao đoạn tuyệt được hoàn toàn với những ám ảnh và những tàn tích của quá khứ ... Công tác chặt đứt với những trói buộc cũ phải được đặt lên hàng đầu ... và thơ bây giờ là thơ tự do”*. Còn

Thanh Tâm Tuyền thì định nghĩa nổi loạn: *"... là một hành động đòi được gia nhập đời sống: Kẻ nó lệ đời quyền sống như những người tự do. Như thế nổi loạn là điều kiện sáng tạo"*.

Trong vòng năm sáu năm ngắn ngủi kia, Sáng Tạo như một quả bộc phá cho nổ tung quá khứ văn nghệ tiền chiến. Sự đột phá ấy, đã tạo ra một đội ngũ nhà văn nhà thơ trẻ hậu Sáng Tạo, rất thành công sau này: Dương Nghiễm Mậu, Nguyễn Đức Sơn, Thạch Chương, Cung Trầm Tưởng, Nguyễn Nghiệp Nhượng, Mai Trung Tĩnh, Vương Tân, Nhã Ca, Túy Hồng, Nguyễn Thị Hoàng... Đến người chẳng mặn mà và có vẻ như đứng ngoài vòng ảnh hưởng của Sáng Tạo là Võ Phiến cũng phải thừa nhận: *"Mặc dù chỉ xuất hiện trong một thời gian ngắn 31 tháng, nó đã phát huy được một số văn tài đông đảo. Nhiều người trong số đó về sau, sau khi tờ tạp chí đình bản, tiến lên giữ vai trò quan trọng trong những hoạt động văn nghệ riêng biệt của mình"* (Võ Phiến, Văn học miền Nam, tập Tổng quan). Như vậy, xem ra những gì mà Mai Thảo viết trong bài Sài Gòn, thủ đô văn hóa Việt Nam không phải là những lời khoa trương thường thấy ở những hội đoàn bắt đầu tung hô các tuyên bố, tuyên ngôn rầm rộ thời kỳ sau năm 1954, mà là những khẳng định, đoạn quyết có trách nhiệm: *"Sài Gòn khác biệt với bất cứ một thủ đô nào của thế giới. Nhưng Sài Gòn cũng là một trong những thủ đô văn hóa thế giới. Trên bản đồ đất nước, chúng ta ghi tên Sài Gòn: thủ đô văn hóa dân tộc hôm nay và ngày mai"*.

Thủ đô văn hóa thời hậu Sáng Tạo là hàng loạt các tạp chí văn nghệ xuất hiện tại Sài Gòn: Văn Nghệ của Lý Hoàng Phong, Dương Nghiễm Mậu; Hiện Đại của Nguyễn Sa, Văn của Nguyễn Đình Vương, Trần Phong Giao... Đến như sinh viên thời kỳ này cũng có 2 tạp chí đáng chú ý: Văn Học của nhóm Dương Kiền và Tình Thương của nhóm sinh viên Y Dược, v.v... Trên các tạp chí này, ngoài phần giới thiệu lại các tác giả tiền chiến hay các nhà văn nước ngoài như một tư liệu giúp độc giả hiểu rõ ngọn nguồn của một giai đoạn văn học nước nhà, các trào lưu

văn học phương Tây, thì còn có những sáng tác mang hơi thở của thời đại, những tra vấn trước cuộc đời, xã hội, cá nhân... không còn xa lạ trên trang viết. Sự phần nộ hay buồn chán trong văn chương trước xã hội đang phân hóa, trước chiến tranh như một sự xói tung mặt trái của cuộc sống chính là những lát cắt tận mọi góc ngách của cuộc đời. Lãng mạn trong tác phẩm của các nhà văn trong thập niên 1960 trở về sau không còn thấy bóng dáng của lãng mạn mang mùi vị, hơi hướm cải lương, kiêu như các nhân vật *Bên dòng sông Trẹm* của Dương Hà, hay đau khổ, hợp tan của bà Tùng Long... Độc giả có thể tìm thấy trong sáng tác của các nhà văn hậu Sáng Tạo là sự đào bới tận chiều sâu của tâm hồn, những băn khoăn, dồn nén, những hoài nghi, ẩn ức, những tra vấn từ cõi miền sâu thẳm của tiềm thức, lật tung khối mịt mờ vô thức, phá vỡ vòng vây của ý thức... những dấu hỏi luôn được các nhà văn đặt ra trên mỗi trang giấy không hẳn là sự kiếm tìm cái mới mà hơn hết là trách nhiệm của người cầm bút trước thời đại, trước độc giả...

Tóm lại, thời kỳ hậu Sáng Tạo kéo dài tới năm 1975 có thể nói là thời kỳ rực rỡ nhất của văn chương miền Nam, của văn chương Việt Nam.

“Anh chị có bị ảnh hưởng”. Ảnh hưởng ở khía cạnh nào và ảnh hưởng ai? Hãy cứ tưởng tượng, bạn lao vào con đường văn chương giống như người chèo thuyền trên đại dương. Bạn đang bước lên thuyền trong buổi bình minh hay giữa đêm tối mịt mùng. Không ai bên cạnh bạn cả, một mình với tay chèo. Con thuyền tách bến, mũi thuyền hướng ra biển cả mênh mông, sóng rẽ hai lườn tàu và bạn cầm chắc mái chèo trong tay. Bạn đang bước tới, đang lao ra vùng đại dương bao la. Bạn đang điều khiển con tàu đó, không thể quay lui, càng không thể nhảy xuống dòng nước xoáy lạnh ngắt kia. Tự thân bạn khua mái chèo, không ai giúp bạn được gì. Một mình trên biển cả. Và, tất nhiên bạn biết mình sẽ đến đâu, về đâu. Điều khác biệt là bạn biết phải làm cách nào để chèo lái con thuyền thật vững, chớ để sóng cả xô dập và tìm cách đến nơi bạn muốn đến, an toàn

nhất, đẹp nhất.

2) Ở trên đã nói, rằng giữa cuối thập niên 50 và đầu 60 Sáng Tạo xuất hiện trong sinh hoạt văn học nghệ thuật miền Nam với sự cách tân toàn diện, thổi một luồng sinh khí mới vào đời sống văn học, thay thế hần lối mòn xưa cũ. Sự đột phá này là điều tất nhiên trong dòng chảy văn học ở miền đất tự do và đã được độc giả hân hoan đón đợi. Chính Sáng Tạo đã làm thay đổi hẳn bộ mặt văn học nghệ thuật ở một giai đoạn tưởng chừng chỉ có những tiếng thờ dài, những bước chân trở về mệt mỏi của biết bao người con, những nghệ sĩ đã bị lợi dụng, bị cướp công trong kháng chiến chống thực dân! Hiệp định Genève chia cắt đất nước là một thất bại cho cả dân tộc; nhưng cây cầu Hiền Lương cắt đôi dòng Bến Hải là sự hiển lộ một biểu tượng của niềm ô nhục cho kháng chiến, cho cả dân tộc. Những đợt di cư, vượt tuyến là những dấu hỏi lớn mà người nghệ sĩ chân chính cần phải có câu trả lời trước lịch sử. Những hoài nghi, những thất vọng, khát khao hay buồn chán về thân phận con người trong dòng chảy sinh mệnh lịch sử cần phơi trải lên từng trang giấy. Và Sáng Tạo với nhóm chủ trương đã làm được điều này. Cho nên Sáng Tạo có ảnh hưởng và được nhắc nhở nhiều là vì Sáng Tạo đã làm tròn thiên chức trước lịch sử, dân tộc. Hãy đọc lại *Bản Chúc Thư Trên Ngọn Đỉnh Trời*, *Người Thầy Học Cũ* của Mai Thảo, *Khu Rừng Lau* của Doãn Quốc Sỹ, *Bếp Lửa* của Thanh Tâm Tuyền, và đặc biệt là bài thơ *Hãy cho anh khóc bằng mắt em những cuộc tình duyên Budapest* trong tập *Liên Đêm Mặt Trời Tím Thấy* của ông, độc giả sẽ hiểu trọn vẹn vai trò của Sáng Tạo và tại sao Sáng Tạo được nhắc nhiều đến thế?

3) Mai Thảo viết: “...*Trên bản đồ đất nước, chúng ta ghi tên Sài Gòn: thủ đô văn hóa dân tộc hôm nay và ngày mai*”. Đúng quá đi chứ! Việt Nam, trong giai đoạn đó và cho tới năm 1975, có hai thủ đô. Hà Nội là thủ đô của chính trị. Cái đế chế của nó là chuyên chính, toàn trị. Hà

Nội không là thủ đô văn hóa hiểu theo nghĩa Mai Thảo viết, bởi thủ đô văn hóa kia đã bị dập tắt với Nhân Văn Giai Phẩm, cải cách ruộng đất. Và văn hóa của Hà Nội là văn hóa nhuộm đỏ, là văn hóa Diêu Bông hoang tưởng. Trong khi đó, sau khi khởi phát dòng văn học mới từ Sáng Tạo, miền Nam nở rộ đúng phong cách Trầm Hoa Đưa Nở. Mọi khuynh hướng khác biệt đều được chấp nhận. Những đối lập, mâu thuẫn trong các khuynh hướng sáng tác vẫn tự do làm tròn thiên chức của nhà văn đã tự chọn cho mình một con đường đi riêng. Sau Sáng Tạo đến Văn Nghệ, Hiện Đại... thì có Văn, Nghệ Thuật, Khởi Hành, Tiếng Nói, Bách Khoa (1957 cùng lúc với ST), Đại Học, Tư Tưởng, Hành Trình, Trình Bày, Thời Tập, Đối Diện, Tự Quyết, Tin Văn... Lật những trang báo cũ ra, ta thấy chúng đối nhau chan chát, nhưng đường ai nấy đi, độc giả thích khuynh hướng nào thì chọn tờ báo đó. Anh dân thân, anh viễn mơ, hoài nghi, siêu thực, chị hiện sinh... hàng tuần, nửa tháng, một tháng vẫn xuất hiện đều đặn trên thị trường sách báo. Văn chương miền Nam xem ra đa dạng. Nha Văn Hóa, Bộ Thông Tin có đó nhưng không can dự, trừ phi những trường hợp quá quắt mà Bộ Thông Tin thường hay đưa ra cụm từ: “*Có lợi cho Cộng sản*” mới bị đục xóa đôi dòng, nửa trang, một trang... Như vậy Sài Gòn không là thủ đô văn hóa thì là gì? Mai Thảo tự hào là phải, bởi trước khi di cư vào Nam, những Mai Thảo, Trần Thanh Hiệp, Doãn Quốc Sỹ, Thanh Tâm Tuyền, Mặc Đỗ, Nguyễn Mạnh Côn, Vũ Khắc Khoan... đã hiểu vị trí của văn học và nhà văn là thế nào trên đất Hà Nội ba mươi sáu phố phường sau khi tiếp quản? Thiết chế văn hóa của Hà Nội là gì? Các nghệ sĩ vừa đòi hỏi được tự do sáng tác liền bị vùi dập ngay; đồng lửa vừa mới nhóm đỏ đã bị tạt vào hàng trăm ngàn từ quy kết, chụp mũ không khoan nhượng. Văn Cao, người có đầy công trạng liền bị khóa miệng! Trần Dần, Thụy An người tự cứa cổ, người tự đâm vào mắt... thì cái tiêu đề độc lập tự do hạnh phúc kia chỉ còn là sự khủng bố, đàn áp trắng trợn!

Ở miền Nam, ai không biết tên tuổi “thằng Gù cạnh nhà

thờ Đức Bà” hợp tác với Lữ Phương làm tờ Tin Văn sau khi viết một bài khá dài đả kích tập thơ *Vào Đời* của Trần Thanh Hiệp? Ai không rõ những đứa con của Chúa trở thành những tên Judas Chân Tín, Nguyễn Ngọc Lan, Trương Bá Cần trên Đối Diện, Tự Quyết? Anh bất đồng cứ lên tiếng, đòi thỏa hiệp, cứ viết ra, xách động dư luận cứ việc... tự do mà! Cùng kháng chiến chống Tây thực dân, văn nghệ sĩ nhiều người nhận ra chân tướng quay về thành... cũng có văn nghệ sĩ quay về thành nhưng chân tướng thì giấu đàng sau ót. Tính cách một Võ Phiến quay về không hẳn học nhưng sâu cay. Sơn Nam quay về vẫn là niềm tin cũ được ru ngủ, nhưng khôn ngoan ẩn sau những trang viết thâm trầm hòn què, hòn dân tộc...

Đọc lại những tạp chí cũ, Văn Nghệ, Bách Khoa, Khởi Hành, Văn... đâu có bị ai thuê viết bài phản đối các tạp chí Trình Bày, Tin Văn, Đối Diện...

Nói thêm thì dài dòng. Tựu trung Sài Gòn thủ đô văn hóa không riêng Mai Thảo hay nhóm Sáng Tạo tự hào, mà đó là niềm tự hào chung của cả dân tộc, của văn nghệ sĩ miền Nam thực sự được tự do ngôn luận, tự do sáng tạo... chẳng ai cấm cản.

(tháng 5/2014)

Nhà biên khảo và phê bình văn học Nguyễn Vy Khanh:

Câu 1, 2 xin đọc bài viết của Nguyễn Vy Khanh trong số này.

Câu hỏi 3:

NVK tôi có 3 nhận xét về nhận định của Mai Thảo trong số ra mắt tạp chí Sáng Tạo đã nói văn nghệ từ thủ đô Hà Nội chuyển vào thủ đô văn hóa Sài Gòn:

1- Theo tôi, phải đặt bài viết của Mai Thảo trong khung cảnh xã-hội chính-trị và văn-hóa của miền Nam lúc bấy giờ, và Mai Thảo đã phần nào chủ quan khi nói văn nghệ từ thủ đô Hà Nội đã chuyển vào thủ đô văn hóa Sài Gòn!

Nhưng khẳng định của Mai Thảo là một diễn dịch khác của một cơ cấu xã hội và chính trị bị-động, phải đối phó tức thời với kẻ thù cộng sản, do đó các tạp chí quân đội, tâm-lý chiến và cả những tạp-chí của cái gọi là nền văn-nghệ hiện-đại như *Sáng Tạo*, *Hiện Đại*, *Thế Kỷ Hai Mươi*, ... và *Bách Khoa*, *Quê-Hương*, *Sáng Dội Miền Nam*, v.v... cũng không đi ra ngoài quỹ đạo đó!

2- Và nay thì ai cũng biết Mai Thảo đã nhận tiền của tòa đại sứ Hoa-Kỳ để ra báo *Sáng Tạo* (Nguyên Sa, Nguyễn Văn Trung, v.v... đã xác nhận), MT được tự do lựa chọn và mời người cộng tác, tức "cờ" đang ở trong tay, do đó MT với bản chất con người văn-nghệ đã viết như vậy!

3- Cuộc di cư năm 1954 đã thay đổi bộ mặt văn học nghệ thuật miền Nam cho đến thời điểm ấy chủ động bởi người địa phương mà nơi hoạt động mạnh là Huế, Quy Nhơn, Nha Trang, Cần Thơ và nhất là Sài Gòn. Sài Gòn, thủ đô Nam phần, đã là nơi sinh hoạt báo chí và văn học nghệ thuật chủ yếu và nhiều nhà báo và văn nghệ sĩ gốc Trung và Bắc đã đến lập nghiệp hoặc cộng tác từ đầu thế-kỷ. Cá tính "miền Nam lục tỉnh" và "Sài Gòn" sẽ phải chịu những phân thân, hóa thân và hội nhập để dần biến dạng trong biển văn nghệ "miền Nam cộng hòa". Ngược lại, các tác giả Bắc và Trung đã nhận phần nào ảnh hưởng của tiếng nói và tâm tính người vùng đất mới qua các tác phẩm của họ, cũng như sinh hoạt văn-học nghệ-thuật và báo-chí.

Viết về giai đoạn văn học miền Nam 1954-1975, các nhà phê bình và biên khảo thường theo một cách nhìn theo đó nền văn học này là tiếp nối tự nhiên của văn học miền Bắc trước đó hoặc vai trò của miền Nam không được đánh giá đúng mức. Nguyên Sa, Du Tử Lê, Tạ Ty, Mai Thảo, v.v... trong các bài đăng báo hoặc in trong các tuyển tập ở hải-ngoại, đã nhìn giai đoạn này như có đó và như thế với từng ấy người mà không đi sâu vào những khúc mắc hình thành nền văn chương đó. Riêng Võ Phiến đã phần nào nêu lên

cá tính của các tác-giả miền Nam lục-tĩnh nhưng vẫn xem văn-học theo nghĩa văn-chương chủ động từ "đám đông" từ Hà-Nội vào năm 1954, "đám đông" nhưng thực sự chỉ là một phần của những người làm văn-học nghệ-thuật ở miền Nam trước 1975.

Nhà văn Trần Hoài Thư

1. Theo ý tôi, ST chẳng có một chút gì ảnh hưởng cho nền văn học miền Nam sau khi ST đình bản.

Ngay cả Mai Thảo cũng phải công nhận là lớp trẻ hoang mang ngơ vực, khác biệt với thời Sáng Tạo:

Những người viết trẻ của chúng ta không sai làm chút nào đâu, khi hướng sáng tác vào những chủ đề căn bản của xã hội và đất nước chúng ta hiện nay, như chiến tranh đang lan tràn với tất cả những đau đớn, những mất mát của nó, như sự phẫn nộ của tuổi trẻ trước một xã hội ngưng đọng, như sự hoang mang ngơ vực của cả một lớp người trước lịch sử đầy biến động... ()*

2. ST được nhắc nhở nhiều vì nội dung bài vở gây nhiều tranh luận. Xin nhớ rằng thời Sáng Tạo là thời 1958-1960, chứ không phải thời của "forum", "comment" như bây giờ. Sự xuất hiện của ST qua thơ, qua những bài điểm sách, qua những cuộc thảo luận rõ ràng là hiện tượng quá lạ, quá mới, quá nổ...

3. Theo tôi phải phân biệt hai thời kỳ:

Trước 1975, nếu đọc bài của Mai Thảo, tôi sẽ cho là "dôm". Thật sự, mỗi lần trở về Saigon, tôi muốn nổi loạn. Chiến tranh thì cận kề, Saigon thì ăn chơi, vô tâm. Đêm thì Đêm Mầu Hồng. Nhạc thì lính mà em. Thủ đô văn hóa chỉ là những tạp chí tràn ngập bài vở do lớp trẻ chúng tôi ngoài vòng đai SG gửi về đóng góp.

Khi MT viết bài này, ông nhìn SG trong một không khí yên bình. Còn chúng tôi đâu có diễm phúc ấy. Chúng tôi nhìn SG với cái nhìn khác. Giới nghiêm. Thác loạn. Biều tình. Đảo chánh. Bar biếc mọc đầy.

Bây giờ SG đã mất tên. Saigon mà MT mơ ước một ngày. cũng như tôi mơ ước một ngày, không bao giờ còn tồn tại nữa.

Vâng, một ngày nó sẽ trở thành thủ đô văn hóa nếu chiến tranh chấm dứt.

Ngày ấy không còn nữa.

Thôi thì đành mang vào trái tim của mình.

Bất diệt.

(*) Mai Thảo, *Giòng sông rực rỡ*, Tập truyện Văn Uyển xuất bản, tháng 1-1968

TRÍCH THƠ TỪ SÁNG TẠO

LTS: Sau đây là một số bài thơ chúng tôi trích từ “Thơ từ Sáng tạo”, do Thư Ấn Quán sưu tập và xuất bản mới đây. Mỗi tác giả một bài tiêu biểu. “Thơ Từ Sáng tạo” là ấn bản đặc biệt của tạp chí TQBT số chủ đề “Sáng Tạo nhìn lại”

...

Cung Trầm Tưởng

KHOÁC KÍN

*Thương yêu tặng NHÃ
Để kỷ niệm nửa tháng chạp 55
trong thung lũng LES HOUCHES*

Chiều đông tuyết lũng âm u,
Bâng khuâng chiều tới tiếp thu trời buồn.
Ngày đi tàu cũng đi luôn,
Ga thôn trở nổi, băng nguồn héo hon.
Phường xa nhịp sắt bon bon,
Tàu như dưới tỉnh, núi còn vọng âm.
Sân ga mái giọt âm thầm,
Máu đi có nhớ hồi tâm đêm nào?

Mình tôi với tuyết non cao,
Với cồn phố tịnh buốt vào xương da.
Với mây trên nhợt ánh tà,
Với đèn xóm hạ cũng là tịch liêu!
Tôi về bước bước đắm chiều
Tâm tư khoác kín, sợ chiều lạnh thêm.

(trích tập Bản Thơ)
(Sáng Tạo số 9 tháng 6 năm 1957)



Duy Thanh

KHUNG CỬA – GIÒNG SÔNG

Khung cửa biếc nhìn lên vòm trời
Giòng sông dài mệnh mang cánh võ
Em thấy hoa lá những mùa qua đi – trắng tròn một thuở –
tiếng ca của kẻ tình nhân – lặng lẽ em cầm một trái cây cắn
vỡ – mùa xuân ngọt ngào dậy thì trên ngành mi bỗng
khép.

Sao anh lại nhớ và nhắc lại làm gì – khi chiếc ghé không
còn nằm yên chỗ cũ – bàn tay vô tình nào nhắc đi – không
để dấu bụi của thời gian.

Bóng cây cổ thụ – Ánh mắt sao dài – anh yêu màu hồng
hoang trên má – tiếng nói không lời – tự nhiên khơi vơi nỗi
niềm thương tiếc

Bàn tay nín không gian – ngón tay đan thành phím dương
cầm – bật máu lời thơ chưa viết

Dang dở là cuộc tình duyên những kinh thành nổi loạn –
anh ngủ mê trên đỉnh kim tự tháp – hơi thở mặt trời – sa
mạc kín bưng – từng biển cát quàng lên thân thể

Không nhớ làm gì không nhớ làm gì vốc nước suối trong
– vì sao đêm đã về thướt tha những vuốt xanh êm

Anh uống những sợi kim xanh cho linh hồn đỏ lửa – cào
cầu những vòng gai tâm can – đau một niềm đau của
Budapest

Kẻ bộ hành nào đang đi – quần quai dẫu chân lạc đà – vời
xa cát trắng
Không còn hàng dừa xanh lưu ly bóng nước
một đốm lửa hay một mảnh trăng vô tình
không một giọt lệ nào vương trên má
một vành xe lăn trên đường
nếu có đi về tận vô biên hãy đừng nhớ mang chi hành lý –
thân thể nặng rồi
vì không ai nhớ gì
vô ích

Khung cửa biếc ngó ra ngoài trời
ăn một trái cây – em vẫn nhìn giòng sông dài mệnh mang
cánh vỗ.

(Sáng Tạo số 12 tháng 9 năm 1957)



Đinh Hùng

KHI MỚI NHỚN

Khi mới nhớn, tuổi mười lăm, mười bảy,
Làm học trò, mắt sáng với môi tươi.
Ta bước lên, chân vẫn dạo bên người,
Ngoài cặp sách, trần ai xem cũng nhẹ.

Đời thấp thoáng qua học đường nhỏ bé,
Phố phường vui, cuộc sống mới lên hoa.

Ta ngồi nghe những tiếng thị thành xa,
 Hồn lơ đãng mộng ra ngoài cửa lớp.
 Nắng thuở đó khiến lòng ta hồi hộp,
 Ta nhìn cao mới rõ bị giam cầm!
 Ôi tiếng nào vang bốn bức tường câm!
 Không khí nặng, mơ hồ thấy với bạn

Ta nhón lên, bước đường không định hạn
 Có lẽ đâu kìm hãm bởi tay người?
 Tuổi hoa hồng kiêu hãnh của ta ơi!
 Tình đã hẹn ở trên đường, nắng mới,
 Ta ném bút, giẫm lên sầu, một buổi,
 Xa vở bài, mở rộng sách ham mê.
 Đã từng phen trèo cổng bỏ trường về,
 Xếp đạo đức dưới bàn chân ngạo mạn.

Đời đổi mới từ ngày ta dấy loạn,
 Sớm như chiều hư thực bóng hoa hương.
 Ta ra đi, tìm lớp học Thiên Đường
 Và khi đó thì mẹ yêu ngồi khóc...

Ôi khoái lạc của những giờ nghỉ học,
 Những bình minh xuân đẹp, những chiều thu!
 Bao cảnh nước mây đầm thắm hẹn hò,
 Khi biếng gặp, nhớ nhung pha màu áo.
 Hỡi thành đô với linh hồn bách thảo!
 Còn nhớ ta, chàng tuổi trẻ tóc bay?
 Làm học trò nhưng không sách cầm tay,
 Có tâm sự đi nói cùng cây cỏ.

Riêng ta nhớ những trưa hè sắc đỏ,
 Đường hoàng lan nắng động, lối đi quen
 Nghìn bóng cây chen bóng mộng hư huyền.
 Ta đến đó, lần đầu nghe rạo rực.
 Thấy phảng phất hình đôi vai, bộ ngực,
 Làn môi tươi in một nét son hồng,
 Cặp má nào phơn phớt ánh phù dung,

Đâu là lướt mái tóc dài sóng gợn?

Ta ngây ngất cả tấm thân vừa nhón
 Bỗng rùng mình thở vội ánh hương qua,
 Tưởng hương thơm một da thịt đàn bà...

(Trích Truyện Lòng)
 (Sáng Tạo số 5 tháng 2 năm 1957)



Lan Đình

HÀNG XÓM

Bao người yêu cũ đi vừa hết
 lòng bỗng hoang vu tựa quán nghèo
 muôn thuở tay ngà xa cử dật
 cái gì quên mất chẳng đem theo?

Thu về khu phố làng-da-đỏ
 nhà núi lênh đênh tấp lỏi gầy;
 gió tụ đầu đường, tan cuối ngõ,
 đêm dưng, chặn mỏng khép hồn vui.

Cửa sổ đầu giường đông nắng gió,
 hoàng hôn bay lá tự cây nào?
 chân trời hừng mặt-giai-nhân-khóc,
 gác bụi đèn thâm vọng lối sao...

Về đây chôn cất một tình yêu,
 thu xếp tâm tư đã rất nhiều;
 hồn chẳng ai đông mà vội quá...

buồn rồi không biết cất vào đâu!

Nhà ai hiên gác vắng quanh năm?
đếm giọt ti-gôn rung trước rèm...
đâu bảo một nàng thơ mộng lắm?
vì rằng trong mái có lông chim.

Nhiều sớm heo may, bùng mắt dậy,
nặng qua cửa sổ, nặng lên màn:
then song vờn nét tranh-hình-khối,
con sáo trong lồng lại hót sang.

Người bên gác bụi ngó qua song,
chim ở hiên xanh nhầy đánh vòng.
Người huyết sáo sang, chim hót lại...
khi người đi vắng, chim buồn không?

Một sáng vô tình người dậy sớm,
nặng còn e then rẽ đường sương;
chim đang giấu mặt trong lồng âm,
ai víu cánh lê rữ góc tường?

Em đẹp nhìn xa ngoài vũ trụ
tóc chiều hơi-thở-đóa-hôn-đầu
da đào trôi lịm như niêm ngủ
hiên bướm-hoa-quì-nâng-gót-châu!

Làm sao quên hết người yêu cũ?
như vẫn lòng son đến tận giờ,
ở gác lan-đình, hàng xóm có:
chim huyền, hoa trắng với em thơ.

(Sáng Tạo số 30 tháng 5 năm 1959)



Lê Huy Oanh

THƠ DỊCH

HẠ GIÁ

Ở đây bán cái mà bọn con buôn Do Thái không bán, cả sự cao quý lẫn tội ác chưa được hưởng, cả tình yêu bị nguyên rủa và sự chân thật độc địa của những lớp quần chúng không biết tới, cả thời gian lẫn khoa học đều chẳng nhận ra:

Đó chẳng những âm thanh được hồi phục, là sự thức tỉnh thân ái của những năng lượng phát ra từ ban nhạc và đoàn hợp xướng cùng với sự áp dụng tức thời của chúng, là cơ hội độc nhất để phát huy giác quan.

Ở đây bán những thân thể vô giá, ngoài mọi nòi giống, ngoài thể nhân, ngoài giống đực giống cái và chẳng thuộc dòng dõi nào! Ở đây bán những châu ngọc quý báu phát ánh sáng theo những bước đi! Bán những viên kim cương vô chủ!

Ở đây bán sự hỗn loạn cho quần chúng, bán sự thỏa mãn bất trị cho các bậc tài tử thượng lưu, bán cái chết thảm khốc cho các tín đồ và các tình nhân!

Ở đây bán chỗ ở và những cuộc di dân, bán những trận thể thao, những màn yêu thuật, những tiện nghi toàn hảo! Bán tiếng động, sự chuyển vận cùng với tương lai do chúng tạo ra!

Ở đây bán sự áp dụng toán pháp và những phát động của điện hòa âm chưa từng có, bán những khám phá mới lạ và những mối liên lạc xác thực, những quyền chiếm hữu ngay

lập tức.

Ở đây bán cái đà tiến điên dại! Bán sự vô cùng có màu sắc rực rỡ vô hình, có những khoái lạc không cảm thấy, có những bí mật cuồng dại của mỗi một nét xấu, có sự vui vẻ khủng khiếp cho quần chúng!

Ở đây bán những thân thể, những âm thanh; bán sự phong phú vô biên không thể đặt thành vấn đề, bán cái mà người ta sẽ chẳng bao giờ bán!

Những người bán vẫn còn hàng hạ giá và những khách du không phải vội trả ngay tiền hoa hồng.

Arthur Rimbaud



Mai Trung Tĩnh

TẬT BỆNH

Anh chưa uống một viên nào
Thuốc như những tia lửa quynn rũ trong đêm rừng
Mà người phiêu lưu lên con mê sảng
trên dọc đường
Và tiếng sói hú ngoài chân núi lạnh
Anh chưa uống một viên nào
Biết rằng chiều xuống lạnh lùng tê cóng như đã chết
Anh còn thềm nằm dọc sách trong màn
Để nghe hồn mình dừng thẹn thùng
Dù anh chẳng còn mắt nào xem tỏ được
Tiếng phản cung quan tòa anh không muốn
Anh còn bệnh anh sẽ còn phải uống
(những căn bệnh nào có phải tại mình!)
Cho anh ra ngoài công viên
Nơi anh thở khí trời và hôn em

Anh chỉ sợ chẳng còn mắt nào xem cho tỏ
 Ô sao quá buồn như người vào bệnh viện nửa đêm.

(Sáng tạo số 23 tháng 8 năm 1958)



Nhật Hương

GỤC ĐẦU

Mấy trẻ thơ ngây đi tìm từng viên đá nhỏ
 Ven bờ sông đất khô
 Nắm đầy tay và cười lên thành tiếng

Tôi muốn tìm những vì sao
 Rất xa và rất đẹp
 Để một mình lìa khỏi đám đông
 Ôm vào lòng mà ngủ say trên hoa cỏ

Nên suốt đêm dài, những đêm dài
 Cửa lòng mình hoang vắng
 Tôi chờ đợi những vì sao xa
 Nhưng chẳng bao giờ về trong tay rộng mở
 Tôi gục đầu...
 Nghe lòng mình nứt rạn trên môi câm

(Sáng Tạo số 27 tháng 12 năm 1958)



Ngọc Dũng

HỒI CHUÔNG

Là một giọng hát buồn
Là khuôn mặt bệnh viện
Là buổi chiều mới lớn

Là chuyến xe tưởng tượng
Là những tiếng thở dài
Là bước chân dò hỏi

Là những điều thuốc đen
Là đêm khuya sa mạc

Là tiếng khóc chợt đến
Là ngọn đèn ngoại ô
Là con mắt địa ngục

Là mỗi lần trở giấc
Là khoảng trắng linh hồn
Là hồi chuông dậy muộn
Là nghe mình thơ dại

(Sáng Tạo số 3 - bộ mới - tháng 9 năm 1960)



Người Sông Thương

CHUYẾN XE CHIỀU

Con đường chia hai thành phố
 ngủ lạnh dưới mồ cây
 Chuyến xe im lặng
 như không đi
 Chiều bóng mưa thăm thẳm
 Màn tâm tư gió lay giọt mắt
 Trong ánh đèn không nghe hơi thở
 dầu của một làn môi tím ngắt
 Đã lỡ rồi lời thề thốt đêm xưa
 Thanh âm hình khối sắc màu
 Tất cả chỉ còn là tốc độ

(Sáng Tạo số 20 tháng 5 năm 1958)



Nguyễn Sa

TÔI SẼ BỎ ĐI RẤT XA

Tôi sẽ bỏ đi rất xa thành phố
 Có những bờ hè
 Và những người gặp nhau một buổi sáng thứ hai
 Không cười với nhau một lần
 Không nói với nhau lấy một câu
 Người con gái áo tím đã trả lời: không có thì giờ!

Phải người con gái đã trả lời: không có thì giờ!

Và tôi không dám góp ý kiến
 Vào chuyện người ta
 Nhưng lòng tôi thầm hỏi
 Như một người bơ vơ

Hỏi một người bơ vơ:
 Có những người yêu nhau không có thì giờ
 Chim lấy đâu mà về tổ
 Tôi lấy đâu mà làm thơ
 Em lấy đâu mà đọc những bài thơ sắp viết.

Phải, tôi sẽ bỏ đi rất xa thành phố
 Nếu chúng mình không có thì giờ
 (dù trong một buổi sáng thứ hai...)
 Để nói với nhau một lời
 Để cười với nhau một phút
 Mà chỉ nhìn nhau xa cách như hành tinh
 Để những bàn tay lạnh tê bên hè phố.

Tôi sẽ bỏ đi, bỏ đi rất xa
 Đến một ngôi nhà mở toang hết cửa
 Hay kéo dài thời gian
 Bắt chủ nhật làm thứ tám
 Thứ hai thành chủ nhật
 Và vứt bỏ những ngày dĩ vãng thứ hai.

(12 - 56)

(Sáng Tạo số 8 tháng 5 năm 1957)



Phạm Nguyên Vũ

TÌNH BẰNG HỮU CHIẾN ĐẤU

Tình bằng hữu chiến đấu buộc vào tôi
 Như đêm nhìn sao Bắc đẩu thở trên trời
 Như những ngày nhớ một người
 Kẻ nô lệ vừa lớn lên gỡ cánh tay xiềng xích
 Ngó mặt trời non kia vẫy gọi

Tôi lỡ đi qua đời tôi buổi xuân thì
 Vì buộc dĩ vãng vào giấc mơ tối tăm
 Lỡ để tiếng thất thanh chết trong cổ họng
 Ai biết một tiếng võng tình cò
 Nếu còn trên cánh đồng đường thiết lộ
 Những nơi chúng ta vừa bỏ đi hay tàn phá
 Tình bằng hữu chiến đấu buộc chúng ta vào
 Như thịt liền da cùng giấc máu
 Vì máu cùng lưu thông thịt da không chia cắt
 Tôi đau vì tiếng khóc đồng bào
 Ngôn ngữ một người lên tiếng cho đám đông
 Lệ rỏ xuống hai bàn tay mỗi đêm mỗi ngày
 Như ngọn hải đăng soi vào mặt biển
 Tình bằng hữu chiến đấu gọi niềm ta nhớ nhưng
 Những kỷ niệm cùng người yêu cùng căn nhà
 Cùng rất nhiều bạn bè đồng chí
 Nếu giản dị tôi sống làm kẻ ngây thơ
 Rên xiết giữa rừng lê loi cô độc
 Tình bằng hữu chiến đấu đúc hun tin tưởng
 Tôi đem hy vọng choàng riết hai bàn chân
 Tìm gõ cửa nhà ai ấm cúng
 Trong chuyện trò hay giấc sớm ban mai
 Tôi khóc mỗi người chia tay không trở lại
 Vì thâm lén tương tư mỗi lần tôi tự hỏi
 Sao tương lai tôi tin sẽ sống huy hoàng
 Sao dĩ vãng tôi là giấc ngủ tối tăm
 Vì hiện tại tôi nép vào bạn bè chung hơi thở
 Tình bằng hữu là sắt là gang
 Khi chúng nó bắn vào ta đạn lửa trên đầu
 Hay trên mỗi ngã tư các họng liên thanh chờ đợi
 Nhưng tôi sẽ lên đường giữa lời kêu gọi
 Linh hồn tôi theo dưới bóng cò
 Khi tôi đi qua nơi mộ địa tha ma
 Hay những cảnh mùa thu héo úa
 Tôi nhớ những con đường hoa cỏ này
 Bạn bè tôi ngã còn hơi ấm áp thân yêu
 Và những bước tôi đi dù đầu rừng cuối bể

Mất bạn bè còn theo dõi không thôi

(Sáng Tạo số 21 tháng 6 năm 1958)



Quách Thoại

TRĂNG THIẾU PHỤ

Đã mấy đêm trường tôi không ngủ
 Nằm thao thức nhớ mảnh trăng thu
 Đã biết bao lần tôi tự nhủ
 Rằng cho tôi chết giữa âm u

Có sao trăng sáng ngoài kia nhỉ?
 Làm động tĩnh tôi giữa buổi đêm
 Tôi nhắm mắt nằm không dám nghĩ
 Sợ nhìn trăng lạnh rớt bên thềm

Tôi muốn phòng tôi luôn mãi tối
 Xin trăng đừng chiếu lướt qua song
 Tôi muốn hôn tôi chìm lạc lối
 Cho tàn chết hết cả hoài mong

Cơ khổ cho tôi còn nuôi mộng
 Làm đau chấn gối giữa đêm thu
 Chỉ tội hồn tôi thêm xáo động
 Mà thương mà sợ mảnh trăng thu

Tôi sợ ngày mai trời sẽ sáng
 Trăng thu mơ mộng sẽ không còn
 Tôi gặp mặt người người đã bán

Cả mùa xuân đẹp thưở sắt son

Chao ơi! trăng hồi trăng thu đẹp
 Trăng của lòng tôi hay của ai?
 Tôi mở hồn thơ thối khó khép
 Gửi cả lên trăng tiếng thơ dài

Và cho tôi ngủ cho tôi ngủ
 Thao thức làm chi mãi thế này?
 Trăng tội tình chi mà ấp ủ?
 Mảnh lòng thi sĩ quá thơ ngây

Bởi đâu lệ nhỏ lã trên gối
 Tôi thấy cô đơn lạnh lắm rồi
 Tôi biết đời tôi e hấp hối
 Mà trăng thì sáng tận bên đời
 - Không người thiếu phụ đứng bên tôi!

(Sáng Tạo số 17 tháng 2 năm 1958)



Sao Băng

ĐÔI MẮT

Khung cửa sổ mở ra. Lặng nhìn lặng nhìn đôi mắt
 bức tường cao trần lối đi
 mái tóc rũ xuống tả hình khép nép
 màu áo tung bay bỗng giật mình tin pháo mùa xuân trở về
 bóng nêu cao in hình dài lưa
 con đường vòng vèo
 kết hoa. Hoa mới nở
 vào mắt em xôn xao bình minh tia mặt trời óng ánh

tôi đứng trên bờ đại dương
 xin đợi tôi chuyển tàu nhổ neo buổi sớm
 âm thanh ngọt ngào
 mắt em khẽ chớp
 bàn tay ôm chặt bức thư tình
 lắng xuống
 chuyển tàu đi ngày cuối năm ngày cuối năm đột ngột
 tôi khoác thêm lần áo
 đôi mắt trong cửa sổ
 ánh lửa mặt trời
 đốt trái tim hấp hối
 níu lấy nhau
 phù sa cát đỏ
 khung cửa sổ vô tình khép lại
 khung cửa sổ nguyên hình khép lại. Lặng nhìn lặng nhìn
 đôi mắt.

(Sáng Tạo số 17 tháng 2 năm 1958)



Tạ Ty

BÀI THƠ CỦA MỘT NGƯỜI

Quán rượu nửa đêm
 Tím màu huyết dụ
 Tái tê vài cánh hoa hồng
 Gục đầu bờ ly gờn gợn

Nửa đêm quán vắng
 Những giọt nền tàn hoen lòng đĩa xám
 Những bàn tay thôi nhớ những bàn tay
 Những sợi tóc phai dần mùi hương quyến rũ

Còn lại
 Hai đứa chúng mình
 Uống rượu nhìn mưa chạy dài đường tối
 Những con đường chấp nối
 Từ lòng chúng mình vượt qua biên giới
 Nói lại tình thương
 Đã vỡ từ muôn thế kỷ

Đêm nay quán vắng
 Mưa rơi từng giọt đều hiu
 Không đi biển mà sao lòng say sóng
 Tưởng gió về đem nước mặn vào môi

Anh với tôi
 Gặp nhau để rồi
 Ngày mai ngày kia
 Có lẽ là sau đây một phút
 Sẽ xa nhau
 Buổi tiễn biệt sẽ buồn như vĩnh biệt
 Khi nghe tin người bạn thơ
 Đã chết một hôm nào
 Trần trường không cơm áo

Uống đi anh
 Ly này là ly thứ mấy
 Buồn này là buồn hôm nao
 Khi giã từ đôi tay bé nhỏ

Anh rót cho tôi
 Cả u sầu vạn thuở
 Đang đọng trên tóc người vũ nữ
 Có nét mặt yêu tinh
 Qua ly rượu đỏ
 Đỏ như máu dính ở môi
 Đỏ như máu ứ trong tim
 Vỡ toang tiếng cười pha lê nứt nở

Hãy uống đi
 Còn đêm nay nữa
 Mai anh lên đường gói súng
 Tôi về gác nhỏ
 Nhìn mưa rơi trên lối mòn cỏ úa
 Rượu thôi đầy áo khép tuổi chia ly

Có buồn không
 Mà sao hơi rượu
 Dâng vào mắt anh
 Thấm vào hồn tôi
 Trút tiếng thở dài đêm khuya úp mặt

Anh nhìn tôi
 Tôi cúi xuống
Bọt rượu sôi lên trong đáy cốc
Thoáng ai về trong men đắng đêm nay
 Ghì nát bàn tay
 Lòng thủy tinh lạnh ngắt
 Một tiếng sao rơi
 Nhạc nức u hoài điệp khúc

Cô gái nhỏ gục đầu thẫn thức
 Rượu hết rồi mưa trắng đêm nay!

(Sáng Tạo số 19 tháng 4 năm 1958)



Thanh Tâm Tuyên

BAO GIỜ

Tặng Doãn Quốc Sỹ và...

Dù sao mai phòng triển lãm sẽ đóng cửa
 (Rồi mở thêm lần nữa
 Để làm gì?)
 Vút mẩu thuốc cuối cùng xuống giòng sông
 Mà lòng mình phơi trên kè đá
 Con thuyền xuôi
 Chiều không xanh không tím không hồng
 Những ống khói tàu mịt mịt

Ai xui rằng mùa măng chưa tới
 Mà mùa về măng thôi chẳng ngọt
 Vườn măng rừng thán sáu đêm sâu
 Muốn làm người học trò mười bảy tuổi
 Đạp xe trên đường đông
 Bông mía trắng những căn nhà ngủ dưới cây
 Sẽ thăm những bà con thân thuộc
 Một người em hay một bà dì
 Trời sầm

Như mắt
 Như ngõ hoang hồn này
 hôm nay
 Nghe lời hát quen quen
 Người đàn bà ấy mang tên...
 Lời từ biệt
 Trên một sân ga vắng
 Tiếng kèn trầm của một chuyến ô tô ray
 Đây dĩ vãng
 Nếu đã đi từ Hà Nội xuống Hải Phòng hay Bắc Ninh
 Nếu đã đi từ Sài Gòn xuống Vĩnh Long hay lên Thủ Dầu
 Một
 Chuyến xe vẫn chỉ thuộc một mình
 Như kẻ say rót rượu lấy mà uống
 Cho vui thêm cuộc hành trình
 (Đúng rồi những người thù ghét thơ tôi ời)

Cuộc hành trình hoàn toàn cô độc.

23-2-1957

(Sáng Tạo số 7 tháng 4 năm 1957)



Thạch Chương

SONNET

Như những tiếng cầu xin *cứu vớt linh hồn chúng tôi* ngoài
khơi bí mật đến tự một con tàu biển;
qua những mảnh danh từ dẹt nên hồn màu nhiệm
em vẫn chỉ là tóc mây cổ nồn và môi.

Sau áo len danh từ là thế giới xa vời,
là đêm không trăng sao là trùng dương thăm thẳm;
qua những chuỗi ngọc cười, em vui; nước mắt đầm vai
anh, em buồn. Đêm hồn anh dài không nguôi.

- Kèn đồng xin loa vang đập những thành kia xuống:
Bóp nghẹt tiếng cười, và xin khô héo đôi môi;
hãy cho tê liệt bàn tay, cảm ghen những lời
yêu, thương, sâu, nhớ. Hãy vượt qua thành hiện tượng, soi
mặt trời sau mắt em, để tôi chiêm ngưỡng
hình tôi.

(Sáng Tạo số 30 tháng 5 năm 1959)



Tô Thùy Yên

CÁNH ĐỒNG CON NGỰA CHUYỂN TÀU

Trên cánh đồng hoang thuần một màu
 Trên cánh đồng hoang dài đến đỗi
 Tàu chạy mau mà qua rất lâu
 Tàu chạy mau tàu chạy rất mau
 Ngựa rượt tàu rượt tàu rượt tàu
 Cỏ cây cỏ cây lụi chổng mặt
 Gò nông cao rồi thung lũng sâu
 Ngựa thở hào hên thở hào hên
 Tàu chạy mau vẫn mau vẫn mau
 Mặt trời mọc xong mặt trời lặn
 Ngựa gục đầu gục đầu gục đầu
 Cánh đồng a! cánh đồng sắp hết
 Tàu chạy mau càng mau càng mau
 Ngựa ngã lẫn mình mướt như cỏ
 Như giữa nền nhưng một vết nâu.

(Sáng Tạo số 7 tháng 4 năm 1957)



Trần Dạ Từ

BÀI KỶ NIỆM

Tôi nhớ người thôi hết mùa xuân
 đường đi nghe mắt đã âm thầm
 chân buồn lên đông đôi chiều nắng
 mang lá xanh còng gậy tiếc thương

Thửa ấy tôi về ngang đất cũ
 ngày thơ ngây cũng đẹp như hồn
 người đi trên những con đường đỏ
 lòng cũng lên mùi cỏ mới thơm

Em áo còn bay nhiều ước hẹn
 giấc mơ đời ngọt vị băng khuâng
 nắm tay dài mãi niềm lưu luyến
 chân chậm đường như đến ngại ngần

Tôi gửi đời tôi trong tóc ấy
 ôm người chưa chắc nổi vòng lưng
 chiếc hôn đầu chết trên vàng trán
 môi đã nghìn năm biết túi hờn

Tôi nhớ người thôi hết đời tôi
 đường đi không kết nổi câu cười
 buồn hoang đến nửa thời thơ dại
 trong những chiều ai mang áo phơi.

(Sáng Tạo số 28-29 tháng 1-2 năm 1959)



Trần Lê Nguyễn

GIAO DUYÊN

Từng kiếp sống bông bênh
 Bước chân lầy lối ngõ
 Tiếng gọi dò hỏi hã
 Giữa khuya
 Ngọn đèn ai còn đỏ lửa

Mười năm trời không làm thơ
Đêm nay bút cây luống chữ

Một giòng sông đôi bờ thành phố
Ngoại ô đại lộ
Cô gái điếm về già thổ huyết đêm qua
Tiếng cười rú trong túp lá

Đau nhói bàn tay
Từng thớ chữ xa rời tim óc

Những giọt mồ hôi nhỏ trên nền đất
Gió nghiêng vách trống
Mái lá chiều mưa
Nước đổ từ nguồn dạt về đôi nhánh củi
Có chân anh thủy xưởng Ba-soong
Có bàn tay cô gái Ô-mên
Khung trời xanh
Con đường nhỏ đi về hướng nắng

Ngoại ô trời đen khói bụi
Mái nghèo
Đồng ruộng mông mênh
Lạc lõng vào đây vài ổ dĩ
Đèn khuya cửa ngõ
- Đêm qua Sáu Nhỏ không về!
Trôi dạt vào đây vài anh chị
Búa rìu vằm nát tay trai
Có tiếng la trời ơi ới
Bài thơ thành phố ngoại ô
Anh viết đỏ ngầu máu mắt
Tùng trang bản thảo trùng lao
Khuôn mặt võ vàng thiếu máu
Đèn trong thức lụi canh dài
Bao lần tiếng chó tru đêm
Mà sao giấy trắng hoen vàng

Anh gục một chiều một lả
 Hoàng hôn đổ xuống lòng sông
 Ba mươi tuổi chưa vợ
 Tác phẩm rồi đem bán “son”

Con sông chảy đều ra biển
 Tôi nghe như tiếng than dài cuộc đời nức nở
 Ngồi xếp từng trang viết dở
 Ngực tôi không ruồng tròng lao
 Thơ chép tên anh lên sách
 Ngày nao, ngày mốt, ngày mai?

Nắng hẻm ngoại ô
 Lan dần đại lộ
 Bóng xiên hè phố Tự Do
 Nghe những miếng đời tan vỡ
 Cốc rượu tạ từ chua cay
 Những người đàn bà mất biếc
 Những màu những sắc đua chen
 Những khối những hình nghiêng ngửa
 Cô gái in cong khung kính
 Tóc nâu rối nếp viền phương
 Ngăn tủ sách nào kêu gọi
 Đêm lên ánh sáng chan hòa
 Ngập lụt cả đường âm điệu

Tôi tìm lần về ngõ hẻm
 Bùn lầy in bước mưa đêm
 Cánh cửa đợi chờ để ngỏ
 Đầu nào gục xuống tay em
 Giòng sông nổi liền thương nhớ
 Đồi bờ thành phố giao duyên

(Sáng Tạo số 17 tháng 2 năm 1958)



Trần Thanh Hiệp

TUYÊN DƯƠNG ÁNH SÁNG

Anh sẽ trẻ mãi chờ đợi người phát thư
 Một sáng mùa xuân trời không thấp
 Sân ga khỏi biếc những chuyến đi thơ ngây lần gặp gỡ thứ
 nhất
 Phi trường rực rỡ nụ cười đêm
 Ấu yếm những kẻ xa về khóc nức nở bàn tay mẹ
 Hải cảng nồng gió đại dương
 Viễn du chân trời trắng xóa
 Anh nín thở đọc thư em
 Những bức thư tình nét chữ không thời gian

Bên bờ sông yêu em sau cửa màu sắc
 Giòng nước dịu ngọt suối trong vắt
 Như mắt em như bài thơ tự do
 Ngân vang xóm nghèo miền ngoại ô
 Ngòi bút chạy không ngập ngừng trang sách
 Phơi bày linh hồn
 Bản trường ca âm thanh kim cương

Công viên tung bùng dạ hội
 Phố chật vũ trường
 Bàn tay chào mời nhập ngũ
 Bầy em nhỏ múa hát trước pháp đình
 Ngày mai vòng nghe anh kể chuyện
 Cô tích
 Người anh đôi mắt thủy tinh
 Dạy các em những tiếng mở lòng
 Trinh trắng
 Bắt đợt mây màu cánh hoa
 Đồ chơi trắng mùa thu

(Sáng Tạo số 17 tháng 2 năm 1958)

Trần Thy Nhã Ca

MÙA ĐÔNG

không còn một nàng tiên vỗ về ru giấc ngủ
không còn một lời ca làm dịu hồn cô đơn
không còn thư tình thơm nức mùi thuốc lá
không còn một bàn tay vuốt ve giận hờn

không còn gì, không còn gì, tất cả.

mỗi buổi mai thức dậy tiếng còi tàu
đời tình ái cổ rơm
cùng khoảng trống bên vai nơi nỗi buồn ở lại
với mặt trái bàn tay, mặt phải của linh hồn

anh đã tự do vào đời tôi đập phá.

tôi cũng tự do xài phí hết đời tôi
cuối những sớm mai chiều tối của đời mình
khi ngã xuống những tháng ngày mục rã
tôi cũng không cần ai nhớ ai quên

người con gái chết đi mang tên loài cỏ dại.

(Sáng Tạo số 7 - bộ mới - tháng 9 năm 1961)



Tuấn Huy

HÀNH TRÌNH NGÀY MAI

Rồi một chiều nào tôi sẽ bỏ lại kinh thành
 Những đáy mắt màu trời, những mái tóc như hàng thù
 dương xanh

Đi thật xa không mang theo hành lý
 Chắc em muốn hỏi đi đâu? – Tôi không trả lời, vì không
 cần biết nữa

Lấy vé “lữ hành” để thấy những chân trời đang mở
 Có thể là về đại dương, hay lên miền rừng thiêng đất đỏ
 Cũng có thể là ngồi trong tùy-tinh bay xa trái đất hình tròn
 bé nhỏ

Xin em đừng tiễn tôi, vì không muốn nhìn em nức nở
 Vì không muốn nghe những lời than thở
 Câu chuyện buồn muôn thuở: lứa đôi

Con tàu đêm ấy sẽ chở thêm một người
 Từ khởi điểm, băng đồi vượt núi đi về muôn phương
 Không ngừng lại ở “ga” nào
 Dù “ga” ấy có thấp đèn chờ đợi
 Cũng không hỏi xem đường dài bao nhiêu dặm
 Đầu tàu và tất cả những toa (hay tùy-tinh) đều sơn màu
 trắng

Như mũi tên lao vào hư không
 Cho thỏa lòng trai yêu thích cái vô cùng
 Nếu run sợ, em đừng bước qua ô-chấn

Từ bỏ ra đi không có nghĩa là trốn tránh
 Cuộc đời tẻ lạnh giữa chốn phồn hoa
 Đôi mi dài đen, những vòng cung cong, những nét kỷ hà
 Những vực thẳm nằm bên bờ thành phố
 - Hồi người trưởng đoàn, hút hết điếu thuốc này, xin ông
 giờ số
 Để tôi ghi tên vào cuộc hành trình Ngày Mai
 Và nhớ xếp cho tôi ngồi bên một khung cửa ngõ

(Sáng Tạo số 24 tháng 9 năm 1958)



Viên Linh

BÀI KIM XUYÊN

đêm đi gõ nhẹ tuổi đời
mất tôi dồn vọng canh trời truy hoan
ga thôn **tính** mộng điều tàn
toa không từng chặng còn đang dồn về

thương mình bước mỗi phân ly
cây khuyển nhủ mộng một kỳ chiêm bao
hôn em ôi khổ ngần nào
tay giờ bến vội cúi chào anh đi

xe lên dốc tiếng thăm thì
thuốc trông dưới mắt đỏ vì cô đơn
lên đây thấy dạ bồn chồn
vách khô lưng tựa nghe mòn tiếng ru

kiếp xưa trở lại chân chừ
trời non biển cạn quên đủ hồi sinh
lên cao trẻ dại tan tành
lũng sâu thu nhật ít ngành héo khô

đời coi hiu quạnh đến giờ
canh khuya nến thấp ngồi hơ ngón gầy
tuổi mòn rút nhỏ móng tay
biển du tàn mộng quên ngày kim xuyên

phổ chi thu nẻo ưu phiền

về đây đợi sáng mai thiên xuống rừng
đi mù sương chiếm sau lưng
em chưa tuyên bố nghe chừng hết đây

(Sáng Tạo số 6 - bộ mới - tháng 12-1960 và tháng 1-1961)



Vương Tân

GIÁC MỘNG

Chúng ta đã quên nhau
Giấc ngủ bừng nửa khuya
Và con sông lại hoài hoài nước chảy
Những tâm hồn giống bão một ngày hai mươi
bốn giờ
Không chỗ trú tình yêu
Nớ thương từng hè phố
Tìm nhau nơi giấc ngủ
Bốn cánh tay ôm choàng
Khoảng trống không tàn nhẫn

(Sáng Tạo số 22 tháng 7 năm 1958)

sáng tác mới



Tranh Thái Tuấn

NGUYỄN ÂU HỒNG

HOA TRÂM TRÂM

*Làm sao anh nói ra, lời lẽ giản dị như ca dao và tình yêu hồn nhiên như
rừng núi hồn nhiên như hơi thở em **
(Thơ ĐÌNH CƯỜNG)

*Ai về Giồng Dứa qua truông
Gió lay bông sậy bỏ buồn cho em.*

Chỉ vồn vện hai câu thơ mà gợi buồn gợi nhớ, man mác bông sậy gió lay, tài tình quá. Nhưng “về” chớ nào phải ra đi, sao lại buồn? Thì ra cô gái không phải người Giồng Dứa, “về” đây là chàng trai về lại quê anh ta ở đất giồng, một mình. Mẹ mong gả thiếp về giồng, thiếp than phận thiếp gánh gồng chẳng kham, do vậy mà buồn.

Thà rằng gả thiếp về vườn, ăn bông bí luộc dưa hường nấu

canh, chớ không kham nổi khoai lang đất giồng. Mà cần gì miệt vườn, ở vùng ruộng lúa cũng có người “lịch sự” vậy!

*Nước từ trong rạch chảy ra
Chào anh đi học ở xa mới đi.*

Ước gì được như con nước cứ ào chảy ra, hớn hỏ reo vui mà đón mà chào. Nghiệt nổi, cô vừa e thẹn vừa làm bộ “chảnh”:

*Tay cầm nắm lật bẻ cò
Thương anh đứt ruột giả đồ làm ngơ.*

Có khó gì đâu, một lời chào kèm một nụ cười, một ánh mắt gửi trao, dễ quá, mà sao cứ đứng tần ngần! Cô gái đứng tần ngần mà lòng dạ nát tan, đứt từng đoạn ruột.

Cô gái “cầm nắm lật bẻ cò” trong câu chuyện này có tên là Mến.

Còn anh học trò, mới ở xa về, thấy mấy người đang nhỏ mạ không rõ có nhận ra cô bạn nhỏ của mình không mà bước cứ ngập ngừng. Rồi chàng đi khuất sau gò đất hoang mọc đầy các bụi cây chim chim, cò ke, đủ dẻ, trâm trâm...

*Anh thương em ruột thắt gan bào
Biết em có thương lại phần nào hay chăng?**

Chàng trai trẻ học trò thuở ấy chính là tôi đây, người kể câu chuyện này.

Tôi ở thôn Trung, Mến ở thôn Nam, hai thôn liền nhau nhưng khác xã. Thôn Nam hợp với thôn Tây thành xã Diên

Sơn còn thôn Trung hợp với thôn Đông thành xã Diên Điền. (Thôn là đơn vị hành chánh dưới xã, còn thường ngày bà con vẫn gọi là làng, thân thương hơn). Vùng này đồng ruộng rộng cò bay thẳng cánh nên còn có tên là “Tứ thôn Đại Điền”. Ngoài ra, chữ “sơn” cho biết xã Diên Sơn quê Mén vừa có ruộng vừa có núi, có rừng già. Dĩ nhiên giữa ruộng và rừng già là vùng đất thổ tiếp với gò đồi và những trảng tranh, trảng cỏ, những rừng tre gai thưa thớt, rừng le dày đặc. Kỳ lạ một điều, hai bên bờ con suối từ trong rừng Sông Tắt chảy ra cánh đồng thôn Nam cây cối rậm rạp, ngoài vô số cây bụi và dây leo còn có cả những cây đã thành cổ thụ như da bá, cây, sung, thô, gạc nai, duối, dừng... cung cấp khoảng mát cho người làm ruộng nghỉ trưa và sân chơi lý tưởng cho đám mục đồng. Nhưng cách đó không bao xa, hai bên bờ con suối từ Lồ Ô chảy ra thôn Trung thì cây cối thưa thớt đến nỗi trâm bầu, dứa núi, đùng đỉnh, bời lời... cũng chỉ thấp lè tè, chơi “cút bắt” còn không đủ kín nói chi tới bóng mát trưa hè. Có lẽ từ nguồn phong thổ đó mà con gái thôn Trung tuy cũng “viên chi đỏ” (1) độc đáo và quý giá như con gái thôn Nam nhưng “cỏ lá” không trù phú và “đa dạng sinh học” như gái thôn Nam.

Mén và tôi cùng học lớp năm, tôi năm A, Mén năm B ở trường tiểu học liên xã Phú Điền, tuy biết tên biết mặt nhưng chúng tôi không quen thân. Tôi đâu ngờ sau này hình bóng Mén mãi mãi là nguồn mạch tươi mát nuôi dưỡng tâm hồn tôi.

Ngoài những buổi đến trường, tôi phụ làm việc nhà và việc đồng áng như những đứa trẻ cùng lứa tuổi trong xóm.

Việc nhà như hái rau heo, chăm nón, mùa bẻ thuốc lá thì ghim thuốc, mỗi chiều phải gánh nước tưới rau, tưới hẹ.

Thứ năm và chủ nhật là hai ngày nghỉ trong tuần thì ra đồng, mùa nào việc nấy, nhưng việc chính của lứa tuổi tiểu học là chăn trâu. Một hôm tôi thả trâu ra ăn cỏ ở Gò Tre thì gặp Mén. Không ngờ Mén là con gái mà cũng dám chăn trâu. Tôi nhận ra bầy trâu quen do có một con trâu cò

và một con trâu cái sừng quặp khác thường, mọi ngày do một chú bé đen trùi trùi, theo chặn. Chú bé cứ ngồi riết trên lưng con trâu cò, thậm chí nó còn nằm gọn trên lưng trâu, úp chiếc nón cời che mặt mà ngủ.

Dù gì cũng là con trai nên tôi lên tiếng trước:

- Nữ sinh mà cũng biết chặn trâu sao?
- Cái gì nam sinh làm được là nữ sinh làm được. Tôi biết làm cỏ, cấy giặm, nhổ mạ, cắt lúa từ hồi lớp ba, lớp bốn đâu đợi tới bây giờ.
- Tôi mới biết cấy hồi mùa hè. Cắt lúa thì nhanh nhưng chưa biết gặt bằng vòng hái.
- Mén cũng vậy. Gặt bằng vòng hái sao khó quá, tréo qua là tuột, tréo lại cũng tuột.
- Tôi chăm nón vừa nhanh vừa đẹp. Mẹ tôi xây xong giao hai chị em mỗi người một mê, tôi chăm xong đi chơi, chị tôi mới già nửa.
- Xóm Hùng dưới Trung mà cũng chăm nón sao ?
- Trung, Nam thì có khác gì nhau. Cũng làm ruộng cấy lúa, đất thổ thì trồng dưa, trồng đậu, trồng mía, đất rẫy thì thanh long, chuối mốc, đu đủ, mít, xoài. Lớp ruộng, lớp thổ, lớp rẫy nên bà con tứ thôn ta bận rộn cơ cực quanh năm, không có cái gọi là ngày nông nhàn.
- Hùng mới bao nhiêu tuổi mà ăn nói nghe như người lớn. Hèn gì hội diễn văn nghệ, Hùng đóng vai Mạc Đăng Dung mài gươm dưới trăng rồi ngâm thơ coi bộ chững chạc hết ý.

- Thầy Sảnh nói phải thể hiện trên nét mặt mỗi hận mắt nước, cho nên mình làm nghiêm vậy thôi. Mài gươm xong, ngược lên nhìn trăng lại phải thể hiện nỗi buồn của một người nuôi chí lớn nhưng tóc đã bạc mà thù nước chưa xong, nên thầy Sảnh nói diễn ngâm làm sao trong hào khí phải có một chút u ẩn thì mới đạt. Vậy chớ cũng đem về cho trường ta được cái bằng khen.

- Cũng nhờ âm thanh ánh sáng, chớ lúc diễn trong đêm lửa trại, đang khi Hùng ngâm thơ, một bạn nào đó đem quăng

một khúc củi tươi vào đồng lửa làm nổ lớp bốp, chẳng nghe được gì.

- Mén biết thằng Lục con giáo Năm ngoài thôn Tây không? Nó đòi thủ vai mà tại nó có cái răng lòi xỉ thầy Sảnh không chọn nên nó tức, nó phá.

Năm cuối tiểu học gặp nhau một đôi lần, trò chuyện bằng quơ, nói chung thì cũng không có gì đặc biệt.

Hè năm đó cậu tôi từ Qui Nhơn về quê giỗ ông cố tiện thể dẫn tôi theo để ông kèm luyện thi vào đệ thất (lớp 6) trường công. Tôi học hai năm đệ thất - đệ lục ở Qui Nhơn. Đến mùa hè chuẩn bị vào đệ ngũ, cậu tôi được chuyển về Nha Trang, tôi mới có dịp trở lại với những sinh hoạt của làng quê. Vừa xuống xe lam đi bộ qua Bàu Dừng gặp con mương nước tuôn chảy ào ào như reo vui, ứng với câu ca dao: *“Nước từ trong rạch chảy ra/ Chào anh đi học ở xa mới về”*, làm tôi cảm động và thấy yêu quý làng quê của mình quá.

Mấy ngày đầu cả nhà thả ga cho tôi rong chơi thăm bạn bè, kéo bè kéo lũ “phá làng phá xóm”. Nhưng rồi phải xáp vào với công việc của một gia đình làm nông. Đang mùa cày nên tôi phải phụ một tay. Anh tôi “bỏ giạt” tức mở đường cày đầu tiên, tôi cứ thế cày theo. Thời đó quê tôi chưa có thói quen cày ngày hai buổi. Cày một buổi từ sáng tới trưa là cho trâu (bò) nghỉ đi ăn cỏ. Một người, thường là đứa nhỏ đi theo chăn trâu (bò), người lao động chính phải lo cuộc góc, chải bờ, dẫn nước... Gia đình tôi chỉ sở hữu mỗi một sớ ruộng ở vùng có địa danh “Đất Ông Ngàn” nhưng vì nhà có nhiều lao động và có hai cặp trâu cày nên đã “đấu giá” thêm hai sớ ruộng công, và làm “đong ngõ” thêm một sớ nữa của Giáo Hai, tổng cộng canh tác đến bốn sớ ruộng. Quê tôi ruộng công nhiều hơn ruộng tư. “Đấu giá” tức phát canh thu tô cho người cày dưới hình thức công khai, thuận mua vừa bán. Ta thấy đồng ruộng liền nhau vậy chớ từng vùng, từng nhóm tức từng sớ ruộng đều

có tên riêng. Sở ruộng nào là thượng đẳng điền, hạ đẳng điền, trong điều kiện thời tiết bình thường, thu hoạch mỗi mùa bao nhiêu dân làng đều thuộc. Gọi là đấu giá nhưng ít có sự tranh giành nâng giá, cứ y như cũ mà làm. Lẽ tẻ có gia đình trả ruộng lại vì thiếu lao động do có người qua đời đột ngột, người bị bệnh mất sức hoặc đi làm ăn xa, đi lính quốc gia hoặc nhảy núi... thì mới thực sự đưa ra đấu giá. Rồi cũng thu xếp ổn thỏa, ưu tiên cho người thiếu ruộng. Còn “đong ngở” tức nhận khoán, cũng một hình thức phát canh thu tô nhưng phần đong cho chủ ruộng còn “ngở” tức còn tùy vào mức thu hoạch. Tôi thấy không có sự hà khắc hay bóc lột gì. Nhưng cộng đồng nào cũng vậy, ở đâu cũng có cảnh “kẻ ăn không hết người lần không ra”. Trong thôn tôi có mấy gia đình nghèo đến nỗi không có “cục đất ném gà”, thôn xã phải cấp cho một đám đất công để cất nhà. Tình làng nghĩa xóm chan hòa. Chính vì vậy mà ở “Tứ thôn Đại Điền” quê tôi, suốt thời “chín năm” cũng như sau này, thảm cảnh đấu tố không hề xảy ra. Nói cho đúng ra, “chiến dịch đấu tố” cũng đã từng được “phát động”, nhưng may thay, người quê tôi nhân hậu đã không tiếp tay nuôi dưỡng con ác quỷ đó, làm lơ để nó tự sinh tự diệt. Mấy ngày cày ở đất Ông Ngàn và sở ruộng của Giáo Hai tôi lừa trâu ra Bàu Đá cho chúng dầm nước rồi thả ăn cỏ quanh Hòn Một. Tôi và hai người bạn tên Mân và Hăng thường lật lá sen bắt ốc bươu bầu (to gấp ba gấp bốn ốc bươu ruộng). Rồi ba chúng tôi nhập bọn với đám thằng Ân, Nhân, Thới. Đám bạn này đào chuột có đơm chà di, bắt chuột xỏ lòì thành mấy xâu dài. Chúng tôi chia làm hai nhóm, một đi quơ rạ thui chuột lột da làm ruột, nhóm kia đi kiếm củi găng khô đốt cho có than chắc, chặt tre rừng vót làm ghim làm kẹp để nướng chuột. Lâu lắm tôi mới được sinh hoạt và ăn một bữa ăn độc đáo rất mực đồng Đại Điền: chuột xát muối ớt nướng lửa than và ốc bươu bầu nướng cho thật khô nước nhót. Không riêng gì tôi, xa quê lâu ngày thèm ăn ngấu nghiến, các bạn trong làng cũng nhai xương chuột rau rầu, nhai ốc bươu sần sật. Trong đám bạn có Nhân là tình cảm nhất,

nhường cho tôi nguyên một ghim chuột lói. Chuột lói là chuột con chưa mọc lông, da còn đỏ lói, xương mềm, thịt thơm ngọt đặc biệt. Cơm, chuột, ốc nhiều vậy mà rồi tất cả đều hết sạch. Ăn cơm xong, giỡn đùa một chặp, cả bọn lại rủ nhau đi đào chuột. Nhẫn và Thới khéo tay, trong lúc chẻ tre làm kẹp đã vót nan bện thêm cả mớ chà di. Lần này không đào chuột theo bờ ruộng mà lợi dụng quân đông, chà di nhiều, đi bao vây, tấn công các gò đất rộng. Việc đầu tiên là phải đi cắt rạ. Bạn Hăng làm chỉ huy, định chiều gió chọn địa điểm đốt rạ un khói, các bạn khác lần theo đường mòn chuột chạy, găm chà di đơm tất cả các cửa hang, các góc ngách. Xong đâu đó mới dùng cuốc vạt chỗ miệng hang một lỗm sâu rồi chắt rạ đốt. Những người khác trực chiến, mỗi người canh chừng một nhóm chà di. Hang chuột trên gò thường rùng rình thông nhau và luôn sâu dưới các gốc cây nên nếu dùng cuốc mà đào thật khó bề, phải có chiến thuật. Hỏa công là chiến thuật hiệu quả nhất. Thật vậy, vừa thuận chiều gió, vừa lấy nón quạt thêm, qua mấy phút đã thấy khói tỏa lên nhiều nơi trên gò. Các bạn trực chiến thấy lỗ mạch nào có khói tỏa lên mà chưa đơm chà di thì phải găm cho lẹ vì chuột không chịu được khói sẽ phóng lên liền liền. Chà di nào có một con chuột phóng lên thì từ từ cũng được, nhưng nếu có hai hay ba con thì phải tóm nhanh, liền tay găm chà di thay thế. Vì con chuột đầu tiên phóng lên mạnh quá đầu bị kẹt vào hốc, con sau không bị kẹt tung mạnh có thể làm văng chà di ra rồi tẩu thoát. Kéo con chuột từ trong chà di ra, bẻ gãy hai chân sau, bẻ gãy hai cái răng hàm dưới rồi mới bỏ vào giỏ, nếu không có giỏ thì cứ quăng đại ra một khoảng gò ruộng sau lưng, cho kịp có chà di trống thay thế. Một khi đã bị gãy hai chân sau thì trong một thời gian ngắn chuột không thể bò đi xa. Từ lúc khói bắt đầu tỏa ra các góc ngách đến lúc kết thúc cao điểm trận hỏa tập, thời gian chừng hút hết một điều thuốc, không hơn. Các bạn trực chiến đi gom chuột đã quăng ra, xỏ xâu. Chỗ yết hầu nằm giữa hai xương hàm của loài chuột mềm lắm, đâm đầu sợi lạt hoặc sợi giang xóc lên miệng là xong. Tuy đã qua cao điểm nhưng vẫn

liên tục đốt rạ un khói để buộc đám chuột chưa mở mắt ngất ngư bò ra, bắt đem về làm quà cho ông già bà cả đã rụng hết răng. Diệt chủng xong gò này, tiếp tục sang gò khác, chừng khi nào mỗi đũa đều lủng lảng một xâu chuột dài để chiều đem về nhà, mới thôi. Có người hỏi, muốn nhanh, sao không đập chết cho lẹ mà phải bẻ căng bẻ răng? Xin thưa, người quê tôi không ai ăn chuột chết. Tiện đây nói luôn nguồn gốc cái biệt danh “diệt thủ tài nhân” của tôi. Số là sang gò mới thứ hai, tôi thấy một đường chuột chạy len lỏi giữa đám cỏ tranh nổi vào khu rừng gai, đường mòn nhẵn thín, mới rọi đèn nẩy ra sáng kiến. Tôi cho Hằng biết, bạn ấy nói “nhắm chắc ăn thì làm”. Tôi cắt tranh phủ lên đoạn đường mòn rồi đi nhô mấy ôm bồ xít rải chồng lên và chèn kín một đầu. Chuột bị khói phóng lên cứ theo đường mòn mà chạy, tới chỗ bị chặn lại mới bung nhảy lủng bùng con sau ụp con trước, không đợi chúng quay lui, tôi phóng người nằm đè lên. Rồi cứ thấy chuột cựa quậy chỗ nào là luồn tay tóm lấy, bẻ chân bẻ răng bỏ qua một bên. Lần lượt con cựa quậy dưới chân tóm trước, dưới bụng dưới ngực tóm sau. Một cú phóng bắt được bảy con chuột. Tay không bắt chuột như vậy tạm gọi là tài, nhưng nếu không có bạn Nhẫn thì chẳng ai hay biết. Hồi mới học lớp bốn Nhẫn đã biết làm về lêu lêu mấy chị “nấu cơm chưa chín giờ vung ăn lần”, thì “diệt thủ tài nhân” cũng từ bạn ấy mà đồn dần ra.

Cày hai sớ ruộng giáp với làng Đông xong, anh em tôi liền chuyển cày chuyên quải đến sớ ruộng giáp với làng Nam. Sau buổi cày, tôi thả trâu ra Gò Tre rồi xuống vùng ao bầu có tên là Bờ Đó cắm câu. Không hiểu sao chẳng có đũa bạn nào thả trâu thả bò ra cùng một gò để vui đùa. Có thể đoán chúng nó đang mê chuột đồng mà vùng gò đòi chen lẫn rừng cây gai quanh Hòn Một là hang ổ, còn Gò Tre chuột không nhiều. Gò Tre thuộc làng Trung nên không “đa dạng sinh học”. Trên gò, ngoài bốn năm bụi tre còn

toàn cây bụi như trâm trâm, chim chim, đủ dẻ, cò ke, chùm rùm, chùm rượu, thiếu hẳn những cây có gai nhọn như móc meo, móc ó, sung, dứa núi... Cây gai có vẻ như là “phên giậu” tạo vòng đai phòng thủ cho những cộng đồng chuột xây dựng “thành phố địa đạo” nên gò đồi nào càng có nhiều cây gai càng có nhiều chuột. Bù lại, Gò Tre có hai cây đuối cao lớn đứng chụm vào nhau như hai cái tàn dù.

Ngày hôm sau rồi hôm sau nữa, cũng chỉ mình tôi thả trâu rồi lững thững một mình đi cắm câu. Một mình cũng không sao nhưng hơi buồn khi trui cá ăn cơm mà không có bạn. Gò Tre ít chuột nhưng Bờ Đó gần đó thì nhiều cá. Đem theo một bó chùng mười cần câu kèm theo lon trùn, cắm xong cần cuối cùng thì đã có ít nhất một trư cá trâu dính câu quẫy “ồn ồn” ở mấy cần đầu. Khi quay lại gò, tôi đem theo mấy trư cá “mau mắn” này nướng lửa rơm chấm muối ớt ăn cơm.

Đến ngày thứ tư, ngay lúc mới từ chỗ cắm câu xách mấy con cá quay lên tôi đã nhận ra đàn trâu có con trâu cò và con trâu cái sừng quặp, đàn trâu nhà Mén. Trên lưng con trâu cò không có thắng nhỏ đội chiếc nón cời. Tim tôi đập rộn ràng. Tôi chợt nhận ra nỗi buồn xa vắng mấy hôm nay không phải vì thiếu đám bạn Mân, Hăng, Ân, Nhẫn, Thới mà vì thiếu bóng dáng một người con gái, vì thiếu Mén. Là con trai, hơn nữa đã từng đi học xa ngoài tỉnh, đáng lẽ phải mạnh dạn, tôi lại hồi hộp khi tới gần hai gốc đuối nơi Mén đang đứng. Mấy con cá trâu trong xâu cỏ ống như đang cựa quậy. Tay tôi hơi run, chân tôi bước khập khệng. Bộ tịch của tôi lúc đó chắc lỏng ngóng lắm. May mà Mén đã bước tới cầm lấy xâu cá như người ta nhận một món quà, nhìn sẫm soi rồi nói:

- Ô, đã quá. Cá trâu lớn quá. Cỡ này mà nướng trui chấm muối ớt thì hết ý.

Cử chỉ hồn nhiên của Mén làm tôi trấn tĩnh, tự tin hơn, tôi nói:

- Mén khỏe không? Mới đó mà đã hai năm rồi không gặp.
- Nhờ Trời vẫn khỏe, cảm ơn nhiều. Đi học xa, bảnh quá, về cả nửa tháng nay mà chẳng thèm hỏi tới đây một tiếng.
- Cho Hùng xin lỗi. Tại ham chơi với đám bạn.

Mới hai năm mà Mén cao lớn hẳn lên, đã chớm có dáng con gái. Mén nhìn tôi, chớp chớp mắt. Trong giọng nói và trong ánh mắt của Mén như có chất chứa chờ mong, hờn trách. Tôi nhìn đôi má ửng đỏ, đôi môi hồng tươi mấp máy hết sức dễ thương của Mén rồi bỗng dưng tôi muốn quy xuống, quy hàng:

- Mình vô tâm quá, thành thật xin lỗi.
- Lỗi phải mà chi! Thôi đi nướng cá ăn cơm.

Hai chúng tôi đi bẻ cành cò ke làm ghim nướng cá. Cá lớn tằm cán rựa trui lửa rơm vừa cháy lớp vảy là vừa chín bên trong. Mén dọn hai mớ cơm chung lại, lấy mớ trứng đựng cá. Tôi đi bẻ đại mấy cành trâm trâm tuốt vỏ làm dũa. Hai đứa ngồi bệt trên cỏ, dưới bóng mát của hai cây duối, ăn cơm. Vừa ăn được mấy miếng, tôi nói:

- Mình ăn cơm cùng một mớ như vậy, người ngoài nhìn tưởng hai đứa đậu gạo nấu cơm chung...

Mén hiểu ẩn ý của câu nói, nguyễn có đuôi rồi bĩu môi:

- Ở đó mà ham. Còn lâu!

Tôi vừa ăn vừa nghĩ bụng “đúng là còn lâu thật, vì hai đứa còn nhỏ quá”.

Ăn cá tràu ngon nhất bộ lòng nhưng Mén không dám ăn, tôi hưởng trọn cả ba bộ. Để bù lại tôi nhường cho Mén ăn hết phần thịt. Ăn hết cá còn ít cơm, tôi nói đề đi thăm câu kiếm cá nướng ăn tiếp, Mén không cho, bốc cơm chấm muối ăn tiếp. Ăn cơm xong cả hai cùng uống nước đựng trong một trái bầu khô. Cứ chuyện tay mỗi người một hớp. Sau đó tôi tìm chỗ treo bầu nước lên cao, thấy duối có nhiều trái chín quá, hái đưa cho Mén một bụm. Duối là cây bụi, hiem hơi lăm mới thành cổ thụ như hai cây “sinh đôi” ở Gò Tre này. Duối thường được trồng làm giậu nhờ có

cành cong queo đã mọc đan chéo còn dày kín. Vỏ duối xù xì, lá nhám màu xanh sạm lam lũ vậy mà cho trái chín vàng óng, lớn hơn hạt bắp một chút, không có mùi thơm đặc biệt, nhưng rất ngọt. Mén không ăn hết, chừa lại một trái đặt giữa lòng bàn tay đưa ra trước mặt tôi, hỏi:

- Hùng thấy quả duối này có đẹp không?

- Đẹp, màu vàng ửng lên đẹp lắm.

- Nó có hình gì để ý thấy không?

- Có hình trái tim. Tại lúc trên cây nó chúc ngược nên không nhận ra. Tôi đưa ngón tay trỏ xoay xoay quả duối chín giữa lòng bàn tay ngửa ra của Mén rồi nhích qua một chút để hai đứa đứng cùng chiều, nói tiếp: - nhìn chiều này nó mới giống hình trái tim, một trái tim nhỏ bé mà tung búng mật ngọt.

- Một trái tim nhỏ bé mà tung búng mật ngọt. Mén lặp lại rồi đưa quả duối lên sát môi tôi -mật ngọt đất trời dành cho Hùng đó, ăn đi.

Tôi đưa môi múm quả duối chín vàng giữa lòng bàn tay Mén, vị ngọt của quả chín ngấm vào lưỡi cùng lúc với hương vị ngọt ngào từ ẩn dụ của Mén làm tôi mê mẩn. Tôi muốn hôn lên đôi má rúm nắng ửng đỏ, đại biểu thơm tho của tâm hồn Mén trắng trong; tôi muốn hôn lên đôi môi hồng tươi tắn, đại biểu khả ái của trái tim Mén ngọt ngào. Tôi muốn lắm, tôi ước ao mà chẳng dám. Rồi tôi tự an ủi, mà cần gì phải hôn, phải nếm, chỉ cần đứng gần kề Mén thôi, lặng lẽ hấp thụ sự tinh khôi giản dị từ tấm lòng trinh bạch của cô bé tỏa ra, cũng đủ hạnh phúc.

Ăn duối chín chán, tôi rủ Mén đi hái những quả dại khác. Gò Tre khuất vắng nên quả dại không bị đám học trò lung sục, hai chúng tôi tha hồ hái ăn. Nhiều nhất là dẻ dẻ. Bụi cây dẻ dẻ không cao, cành thường mọc ngang, lá dày, bóng, cả hoa lẫn trái đều núp phía dưới lá, muốn tìm hái phải nắm cành kéo ngửa ra. Một chùm dẻ dẻ có ba bốn trái lớn bằng hột mít tổ nữ nhưng dài hơn, lúc chín vỏ xanh chuyển sang vàng nhạt. Dẻ dẻ chín vừa có mùi thơm vừa

có vị ngọt. Hoa dù dễ dựa vào buổi chập choạng giữa ngày và đêm mà tỏa hương, một mùi hương liêu trai rất đậm. Anh tôi nói mỗi lần đi qua đường trường Gò Cây rậm rạp vào buổi sẩm tối, mùi hoa dù dễ tỏa ra nồng đến nỗi anh cảm thấy rờn rợn, tưởng như có những con hồ ly tinh với mùi xạ hương đang chờ chờ trong bóng đêm. Tôi thấy hoa dù dễ không hợp với tính cách e ấp nhẹ nhàng của con gái vùng quê, không hợp với tính cách của Mến, nên không hái tặng Mến bông mà chỉ hái tặng trái.

Ngược với cành dù dễ đậm ngang, cành chim chim đậm thẳng và thường dựa vào các cây khác. Chùm trái chim chim trông như một bàn tay nhiều ngón, khăng khiu, co quắp, mỗi ngón có nhiều đốt chứa hột tròn, lúc chín chuyển từ xanh sang hồng rồi đỏ tươi, đến đỏ sậm thì lớp cơm mỏng bọc quanh hột và nổi các hột mới thật ngọt. Trái chùm rệu và cò ke cũng ăn được, đang có nhiều quả chín nhưng ít ai ăn. Trên mấy dây rau bát bò vắt chéo giữa bụi táo nhơn có mấy trái bát chín đỏ, tôi định hái tặng Mến, nhưng khi đến gần thấy chim đã xí trước, mổ ăn lũng mấy lổ. Dưới chân bụi táo nhơn, thấy có đám măng khăng tôi liền quỳ xuống. Không hiểu sao tôi có tình cảm đặc biệt với măng khăng. Nó có trái giống dưa gang nhưng nhỏ xiu, chỉ bằng ngón tay út, bỏ vào miệng nhai giòn rụm. Tôi bươi lá hái được sáu bảy trái tặng Mến, cô bé đưa tay hứng nhưng không ăn. Tôi tìm thêm được mấy bụi măng khăng nữa, hái trái chuyển hết cho Mến. Nhiều măng khăng quá nên Mến phải lấy vạt áo mà hứng. Tôi biểu Mến ăn, cô bé bậm miệng lắc đầu. Thì ra Mến chưa từng ăn măng khăng bao giờ, nên sợ. Tôi bóc măng khăng từ vạt áo, ăn ngon lành, thấy vậy Mến mới miễn cưỡng bóc ăn thử, gật đầu khen ngon.

Măng khăng tuy giòn ngon nhưng cũng như táo nhơn, ăn nhiều bị hôi miệng, nhờ vậy tôi có cơ rủ Mến đi hút mật hoa trầm trầm cho miệng được thơm. Cây trầm trầm khác với cây trầm mộc hay trầm nam thân to lớn, cũng không

phải cây trâm bầu cành khẳng khiu dọc thân mộc có u gai. Trâm trâm là cây bụi, cành giòn, lá nhám như lá duối nhưng màu xanh có chỗ tươi non không đến nỗi lam lũ như lá duối. Hoa trâm trâm ngũ sắc nở chùm trên một búp nhỏ cỡ bông tần ô. Khi hoa tàn bày ra một chùm trái bằng trái tiêu sọ, còn sống màu xanh ve chai chín chuyển thành đen. Điều kỳ lạ là trong một chùm trái chín đen luôn có chen những trái già, thậm chí có cả những trái non. Trái trâm trâm già thì giòn, chín đen thì mềm dễ giập, còn non thì đắng. Do vậy hái trâm trâm ăn phải chịu khó lựa bỏ trái non, thổi sạch bụi và các đài hoa tàn nằm giữa chùm trái. Nghe tôi nói “đi hút mật hoa” Mén trở mắt nhìn “người chớ phải ong, bướm sao đi hút mật hoa?”. Dễ quá mà, cứ dùng đầu ngón tay túm lấy chùm hoa ngũ sắc trên đầu búp, kéo nhẹ lên rồi đưa những cuống hoa li ti vô miệng mà hút nhụy. Không no đủ mập béo gì, nhưng nó thơm miệng và là một công việc đầy thơ mộng. Thấy Mén say sưa túm hết chùm hoa này đến chùm hoa khác đưa lên miệng, tôi tới gần, nói:

- Đâu cần phải là ong, bướm, người cũng biết hút mật hoa, đúng không?

- Thơm thơm, ngọt ngọt, rất hay. Đây đáng lẽ là món bọn con gái tụi tôi phải rành, sao tôi lại không biết, lạ thật. Hoa trâm trâm thiếu gì, bờ rào, gò bụi nào mà chẳng có. Thơm thơm, ngọt ngọt, hay lắm.

- Ong, bướm đấm đuổi khi hút mật hoa, nhụy hoa, Mén thấy thế nào, có đấm đuổi không?

- Thấy thích thích, hay lắm.

- Chúng ta thua xa ong, bướm chỗ này. Cùng hút nhụy hoa mà ong, bướm thì đấm đuổi còn chúng ta thì chỉ thấy thích thích.

Tới đây thì Mén đã hiểu ẩn ý của các điệp từ “ong bướm, nhụy hoa, đấm đuổi” nên túm liên tục bốn năm chùm hoa trâm trâm ném vào người tôi. Tôi bỏ chạy lòng vòng rồi quay về chỗ hai cây duối “sinh đôi” uống nước.

Sau buổi ấy, chúng tôi còn “ăn cơm chung mo” hai lần và tung tăng với nhau hai buổi chiều nữa. Buổi chiều cuối cùng, Mến ngồi dựa gốc duối, tôi ngồi gần kề, cùng nhìn mộng lung ra đồng. Tôi nói với Mến là tôi đã xong việc ở mấy sở ruộng bầu, từ ngày mai anh em tôi phải dời vô Ruộng Phên và thả trâu ăn vùng Gò Duối dưới chân Núi Chúa. Mến không nói gì. Người còn đây, quê còn đó, thôn Trung, làng Nam liền nhau chớ nào phải người cuối bãi kẻ đầu sông, cũng chẳng mất đi đâu mà sao cả hai đều thấy buồn buồn. Ngồi yên được một chập, thì Mến ngáp ngừng đặt một bàn tay lên vai tôi. Tôi chưa kịp nhận biết cảm xúc của mình cách rõ ràng thì Mến đặt một bàn tay nữa lên vai bên kia, cũng hơi ngáp ngừng. Rồi cả hai bàn tay nhẹ nhẹ kéo tôi ra sau: Mến kéo người tôi ngửa ra dựa vào hai gối khép lại của cô bé. Đầu gối và ống quyển nào có mềm mại gì đâu mà sao tôi thấy êm ái lạ thường, cả hồn cả vía cả người tôi đều lâng lâng, bay bổng. Rồi những ngón tay thon nhỏ, mềm dịu của Mến mơn mẩn trên mái tóc tôi kiểu như người ta mơn bắt chích. Nhưng Mến không bắt chích, cô bé choàng tay đưa ra trước mắt tôi mấy cánh hoa trâm trâm bé tí như bông khế. Tôi hé mắt nhìn thấy nhưng không đưa tay ra nhận mà khẽ kéo bàn tay có mấy cánh hoa đã héo úa xuống sát miệng, đưa lưỡi liếm kiểu như thần lằn bắt muỗi. Không hiểu sao trên mái tóc tôi lại vương nhiều hoa trâm trâm quá. Mến cứ liên tục đưa bàn tay có mấy cánh hoa ra trước mặt tôi. Tôi nhâm nhi những cánh hoa có dính mồ hôi của Mến lẫn với mùi tóc của chính mình, lúc đầu chẳng thấy có gì đặc biệt nhưng rồi cái hương vị ngọt ngào cứ ngấm vào người làm tôi mê mê.

Rồi tôi ngủ hiên lành như đứa trẻ ngủ say trong lòng mẹ.

Lòng mẹ! Sự nồng ấm tinh tươi từ tấm lòng trinh bạch của Mến cũng bao la như lòng mẹ vậy.



Nguồn: Internet

Khi thức giấc, quả nhiên tôi đang nằm trong tư thế của đứa bé đang bú sữa mẹ, nằm trong lòng Mén. Miệng tôi cũng đang kê bầu sữa, nhưng nó còn nhỏ xíu như cái chũm cau. Cái chũm cau không có mùi cau cũng chẳng thơm mùi sữa mà thơm mùi con gái tuổi chớm xuân, mùi hương đồng cỏ nội, mùi hoa trâm trâm phảng phất.

Tôi đang ngất ngư đắm chìm trong cái mùi hương kỳ ảo ấy thì Mén giật mình. Xem ra cô bé cũng đã chìm vào cơn mê. Tôi thấy rõ vẻ thẹn thùng và sự hốt hoảng của Mén nên bung ngồi dậy rồi đứng hẳn người lên.

Cả hai cùng ngượng ngượng, chẳng ai nói với ai tiếng nào. Chập lâu thấy mặt trời đang lặn xuống sắp chạm vào đỉnh Hòn Ngang, tôi nói:

- Một ngày qua nhanh quá. Đi gom trâu là vừa. Hay đợi tôi đi thăm câu có cá gỏi Mén ít con trọng trọng về nướng?
- Thôi để mình về. Mai vô trong đó đừng có làm điều gì quấy quá. Núi Chúa linh lắm đó.
- Thôi Mén về. Mình sẽ nhớ lời Mén dặn.

Mén đi gom trâu, cả hai bày. Tôi đi gỡ câu. Quay lên tôi chỉ kịp nhìn thấy bóng cô bé khuất sau đám lau sậy của ruộng Mã Đại, một đoạn ruộng ngăn nối Gò Tre với làng Nam. Bóng chiều tà và bóng người xa gây cho tôi một nỗi buồn hiu hắt. Tình cảnh của tôi sao giống với câu ca dao:

*Ai về Giồng Dứa qua truông
Gió lay bông sậy bỏ buồn cho em.*

Những ngày thả trâu trong Núi Chúa tôi nhớ Mén quay quắt. Nỗi nhớ thương làm cho người ta trở nên lãng mạn, tôi tập tành làm thơ. (Sao không? Bạn Nhẫn mới học lớp bốn đã làm về châm biếm, được làng trên xóm dưới truyền tụng, thì sao tôi lại không mạnh dạn làm thơ gửi cho Mén, cô bé đáng yêu của tôi). Chỉ là mấy câu ngắn gọn thôi:

Gần nhau có ba buổi chiều
Mà sao như thể đã nhiều năm qua
Mai sau nếu còn thiết tha
Thì em hãy nhớ đến ba buổi chiều.

Cả hai chúng tôi đều không dè ba buổi chiều ấy là ba buổi chiều duy nhất, từ đó về sau chẳng còn có buổi chiều nào hai đứa tung tăng chạy giỡn hay ngồi cận kề bên nhau được nữa. Chiến tranh đã cướp mất tuổi hoa niên và tuổi trẻ của hai chúng tôi, của bạn bè tôi. Một năm sau, tức cuối năm đệ ngũ nội trong hai thôn Trung và Nam đã có sáu bạn bỏ học nhảy núi. Đó là các bạn nam: Se, Hăng, Ân, Nhẫn, Thới và một bạn nữ, là Mén. Sợ bị lộ nên Mén và các bạn ra đi mà không nhắn lại một lời nào.

Vào tuần thứ tư của mùa hè năm ấy, sau mấy ngày cày gần thôn Nam mà không thấy Mén cũng không thấy đàn trâu có con trâu cò và con trâu cái sừng quặp thả ra Gò Tre, tôi vừa nôn nao buồn nhớ vừa lo. Một hôm tôi đánh bạo lên thôn Nam, vào tận nhà Mén. Người nhà nói Mén đi nhờ mạ. Tôi ra tận ruộng. Thấy Mén đang nhổ mạ cùng với năm sáu người khác, tôi gọi nhưng Mén làm bộ như không nghe. Tôi gọi ba bốn lần Mén vẫn không lên. Rồi từ nhóm người nhổ mạ, một tiếng hát cất lên:

*Tay cầm nắm lật bẻ cò
 Thương anh đứt ruột giả đồ làm ngơ
 Thương sao thương đại, nhớ khờ
 Trong nhà không khóc ra bụi bờ khóc than!*

Làn điệu Xuân Nữ với một giọng nữ thanh trong đẹp đến nỗi lòng tôi như thất lại. Tôi biết cô ấy đang ghẹo hai chúng tôi. Tôi muốn hát đáp lại lắm mà hoàn cảnh không thuận tiện. Tôi đã từng bao phen (đóng vai) mài gương dưới trăng rồi cất giọng ngâm thơ với hào khí sang sảng pha chút u ầu, thì sợ gì tiếng hát của một cô gái. Không kèm được, tôi bồng cất tiếng hát:

*Hết nhìn ruộng thấp đến nhìn gò cao
 Nhìn ruộng Mã Đại lau sậy lao xao
 Anh thương em ruột thắt gan bào
 Biết em có thương lại phân nào hay không?*

Tôi không chọn lựa, nhưng làn điệu Xàng Xê thuận theo lời thơ, tự nhiên cất lên. Có tiếng vỗ tay, có lời khen hay, nhưng Mến vẫn không lên.

Sau đó mấy ngày, Mến ra đi.

Biết ra thì đã muộn rồi. Làm sao chia sẻ nỗi đau cắt ruột của Mến khi đứng trên ruộng mạ “tay cầm nắm lật bẻ cò” nghe cô bạn bên cạnh và tôi (thị tài) hát đối đáp! Làm sao bù đắp được những mất mát mà Mến phải gánh chịu, nhất là những mất mát của tuổi chớm hoa xuân! Biết mình sắp dần thân vào nơi hung hiểm, vừa bom đạn vừa nguồn cao nước độc, nên dầu có thương tôi cách mấy Mến cũng đành bóp bụng. Mến không giả đồ làm ngơ mà buộc lòng phải làm ngơ. Hoàn cảnh bắt buộc Mến không được mềm lòng, dù lòng dạ có nát tan.

Chiến tranh mỗi ngày một lan rộng, đôi bên đều đòi hỏi cống hiến thêm xương máu. Một năm sau tôi hay tin Se và

Hăng hy sinh. Hai bạn ấy còn trẻ quá lúc bỏ mình, tuổi vừa tròn đôi tám. Không có tin tức gì về Mén. Một năm sau nữa anh Loi (Ba Xuân) con bác ruột tôi hy sinh cùng với mười một (11) người khác. Tôi theo bác trai nhận xác anh Ba Loi và xác một thanh niên không có thân nhân, thuê xe ngựa chở về chôn ở gò Mả Đại. Chôn cất xong mới về nhà bác lập bàn thờ làm lễ cúng sảng.

Cúng sảng xong, dù mặt trời còn cách xa đỉnh Hòn Ngang, tôi đã vội đạp xe về Thành. Làng xóm bây giờ hung hiểm không dám tin vào một ai. Hôm mở cửa mả cho anh Ba Loi, đứng trên gò Mả Đại nhìn xuống Gò Tre, bỗng dưng tôi thấy nhớ Mén quá nên đã đi bộ xuống Gò Tre, đến bên hai cây chuối “sinh đôi”, nhìn lại chỗ hai chúng tôi từng ngồi, từng đốt rá trui cá, rồi thơ thẩn quanh những bụi hoa trâm trâm mà thấy lòng nặng trĩu buồn đau chen lẫn nhớ thương. Rồi tôi liều mạng lên làng Nam, tìm đến nhà Mén hỏi thăm. Gọi là liều mạng vì có thể lãnh đạn từ cả hai phía khi đi lại trong vùng bất an. Đường vào nhà Mén vắng tanh, lá khô rụng đầy lối đi. Không một tiếng gà gáy, không một tiếng chó sủa, không cả tiếng cu gù. Cả làng Nam đang để tang. Trong mười hai người vừa bỏ mình có đến tám người là du kích làng Nam. Làng xóm mới ngày nào thân yêu gắn bó mà nay mỗi bước mỗi rờn rợn. Nhà Mén cửa đóng im ỉm, nhện giăng khắp nơi, lá tre bay cả vào hiên. Nhà trên nhà dưới, vườn trước vườn sau chẳng có một bóng người, cũng chẳng có một bóng gà vịt. Chuồng heo trống trơn, bãi cột trâu trống trơn. Mãi đến sau này tôi mới biết là gia đình Mén đã dời vào Đồng Lác, Hòa Tân để lánh nạn. Coi như tôi đã hoàn toàn mất dấu vì ngoài gia đình Mén ra, tôi không còn biết chỗ nào khác để hỏi thăm.

Mãi đến sau năm 1975, tôi mới biết Mén còn sống. Trong dịp về dự lễ Cúng Xuân đình làng Nam tôi đã nhìn

thấy Mén, nhưng Mén không còn là Mén của năm xưa. Mén bây giờ là Lan, một Lan xa lạ đến ngỡ ngàng. Vào tiệc, tôi ngồi chung bàn với anh Bảy Chân, anh Mười Thọ, anh Bốn Lực và các bạn Nhẫn, Hai, Sơn, Trục, Sanh. Mén ngồi cách đó hai bàn. Tiệc xong, ra sân đình uống nước, không hiểu sao bạn Nhẫn lại hỏi tôi:

- Lan là Mén ở xóm Đàng Lội đó, có nhận ra không?
 - Có nhận ra. Nhưng sao Nhẫn lại hỏi?
 - Cây kim bọc trong mười lớp vải có ngày còn lòi ra. Chào hỏi nhau đi. Góa phụ nửa chừng xuân duyên thắm mặn mòi...
- Bạn Nhẫn cứ tùm tùm cười làm tôi thấy ngỡ ngợ.

- Nhưng sao phải chào?

Bạn Nhẫn kể gọn:

- Vào một buổi chiều mùa hè cuối năm đệ lục, anh xuống Gò Tre cắt đốt muông què về luộc ăn sỗ lĩ, thấy bên gốc hai cây duối có hai đứa thanh thiếu niên một nam một nữ đang ngủ...

Thật bất ngờ. Vậy mà tôi cứ đinh ninh không ai biết được bí mật của hai chúng tôi. Tôi nói với Nhẫn:

- Lỡ làng duyên phận cả rồi. Bây giờ người cuối bãi kẻ đầu sông, chào hỏi nhau mà làm gì.

Dự lễ Cúng Xuân xong, thay vì về làng Trung hay về Nha Trang, tôi chạy Honda lòng vòng bất định rồi lại len lỏi xuống Gò Tre. Đã bao nhiêu năm qua mà hai cây duối “sinh đôi” chẳng thấy lớn thêm chút nào. Nơi chỗ chúng tôi ngồi năm xưa, muông què mọc dày kín. Duối đang chín, vẫn những trái duối vàng ửng, tung búng. Nhưng “mật ngọt của đất trời” không dành cho tôi nên tôi đưa tay lên khẽ chạm rồi rút lại. Tôi đứng tần ngần nhìn quanh. Cảnh vật không thay đổi mấy. Nhưng một bụi hoa làm tôi chú ý. Ngay nơi trước kia tôi đốt rạ để trui cá, một bụi hoa

trâm trâm đã mọc lên, không cao lắm nhưng tỏa rộng, sum suê. Tôi bước đến, quỳu gối quỳ xuống, đưa má sát vào những chùm hoa ngũ sắc, tận hưởng mùi hương nhẹ nhàng thanh thoát của hoa trâm trâm mà thấy lòng rung rung...

Thời gian ơi, tuổi thơ ơi !

Đâu rồi vẻ tươi non trinh bạch của tuổi chớm hoa xuân!

Đâu rồi vẻ tinh khôi giản dị của đóa hoa đồng nội!

Mén hồn nhiên vĩ đại sống mãi trong lòng tôi!

Tôi không biết, tôi không cần biết Lan, Thảo, Loan, Gáo gì hết. Trả Mén lại cho tôi! Trả tuổi thơ lại cho chúng tôi!

Trả chúng tôi lại đám ruộng mạ để tôi chuộc lỗi lầm khi thi tài hát đối đáp, đã vô tình xát thêm muối vào cõi lòng nát tan của Mén.

Tôi ngồi bệt lên đám muông què, dựa lưng vào gốc chuối, hồi tưởng miên man rồi ngủ thiếp đi.

Tôi ngủ mơ màng trong mùi hương kỳ ảo của vú chũm cau thoang thoảng mùi hoa trâm trâm.

Feb 21-2014

NGUYỄN ÂU HỒNG

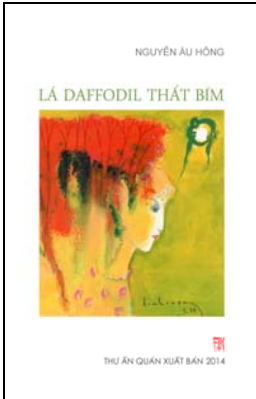
*Trong Cào Lá Ngoài Sân Đêm, Vĩnh viễn tr. 8. Thư Ấn Quán xb 2014.

(1) Gái Đại Điền l. viên chỉ đỏ - tục ngữ.

**Chữ nghiêng là ca dao.

Và một ngày chủ nhật

thơ Đinh Cường



Và người vẫn đi về phía mặt trời lặn
mặt trời mùa đông rạng rỡ vô cùng
làm ánh lên bao nụ mầm non mạnh
cho mai này rừng thay muôn lá xanh

rồi những cụm hoa daffodil lại nở
(nhớ *Lá Daffodil thắt bím*, Nguyễn Âu Hồng
Barbara với nỗi khát khao kỳ lạ
và người tình già ngồi thắt bím cho hoa) [1]

và hàng giậu forsythia như sắp sửa
rực vàng lên như những khóm mai
mạc vị xuân tàn hoa lạc tận
đình tiền tạc dạ nhất chi mai [2]

và người lại về từ phía mặt trời lặn
cứ suy nghĩ hoài sao mới sáng nay
như buổi cuối cùng ở phở Xe Lửa [3]
cuối tháng này có chủ mới vào thay...

Virginia, Feb. 23, 2014

Đình Cường

[1] *Lá Daffodil thắt bím*, truyện ngắn thật hay của Nguyễn Âu Hồng trên blog Trần Thị Nguyệt Mai và blog Phạm Cao Hoàng.

[2] trong *Cáo Tật Thị Chúng* của Thiền Sư Mãn Giác

[3] sau 23 năm, phở Xe Lửa của người bạn là Nguyễn Thế Toàn đóng cửa. Chủ mới sẽ vào thay...



Mừng bạn vừa cho ra đời đứa con đầu lòng (*) VIẾT VỀ MỘT NGƯỜI BẠN CŨ

Trần Hoài Thư

Nguyễn Âu Hồng đã đến với văn chương rất sớm. Tôi biết anh nhiều, chẳng những qua những tạp chí Saigon mà chúng tôi cộng tác mà còn qua những tháng ngày trôi nổi thanh xuân. Những cây số địa danh mà chúng tôi đã đi qua, dừng lại đều na ná giống nhau. Nào là Bình Định, Phú Yên, nào là Bồng Sơn, Tam Quan, nào là Pleiku, Kontum... Lại thêm một chỗ trở về sau những ngày lênh đênh. Đó là thành phố Nha Trang. Đó là căn gác gió trên

nhà sách Huy Hoàng trên đường Độc Lập của những năm cuối thập niên 60.

Nhớ anh là nhớ đến ánh mắt sáng và nụ cười rất tươi. Nhớ anh là nhớ đến lần anh đã lên tận ngọn đồi Bà Gi, hậu cứ của đại đội 405 Thám Kịch, để thăm tôi, khiến tôi ngỡ ngàng hết sức. Anh bảo, nhân công tác vùng này, nên ghé thăm bạn. Hai đứa với bộ quân phục phong sương đeo Honda xuống chợ quận, tìm quán nhìn cô hàng cà phê. Ôi, những sợi khói thanh xuân mà khó có thể gặp được trong một đời người. Chúng trở thành hoài niệm. Dù bay loãng vào không gian, nhưng không thể bay tan trong trái tim của chúng tôi. Chúng là những nối kết, mang những trạm hành kỷ niệm về với những kẻ xa xứ...

Và hôm nay, lại thêm một lần tôi nghe lại nỗi ảm áp lạ lùng.

Đề tôi phải xúc động mà viết về một người bạn cũ. Và cuộc hành trình cùng văn chương chữ nghĩa không hề mệt mỏi của anh. Trái tim anh vẫn còn nóng hổi. Từ **hoa trâm trâm** của thời vú chũm cau đến **lá Daffodil thất bím** của tuổi 80... Đẹp, chao ơi là đẹp. Những câu văn quá chừng óng ả. Những mảng màu không cần sơn cọ mà chỉ cần những chữ nghĩa chọn lọc, với một lối tả chân rất tài tình, điêu luyện...

Làm sao mà không viết được khi tôi muốn chia sẻ những niềm vui to lớn này đến với bạn bè tôi và thân hữu Thư Quán Bản Thảo ?

(*)

Lá Daffodil thất bím

Tập truyện của Nguyễn Âu Hồng, gồm 4 truyện ngắn về tình yêu do Thư Quán xuất bản vào Mùa xuân 2014
Hình bìa: Đinh Cường

Điện thư liên lạc:

Tác giả:

nguyenuhong@yahoo.com

Tác phẩm mới xuất bản của Thư Ấn Quán

Độc 12 tác phẩm văn chương của Hoàng Ngọc Hiến

Cõi Tình Mong Manh thơ Trần Phù Thế

Lá Daffodil thắt bím tập truyện của Nguyễn Âu Hồng

Thơ từ Sáng Tạo (sưu tập)

Kẻ lạ ở thiên đường của Simone Weil – Phùng thăng dịch
(chụp lại từ bản gốc)

Những ruồi của J.Paul Sartre – Phùng Thăng dịch (chụp
lại từ bản gốc)

Muốn có sách xin liên lạc về nhà xuất bản để biết rõ về chi tiết.

Địa chỉ điện thư: tranhoaithu@yahoo.com

hay:

719 Coolidge street

Plainfield, NJ 07062

Cell: (908)9308743

Cửa không chịu mở

Nguyễn thị Hải Hà



Tôi không còn nhớ hôm ấy là năm nào tháng nào chỉ biết chắc chắn là sau năm bảy mươi lăm và trước năm tám mươi. Hôm ấy trời rất nóng. Tôi nằm áp mặt xuống sàn gạch mong tìm chút hơi mát. Gió từ chiếc quạt nan phe phẩy bằng tay cũng nóng hổi. Nóng liên tiếp đã mấy ngày, điện cúp, nước đá không có, cả ngõ hẻm thoi thóp sắp phát cuồng vì nóng. Chịu không nổi tôi ra ngoài sân. Nắng hầm hập lóa mắt. Hơi nóng từ nền xi măng hắt lên rất mặt.

Cây mận ở ngay ngõ vào cổng mấy năm trước trái rất sai, những chùm mận da xanh bu kín cả cành, mọng nước, năm nay héo rũ như sắp chết. Cây mận tỏa ra mùi hôi thúi. Ban đầu tôi không để ý, nhưng ông Sanh, công an khu vực, lúc đi ngang ngõ nhà tôi, nói băng quơ: “Mùi gì thối quá, chắc có nhà nào ăn sầu riêng.” Tôi tuy phật ý vì lời chê sầu riêng thối nhưng không trả lời.

Ông Sanh là người ngoài Bắc mới vào cai trị ngõ hẻm của tôi. Cái gì của miền Nam ông cũng chê. Tôi không hiểu được tại sao tôi thấy sầu riêng thơm mà ông Sanh, bảo là thối không chịu được. Ở nhiều nơi trên thế giới, như Thái

Lan và Mã Lai, sầu riêng là loại trái ngon đất tiền được nhiều người ưa thích đến độ người ta pha sầu riêng vào chè, kem, bánh ngọt. Trong khi có một số người mạnh miệng chê: “Ăn sầu riêng giống như ăn mít ướt trong cầu tiêu.” Tôi không ưa ông Sanh từ đầu. Gặp mặt ông, tôi giả vờ không thấy. Ông Sanh cũng không ưa tôi. Ông nói, cốt ý cho tôi nghe. Con gái miền Nam dữ dằn, quê mùa, không biết lễ phép, không biết cách ăn mặc, trang điểm.

Chị tôi bảo tôi: “Hễ gặp ông Sanh phải chào hỏi đàng hoàng.”

“Ông Sanh là ông nào?” - Tôi giả bộ ngu.

“Công an khu vực mới về. Ông nói mày vô phép gặp ông không chào, cái mặt nghênh nghênh. Phải tránh đụng chạm với ông để ông đừng kiếm chuyện với nhà mình.”

Lần đầu tiên con trai lớn của chị tôi ở Mỹ gửi thùng quà về, ông Sanh đánh tiếng, “Vải ấy may quần là đẹp đấy.” Chị tôi, ngay lập tức, biểu ông xấp vải làm quần. Tôi xía vào, “tưởng cái gì của miền Nam ông cũng chê. Cho làm gì, phí xấp vải.” Chị tôi mắng: “Mày biết gì mà nói lung tung. Phải mừng là biết ông ấy thích gì để biểu. Mất chỉ xấp vải mà được lòng ông ấy thì yên thân mà buôn bán.” Chị đang ở bán chợ trời Lê Công Kiều lúc nào cũng nơm nớp lo sợ bị xét nhà tịch thu đồ mua bán.

Nhưng quả thật, cây mận tỏa ra mùi thối. Và mùi sầu riêng không phải lúc nào cũng dễ chịu. Có lần ai đó bỏ vỏ sầu riêng ở gốc cây mận tỏa mùi nồng nặc. Có lẽ mùi gì đậm đặc quá cũng gây khó chịu. Chẳng hạn như mùi chồn hôi, pha thật loãng vào dầu thơm nó có mùi quyến rũ ma mị, nhưng chắc chẳng ai dám ôm con chồn hôi mà ngủ. Nhưng mùi thối ở cây mận không phải mùi sầu riêng. Cũng không phải mùi cầu tiêu công cộng ở cuối đường hẻm bay đến đây.

Bé Tí đang ngồi chơi một mình trước cửa, mặt đỏ hồng, mũi lấm tấm mồ hôi, chân mày cau lại vẻ cáu kỉnh, có lẽ vì nóng. Tôi hỏi:

“Bé Tí, sao không đi ngủ trưa, hay vào trong nhà có bóng mát cho đỡ nóng.”

Bé Tí không nhìn tôi, liếc mắt vào cánh cửa đang đóng im ỉm. Chị Du thường khi không đóng cửa. À, có lẽ hôm nay là ngày hẹn của chị Du, má của Bé Tí, với ông Công chức, ba của Bé Tí.

Nhà chị Du cách nhà tôi chỉ một con đường hẻm rất hẹp, không đầy một cánh tay dang ra. Gọi là nhà thật ra đó chỉ là một căn phòng nhỏ chia ra từ căn nhà của bà Tám bán dưa cải. Chị Du về ở xóm này trước tôi. Chị sinh ở ngoài Bắc nhưng theo gia đình vào Nam từ trước năm 54. Chị nói giọng Nam, những chữ V được đọc giống như d, nhưng dấu hỏi và dấu ngã vẫn mang giọng Bắc. Chị có một đứa con gái, tên trong giấy khai sinh là Ngọc An, nhưng mọi người vẫn hay gọi là bé Tí. Tôi tự hỏi không biết trong giấy khai sinh của bé Tí, ở mục tên cha để trống hay để vô danh. Ở xóm này, người ta gọi bố của bé Tí là ông Công chức. Nhà ông ở đâu đó thuộc quận Nhì, kín cổng cao tường. Trước năm 75, ông là công chức cao cấp. Chị Du là người giúp việc của gia đình ông từ khi chị mới mười ba mười bốn tuổi. Không biết khi chị lớn lên chị đâm ra phải lòng ông chủ, hay ông chủ dỏm, mỗi khi vợ vắng nhà ông đòi tòm tem, chị không biết trốn vào đâu. Chị Du có thai, ông Công chức đưa tiền giúp chị Du thuê nhà ở riêng. Thỉnh thoảng ông đến thăm, thường vào lúc giữa trưa và không ở lâu. Khi ông đến, chị Du đóng cửa, bé Tí ra ngoài sân ngồi chơi chờ mẹ mở cửa trở lại. Nhà chị Du thường khi không đóng cửa. Chị nghèo quá không có gì phải sợ mất và chị ở nhà suốt ngày. Thêm nữa cửa nhà chị cũng là cửa dẫn lên trên gác. Phán trên gác bà Tám cho chú hai Miên thuê. Chú hai Miên bình thường không nói tiếng Miên, chỉ nói tiếng Miên khi lên đồng. Chú làm nghề coi bói và hốt thuốc trừ tà nên cửa lên gác cần phải mở. Cửa chỉ đóng khi nào ông Công chức hẹn gặp chị Dung. Ông đến và đi lặng lẽ. Tôi chưa bao giờ thấy mặt ông Công chức.

*

Từ khi anh Hiền về bà Tám làm cái cổng từ chỗ bồn chứa nước nổi vào nhà cậu Ba, em trai của bà. Cái cổng biến mấy căn nhà gom chung lại thành một thứ gia trang nhỏ nhỏ cách biệt với đường hẻm bên ngoài. Nhà tôi ở trước kia cũng thuê của bà Tám, sau mua luôn. Hai căn nhà gạch trước mặt nhà tôi cũng là nhà của bà Tám. Một căn anh Hiền con trai của bà ở. Căn kia cho hai vợ chồng bán thịt bò thuê. Hai vợ chồng một hôm cãi nhau đánh nhau, má tôi thấy vậy vào can ngăn. Bà vợ nổi giận ông chồng tát mình thuận tay chụp cái đồng hồ ném ông chồng. Vừa lúc má tôi vào can, cái đồng hồ đập trúng đầu má tôi, vì ông chồng nhanh mắt né kịp. Sau đó ông chồng bỏ đi, bà vợ ở một mình ban ngày đi bán tối mới về. Ngó qua ngó lại, xóm này có thể gọi là xóm không chồng. Tất cả những người đàn bà có chồng đều trở thành không chồng vì chồng chết hay chồng bỏ. Đường hẻm này người ta đi qua đi lại suốt ngày đêm. Mười hai giờ khuya có tiếng người về xóm ruộng. Hai ba giờ sáng có tiếng người đi dọn hàng. Ban ngày cổng chỉ khép hờ tối mới khóa lại. Bà Tám nhờ có hợp đồng bán dưa cải với quân đội trước năm 75 nên rất khá giả. Nhà bà và nhà tôi cất cùng một kiểu, nhưng chiều dài nhà tôi chỉ bằng hai phần ba nhà bà Tám. Cái phần ba sau cùng của nhà bà Tám, chị Du thuê. Phòng chị Du đủ chỗ để cái giường, cái bàn nhỏ, và một hai cái ghế. Chị Du nấu ăn bằng cái bếp nhỏ ở đường hẻm giữa nhà chị và nhà tôi. Phòng chị Du có hai cửa. Một cửa mở ra đường hẻm còn cửa kia nổi vào khúc giữa của nhà bà Tám.

Thằng Cu con, cháu nội bà Tám, con của chú Hai Hiếu, từ đầu đường chạy vụt vào, nói nhỏ vào tai bà Tám. Bà bảo Cu con chạy ra khóa cổng lại và đi vào nhà anh Hiền. Chập sau anh Hiền vừa đi vừa mặc áo, chân mang dép Nhật vào nhà bà Tám và gõ cửa phòng chị Du. Anh gọi nhỏ thôi, nhưng tôi đang đứng ở đường hẻm của hai nhà, cửa sổ nhà

bà Tám lại mở nên tôi nghe được. Có tiếng sột soạt bên trong nhưng không ai trả lời

“Chị Dung, mở cửa! Mở cửa. Nhanh lên!” Anh lắc mạnh cánh cửa hai ba lần. Anh nghiêng răng chửi thề lảm bảm.

“ĐM! Chỉ có mặc quần áo sao mà lâu thế!”

Anh Hiền ra ngoài vào đường hầm, chỗ bé Tí đang ngồi, gõ cửa, đẩy mạnh cánh cửa. Cửa không nhúc nhích.

Ngoài cổng, tiếng lao xao mỗi lúc một gần. Có người gõ cửa nhà cậu Ba, giọng Bắc.

“Công an thành phố kiểm tra hộ khẩu. Ông mang hộ khẩu ra đây.”

Hồi sáng, thằng cháu tôi kể là đêm qua có án mạng.

“Có người nào đó vào giết ông Công An ở trong nhà Kiến Thiệt. Thế nào hôm nay cũng bị xét nhà. Họ đang lùng thủ phạm giết công an.”

“Ai bị giết vậy?” Chị tôi hỏi.

“Không biết!”

Nếu người bị giết là ông Sanh thì tôi sẽ thoát sự soi mói của ông. Nghe nói ông Sanh khắc nghiệt nhưng chú Út, người cộng sự của ông Sanh, rất được mọi người quý mến vì chú hòa nhã với tất cả mọi người.

Trước năm 75 anh Hiền ở đâu, làm gì tôi không biết. Bà Tám đưa cái, có năm người con. Chú Hai Hiếu làm giày gia công cho tiệm Gia ở đường Hoàng Diệu. Chú có năm con trai làm thợ đóng giày cho chú. Từ khi sinh thằng Út, thím Hai Hiếu bị bệnh tâm thần, chửi chồng và chửi cả xóm. Chủ tiệm Gia đi Mỹ nên đóng cửa tiệm Gia. Chú Hai Hiếu dẹp tổ đóng giày vì không còn ai đặt hàng gia công. Đánh nhau với vợ mấy chập chú Hai Hiếu bỏ nhà đi mất. Đàn con gặp bà mẹ nửa điên nửa tỉnh tản lạc tự tìm cách sống. Thằng Út, chừng ba tuổi suốt ngày trần truồng nước mũi chảy đến môi. Đói bụng nó thường mang chén qua đứng trước nhà bà nội xin cơm. Kể chú Hai Hiếu là anh Hiền, rồi đến chị Bé lớn, Ngọc, và Kim Ngà. Ngọc bằng tuổi tôi thỉnh thoảng đá lông nheo với tôi. Trưa nay chỉ có

anh Hiền ở nhà.

Sau năm 75 anh Hiền về nhà thường xuyên hơn nhưng không ở luôn. Anh không bị đi cải tạo vì trước năm 75 anh trốn lính. Anh là trùm du đảng ở đầu đó. Đám con của Hai Hiếu, trở thành đàn em trong băng đảng trộm cướp của chú Hiền. Ngọc cũng tham gia tổ chức chạy xe gắn máy giết đồng hồ dây chuyền và ví. Những nhân vật giang hồ dao búa như Loan Mất Nhung hay Đại Ca Thay trong tiểu thuyết hay được đám con gái lãng mạn cỡ tuổi tôi, có thiện cảm. Anh Hiền phải là du đảng hạng bảnh, vì anh có súng. Một ngày trước ngày 30 tháng 4 năm 75, bàn cãi sôi nổi với mấy người bạn nhậu, anh rút súng chĩa lên trời bắn đoàng đoàng mấy phát. Tôi tình cờ đi ngang cửa nhà anh nghe tiếng nổ giết nẩy người vội vàng lùa mấy đứa cháu về nhà sợ đạn lạc.

Anh Hiền trạc ba mươi, da trắng. Khi anh mang dép gót chân đỏ hồng như chân con gái nhà giàu và đẹp. Tên Hiền nhưng anh có cặp mắt rất dữ. Lông mày rậm nhều vào nhau như muốn che cặp mắt lúc nào cũng long lanh đỏ ngầu. Anh có cái vẻ nếu cần thì giết người dễ như giết gà vịt. Giết người cướp của ở đâu, mua bán cần sa ma túy ở đâu tôi không biết, nhưng chưa thấy anh gây gỗ với ai ở xóm này. Nói cho đúng ai cũng tránh né anh vì sợ anh nổi cục lên anh sẽ thui cho mấy cái. Anh Hiền có nhiều bạn gái. Anh thích những người phụ nữ có đường cong nẩy lửa. Mấy chị này thường gọi bà Tám bằng má nhưng bà không chấm ai là dâu. Có lần giận chuyện gì đó, anh Hiền dang tay thẳng cánh tát tai bạn gái của anh, mặt anh đỏ ngầu, mắt anh long sòng sọc. Nếu không có người can chắc anh sẽ lên gối và đập đầu bạn gái anh xuống đất cho thỏa cơn nóng giận. Có lần tôi đẩy chiếc xe đạp mini, thẳng cháu tôi ngồi băng sau, sắp ngã mà tôi không để ý. Anh Hiền đi sau thấy vậy đỡ thẳng bé ngồi thẳng lên và rầy tôi. Lúc ấy tôi rất sợ anh tát tai tôi. Trông anh giống như Hercules. Vai anh sau lớp áo sơ-mi căng phồng tưởng chừng những bắp

thịt vai có thể xé áo để trôi lên. Cái áo bó sát người chỗ cái eo thật nhỏ. Cái thắt lưng xệ xệ ở lưng quần, dáng đi khuynh khuynh làm anh có vẻ rất cao bồi, chỉ cần cái mũ và cái khăn quàng ở cổ người ta sẽ **thấy anh** giống như John Wayne. Anh thích cởi nút áo trên cùng, đeo sát cổ là một cái mè đai bằng gỗ khắc dấu hiệu hòa bình, nổi bật trên cái cổ chắc nịch của anh. Anh có đôi môi giết phụ nữ.

*

Chị Du nghe tiếng gọi nhưng không thể mở cửa. Trong căn phòng kín mít và nóng bức chị im lặng chịu lòng ông Công chức. Phải nói thật là chị cũng nhớ ông, và thèm vòng tay của ông. Dẫu sao chị cũng là một người phụ nữ trẻ và có nhan sắc. Với đứa con và cái nghèo, chị không có hy vọng bước thêm bước nữa. Trước năm 75 ông đến thường xuyên, nhưng sau này ông càng lúc càng ít đến vì bây giờ ông không còn là công chức nữa. Nếu ông không đến chị Du không có tiền. Chị làm việc vặt trong xóm nhưng xóm này ai cũng nghèo chẳng ai có tiền thuê chị. Chị mua bán bánh kẹo thuốc lá để kiếm thêm tiền chi tiêu nhưng vẫn không đủ. Nhiều khi bữa ăn của chị chỉ có miếng dưa khô kho. Bé Tí lớn rồi phải cho đi học, phải may quần áo, mua sách vở cho con. Cũng may là xóm này ai cũng mến chị Du, không ai lời ra tiếng vào, chẳng ai trách móc chị buồn chồng người hay chế giễu bóng gió chị là gái bao. Chị hiền lành chân thật khá quê mùa đến độ không ai nghĩ là chị chủ động dụ dỗ ông Công chức để trở thành nhân tình hay vợ lẽ. Ai cũng nghĩ chị lỡ sa vào tay ông Công chức râu xanh. Nhà chị lúc nào cũng vén khéo gọn gàng, bé Tí lúc nào cũng sạch sẽ ngoan ngoãn. Ngay cả lúc còn bé nó cũng có vẻ nhân nhện giống mẹ.

*

Đám người xét hộ khẩu nhà cậu Ba đã xong. Họ đang ở cổng gọi bà Tám. Bà Tám đi tìm chìa khóa mở cổng nhưng

chìa khóa bà để ở đâu bà không nhớ. Ngoại bắt nhập nhưng nội cũng bắt xuất. Người ta trước sau gì cũng sẽ vào, nhưng anh Hiền không thể thoát ra. Anh như con cá nằm trong rọ. Cuối đường hẻm giữa nhà tôi và nhà chị Du là bức tường của căn nhà phía sau nhà tôi và nhà bà Tám. Hẻm cụt. Mỗi lần tôi đứng ngó cái hẻm này, tôi thường nghĩ đến lá số Tử Vi của tôi. Ở cung Thiên Di của tôi có sao Thiên Mã gặp Triệt người ta bảo đó là số ngựa chạy đường cùng. Anh Hiền nhìn đường hẻm rồi nhìn tôi, ngoắc tay bảo tôi đi theo anh vào nhà tôi. Anh đi lên gác. Bảo tôi đóng cánh cửa dẫn ra ngoài lan can bằng gỗ.

Nếu chị Du mở cửa phòng, anh Hiền có thể lên gác nhà anh. Từ nhà anh, anh có thể đứng trên lan can nhà anh, vịn cây cột và xoay một chân sang lan can nhà tôi. Vịn vào thanh gỗ dựng thẳng từ lan can lên mái nhà anh có thể chuyển cả người sang nhà tôi. Sau đó anh có thể vào gác nhà tôi để trốn khi người ta đến nhà anh. Sau khi người ta xét xong nhà anh và đến nhà tôi anh có thể trở ngược về gác nhà anh bằng cách thức cũ rồi trốn dưới gầm giường chị Du. Tôi tính toán. Hoặc trốn ngay trên giường chị Du lúc ông Công chúc còn trên giường. Nghĩ thế tôi mỉm cười. Giống như phim xi nê vậy.

Gác nhà anh bà Tám cho chú hai Miên mượn. Chú hai Miên có cái răng vàng sáng chói. Chú hay mặc xà rồng, tóc bôi dầu dừa chải ngược. Ngày hôm đó chú hai Miên không có ở nhà. Cửa gác dẫn ra lan can đóng kín. Đó là lý do anh Hiền lên gác nhà tôi.

Thấy ông Sanh là người dẫn đầu đám người đi xét hộ khẩu tôi hơi thất vọng. Thế thì người bị giết là ai? Nghe nói thủ phạm đã mở cửa sổ dùng dao cắt cổ người ấy. Đến sáng người ta mới phát giác là người ấy bị giết. Nhớ lời chị tôi dặn, tôi cúi đầu chào lễ phép. “Chào chú!”

Cùng đi theo đám người xét hộ khẩu có thím Hai Hiếu.
Thím hỏi mẹ chồng:

“Má thấy thằng Út đâu không?”

Thím điên điên đại đại mấy hôm nay, sức nhớ đến thằng con nên đi tìm.

“Không. Hôm qua má sờ thấy nó nóng hổi. Hỏi nó có muốn ăn cơm không nó lắc đầu. Nó muốn nằm dưới gầm giường cô Du cho mát.”

Đám người xét hộ khẩu này không vào nhà anh Hiền cũng không vào nhà bà Tám mà đi thẳng vào nhà tôi. Ông Sanh bảo tôi đưa ông lên trên gác để khám nhà. Tôi hơi run nhưng hy vọng anh Hiền đã chuyển qua lan can nhà anh rồi. Thấy cửa dẫn ra lan can hé mở ông bảo tôi dẫn ra ngoài lan can. Tôi tự hỏi không biết anh Hiền có mang súng theo không. Tôi chỉ sợ anh bắn nhầm tôi vì tưởng tôi là ông Sanh. Tôi ngỡ ngàng thấy anh Hiền vẫn còn đứng đó. Ông Sanh bảo anh trình giấy tờ, sau đó mời anh đi ra ngoài phường.

Trong lúc xét hộ khẩu nhà tôi, một nhóm khác gọi cửa nhà chị Du. Họ đập cửa ầm ĩ đến độ chị phải mở cửa. Ông Công chức bước ra, áo quần chỉnh tề. Công an hỏi giấy tờ ông và mời ông ra phường. Tôi không nhìn thấy mặt ông Công chức vì tôi đang bận rộn với giấy tờ hộ khẩu nhà tôi.

Thím Hai Hiếu hốt hải hỏi: “Chị Du, thằng Út có ngủ quên dưới gầm giường của chị không?”

“Không có.” - Chị Du trả lời cụt ngủn.

*

Theo đám người ra cổng, tôi thấy có một đường kiến bò vòng quanh những cái lu chứa dưa cải của bà Tám. Mọi năm cây mận có nhiều trái ngọt nên có kiến nhưng năm nay cây mận không có trái nào. Thấy cây mận héo rũ tôi ngạc nhiên vì suốt buổi khám hộ khẩu trong cơn nhón nháo tôi quên cái nóng điên người.

Có người hỏi thằng Út có trốn trong lu không? Trước sân

nhà bà Tám, dọc theo hồ chứa nước là hàng lu cao đến ngực dùng để chứa dưa cải. Sau khi nhúng dưa cải vào nước nóng, cải được xếp vào lu và rải muối hột, một lớp cải còn nguyên bẹ, một lớp muối, sau đó cho nước muối nấu để nguội vào và đậy kín bằng những cái nắp lu rất nặng.

Bà Tám biết võ Bình Định. Thỉnh thoảng dạy Ngọc và Kim Ngà tập võ trước hàng lu. Có lần ông Tám, sau khi nhậu say đánh con và chửi vợ, bà Tám bế bổng ông chồng của bà, ném ông vào một cái lu đang mở nắp. Ông rơi vắt trên miệng lu, cái mông nằm trong lu tay chân bên ngoài không ra được phải nhờ người kéo ông ra.

Thằng Út không thể nào leo lên miệng lu được. Tuy nhiên bà Tám cũng thử ra hàng lu để kiểm soát. Thấy hàng kiến rất dài bò ngoằn ngoèo quanh hàng lu bà đi theo. Út nằm dưới đất, giữa mấy kẽ lu. Kiến bu đầy mắt mũi của nó. Giun lãi bò ngo ngoe ra miệng mũi của thằng Út. Có lẽ trời nóng quá Út tìm bóng mát giữa những hàng lu và vì bệnh, chết luôn ở đó. Giun lãi trong bụng của Út, bò ngược ra đi tìm sự sống. Mùi hôi thối phát ra từ xác của Út chứ không phải cây mận.

Tôi suy nghĩ mãi tại sao anh Hiền không leo từ nhà tôi qua nhà anh, hay leo lên mái nhà. Có lẽ anh tuy có sức mạnh, biết dùng súng và dao, nhưng không biết đánh đu lộn ngược lên mái nhà như hiệp sĩ trong phim chưởng. Khoảng cách từ nhà tôi sang nhà anh khá xa, anh không thể nhảy vì không có thế, và không thể chạy lấy trốn. Nếu nhảy có thể sập lan can. Thêm một điều nữa là chân của anh quá ngắn, anh không thể xoạc chân từ lan can này qua lan can kia. Vâng, anh rắn chắc như lực sĩ nhưng chỉ mỗi tội anh lùn quá.

Những cánh cửa đóng lại ngày hôm đó đóng luôn tương lai anh du đăng tên Hiền mà không hiền, mỗi tình vụng trộm

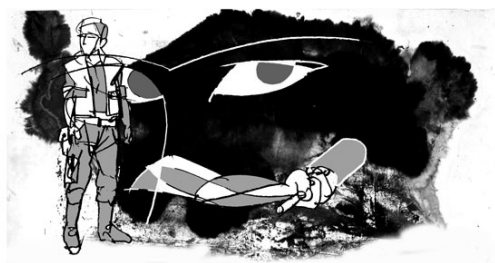
của chị Du và ông công chức. Ông Công chức bị tạm giữ cho đến khi vợ ông mang hộ khẩu nhà ông đến chuộc ông ra. Chắc chắn ông không thể giấu quan hệ của ông với chị nữa. Chị Du bị mất nguồn tài trợ và vài tháng sau chị phát hiện chị có mang đứa con thứ nhì. Anh Hiền đi cải tạo biệt dạng. Cây mận xanh gục chết. Tôi nhìn cái hẻm cụt, nhìn cây mận héo, nhìn những cái cửa đóng mà nghĩ về tương lai của bé Tí và của chính tôi. Tôi thấy sắp chết ngộp trong hơi nóng.

Nguyễn thị Hải Hà

KHÔNG CÒN GÌ ĐỂ NHỚ!

*Truyện ngắn của **Khuất Đẩu***

Tháng 3, 75. Lại thêm một mùa hè đỏ lửa. Quân y viện chật cứng thương bệnh binh. Để ủy lạo, cái gọi là hậu phương, phát cho mỗi người một bức thư không niêm, kèm một ít quà. Những bức thư của học trò, được lệnh viết theo kiểu tâm lý chiến. Thư nào cũng ca ngợi các anh đã chiến đấu anh dũng, mong sao các anh chóng bình phục để trở lại chiến trường, ra sức bảo vệ quê hương... Rất nhạt! Nhất là những thư của đám con trai, sợ đi lính chết khiếp nhưng vẫn cứ oang oang: chúng em sẽ xếp bút nghiên, theo gương các anh xông ra tiền tuyến để tiêu diệt cộng quân, đem lại thanh bình cho miền Nam thân yêu...!



Tranh Bảo Huân

Ai cũng liếc sơ qua rồi vò ném xuống đất.

Anh cũng như các bạn, một bức thư và hai hộp sữa. Thư viết:

Anh, người em chưa hề quen, nhưng không hiểu sao em cảm thấy thân thiết. Có lẽ vì em không có bố lại cũng không có một người anh nào. Và đây là lần đầu tiên em viết thư cho một người đàn ông. Vậy nên em rất hồi hộp. Hồi hộp vì em không phải là một cô gái đẹp. Mà đã không đẹp thì còn có gì để tự tin!

Em không biết anh bị thương như thế nào. Nhưng với bom đạn nhiều như lúc này, không thể nói anh chỉ bị thương xoàng. Mà như thế thì những dòng chữ vụng về này làm sao an ủi được anh. Ước gì thay vì viết thư, người ta cho phép tụi em tới thăm anh. Em không biết cách băng bó, cứu chữa, nhưng có thể bóc cam cho anh ăn, pha sữa cho anh uống, cũng có thể hát cho anh nghe dù hát không hay. Em không ưa gì cuộc chiến tranh này. Em không cầu mong anh lại sớm ra trận. Em chỉ mong anh được giải ngũ. Và một ngày nào đó, trên đường về, xin anh một lần ghé nhà em. Nhà em ở số...đường... Ký tên: Đỗ Quyên.

Ồi chao, một bức thư rất khác thường. Anh thấy nó không nhạt một chút nào. Trái lại, nó đậm đà như nôi cá kho của mẹ. Nó dịu ngọt như sự ân cần của một đứa em ngoan. Anh đọc đi đọc lại để đến trăm lần. Còn hơn những đứa bạn đọc thư của người yêu.

Anh cứ mơ màng đến cái ngày mà anh sẽ rứt rề gõ cửa. Anh tin là nàng rất đẹp. Mà cho dù không đẹp, anh vẫn cảm thấy có chút gì đó vương vấn như là tình yêu.

Nhưng giấc mơ của anh sớm vỡ tan khi thành phố rơi rụng vào tay cộng sản.

Anh bị ném ra đường như một tên hủi. Thì còn lòng dạ nào mà ghé thăm nàng.

Người con gái ký tên Đỗ Quyên năm ấy đang đợi thi Tú Tài. Bố mất sớm, mẹ đi thêm bước nữa, bỏ lại nàng sống với bà ngoại. Bà già yếu, bệnh tật liên miên, nhưng vẫn ham sống để được gặp người con trai đã xa bà đến 20 năm. Đó là người em út của mẹ nàng, người đã xuống tàu Balan đi ra Bắc khi nàng chưa sinh ra đời.

Nhà không có bóng dáng đàn ông, dù nàng đã cố hết sức, khi thì hát, khi múa để bà vui ; nhưng sao vẫn cứ trống vắng và thật buồn. Cho nên, khi nhà trường kêu gọi viết thư, không như các bạn, nàng viết rất thật lòng mình. Nàng

hơi run khi nắn nét viết chữ « anh ». Và đỏ mặt khi mơ màng một ngày nào đó có thể thêm chữ « yêu » sau chữ « anh ».

Nhưng khi nàng dìu bà ra đứng bên hiên, xem xe pháo và bộ đội tiến vào thành phố, thì cũng là lúc chút mơ ước trẻ con của nàng vỡ tan như bọt xà phòng.

Năm năm sau, bước ra khỏi cái địa ngục có tên gọi là trại cải tạo, dù đói rách, dù ốm yếu, trước khi về quê, anh vẫn muốn ghé nhà nàng. Ghé vậy thôi chứ chẳng còn mơ mộng gì.

Lúc ấy, người cậu của nàng cũng giải ngũ, bà ngoại vừa mới mất. Ông ta bắt măn sao đó nên cũng chẳng nhận một chức vụ gì của chính quyền. Ông trồng rau, nuôi heo, lam lũ như một người nông dân. Nhưng ông vẫn mặc đồ bộ đội và không rời khỏi cái nón cối.

Giờ, chỉ có hai cậu cháu nương tựa sống với nhau.

May là con phố ấy không đổi tên, nên cũng không khó lắm để anh tìm được nhà nàng. Nhà ở ngoại ô, nhỏ, cũ, nhưng vườn thì rộng.

Anh đi qua, đi lại, nhìn lên qua hàng rào. Anh thấy thấp thoáng bóng một chiếc áo trắng. Đương nhiên không phải áo nữ sinh, nhưng vẫn mềm mại duyên dáng. Nàng vẫn thanh thoát như hình ảnh anh thường mơ thấy ở trong tù. Trái tim cần cỗi của anh rung lên. Anh định kêu:” Đỗ Quyên!”

Nhưng ngay lúc ấy, một người đàn ông mở cổng bước ra. Vẫn một màu cút ngựa và cái nón cối cay nghiệt như các “ngài” cán bộ đã từng hành hạ anh trong suốt 5 năm.

Anh ghen ở cổ. Rồi trái tim anh như muốn nổ tung khi thấy nàng chạy đến bên ông. Nàng bá cổ, nói thầm gì đó vào tai. Đôi môi đã thôi mấp máy nhưng vẫn còn tươi rói

vì nụ cười.

Dù trời chưa sập, nhưng anh cảm thấy chẳng còn gì. Trước khi khóa cổng, nàng nhìn thấy anh, hỏi: “Ông tìm ai?”.

Anh đáp: “Không!”

Ngày cuối tháng tư, 2014

Khuất Đầu

■■■■■■■■■■

Thơ Nguyễn Dương Quang

NGÀY VỀ CỦA TRÁNG SỸ

buổi thăm Nguyễn Bắc Sơn bệnh

Tráng sỹ

dù người có giết muôn triệu sinh linh

cũng một ngày rời lưng ngựa

dù người là hoàng đế lưu linh

cũng một đêm mờ nẻo rượu

dù người đã xây vạn đền đài cung điện lung linh

bên ca tụng cũng có lời nguyên rửa

tráng sỹ ngã ngựa bên song thưa

bên song người đẹp chưa ngủ

tráng sỹ đẹp như trời nhỏ mưa

hạt rơi xuống bờ hoa ấp ủ

tráng sỹ không có kẻ thù, bên bè bạn

rượu bao nhiêu chung hay không cần

dưới trăng, một chút gió thoảng vừa chênh choáng

tráng sỡ
 người vốn là hạt bụi
 bám trên tán lá xanh ...
 một ngày
 trên hai chân chạy tìm chân lý
 chân lý nào đưa người đến chân - thiện - mỹ ?

thanh kiếm sáng lóa của người
 chém vào lòng thù hận
 đường kiếm của người
 vẽ ánh hào quang tình yêu

ngã ngựa bên sông, tráng sỹ hãy ngã
 mềm cánh tay một đóa hồng
 ngã ngựa bên sông, tráng sỹ hãy ngã
 êm trái tim bạn bè, trăng, con suối, dòng sông ...

██████████

Mai Quang

Xé Toạc Đêm Ra

Đêm hè!
xé toạc đêm ra
Đêm đen đã toạc thì, là, sao, chi?
Cô em Bất-Khả-Tư-Nghì
Tên hênh cứ việc nguyên si Hiện-Tiền!

Thổng tay rơi vỡ lời kinh
Vào khe nhật nguyệt nhân sinh khê khàng.

Với Nhau

Chuồn chuồn đậu, bỗng
 vụt bay,
 Xanh chao cọng cỏ lung lay đất trời
 Sông còn mãi miết tìm khơi
 Mây qua
 rừng xuống nhánh đời
 thênh thênh.

Viêm Tĩnh**CHÂN ĐẤT**

Anh làm kẻ hồ đồ đi chân đất
 Mòn bao nhiêu sỏi đá cũng bắt cần
 Em liếc xéo xem như tuồng hát bội
 Cột thế gian, anh nung chảy kiếm cùn

Kiếm cùn đâm xuống tận ao sâu
 Hoen rĩ loang tròn khúc kinh cầu
 Thì ra chỉ còn câu tình ái
 Động lại đáy tim... nã cả lòng.

SÂN SI ĐỜI

1/

Ngôi nhà ta sống như mộ địa
 nhện giăng sợi ngấn quần sợi dài

có em bên đời như không có
mùa xuân về sao nắng hắt hiu

2/

Ta sống với mưa như tình nhân
âu yếm cùng nhau giọt lệ thấm
nhịp tim đều hiu lời yêu dấu
tan giữa hư không một nụ cười

3/

Ta đã già. Em vẫn thanh xuân
trái mùa u của tuổi tươi hồng
rụng vài trái chín, xanh mầm mới
ai rót vào ai khúc ngâm ngùi.

MÂY NGOÀI PHỐ

góc phố rải màu hoa bằng lăng
thấm đẫm hạt mưa cô đơn
ngày cuối năm dòng sông xa tầm mắt, tình nữ

những con chim sẻ mang đôi cánh ướt
con gió buốt lướt qua
hạt lúa lang thang bên lề đường
phố đượm mây chùng những bước chân tím thẫm, hoài
vọng

bên gốc cây long não già sần sùi thời gian
những cọng rác vô tình khiêu vũ với những chiếc lá úa tàn
đông
tiếng hát em vọng từ nơi trú ngụ ngày
lời ca mộng du cùng sợi mưa, ẩn tượng

tín hiệu hẹn tình đông đưa trên những cành cây
ngọn lá hắt hiu xanh hạ xế

bàn tay em nuốt hồng giá lạnh
ngày tháng năm cùng hết, vẹn tròn.

31.12.2008

Viêm Tĩnh

LTS: Bài thơ dưới đây được trích từ bản thảo của một thân hữu của TQBT. Anh gởi đến tôi để chia xẻ **Một Góc Đời** của anh. Thơ anh phần lớn là thơ tự do. Hình như có một lần nào đó anh kể là anh có giọng họ rất gần với nhà thơ Lưu Trọng Lư. Như vậy, huyết thống cũng là một yếu tố kết dính và nảy sinh ra thi sĩ.

Cám ơn Thu Quán Bản Thảo đã giúp tôi được gặp những người cùng chung một tần số.. Xin ân cần giới thiệu cùng bạn đọc một bài thơ hay.

LƯƠNG TRỌNG TƯỜNG

Chiếc áo len nâu

Chiếc áo len màu nâu
Mẹ trao cho Mẹ
Để đã gần tròn trăm năm.

Mùa xuân buổi sáng
Mẹ mặc áo pha trà
Bên Cậu ngồi đọc báo.
Tình màu nâu.
Trà màu xanh.
Nụ cười hồng.
Hương sen nhẹ nhẹ tỏa.

Mùa hạ nóng
Mẹ đem áo ra phơi.
Cánh áo nâu phấp phồng

Đùa trong nắng.

Chiếc sân nhỏ
Cây sào dài
Phất phơ màu lụa sáng.
Bóng chiếc áo
Che đầu
Lũ con chơi đánh đáo.

Mùa thu
Mạ đem áo ra cài lại cúc
Khép màu buồn
Cho hoa lá bớt tàn phai.
Chiều gió đại
Ươm lên đầu chớm bạc
Áo len nâu che kín cuống vai gầy.

Mùa đông
Áo còn thơm long nã.
Trời đất buồn
Áo thêm nặng hơi nâu.
Gió đông mang cơn sầu ảo nã.

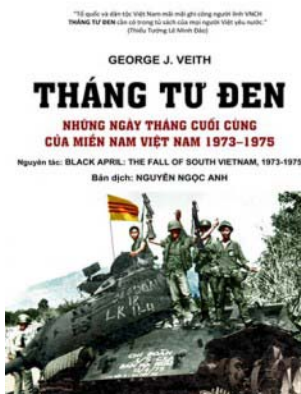
Nụ cười huyền
Nhấp nhánh ánh răng đen.
Mạ nhẹ phủ lên con
Mầu ăm áo len nâu.
Rúc đầu vào lòng Mạ
Tóc con bạc
Áo Mạ nồng
Nụ cười hồng.
Mái tóc dài huyền hoặc.
Một trăm năm
Chiếc áo len nâu vẫn còn hơi ăm.

26-04-06

(trích từ bản thảo thi phẩm **Một Góc Đồi**)

HOÀNG NGỌC HIỀN

Đọc “THÁNG TƯ ĐEN” của George J. Veith, Bản dịch của NGUYỄN NGỌC ANH



Đầu tháng Tư 2014, một cuốn sách mới xuất hiện tại một tiệm sách chúng tôi thường ghé qua: Cuốn “THÁNG TƯ ĐEN” của George J. Veith, bản dịch của NGUYỄN NGỌC ANH. (Nguyên tác Black April: The fall of South Vietnam, 1973-1975 của George J. Veith), Tổ hợp xuất bản Miền Đông Hoa Kỳ, 2014. Tôi đã đọc cuốn sách này hầu như mỗi ngày, mỗi đêm, trong suốt Tháng Tư 2014. Càng đọc càng cảm thấy ngấm nỗi buồn, tưởng như lòng mình có thể chết đi được! Nay chúng tôi ghi lại cảm nghĩ của mình trong một bài viết ngắn đối với cuốn sách có bề dày cả về nội dung và hình thức (gần 700 trang với 18 chương).

“KHOẢNG TRỐNG RẤT LỚN”:

Trước hết, chúng tôi đọc nhiều lần đoạn văn này: “Hoa Kỳ đã tốn hàng bao nhiêu tỉ đô-la và đã tổn thất hơn 58.000 binh sĩ để bảo vệ Nam Việt Nam, nhưng cuối cùng đã thất bại. Sự thất trận của Nam Việt Nam có thể được coi là thảm bại lớn nhất trong chính sách ngoại giao của Hoa Kỳ trong thế kỷ 20. Nhưng sự hiểu biết tường tận màn chót của tấm bi kịch đó - từ việc ký kết Hiệp Định Paris năm 1973 cho đến lúc Nam Việt Nam đầu hàng ngày 30 tháng 4 năm 1975 - vẫn còn ở ngoài tầm tay chúng ta.

Sự thiếu vắng một phân tích toàn diện về sự thất trận đầu tiên của Hoa Kỳ cho ta thấy một khoảng trống rất lớn trong sự hiểu biết của chúng ta về lịch sử cận đại của nước Mỹ” (Sách đã dẫn, trang 2).

Chúng ta? Chúng ta là những ai? Dĩ nhiên đây chỉ là những người Mỹ, nhưng không phải là tất cả người Mỹ? Hẳn nhiên, những nhân vật lãnh đạo đất nước Hoa Kỳ, những ai vạch ra chiến lược lâu dài cho nước Mỹ, họ biết cái “khoảng trống rất lớn” đó là gì!!! Có điều họ tìm cách che giấu, như kế nghi binh, không cho toàn dân Mỹ và cả thế giới biết cái “khoảng trống rất lớn” đó. Bây giờ đi tìm cái gọi là chiến lược toàn cầu của Hoa Kỳ, có khác gì chúng ta như những người mù sờ voi? Dường như tác giả George J. Veith, trong cuốn sách này cũng muốn đi tìm cái “khoảng trống rất lớn” kia?

Trận mưa cho Phước Long, tháng 1/1975 đánh dấu sự bỏ rơi đồng minh Việt Nam Cộng Hòa của Hoa Kỳ:

Tác giả viết về trận Phước Long, cũng như các trận khác, đã nghiên cứu chi tiết, tận dụng mọi nguồn tài liệu, phân tích kỹ càng sự nổi kết chính trị, chiến lược, hậu cần, các nhân vật có vai trò quan trọng... Tôi có cảm tưởng tác giả đã vẽ ra các phóng đồ hành quân của cả hai bên Nam - Bắc lâm chiến. Rồi nghiên cứu xem cuộc hành quân ấy đã diễn ra như thế nào? Quả thật, đó là một công trình rất tốn công sức và thời gian của tác giả. Thật là đáng quý. Đáng quý. Tác giả đã cố gắng hết sức để mô tả càng chính xác càng tốt, cho người đọc được biết rõ. Nguyễn Ngọc Anh

chuyển sang Việt ngữ rất tài hoa.

“Phước Long là một vị trí dễ tấn công. Tỉnh này gồm dân cư người Thượng thưa thớt; và chỉ có bốn tiểu đoàn ĐPQ và vài chục trung đội NQ để phòng thủ một vùng rộng lớn với núi rừng hiểm trở. Đối với quân đội Nam Việt Nam, tiếp tế cho tỉnh này còn khó khăn hơn là phòng thủ. Các con đường dẫn tới Phước Long đã bị quân CSBV cắt từ sau thỏa ước ngưng bắn, và việc tiếp tế tùy thuộc hoàn toàn vào phi cơ vận tải C-130.” (Sdd, trang 130).

Trước khi tấn công tỉnh lỵ Phước Long, Cộng Sản Bắc Việt đánh chiếm các xã Bù Đăng, Bù Đốp, Đồng Xoài nằm trên Quốc Lộ Mười Bốn. CSBV chiếm được Bù Đăng ngày 14/12/1974; chiếm Bù Na ngày 15/12; chiếm Bù Đốp ngày 23/12 và chiếm Đồng Xoài ngày 26/12. Khi chiếm Bù Na, CSBV thu được hai khẩu đại bác 105 ly còn nguyên vẹn và 6000 viên đạn. Khi chiếm Đồng Xoài, CSBV lấy thêm được 3000 đạn pháo binh nữa. CSBV tấn công Phước Bình, thị trấn của tỉnh Phước Long ngày 30/12/1974.

“Đối với lực lượng trú phòng, mặc dầu bị đẩy vào vị trí phòng thủ chật hẹp, nhưng địa thế thuận lợi cho họ. Ở mặt đông và mặt bắc của Phước Bình có sông Bé, trong khi ở mặt nam có núi Bà Rá chế ngự. Số quân còn lại của ba tiểu đoàn ĐPQ giữ các vị trí phòng thủ chung quanh thành phố. Năm trung đội pháo binh cung cấp hỏa lực yểm trợ trực tiếp, trong khi cảnh sát và Nghĩa Quân giúp tuần tiễu thị xã. Tiểu đoàn 2 của Trung đoàn 7 được dùng làm trừ bị.

Đối diện quân trú phòng là năm trung đoàn chính qui CSBV, năm tiểu đoàn phòng không, đặc công và các đơn vị công binh, ba tiểu đoàn pháo binh và 20 xe tăng.” (Sdd, trang 136,137).

Ngày 2/1/1974, Liên đoàn 81 Biệt Cách Dù được BTLQĐ 3 đưa lên tăng viện cho Phước Long. Trung tá Vũ Xuân Thông của liên đoàn này, đã nhảy xuống Phước Long, kể lại như sau, trong bài Những Cánh Thép Ngày

Trước, đăng trên tạp chí Chiến Sĩ Cộng Hòa số 57, tháng 3, 2014, trang 38, 39: “Vào tháng 1 năm 1975 khi Biệt Đoàn chúng tôi được lệnh tăng viện cho tiểu khu Phước Long, lúc này đang bị một sư đoàn địch vây hãm, các đơn vị địa phương hầu như đã tan hàng. Nói là Biệt Đoàn nhưng thật ra chỉ có 2 Biệt Đội 811, 814 và Bộ Chỉ Huy, tổng cộng khoảng 320 người. Không Đoàn 43 Chiến Thuật thuộc Sư Đoàn 3 Không Quân là đơn vị yểm trợ và đồ quân, dưới cơn mưa pháo 105 ly, hỏa tiễn 122 ly và súng cối, các phi đoàn trực thăng đã hoàn thành nhiệm vụ một cách phi thường với tổn thất không đáng kể.

Đích thân Chỉ Huy Trưởng của tôi, cựu Đại Tá Phan Văn Huân và Đại Tá Triệu đã trực tiếp chỉ huy cuộc đồ quân. Nhìn từ trên trực thăng xuống thị xã Phước Long, tôi nghĩ khó mà đáp được vì cả thị xã ngập trong khói lửa của đủ loại pháo chưa kể hỏa lực phòng không của địch tua tủa bắn lên đầy trời với đủ loại từ đại liên 50, súng cá nhân, 23 ly và 37 ly. Tiếng đạn pháo nổ dưới đất cộng tiếng các loại phòng không nổ ngang trời nhắm vào các phi tuần A-37 và F-5 đang cố thả những trái bom và bắn rocket yểm trợ cho cuộc đồ quân vang rền cả một vùng trời.

Tôi chỉ còn trông cậy vào tài bay bổng của các bạn đưa tôi an toàn xuống đất, chỉ cần chúng tôi đặt được chân xuống đất, dù chưa biết sau đó sẽ ra sao. Và thật như một phép lạ, cả hai lần đồ quân đều trót lọt, tất cả đều nhờ tài khôn ngoan của phi hành đoàn. Thay vì đáp ngay xuống thị xã, các phi hành đoàn của Không Đoàn 43 Chiến Thuật đã đáp xuống cạnh các khe suối cạnh thị xã, là những nơi khuất tầm quan sát của các tiền sát viên địch. Địch đã bố trí quanh khu vực Phước Long một trung đoàn phòng không với đủ mọi loại súng từ 12 ly 8 đến 23 ly và 37 ly. Tiền sát viên của địch ở khắp nơi, nhất là đỉnh núi Bà Rá đã bị địch chiếm mấy ngày trước. Biệt Đoàn 1 Chiến Thuật của tôi chỉ gồm có Bộ Chỉ Huy và 2 Biệt Đội (Biệt Đoàn), không quá 300 người. Lực lượng trú phòng của Tiểu Khu

Phước Long và các đơn vị tăng phái không còn bao nhiêu.

Tiểu Đoàn 7 thuộc Trung Đoàn 9 của Sư Đoàn 5 chỉ còn không quá 100, Đại Đội 5 Trinh Sát, Sư Đoàn 5 chỉ còn hơn 10 người đã đặt vào đơn vị tôi, Đại Đội Trinh Sát Sư Đoàn 18 Bộ Binh còn Đại Đội Trưởng và hơn một trung đội. Hai Tiểu Đoàn Địa Phương Quân đã tan hàng, quân nhân còn lại cũng lẫn lộn trong hàng rào phòng thủ của Biệt Đội 811 của tôi. Cộng chung lại không quá 500 tay súng để chơi lại với lực lượng địch trên 10 ngàn với đủ bộ xe pháo mã tốt. F-5 và A-37 vẫn yểm trợ tích cực nhưng với một hệ thống phòng không chẳng chịt không thể xuống thấp để có thể đánh bom chính xác hơn. Từ dưới đất tôi thấy chỉ một chút sơ hở là những chiếc F-5 và A-37 kia sẽ vỡ tung, có một vài trái bom đã rơi vào vị trí bạn... phải chấp nhận thôi. Dù sao sự hiện diện của những chiếc phi cơ này cũng khiến địch không dám điều động thiết giáp tiến sát đến vị trí chúng tôi. Dân và lính bỏ đơn vị tràn ngập vị trí chúng tôi khiến không thể nào kiểm soát được, tuy vậy chúng tôi vẫn đẩy lui được nhiều đợt xung phong của địch và đã hạ được 4 chiến xa địch.

Vào lúc chạng vạng tối ngày 5 tháng 1 năm 1975, chiến xa địch và bộ binh tiến sát vị trí bộ chỉ huy của tôi, sau đợt pháo 130 ly, 155 ly, 122 ly, và 105 ly, chúng thả một toán đặc công vào hai lô cốt trống, nhờ phát giác kịp thời nên đã bị tiêu diệt ngay sau đó.

Suốt trong thời gian từ ngày 4 tháng 1 năm 1975 đến ngày 6 tháng 1 năm 1975, không lúc nào địch ngưng pháo vào vị trí chúng tôi, chúng mở nhiều đợt tấn công có chiến xa yểm trợ mong tiến sát vào vị trí chúng tôi. Sáng ngày 5 tháng 1 năm 1975, tôi đơn phương quyết định không cho C-130 thả dù tiếp tế nữa vì nửa khu vực thị xã đã rơi vào tay địch trước đó 2 ngày. Hầu như 9/10 những kiện hàng tiếp tế đều rơi vào tay địch, các phi vụ oanh kích không hiệu quả, không còn pháo binh yểm trợ, không còn

tiếp viện. Ở tại Quân Đoàn 3, Trung Tướng Dư Quốc Đống từ chối lệnh thả phần còn lại của Liên Đoàn 81 BCND. Trong tình thế này, tôi buộc phải cho lệnh đơn vị rút khỏi Phước Long để bảo toàn đơn vị, tôi đã phải để lại hơn 60 xác đồng đội tại đây. Một điều đau đớn chưa bao giờ xảy ra trong lịch sử của đơn vị tôi. Tôi đã phải phân tán đơn vị tôi thành từng toán nhỏ, lợi dụng đêm tối, vượt qua hàng rào bao vây của địch để thoát ra ngoài. Phước Long thất thủ vào sáng ngày 6 tháng 1 năm 1975.”

Tôi thấy rõ quân phòng thủ Phước Long của ta quá ít so với lực lượng địch. Thiệt hại về nhân mạng của ta thật khủng khiếp. Riêng với Biệt Đoàn 811 của Trung Tá Thông, ông phải thốt lên: “Một điều đau đớn chưa bao giờ xảy ra trong lịch sử của đơn vị tôi!!!”

Viết về mất tỉnh Phước Long, còn có một bài rất đáng chú ý. Đó là bài “The Bitter End” của Harry G. Summer, Jr., (1932-1999), nguyên Đại tá cựu Trưởng Đoàn Thương Thuyết Hoa Kỳ trong Ủy Ban Liên Hợp Quân Sự Bốn Bên sau Hiệp Định Paris, được đăng trên The History.Net.com & Vietnam Magazine April 1995 special issue. Bài này, được nhà văn Toàn Như dịch, đăng trên Tạp Chí Văn Nghệ Tiền Phong số 705, ra ngày 01/05/2005. Trong bài này, có đoạn viết: “Ở nơi tương đối hẻo lánh, lực lượng phòng thủ của tỉnh chỉ gồm có bốn tiểu đoàn Địa Phương Quân với quân số khoảng 340 cho mỗi tiểu đoàn và một số trung đội Nghĩa Quân. Hòa lực yểm trợ gồm có 4 khẩu đại bác 155 ly và 16 khẩu 105 ly được sử dụng bởi các trung đội sử dụng cả hai loại súng cho toàn vùng.

Lực lượng phòng thủ này thật không tương xứng với Binh Đoàn 301 của quân đội Bắc Việt, gồm có Sư Đoàn 3 tân lập của Bắc Việt, sư đoàn 7 kỳ cựu, một tiểu đoàn xe tăng với những chiếc tăng T-54 của Sô Viết, một trung đoàn pháo binh, một trung đoàn pháo cao xạ, cùng

các đơn vị bộ binh và công binh địa phương. Cuộc tấn công của họ khởi đi từ những mật khu ở Cambodia vào ngày 13 tháng 12 năm 1974, binh đoàn 301 đã loại bỏ những chốt tiền tiêu của Nam Việt Nam, rồi tập trung tấn công vào sân bay Sông Bé.

Quân đồn trú tại đó được tăng viện bởi Tiểu Đoàn 2 của Sư Đoàn 7 Bộ Binh được trực thăng vận đến từ căn cứ Lai Khê. Thêm sáu khẩu đại bác 105 ly cũng được trực thăng vận đến. Sau đó, hai đại đội của Tiểu Đoàn Biệt Kích 81 của QLVNCH cũng được gửi đến. Nhưng chúng vẫn không cân xứng với quân Bắc Việt mà pháo binh của chúng đặc biệt dữ dội. Cho đến ngày 3 tháng 1 năm 1975, mức độ pháo kích của quân Bắc Việt đã lên đến 3.000 quả một ngày. Theo sử liệu chính thức về trận đánh, “cuối cùng vào ngày 6 tháng 1, vị tỉnh trưởng đã nhận ra rằng ông ta không thể làm chủ được trận chiến”. Báo cáo viết, “dưới sự trực xạ từ bốn xe tăng T-54, ông đã bị thương nặng nên đã cùng bộ tham mưu còn lại rút khỏi Sông Bé. Quân Bắc Việt đã chiếm được một tỉnh đầu tiên.” Sự tổn thất của Nam Việt Nam thật là choáng váng. Trên 5.400 binh sĩ QLVNCH và các lực lượng Địa Phương Quân và Nghĩa Quân đã tham gia vào trận đánh, nhưng chỉ khoảng 850 người sống sót. Vị Tỉnh Trưởng cũng chẳng thoát được đến nơi an toàn. Khoảng 3000 thường dân trong số 30.000 hay hơn đã trốn khỏi sự kiểm soát của Cộng sản. Một số viên chức xã ấp, tỉnh, đã bị bắt và đã được coi như thiệt mạng.

Tuy nhiên, những tổn thất này bị kịch là ở chỗ, trận đánh đã tạo ra những hậu quả khôn lường. Trận chiến ít được chú ý tại Phước Long lại là một trong những trận đánh quyết định cuộc chiến vì nó đánh dấu sự bỏ rơi của Hoa Kỳ đối với người bạn đồng minh lâu năm trước số phận bị thương của nó.” (VNTP, số 705, trang 24).

Đại Tá Harry G. Summer Jr. đã tố cáo chính phủ Hoa Kỳ của ông bỏ rơi đồng minh Việt Nam Cộng Hòa!!!

Chỉ nhìn vào con số 5.400 binh sĩ chiến đấu, còn sống sót khoảng 850, có thể cho thế giới thấy Miền Nam Việt Nam không chấp nhận sống dưới chế độ Cộng Sản, quyết chống trả đến chết!!! VNCH không tham sống, sợ chết và hèn nhát như các phe phái phản chiến tuyên truyền xuyên tạc! Cuối cùng, VNCH mất Phước Long. Máu nhuộm đỏ cả một khúc Sông Bé khi Trung Tá Vũ Xuân Thông, Liên Đoàn 81 BCD rút lui theo khe thông thủy tiến ra bờ sông biến dạng vào rừng Phước Long. QĐCSBV đã xả súng ngăn chặn đường rút lui cuối cùng ấy!!!Tàn khốc!

Chúng tôi đọc những trang sách cuốn Black April và những trang bài báo trên hai tạp chí nêu trên, dừng lại rất lâu, cảm thấy hồn mình thấm đẫm một nỗi buồn. Ôi chao, nỗi buồn tưởng chừng như có thể chết đi được!!!

Sau đó, ... Ban Mê Thuật, Quảng Trị, Tuy Hòa v.v... nói chung tất cả các tỉnh của Quân Đoàn 1 và 2, đều diễn ra tương tự như ở tỉnh Phước Long. QĐCSBV hùng hậu, vũ khí dồi dào của Nga Tàu, có nhiều nơi sử dụng chiến thuật biển người; trong khi QLVNCH thiếu thốn đạn dược, không được phi pháo yểm trợ, các đơn vị lần lượt trở nên những anh hùng cô đơn trên sa mạc mệnh mông của trận chiến như ở thời Trung Cổ! Kết cuộc đấng cay, VNCH sụp đổ ngày 30 tháng 4 năm 1975 là điều tất yếu. Hoa Kỳ không thể không biết trước ngày đó sẽ xảy ra? Bởi Hoa Kỳ đạo diễn kịch bản này?! Phải chăng, sự kiện VNCH phải đầu hàng không điều kiện này, nằm trong chiến lược lâu dài của Hoa Kỳ đối với vùng Đông Nam Á?

Cuối cùng thì “các mỏ dầu hòa” cũng được nói tới ở Quốc Hội Hoa Kỳ:

Đọc “Tháng Tư Đen” trang 143, 144: “Trong khi Tổng Thống Ford hy vọng có thêm viện trợ sẽ đưa tới tình trạng bế tắc và bắt buộc phải mở ra cuộc thương thuyết mới, mục tiêu ngắn hạn chính của ông chỉ là để chống đỡ Nam Việt Nam và Campuchia. Ông đưa ra lý luận: “Hiệp Định Paris dựa trên một số giả định, và bây giờ chúng ta

phải đối diện với những diễn biến không tiên liệu trước. Năm ngoái, chúng tôi yêu cầu 1,4 tỉ - con số này đã bị cắt còn phân nửa - kết quả là chúng ta không thể cung cấp cho họ ngay cả đạn dược mà họ cần. Người Việt Nam chiến đấu một cách dũng cảm. Họ không xin quân đội Mỹ can thiệp, và họ xứng đáng với sự yểm trợ của chúng ta. Hôm nay tôi ký một thỉnh cầu quân viện cho Nam Việt Nam... Tôi biết điều này không được lòng dân và sẽ gặp phải sự chống đối. Nhưng tôi không nghĩ chúng ta nên để những xứ này chết dần vì chúng ta không sẵn sàng cho họ sự yểm trợ. Tôi quan tâm rất nhiều về vấn đề này.”

Sau khi nghe lời thỉnh cầu và lý luận của Tổng Thống Ford, Thượng nghị sĩ Thurmond (Cộng Hòa, South Carolina) bày tỏ sự yểm trợ cho kế hoạch của Tổng Thống: “Tôi mới trở về sau khi viếng thăm nơi đó. Tôi tin chắc rằng họ có thể đứng vững nếu có sự giúp đỡ của chúng ta. Đại sứ Martin nói chúng ta sẽ không phải giúp họ mãi. Có lẽ chỉ trong ba năm thôi. Họ đang tìm được các mỏ dầu hỏa. Cả Châu Á đang nhìn xem chúng ta đang làm gì ở Việt Nam.”

Chúng tôi, một người đọc sách, dừng lại ở đây, suy nghĩ. “Họ đang tìm được các mỏ dầu hỏa”, chữ “họ” trong câu này, tức là Việt Nam Cộng Hòa. Nhưng thử hỏi, VNCH làm gì có khả năng tìm ra được chứ? Mà chính công ty dầu hỏa của Hoa Kỳ đã tìm ra các mỏ dầu hỏa ấy ở thềm lục địa Miền Nam Việt Nam! Đọc cuốn sách “DẦU HỎA VIỆT NAM 1970-1975” của tác giả Trần Văn Khởi, chúng tôi thấy ở trang 126, cho biết công ty Pecten đã báo cáo với chính phủ Việt Nam Cộng Hòa:

“Mọi dữ kiện đã xác nhận chắc chắn VNCH có dầu hỏa ngoài khơi thềm lục địa. Phẩm chất của dầu rất tốt so với các loại dầu khác. Và loại địa chất ở vùng có dầu có thể giữ được dầu để khai thác thương mại”. Tổng Trưởng Thương Mại Kỹ Nghệ Nguyễn Đức Cường với tư cách chủ tịch Ủy Ban Quốc Gia Dầu Hỏa đã loan như trên trong một cuộc họp báo có 3 đại diện của công ty tìm dầu Pecten trên bàn chủ tọa và sự tham dự đông đủ báo chí trong và

ngoài nước.

Cuộc họp báo được tổ chức lúc 14 giờ chiều tại Trung Tâm Dân Vụ, đường Tự Do, Saigon. Ngay phần mở đầu, TT Cường đã đùa rằng “Hôm nay tôi hân hạnh nói chuyện với báo chí về dầu hỏa nhưng không phải để loan báo dầu lên giá”. Theo TT Cường thì kết quả trên được coi như mới nhất do chính các nhân vật thẩm quyền của công ty Pecten báo cáo với chính phủ VNCH. Và kết quả này đã được chính thức trình trước Hội Đồng Tổng Trưởng trong phiên họp diễn ra tại dinh Độc Lập ngày thứ ba 27-8. (1974).

Dường như trong nhiều năm nay đây là một cuộc họp báo đầu tiên được báo chí chú ý và lôi cuốn được cả những công thương kỹ nghệ gia, nghệ sĩ... Báo chí đã phải chờ đợi trên một giờ đồng hồ vì hai cổ vấn hăng dầu còn đang trên đường bay từ giàn khoan về đất liền. Bình thường sự chờ đợi lâu trong một phòng họp mà đèn pha của các hệ thống truyền hình đôi lúc phừng lên gây thêm sự nóng nảy và chán nản cho nhiều người, nhưng đặc biệt hôm nay phần lớn các ký giả đã mang nét vui tươi vì ít ra cũng có phần nào hy vọng trong tương lai “dầu hỏa sẽ cải thiện tình hình kinh tế và quân sự”.

Cuộc họp báo khởi đầu bằng chính lời giới thiệu của “xương ngôn viên” Tổng Trưởng Dân Vận Chiêu Hồi Hoàng Đức Nhã. Hôm nay, TT Nhã cũng đến phòng họp sớm như báo chí. Ông phục sức đơn giản và trong suốt thời gian chờ giờ khai mạc ông luôn luôn nói cười với các thuộc viên và một số viên chức trong ngành kỹ nghệ.

Trên bàn chủ tọa, ngoài TT Cường, còn có Tổng Giám đốc công ty Pecten Việt Nam Patrick Glover, Phụ Tá Tổng Cuộc Trưởng Dầu Hỏa Võ Anh Tuấn (Tổng Cuộc Trưởng Trần Văn Khởi công xuất), Cố Vấn Trưởng của công ty Pecten Jack Cogan, và Cố Vấn Địa Chất Virgil Watson. Tổng Giám Đốc Pecten VN Patrick Glover cho hay: “Sau mười ngày khoan giếng, dầu hỏa đã tìm thấy vào sáng Thứ Hai 26-8-1974, dưới độ sâu gần 1500 thước

thuộc lô dầu số 8 của công ty Pecten, cách Vũng Tàu 370 cây số về phía Nam, trong một vùng biển có độ sâu 90 thước nước. Ngay khi tìm được dầu, hai chuyên viên dầu hỏa của Việt Nam đã thường xuyên hiện diện để theo dõi công việc của giàn khoan. Hiện nay các chuyên viên đang phải thực hiện nhiều cuộc thử nghiệm để tìm hiểu thêm về phẩm lượng trước khi quyết định khai thác thương mại”. TGD Patrick Glover không nói rõ thời gian thử nghiệm phải bao lâu. Nhưng TT Nguyễn Đức Cường nói phải mất “vài tháng” trong khi trước đó, tiếp xúc với báo chí, các chuyên viên dầu hỏa nói “phải mất lối 10 ngày”.

Trả lời một sĩ quan báo chí của Bộ Tư Lệnh Hải Quân, TT Cường nói trong nhiệm vụ của tôi không thể nói dầu hỏa liên hệ với cuộc chiến như thế nào. Tuy nhiên kế hoạch có dầu đã được trình bày trong phiên họp Hội Đồng Tổng Trưởng có cả sự hiện diện của đại Tướng Tổng Tham Mưu Trưởng, và TT Cường cho rằng chỉ có các vị tướng lãnh nắm quyền chỉ huy quân lực mới có đủ thẩm quyền nói về cuộc chiến có liên hệ đến dầu hỏa hay không.” (Sđd, trang 126-128).

Đương nhiên cuộc chiến có liên hệ đến dầu hỏa! Sao lại không chứ? Nếu không muốn nói là liên hệ mật thiết, liên hệ trọng yếu, và hơn thế nữa, cuộc chiến ở Đông Dương khởi đầu cũng như sự kết thúc kỳ quái của nó, cũng vì các tài nguyên thiên nhiên, trong đó có dầu hỏa, nằm dưới thềm lục địa Nam Việt Nam mà công ty Pecten vừa tìm thấy đó! Một ai đó đã nói rằng : “Một quốc gia có dầu hỏa có thể làm cho quốc gia ấy trở nên cường thịnh, đời sống nhân dân được sung túc; nhưng cũng có thể là một thảm họa, đại họa cho quốc gia ấy, cho dân tộc ấy.”. Như vậy, không biết dầu hỏa ở thềm lục địa Nam Việt Nam, sẽ đem lại cho dân tộc Việt Nam điều nào đây? Chỉ biết hiện giờ, Hoa Kỳ đã bỏ rơi các đồng minh Lào, Cambodia, và Nam Việt Nam, trao hết cho Cộng Sản. Đó là điều kỳ quái chăng? Có bao giờ Hoa Kỳ chịu buông bỏ giếng dầu to lớn, phẩm chất tốt, ở thềm lục địa Nam Việt nam? Hoa Kỳ

chỉ trở lại vùng đất này khi mọi sự rắc rối đã được *clear*?! Khi những bãi mìn đã được dọn dẹp sạch sẽ?! Khi tất cả những vũ khí tồn trữ ở đây đã được tiêu hủy hết, bằng cách nào đó?! Hoa Kỳ trong mười năm (1965-1975) hiện diện ở Đông Dương nói chung, ở Nam Việt Nam nói riêng, hẳn đã nhận thức được rõ tinh thần chống Cộng Sản, chống ngoại xâm bất cứ từ đâu đến, của Quân Đội Nam Việt Nam như thế nào rồi? Người Miền Nam Việt Nam thà chết chứ không chịu sống chung với Cộng Sản! Quân Đội VNCH hầu hết đã ở nguyên tại vị trí và chiến đấu, mặc dầu họ biết mình đang đối đầu với lực lượng mạnh của địch. Họ chỉ buông súng khi có lệnh của Tổng Thống Dương Văn Minh. Một số ít tháo chạy, bỏ đơn vị, thiết tưởng không đáng kể so với một triệu quân cầm súng. Tinh thần ấy, chính là tinh thần truyền thống giữ nước, chống ngoại xâm của dân tộc Việt, mà cha ông đã để lại. Quân Đội VNCH chính là một quân đội bảo quốc an dân. Giờ đây, Cộng Sản Hà Nội nắm quyền cai trị đất nước này, đã 39 năm rồi, nhưng thử hỏi đã yên chưa? Câu trả lời là chưa! Hà Nội chỉ mới làm cái việc thống nhất về phương diện lãnh thổ. Chưa hề có thống nhất tư tưởng!!! Thống nhất tư tưởng sao được, khi mà Hà Nội chỉ là tay sai của Nga Tàu? Khi Hà Nội chỉ là Việt gian? Khi Hà Nội chỉ lo vơ vét, làm giàu, bỏ mặc đại đa số nhân dân!? Việt Nam chỉ thật sự trở thành một vùng đất bình yên khi không còn chế độ cộng sản! Người dân Việt vẫn đang chờ đợi một cơ hội, một cơn gió lớn, hầu đẩy Hà Nội xuống tầng thứ 49 của địa ngục!!! Ôi chao, vì người ta không thể sai khiến được Tổng Thống Ngô Đình Diệm, nên người ta mới ra tay giết ông Diệm. Ôi chao, Tổng Thống Dương Văn Minh chỉ là con bài của các ngài nam tước đạo đức giả của 12 quốc gia hội họp tại Paris ngày 27/1/1973, được đưa ra vào ngày 30/4/1975?! Bao giờ Đông Dương bình yên thật sự, để công việc khai thác dầu hỏa ở biển Đông được khởi sự? Một trăm năm nữa, hay hai trăm năm?

Trần ngập cuốn sách là cảnh “huynh đệ tương tàn”

của dân tộc Việt Nam tôi:

Một nỗi buồn day dứt, tràn ngập hồn tôi đến từ hầu hết 700 trang của cuốn sách Black April. Tôi gặp rất nhiều, rất nhiều chỗ Quân Đội Cộng Sản Bắc Việt và Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa đánh nhau rất “tàn khốc”!

1/ “Tại phía bắc Thừa Thiên, thắng lợi của Bắc Việt rất nhỏ, ngoại trừ một mục tiêu quan trọng, Đồi 51, bị tràn ngập sau một trận đánh dữ dội. Được phòng thủ bởi một trung đội TQLC duy nhất, đồi này bị TrĐ-4 của MT/B-4 tấn công. Mặc dù Thủy Quân Lục Chiến đã đẩy lùi nhiều cuộc tấn công, đến xế chiều thì quân Cộng Sản đã xâm nhập các lô cốt của họ. Biết sẽ bị tràn ngập, vị Trung úy chỉ huy TQLC đã gọi pháo binh bắn vào vị trí của mình. Ông bị tử trận, nhưng sự chiến đấu dũng mãnh của đơn vị ông đã làm chậm bước tiến của QĐCSBV, và tạo điều kiện cho Tiểu Đoàn 4 TQLC phản công vào ngày hôm sau. Sử dụng không kích chính xác, TQLC đã nghiền nát quân CS, giết hơn một trăm mạng và thu nhiều vũ khí.” (Sdd, trang 346).

Theo Trung tá Trần Ngọc Toàn, cựu Tiểu Đoàn Trưởng TD 4 TQLC, người đã chỉ huy cuộc phản công chiếm lại Đồi 51, người sĩ quan Trung Đội Trưởng đó tên là Sáng. Trong bài “Trận đánh cuối cùng của TD 4/ TQLC,” ông viết: “Ngày 15 tháng 3 năm 1975, Trung Đoàn Bình Trị Thiên CS mở cuộc tấn kích, vào lúc 4 giờ sáng, qua phòng tuyến của TD 4 TQLC.

Trước khi thọc mũi dùi lần chiếm ngọn Đồi 51, do một trung đội của ĐĐ 2 trấn giữ với một tổ súng không giật 90 ly, xuyên tuyến phòng ngự của D9D92, quân CSBV đã pháo kích hàng trăm quả đạn 100, 120, và 130 ly lên suốt các cứ điểm của TD4 TQLC.

Sơ khởi, Trung đội do Thiếu Úy Sáng chỉ huy bị tràn ngập trên ngọn Đồi 51. Thiếu úy Sáng tử thương tại mặt trận với Hạ sĩ Nguyễn Văn Hồng, Tổ trưởng tổ SKZ 90 ly hy sinh sau nhiều loạt súng chặn đứng đợt tấn công gây cho VC tổn thất nặng nề. Tức thì, ngay sau đó, khi trời còn

tối mịt, ĐĐ 4 được điều động tiến lên, từ phía sau, tăng cường cho D9D92 để thu quân tiến chiếm lại ngọn Đồi 51.

Do quân số VC đã bị tổn thất nặng khi tiến chiếm cao điểm 51, tờ mờ sáng ngày 16 tháng 3 năm 1975, ĐĐ 2/ TĐ 4 TQLC đã tái chiếm cứ điểm chiến thuật 51 và lập lại phòng tuyến.

VC đã rút chạy vào núi bỏ lại hơn 100 xác chết và 60 vũ khí các loại. Trong số có một khẩu súng cối Trung Cộng 61 ly, B41, AK47 và 3 khẩu tiểu liên Tiệp Khắc K59 mới xuất hiện trên chiến trường là một loại tiểu liên nòng ngắn có thể thu nhỏ lại như một khẩu súng lục.” (Tập chí Nguyệt San KBC số tháng 5 năm 2014, trang 17, 18)

Xem như vậy, một trung đoàn VC tấn công Đồi 51 chỉ do một trung đội TQLC trú đóng. Lực lượng không cân xứng, nhưng người lính VNCH đã chiến đấu anh dũng, xem cái chết nhẹ tựa lông hồng!!!

2/ Quân Đội CSBV tấn công Đồi Móng Ngựa:

“TrĐ-95B phát động cuộc tấn công chính, một cuộc tấn công trực diện vào ngọn đồi. Từng đợt bộ binh địch di chuyển qua bãi trống, đề rồi bị quân QLVNCH đón ngã như rạ. Một tiểu đoàn khác của TrĐ-95B được đưa đến dọc Quốc Lộ 20 để đánh cạnh sườn quân trú phòng, nhưng đã bị hàng rào hỏa lực tập trung của pháo binh QLVNCH chặn lại.

Tiểu Đoàn Trưởng TĐ-3 QLVNCH sau này đã viết, “Hai đại đội 1 và 4 trên Đồi Móng Ngựa phải chống chọi với từng đợt tấn công của địch... Lúc 4 giờ chiều ngày 15 tháng 4, một trong những sĩ quan bảo vệ ngọn đồi báo cáo: “Chung quanh chúng tôi chẳng còn gì; sườn đồi ngập xác địch và cây cối, rừng đã tan hoang, ngọn đồi như đã thay đổi độ dốc... Ngọn đồi xanh mát đã biến thành một ngọn đồi trống trơn. Rừng cây trái sum suê trở thành một cánh đồng quang đặng. Thân cây trộn với xác người chồng chất lên nhau, đen ngòm hàng nọ tiếp nối hàng kia.”. Đây có lẽ là giờ phút huy hoàng nhất của sư đoàn 18. Chỉ trong một ngày đánh lớn, hai đại đội của QLVNCH, với sự yểm

trợ của pháo binh, đã chặn đứng và gây tổn thất nặng nề cho một trong những trung đoàn thiện chiến nhất của QĐCSBV.” (Sđd, trang 561,562).

Tàn khốc! Thật là tàn khốc! Cảnh huynh đệ tương tàn ấy, tôi tưởng như cạn máu ráo máng! Oan nghiệp nào mà dân tộc Việt nam tôi bắn giết nhau tận tình như thế?!

3/ Thử hỏi ai đích thật là tội phạm chiến tranh?:

“Trong khi triệt thoái khỏi Xuân Lộc, toán định hướng vô tuyến, trong dòng tín hiệu dày đặc, đã tìm ra vị trí tiền phương SĐ-41 khi đơn vị này cuống cuống tìm cách đuổi theo đoàn quân Nam Việt Nam đang rút lui. Không Quân VNCH quyết định sử dụng một vũ khí khủng khiếp, bom CBU-55, để đánh. Đây là loại bom phân tích Frank Snepp của CIA, “Với sự giúp đỡ của chuyên viên kỹ thuật thuộc Văn Phòng Tùy Viên Quốc Phòng Hoa Kỳ, các phi công của Không Quân VNCH đã biến chế một trái bom đặc biệt cho chum dùng hỗn hợp nhiên liệu và không khí với mục đích lúc đầu là để dọn dẹp bãi mìn. Theo chuyên viên ... một khí cụ giết người kinh khủng được biết dưới tên CBU-55... Một phi cơ vận tải C-130 cất cánh từ Tân Sơn Nhứt với trái bom CBU, bay vòng trên bầu trời Xuân Lộc một lần rồi thả nó hầu như ngay trên đầu bộ chỉ huy SĐ-341 đóng sát bên thị xã vừa mới bị chiếm. Tổn thất thật khủng khiếp. Hơn 250 quân CSBV bị chết cháy hay chết ngộp trong khoảng chân không do sức nổ gây ra. Khi biết được sự thật về trận đánh bom, Cộng Sản lớn tiếng cáo buộc Saigon là đã “khinh thường mọi tiêu chuẩn đạo đức” và lên án những giới chức đã ra lệnh sử dụng quả bom đó là “tội phạm chiến tranh”.” (Sđd, trang 566)

Thử hỏi ai đích thật là tội phạm chiến tranh? Bắc Việt đem hàng chục sư đoàn với vũ khí Nga Tàu xâm nhập lén lút rồi công khai vào lãnh thổ VNCH gây ra cuộc chiến tranh này, Miền Nam Việt Nam chỉ tự vệ mà thôi! Miền Nam có quyền sử dụng tất cả những gì mình có hầu đánh đuổi quân xâm lược Bắc Việt. Vậy mà CSBV lại lớn tiếng cáo buộc Miền Nam là “tội phạm chiến tranh”! Thật là

ngược ngạo!!!

Cuối cùng, cuốn sách cũng nói tới chiến lược của Hoa Kỳ:

Đọc sách đã dẫn, trang 615: “Các cuộc tranh luận sau chiến tranh về chiến lược của Hoa Kỳ đã không cung cấp câu trả lời hoàn hảo...”. Chiến lược của Hoa Kỳ? Ai biết được chiến lược toàn cầu ấy là gì? Khoảng đầu thập niên 1980, tại Ấn Độ, đã có một cuộc hội thảo của khoảng hai trăm nhà chính trị, nhà ngoại giao, nhà kinh tế, nhà cai trị, các học giả, v.v... Đề tài: “Chiến lược toàn cầu của Hoa Kỳ”. Hội thảo thì hội thảo, nào có kết luận, nào có gì nắm chắc? Ai mà biết được?! Mọi suy nghĩ và phát biểu, chỉ là phỏng đoán dựa trên một vài sự kiện nào đó. Thế thôi!!! Chúng tôi đọc cuốn Black April này, không thấy tác giả George J. Veith bàn một lời nào về chiến lược toàn cầu của Hoa Kỳ! Tác giả chỉ nêu ra, đưa ra, một cách nhẹ nhàng. Chúng tôi có cảm tưởng tác giả không muốn bàn tới. Bản thân tôi cũng không muốn bàn tới. Bởi bàn tới chiến lược ấy, có khác gì mình như người mù sờ voi?! Tuy nhiên, chúng tôi có suy nghĩ rằng, dầu chiến lược toàn cầu của Hoa Kỳ như thế nào mặc lòng, cuộc triệt thoái Quân Đội Hoa Kỳ vào Tháng Tư năm 1975 ở Đông Dương, không phải là Hoa Kỳ bỏ vùng đất này. Cuộc chiến ấy vẫn chưa kết thúc. Quyền lợi của Hoa Kỳ vẫn còn đâu đó ở biển Nam Việt Nam.? Tôi tin rằng Hoa Kỳ sẽ trở lại đây khi bầu trời Đông Dương là một bầu trời xanh biếc, không còn một điểm đỏ nào!!! Như vậy, có thể phải 100 năm sau này, hoặc hơn thế, 150, 200 năm nữa, thế giới mới có thể hiểu được chiến lược của Hoa Kỳ ở vùng đất này như thế nào? Và, lúc ấy, sử gia mới có thể giải thích đúng đắn được những gì đang xảy ra hôm nay? Chao ơi, khi đó, những người đang sống hôm nay, đã đi về thiên cổ hết rồi còn đâu! Biết ai còn may mắn, hưởng đại thọ, để vỗ tay tán thưởng chiến lược ấy, hoặc phẫn uất, hoặc lạng lẽ rơi nước mắt? Ai biết được ai?

Dầu Tổng Thống Thiệu tố cáo Hoa Kỳ phản bội,

bỏ rơi Đồng Minh VNCH, nhưng Quân dân cán chính VNCH, nhân dân Miền Nam Việt Nam vẫn không oán trách Hoa Kỳ:

“Chịu thua trước áp lực, Tổng Thống Thiệu từ chức vào ngày 21 tháng 4 năm 1975. Trong bài diễn văn từ biệt tối hôm đó, ông đã nói lên sự thất vọng của ông về điều ông cho là sự phản bội của Hoa Kỳ. Ông tuyên bố thẳng thừng là ông miễn cưỡng chấp nhận Hiệp Định Paris chỉ sau khi Tổng Thống Nixon đã hứa, là nếu Bắc Việt tấn công, Hoa Kỳ sẽ có phản ứng về quân sự. Ông cũng tiết lộ rằng Hoa Kỳ dọa sẽ cắt viện trợ nếu ông không ký vào hiệp định. Vì giờ đây người ta xem ông là chương ngại chính trong việc xin thêm viện trợ hay thương thuyết, nên để giúp đất nước, ông chấp nhận từ chức và nhường lại cho Phó Tổng Thống Trần Văn Hương. Sau tám năm sóng gió trong ngành hành pháp, người đã giữ Nam Việt Nam nguyên vẹn qua những cuộc xâm lăng quân sự, suy thoái kinh tế và giông tố chính trị, cuối cùng đã ra đi.” (Sdd, trang 568,569).

Tổng thống Thiệu đã tố cáo sự phản bội đồng minh VNCH của Hoa Kỳ. Có lẽ giờ đây cả thế giới đều biết. Nhưng có điều đáng nói, đó là người Miền Nam Việt Nam chúng tôi vẫn không hề oán trách Hoa Kỳ. Người Miền Nam Việt Nam chúng tôi chỉ trách mình, chứ không trách người, dầu biết rõ Hoa Kỳ đang bỏ rơi mình. Có thể nói chúng tôi biết điều ấy khi Hiệp Định Paris được ký kết đầu năm 1973. Khi đọc cuốn *VietNam qu'as fait de tes fils*” của Pierre Darcourt, được Dương Hiếu Nghĩa chuyển ngữ, NXB, Tiếng Quê Hương, Virginia, 2007; chúng tôi đã thấy một trường hợp điển hình: Ông xã trưởng xã Hồ Nai, Biên Hòa là Nguyễn Xuân Phiệt, đã nói với Pierre Darcourt; “Nếu Hoa Kỳ giúp chúng tôi thì cũng tốt, còn họ bỏ rơi chúng tôi cũng tốt thôi, không có gì quan trọng hết...”. Đúng như vậy! Ông Phiệt còn nói: “Tự trung chúng tôi không còn đất để lui nữa”, nghĩa là chúng tôi không còn gì nữa. Đối với riêng bản thân tôi, xuất thân Khóa 25 Thủ

Đức, nguyên cấp bậc Trung Úy, SQ Trưởng Ban Hành Quân Tiểu Khu Bình Long, kể từ Tháng Tư 1975, đã mất hết, nay không còn gì để mất nữa, cũng không buồn, cũng không coi việc mất hết là quan trọng. Rồi đời người cũng theo luồng gió thổi, bay vào hư không!!!

Đôi khi, tôi như nhiều người khác, tự hỏi nghiệp chướng nào đây mà dân tộc tôi chịu khổ nạn đường này? Và chợt nhớ đến lời Cụ Ba La, lão bốc sư thọ 103 tuổi (mất năm 1973) đã nói: “Đời các ông sẽ thấy thánh xuất. Năm Ất Mão (1975) không biết ai là người gánh vác vũ trụ cho. Các ông đi xa được cứ đi, Tạo Hóa dành người, ma quỷ thời mạt pháp nhiều lắm. Minh diệt Chiêm thì Chiêm sẽ báo oán theo luật nhân quả, hóa thân thành Việt Nhân tàn ác, loài cáo chín đuôi mà Lạc Long Quân dùng đinh ba đánh chết ở đầm Xác Cáo (Hồ Tây), luôn luôn ẩn hiện tác hại dân mình. Sẽ có ngày ta lấy lại được đất cũ, câu sấm Thần Châu thu lại mọi nơi vẹn toàn nghĩa là thế, châu Kinh châu Dương xưa...” (Một vòng ngựa chạy 60 năm 1954-2014, của Hạ Long Bụt Sĩ, Chiến Sĩ Cộng Hòa số 56, tháng 2/2014, trang 74). Ôi chao nhân quả trùng phùng đến thế ư? Tổng Thống Thiệu, người Phan Rang, gốc Chiêm, tiền kiếp là ai? Chuyện khoa học huyền bí này là thế nào? Câu hỏi không có giải đáp?!

Buông cuốn sách xuống, tôi cảm nhận tất cả những trận chiến tàn khốc ấy như xảy ra trong một cuốn phim câm. Rồi tất cả mờ dần đi... Bây giờ, những người lính còn được người đời nhắc tới, nhưng rồi, 100, 200 năm nữa, còn ai nhắc tới? Quả thật, như tướng Douglas Mac Arthur đã nói: “Old soldiers never die, they just fade away” (Những người lính không bao giờ chết, họ chỉ mờ dần đi). Tôi xúc động nhiều trước “cảnh từ biệt có lẽ là cảm động nhất” của Liên Đoàn 81 Biệt Cách Dù:

“Đại tá Phan Văn Huân và các quân nhân của Liên Đoàn 81 Biệt Cách Dù đã tạo một cảnh từ biệt có lẽ là cảm

động nhất. Trước đó, Đại Tá Huân đã được lệnh đưa quân vượt Cầu Mới vào ngày 29 tháng 4 và thiết lập vị trí gần Thủ Đức. Sau khi qua cầu, ông cô liên lạc với nhiều bộ chỉ huy khác nhau nhưng không thành công. Vào sáng ngày 30 tháng 4, sau khi lính của ông biết được lệnh đầu hàng, Đại Tá Huân tập họp họ lại và nói vắn tắt: “Chúng ta sinh trưởng ở Miền Nam, chúng ta có bốn phận phải bảo vệ Miền Nam, bây giờ chúng ta thua rồi, chúng ta phải cay đắng tuân lệnh tổng thống Dương Văn Minh, giao nộp vũ khí cho Việt Cộng. Thưa anh em, chúng ta... qua bao nhiêu năm chiến đấu bên nhau, trong giờ phút lịch sử này, chúng ta phải chứng tỏ là một đơn vị có kỷ luật. Chúng ta sẽ di chuyển về hướng Saigon để tiếp xúc với đơn vị Việt Cộng mà bàn giao vũ khí. Xin anh em nhớ rằng anh em không có tội gì cả, vì anh em phải tuân hành theo lệnh của tôi, tôi sẵn sàng nhận tội và tôi sẽ đi đầu, nếu Việt Cộng có bắn thì họ sẽ bắn tôi trước.”. Súng trên vai, xếp thành hàng tư thành một đoàn quân dài hơn nửa cây số, hai ngàn binh sĩ của đơn vị ưu tú nhất của QLVNCH bắt đầu đi dọc xa lộ hướng Saigon. Đại Tá Huân đi ở hàng đầu như đã hứa.” (Sdd, trang 609,610). Quả thật, Biệt Cách Dù xứng đáng là đơn vị ưu tú nhất của QLVNCH! Họ xem cái chết nhẹ tựa lông hồng!!! Ôi chao, hình ảnh ấy bi tráng quá!!! Những kẻ thua trận này đã đi vào lịch sử một cách oai hùng!

Và sau hết, đọc xong cuốn sách “Black April: The Fall of South VIETNAM, 1973-1975” của George J. Veith, bản dịch Nguyễn Ngọc Anh, tôi cảm nhận một nỗi buồn day dứt khôn khuây. Biết đến bao giờ nỗi buồn này mới có thể như chiếc lá vàng khô, bay theo cơn gió, tan vào hư không?

HOÀNG NGỌC HIỀN



Sách mới xuất bản của Cơ Sở Thư Ấn Quán

Mời đọc tác phẩm mới nhất của nhà văn Hoàng Ngọc Hiến: **Độc mười hai tác phẩm văn chương Việt Nam** do Thư Ấn Quán xuất bản tháng 7-2014. Sách dày 200 trang. Giá ủng hộ: tùy tâm .
(Tiền thu sẽ được dùng để nuôi dưỡng tạp chí TQBT cùng thực hiện dự án về Di Sản văn chương miền Nam)

HOÀNG NGỌC HIẾN

ĐỌC "MƯỜI HAI TÁC PHẨM
VĂN CHƯƠNG VIỆT NAM"



THƯ ẤN QUÁN XUẤT BẢN 2014



Giữa thân hữu và tòa soạn

Tòa soạn cáo lỗi: Vì phải dành đất cho phần chủ đề “Tập chí Sáng Tạo”, chúng tôi rất tiếc không đi hết những sáng tác mới của quý thân hữu trong số này. Chúng tôi sẽ đi trong số tới.

Mong các bạn thông cảm.

Anh TVN: Cảm ơn anh đã gửi tem ủng hộ. Riêng bài viết về Thanh Tâm Tuyền và Tô Thùy Yên, mặc dù rất giá trị nhưng chúng tôi không thể đi được. Lý do chúng tôi chỉ giới hạn trong thời Sáng tạo. Hy vọng một ngày nào đó, chúng tôi sẽ thực hiện số chủ đề riêng cho hai nhà thơ này. Trân trọng..

Đính chính:

Chúng tôi rất tiếc trong TQBT số 59 - chủ đề Phùng Thăng - có vài lỗi typo. Xin quý bạn vui lòng chỉnh sửa giúp.

- Trang 85 dòng 12: Đoàn thị Điểm dịch Chinh phụ ngâm khúc của **Đặng Trần Côn** (không phải của Nguyễn Gia Thiều)

- Trang 85 dòng 15: Bùi Giáng dịch Hoàng tử bé của **Antoine de Saint-Exupéry** (không phải A. Camus)

- Trang 90 dòng 4 từ dưới và trang 91 dòng 3: tên người dịch Trại súc vật là **Phạm Minh Ngọc** (không phải Phạm Ngọc Minh)

Chân thành cảm ơn.

Tập chí TQBT

Thông báo về việc Sáng Tạo đóng tập

Tủ sách Di sản văn chương miền Nam may mắn có được bản chụp của 7 tập Sáng Tạo bộ mới (khoảng 900 trang).

Chúng tôi dự trù sẽ “sửa sang sắc đẹp” và đóng chung thành một bộ với khổ trang giấy lớn để dễ đọc.

Nếu quý bạn nào cần xin vui lòng cho chúng tôi biết.

